

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006



Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Ghi chú về văn bản

1. Mấy năm gần đây, một số du ký và bài báo của Phạm Quỳnh (1892-1945) đã được in lại trong các cuốn sách như *Mười ngày ở Huế*, *Luận giải văn học và triết học*. Lần này, chúng tôi xin phép được giới thiệu một khía cạnh khác của ngòi bút tác giả, những trang nhật ký ông viết khi đi Pháp 1922 và được in trong *Nam phong*, từ số 58, tháng 4/1922, tới số 100, 10-11/1925. Việc giới thiệu *Pháp du...* là nằm trong chương trình của bộ sách *Đi Tàu đi Tây* mà Nxb. Hội Nhà văn đã cho in tập đầu vào năm 2002 (bao gồm *Đi Tây* của Nhật Linh, *Một chuyến đi* của Nguyễn Tuân và *Tôi thâu khoán hay là ba tháng ở Trung Hoa* của Lê Văn Trương).

2. Sinh thời tác giả, cuốn nhật ký này chỉ mới in báo và chưa

hề được in thành sách. Việc hình thành bản thảo có phần đóng góp công sức của nhiều người mà trước tiên là những người trong gia đình tác giả. Đại diện của gia đình cũng đã đồng ý đề chúng tôi lược bỏ một số đoạn trong văn bản xét ra thấy không cần thiết trong hoàn cảnh hiện nay.

3. In lại một cuốn sách đã viết từ khoảng tám chục năm trước, một điều cần kíp là phải có được một bản chú giải tường tận để giúp người đọc tiếp cận một cách chính xác và đầy đủ những điều tác giả đã viết. Song đó là một công việc quá lớn, bước đầu người biên soạn chỉ cố gắng tra cứu để giải nghĩa những chỗ khác nhau trong việc vận dụng ngôn ngữ, nhất là những chữ Hán mà con người đầu thế kỷ quen dùng một cách tự nhiên nhưng ngày nay đã trở nên xa lạ. Chỗ dựa chắc chắn của chúng tôi trong việc này là những bộ *Từ điển Hán - Việt* của Đào Duy Anh, Thiều Chửu... Có một số trường hợp chúng tôi phải trở lại với cả Huỳnh Tịnh Của. Trình độ của người chú giải có hạn, cuốn sách chắc không tránh khỏi thiếu sót, rất mong bạn đọc góp cho chúng tôi những ý kiến cần thiết.

Vương Trí Nhàn

Viết thêm cho bản đăng trên talawas

Khi cuốn sách này đã được in ra ở Hà Nội thì người chú giải có tìm thêm được một tài liệu do Thanh Lăng viết trên Tạp chí *Văn Học* ra ở Sài Gòn số ra tháng 4-1963, có liên quan đến *Pháp du hành trình nhật ký*. Mặc dù đã chủ bụng không đi vào tìm hiểu và đánh giá tác phẩm mà chỉ chú giải, song được một đoạn văn quý, chúng tôi xin được phá lệ mà chép ra sau đây để bạn đọc cùng biết:

“Người ta có thể từ chối giá trị nghệ thuật của các bài biên khảo của ông chứ ai mà có thể từ chối giá trị nghệ thuật của các bài tùy bút trong đó Phạm Quỳnh đã để chan chứa những tình cảm say sưa. Phương chi các thiên hồi ký của ông như *Mười ngày ở Huế*, *Một tháng ở Nam Kỳ*, *Ba tháng ở Paris* (tức là bản tóm tắt của *Pháp du hành trình nhật ký* - VTN chú), thì ta phải nhận là những tập hồi ký giá trị, giá trị vì những nhận xét tỉ mỉ, những nét tả linh động, nhất là ở tình cảm say sưa của một nghệ sĩ chảy tràn lan trên giấy. Phạm Quỳnh, là một nhà thơ viết văn xuôi.

Có đọc các tập hồi ký ấy ta mới thấy Phạm Quỳnh không phải là xa chúng ta lắm, xa dân tộc xa quê hương đất nước như chúng ta tưởng...”

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 1

Tôi đi Tây chuyến này, định quan sát được điều gì hay, khi trở về sẽ biên tập thành sách để cống hiến các đồng bào. Song đợi đến khi về nhà thời lâu lắm; vậy trong khi đi, tôi có giữ quyển nhật ký, ngày ngày ghi chép, được tờ nào gửi về đăng báo trước, toàn là những lời kỷ thực ^[1], không có văn chương nghị luận gì; chẳng qua là những tài liệu để đến khi về nhà làm sách vậy.

I

Giữa bể, trên tàu Armand Béhic, ngày 16 Mars 1922.

Tôi được quan Thống sứ Bắc kỳ cử sang Đại Pháp thay mặt cho Hội Khai trí tiến đức để dự cuộc đấu xảo *Marseille*, lại được quan Toàn quyền đặc phái sang diễn thuyết tại mấy trường lớn ở

Paris, ngày 9 tháng 3 tây năm 1922 (tức là ngày 11 tháng 2 ta), xuống Hải Phòng để đón tàu *Armand Béhic* về Pháp.

4 giờ chiều ngày 10 tháng 3, tàu mới cất neo chạy. Trong khi đợi tàu ở Hải Phòng, các ngài thân hào tinh ấy tiếp đón khoản đãi một cách rất ân cần. Số các phái viên Bắc kỳ đi dự đấu xảo *Marseille* cả thầy có bảy người: quan tuần Cao Bằng Vi Văn Định, quan huyện Phong Doanh ^[2] Trần Lưu Vị, thay mặt cho quan trường Bắc kỳ; ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông Phạm Duy Tốn, thay mặt cho Tư vấn nghị viện; ông Hoàng Kim Bảng, thay mặt cho các nhà thương mại; ông Nguyễn Hữu Tiệp, thay mặt cho các nhà canh nông, và tôi là đại biểu của Hội Khai trí tiến đức. Trong bảy ông phái viên ấy, chỉ có bốn ông đi chuyến tàu *Armand Béhic*, là quan tuần Vi Văn Định, quan huyện Trần Lưu Vị, ông Nguyễn Văn Vĩnh và tôi; còn ba ông nữa xin ở lại đi chuyến tàu sau.

10 giờ ngày mùng 9 tháng 3 tới Hải Phòng, được đích tin rằng tàu *Amand Béhic* ở Hương Cảng lại đến trưa mới tới bến và chiều ngày mai mới chạy. Ông nghị trưởng Nguyễn Hữu Thu mời ăn cơm trưa ở nhà Hôtel du commerce. Buổi chiều đi lấy giấy thông hành (*passepport*) và đổi giấy đi tàu của Nhà nước (*réquisition de passage*) lấy vé tàu của công ty. Theo lệ mới thi

hành trong một năm nay thì phàm người dân Đông Pháp muốn đi lại trong bản xứ hay là xuất dương sang Đại Pháp cùng những xứ thuộc về quyền chính của Đại Pháp, chỉ phải đem theo một cái thẻ căn cước (*titre d'identité*) là đủ; thẻ căn cước ấy do các quan hành chính các địa phương phát, như ai ở tỉnh nào thì xin quan Sứ tỉnh ấy, phải có lý trưởng làng mình nhận thực. Thẻ căn cước ấy không những dùng để xuất hành mà thôi, chính là một cái chứng chỉ về bản thân mỗi người, dùng được nhiều việc lắm: lĩnh tiền ở các kho các sở, ký nhận thơ từ hàng hóa của nhà Giây thép, v.v... Duy khi nào muốn xuất hành ra ngoài địa phận Đông Pháp thời phải đem theo thẻ căn cước đến lấy chữ quan chánh sở Cảnh sát ký nhận. Ấy theo lệ hiện hành thời chỉ có thế là đủ, và người An Nam đi sang Đại Pháp không cần phải giấy thông hành khác nữa. Nhưng từ Đông Pháp về Đại Pháp, tàu phải đỗ ở mấy nơi cửa bể thuộc về người Anh cai trị: Singapore, Colombo, Port Said. Muốn xuống chơi những cửa bể ấy – ba mươi ngày trên tàu, tới đâu mà chẳng muốn xuống, – thì một cái thẻ căn cước của ta không đủ, vì người Anh không công nhận. Bởi thế nên ai đi sang Pháp ngoài thẻ căn cước của mình, xuống đến Hải Phòng cũng phải lấy một cái giấy thông hành nữa. Giấy này do Toà Đốc lý Hải Phòng phát, không lấy tiền. Được giấy thông hành ở Toà Đốc lý rồi, phải đem ra sở Cảnh sát để ghi vào sổ. Đoạn rồi lại phải đem ra sở Lãnh sự nước Anh ký nhận cho phép lên các cửa

bể thuộc quyền cai trị nước Anh. Lãnh sự nước Anh là ông quản lý chi điểm công ty (*Denis frères*) ở Hải Phòng. Lấy chữ ký này phải mất 0\$40 lệ phí; nghe nói trong khi chiến tranh, tiền lệ phí ấy tới bốn năm đồng bạc.

Các phái viên ^[3] An Nam đi đầu xảo Marseille, được Chánh phủ chịu tiền tàu, và đi tàu thời được đi hạng nhì. Trước khi đi, sở Tài chánh ở Hà Nội đã phát cho mỗi ông phái viên một cái giấy đi tàu, gọi là “tổng phiếu” (*réquisition*), nghĩa là giấy của Nhà nước tổng đòi công ty tàu bể phải chở không, rồi sẽ tính tiền với Nhà nước sau. Giấy “tổng phiếu” ấy, tới Hải Phòng phải đem lại công ty hàng hải *Messageries maritimes* là công ty có tàu *Armand Béhic*, để đổi lấy vé tàu. Ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông Trần Lưu Vị và tôi cùng lấy vé một phòng thuộc về hạng nhì; quan tuần Vi Văn Định thời chịu trả thêm tiền để đi hạng nhất. Theo lệ thường các quan Tuần phủ, Thống đốc đều được đi hạng nhất cả; Sở hữu ti lần này lại đặt quan tuần vào hạng nhì cùng với các phái viên khác, cũng là một sự sơ ý; bởi thế nên ngài phải trả thêm tiền để đi hạng nhất cho rõ sự sơ ý ấy.

Tối ngày mùng 9, ông Bạch Thái Bưởi, ông Nguyễn Hữu Thu, cùng mấy ông thân hào ở Hải Phòng đặt tiệc ở nhà *Hôtel de la marine* để đãi các phái viên đi Pháp. Tiệc có nhà trò hát, bát âm

kèm, vui vẻ lắm.

Trưa ngày mùng 10 lại dự tiệc ở nhà ông Hàn Hình, là nghị viên Hải Phòng.

2 giờ chiều ngày mùng 10, đem hành lý xuống tàu. Phòng hạng nhì của chúng tôi có 6 giường, hiện đã có ba người đi tự Hương Cảng lại, chiếm mất ba giường, là hai ông cố và một con nít 10 tuổi. Hai cố là cố *Robert*, phó quản lý Hội Truyền giáo Viễn đông ở Hương Cảng, người danh giá và đạo đức lắm, mới được Chánh phủ Đại Pháp thưởng Bắc đẩu bội tinh, và cố *Perreaux*, trước giảng đạo ở Bình Định (Trung kỳ), gần đây sang Hương Cảng, nay đổi về Sài Gòn. Đưa con nít là con một nhà kỹ sư ở Hương Cảng, theo cố *Robert*, về Pháp để sang học bên Bỉ-lợi-thì (Belgique). Đi bể xa khơi, gặp được hai bậc đạo nhân làm bạn, cũng là một sự may.

Kể trong các tàu của công ty *Messageries maritimes* thời tàu *Armand Béhic* này là vào bậc trung bình, không được lịch sự như các tàu *Porthos*, *André Lebon* hay là *Paul Lecat*, nhưng cũng không bé nhỏ chật hẹp như nhiều tàu khác. Nói về sức chạy thời có lẽ vào bậc nhất nhì, tốc độ thường là 13 hải lý (*noeuds*).

Nhưng phải một cái tật, là chạy xóc lắm: ra tới bể hể hơi có sóng

gió một chút thời mở cuộc “khiêu vũ” ngay, nào nhảy, nào múa, nào nghiêng, nào lượn, uốn éo trên mặt sóng, chẳng hay người đứng ngoài trông có đẹp mắt không, chớ người ở trong thời thật là khó chịu. Lần này tôi mới biết say sóng là cái gì. Trước đi Sài Gòn cũng đã từng say sóng mất nửa ngày, nhưng chưa thấm vào đâu với lần này. Tàu ra chưa khỏi Đồ Sơn đã bắt đầu “múa” rồi: bây giờ thấy đầu lão đảo, bụng xôn xao, rồi ọc, rồi nhổ, có gì trong bụng nôn ra hết. Từ Hải Phòng tới Sài Gòn, tàu chạy có ba đêm hai ngày, mà phải mất hai đêm một ngày say sóng, nằm dí trong phòng, không cất đầu lên nổi, và ba bữa không ăn uống một tí gì. Nhưng bệnh say sóng này cũng lạ: đương lúc say thời tưởng không có gì khổ bằng; qua lúc say thấy người tỉnh táo, khoẻ mạnh và ngon miệng muốn ăn ngay; bây giờ như quên hẳn, không nhớ gì đến những khó chịu lúc trước nữa.

Say sóng dữ nhất là vào quãng ngang Tourane, Quy Nhơn. Gần tới Sài Gòn thời bề yên, tàu vững, người lại bảnh bao như thường.

5 giờ sáng ngày 13, tàu tới Sài Gòn, yết bảng đến 4 giờ sáng ngày 15 chạy về Singapore, đỗ ở Sài Gòn 48 giờ.

Thừa được thời giờ dài rộng như thế, bèn bỏ tàu xuống bộ, dạo

chơi thành phố và thăm hỏi bạn bè. Nhưng trước khi đi chơi, anh em rủ nhau vào chào quan Thống đốc Nam kỳ Dr Cognacq, ngài chính là quan đại lý trông coi về việc đầu xảo ở bên Đông Pháp; ngài tiếp tử tế lắm, và chúc cho các phái viên vượt bể được bình yên, mạnh khỏe. Nhân quan Toàn quyền Long^[4] cũng ở Sài Gòn, các phái viên muốn xin vào chào ngài, nhưng bữa ấy ngài bận nhiều khách, không thể tiếp được, có hẹn đến 11 giờ hôm sau là ngày 14 lại. Hôm sau, đúng giờ ấy, các phái viên vào chào ngài, ngài hỏi han và nói chuyện ân cần lắm, nói rằng ngài sẽ gặp các phái viên ở bên Pháp, vì cách vài tuần nữa ngài cũng xuống tàu về Pháp.

Trưa ngày 13, anh em cùng nhau về Chợ Lớn, trước là xem phố phường, sau là thử vào ăn cơm một hiệu cao lâu ở đây xem cách người Khách ở Nam kỳ tiếp người An Nam thế nào. Cách đó thật là lãnh đạm vô cùng. Người Khách ở Chợ Lớn tựa hồ như không cần gì người An Nam cả; mà những hàng trí thức trong Lục tỉnh ngày nay, đối lại với họ cũng lạnh nhạt như thế. Coi đó thời biết hai giống người ác cảm nhau đã sâu lắm; cái ác cảm ấy có lẽ cũng là một sự hay cho đường kinh tế nước ta sau này.

Chiều ngày 13, các ông Bắc kỳ buôn bán ở Sài Gòn đặt tiệc tại nhà ông Đắc là đại lý của hiệu Đào Huống Mai ở Sài Gòn để đãi

các phái viên. Ông Đắc mới ra Hà Nội vắng, nhưng các bạn Bắc kỳ đến dự tiệc cũng đông, thật là tỏ ra cái cảm tình người đồng quận ^[5] .

Tiệc đoạn ở hiệu Đào Huống Mai, thời các bạn Nam kỳ cho xe hơi đến đón đi xem trò “xiếc” (*cirque*) của người đồng bào mình mới mở tại Sài Gòn được vài bữa. Bọn xiếc này đặt tên là “xiếc Tân Nam Việt” (*cirque du jeune An-nam*), tài tử toàn là người An Nam cả, mà đứng chủ là ông André Thận, năm trước đã sung phái bộ ra xem Hội chợ ở Hà Nội. Bọn này mới tập có mấy tháng mà làm trò đã tài lắm, leo dây, múa rối, chẳng kém gì các bọn xiếc của người Mỹ người Ý đã sang làm trò ở bên ta. Có mấy vai tài tử xuất sắc nhất, tương sánh với người các nước cũng không thua, nhất là vai thầy Hào và vai cô Mão. Đàn bà An Nam ta mà làm trò xiếc trước nhất: chắc là cô Mão này.

Xong trò xiếc lại diễn thêm một bài tân kịch đề là “*Vợ ngoan làm quan cho chồng*” của ông Hồ Văn Lang đặt để giúp cho việc cổ động công thải 6 triệu đồng. Bài ^[6] kịch soạn khéo, người diễn cũng giỏi. Trước tôi vẫn biết trong Nam kỳ mấy năm nay mới xuất hiện một lối kịch mới gọi là “tuồng cải lương” thịnh hành lắm, nhưng chưa hiểu cải lương ra thế nào. Nay được xem bài kịch này mới rõ. Tuồng “cải lương” là một lối kịch đặt theo

kiểu mới của Âu tây, nhưng vẫn giữ cái phong vị cũ của tuồng ta, là đương khi các vai nói chuyện như thường, lại pha thêm mấy đoạn hát theo điệu đàn, thành ra vừa là kịch, vừa là ca bản tân, bản cựu, tưởng cũng là một lối tuồng hợp với trình độ người mình hiện bây giờ. Ngoài Bắc ta thường có muốn cải lương diễn kịch, có lẽ cũng phải theo một lối ấy trong ít lâu, rồi mới mong tìm được một cái thể khác thích đáng hơn. Nếu thế thì đồng bào ta trong Nam kỳ đã thí nghiệm rồi, ta cứ việc nhân đây mà châm chước.

Trưa ngày 14, ông Nguyễn Phú Khai, nguyên quản lý báo *Tribune indigène*, hiện làm chủ hiệu buôn nhập cảnh *Thuận Hoà*, mời ăn cơm ở nhà riêng ông đường Pellerin. Ông Nguyễn cũng có thể cho là một tay lãnh tụ trong “Tân Nam Việt” ta ở Nam kỳ, người thông minh, linh lợi, lại có cái tư tưởng cao về quốc gia, về xã hội, cách giao thiệp ôn hoà nhã nhặn, rõ ra một người có tư cách khác thường. Tân học mà được như ông cả, ấy mới thật là xứng đáng.

3 giờ chiều, ông Trương Văn Bền là một nhà công nghiệp to ở Chợ Lớn, năm trước cũng có ra xem Hội chợ ở Hà Nội, đem xe hơi ra đón các phái viên Bắc kỳ về xem nhà máy dầu và máy gạo của ông ở Chợ Lớn. Xem qua cái công cuộc ông gây dựng lên đã

to tát như thế, mà chúng tôi thấy hưng khởi trong lòng, mong
mọi cho đồng bào ta ngày một nhiều người như ông ngỗ hầu
chiếm được phần to trong trường kinh tế nước nhà và thoát li
được cái ách người Tàu về đường công nghệ thương nghiệp.
5 giờ chiều cùng mấy ông ngoài ta đi xem vườn Bắc kỳ nghĩa
trang, cách thành phố Sài Gòn 6-7 cây-lô-mét. Đó là nơi nghĩa
địa của người Bắc ở Sài Gòn. Số người ngoài ta vào lập nghiệp
trong ấy ngày một nhiều, mà hướng lai ^[7] không có một khu đất
nào riêng để chôn những người bất hạnh mất đi. Nay nhờ có mấy
ông hữu tâm xướng xuất lên, mua được một khu đất chừng mười
mẫu, kinh doanh làm thành một vườn nghĩa địa, hiện nay đã có
vài ba cái mộ mới chôn. Tình đồng quận, nghĩa tử sinh, thật là
một việc đáng khen lắm.

7 giờ tối thời các bạn Nam kỳ đặt tiệc tại nhà *Saigon-palace-
Hôtel* để đãi phái viên Bắc kỳ. Dự tiệc bữa ấy, ngoài mấy anh em
chúng tôi, có những vị như sau này: ông Nguyễn Phú Khai, ông
Trương Văn Bền, ông Lương Văn Mỹ (công chính kỹ sư ở Chợ
Lớn), quan Đốc phủ Chợ Lớn Nguyễn Tấn Sử, ông Nguyễn Phan
Long, ông Nguyễn Chánh Sắt, ông Lê Hoàng Mưu, ông Nguyễn
Tử Thúc, ông Lê Đức, ông Nguyễn Văn Thường, ông Hồ Văn
Lang, ông Tự An (ở báo *Tribune indigène*), ông Nghiêm. Tiệc
thật là vui vẻ lắm, rõ hiệu cái tình liên lạc kẻ Bắc người Nam.

Khi uống *champagne*, ông Nguyễn Phú Khai thay mặt các bạn Nam kỳ chúc phái bộ Bắc kỳ vượt bể bình yên và sang bên Đại Pháp quan sát được nhiều điều ích lợi cho đồng bào. Ông Nguyễn Văn Vĩnh thay mặt các phái viên Bắc kỳ cảm ơn các bạn Nam kỳ.

Tiệc xong, ông Trương Văn Bền và ông Nguyễn Phú Khai đem xe hơi riêng đưa các phái viên đi chơi phố phường, về Chợ Lớn, rồi ra Sài Gòn theo đường bờ sông cho đến nơi gọi là Lang Thô, một bên thuyền bè đậu, một bên dãy đèn điện dài nhấp nháy như sao sa, trên trời, mặt trăng chiếu rọi, thật là một cảnh ngoạn mục.

Buổi tối này là một buổi tối cuối cùng của anh em chúng tôi còn để chân trên đất nước nhà, trước khi dời mình sang những phương xa cõi lạ. Từ Hải Phòng đến Sài Gòn, tuy lênh đênh trên mặt bể, nhưng vẫn chưa ra khỏi hải phận nước nhà; từ đây trở đi mới thật là băng miền di vực ^[8]. Cho nên trước khi từ biệt các bạn Nam kỳ để xuống tàu, ai nấy cũng thấy có chút cảm động trong lòng, cảm động vì cái tư tưởng cố quốc tha hương.

4 giờ sáng ngày 15, tàu cất neo chạy về Singapore (Tân-gia-ba). Ra khỏi Vũng Tàu (Cap Saint-Jac-ques), lại gặp sóng to, say

sóng mắt non một ngày, mãi đến hôm nay 16, mới tỉnh dậy, ăn được một bữa, thấy người hơi khoan khoái, vào trong phòng khách, viết mấy dòng này.

*

Giữa bể, ngày 18 Mars 1922 (khỏi Singapore, gần Penang)

4 giờ sáng ngày 15 Mars, tàu rời bến Sài Gòn chạy về Singapore (Tân-gia-ba). Từ Sài Gòn ra đến bể có sáu chục cây-lô-mét tàu đi khúc khuỷu theo con sông Sài Gòn; đến 8 giờ sáng thì vừa tới Cap Saint-Jac-ques (Vũng Tàu), địa thế chỗ này cũng hiểm trở và cảnh trí cũng ngoạn mục: hai bên núi bao bọc như cái tay ngai, giữa một cái vũng to, nước nửa xanh, nửa đỏ, nước đỏ là nước sông chảy ra, nước xanh là nước bể dồn vào; ngoài xa là bể khơi man mác. Trên núi trông xa xa thấy những nhà lầu trắng xoá ở giữa đám cây xanh um tùm: đó là nhà biệt thự (*villas*) của các quý quan mùa nóng ra nghỉ mát, vì nơi Vũng Tàu này chính là một sở nghỉ hè như Đồ Sơn, Sầm Sơn ở Bắc kỳ vậy. Trong Nam kỳ nói đi chơi “Ô-Cấp” (*Au Cap*) cũng là một cách phong

lưu lịch sự như ngoài Bắc nói đi tắm Đồ Sơn vậy.

Ô-Cấp không những là một nơi nghỉ chơi, lại là một cái chiến cảng để giữ cửa Sài Gòn và cả miền hải phận Nam kỳ, và là nơi sở tại của một quan đại lý thuộc về tỉnh Bà Rịa. Nên ngoài những nhà mát của các quý quan, lại còn những toà sở khác nhiều lắm, và thường khi có tàu chiến đậu. Đi ngoài trông vào, không khác gì một nơi tỉnh thành lớn.

Tự Sài Gòn ra Tân-gia-ba có đi ngang qua quần đảo Côn Lôn (*Poulo Condore*) nhưng đi tận ngoài xa, không trông rõ.

Mới ở Vũng Tàu ra, bề hơi có sóng gió, lại say sóng mất quá nửa ngày nữa, nhưng ra quá bên ngoài thời yên ngay, và cho đến tận Singapore đều được bình tĩnh như thường.

8 giờ sáng ngày 17 Mars, tàu tới Singapore. Đáng lẽ tới từ 4 giờ đêm, vì tự Sài Gòn đến Singapore đi có hai ngày tròn, nhưng nghe đâu người Anh có lệ không cho tàu ngoại quốc xuất nhập đương đêm. Cho nên tàu đến trước cửa Singapore tự nửa đêm mà còn phải đậu ở ngoài xa, đến sáng rõ mới quay mũi vào bến.

Mặt trời mới mọc, trông vào bến Singapore, không cảnh gì đẹp

bằng, như một bức tranh sơn thủy vậy. Lần này mới được trông thấy một nơi hải cảng là lần thứ nhất, thật là một cái cảnh tượng to tát. Cửa Hải Phòng, cửa Sài Gòn của ta kể cũng khá to, nhưng sánh với cửa Singapore này còn kém xa nhiều. Bến liền nhau với bể, chạy dài đến mấy nghìn thước, tàu đồ không biết cơ man nào mà kể, tàu của khắp các nước đi từ Á Đông sang Ấn Độ và Âu Tây đều phải qua đây.

Cửa Singapore này là đặt ở trên một cái đảo ở cuối bán đảo Malacca, ngay đầu eo bể Malacca, địa thế thật là tiện lợi cho đường buôn bán, và cũng tiện lợi cho sự quân bị. Người Anh ở á Đông, phía trên giữ được cửa Hồng Kông (Hương Cảng), phía dưới giữ cửa Singapore, thật là chiếm được hai nơi then chốt ở cõi á Đông này, địa thế hiểm yếu không đâu bằng. Mà hai nơi ấy trước kia là hai cái đảo nhỏ cùng tịch ^[9], bỏ hoang không ai đi đến bao giờ; nhất đán vào tay người Anh kinh doanh trong mấy chục năm, trở nên hai nơi hải cảng và thương phụ ^[10] nhất nhì trong thế giới: cái nghị lực của giống người Anh cũng khả kinh vậy.

Bây giờ bao nhiêu tàu bể của các nước đi qua lại bên Á Đông này, tất phải do qua hai cửa Singapore và Hồng Kông; hai cửa ấy lại theo cái chế độ “tự do mậu dịch” của nước Anh, đồ hàng hoá

các nước đem vào không phải thuế thương chánh, nên cái phong trào buôn bán thật là có vẻ phồn thịnh hơn các cửa bể khác nhiều.

Trước khi tàu ghé bến, phải đợi cho quan thầy thuốc Anh xuống khám xem hành khách có ai mắc bệnh truyền nhiễm không. Đến khi tới nơi, hành khách chưa được xuống vội, phải đợi cho quan cảnh sát lên khám giấy thông hành. Trong khi chiến tranh thì ai muốn xuống bến cũng phải trình giấy thông hành cả, nhưng bây giờ thì chỉ người nào đỗ hủ ở Singapore mới phải trình giấy mà thôi; còn các hành khách khác xuống chơi vài ba bốn giờ rồi lại về tàu thời được tự do đi lại; lệ có khoan hơn trước nhiều.

Trên bến thấy mấy viên quan cảnh sát Anh và lính cảnh sát toàn là người Mã Lai và người Ấn Độ cả. Còn những phu chở hàng và mang đồ hành lý thì phần nhiều là người Tàu và người Mã Lai.

Vào đến trong phố thời nghiệm nhiên là một nơi đô hội của người Tàu, chẳng kém gì thành phố Chợ Lớn. Phố xá đông đúc, san sát những hiệu Khách cả, có mấy dãy phố toàn những nhà tửu lâu khách sạn, ngày đêm tấp nập những khách ăn chơi, người đi lại. Đi lại trong phố phường, có xe kéo và xe hơi, xe kéo người Khách kéo, xe hơi người Khách cầm máy. Đại để, công

việc gì cũng là người Khách làm cả, từ bán cháo rong cho đến làm chủ hiệu, tựa hồ như người Anh mở mang đất này riêng cho người Tàu đến sinh lý, còn thổ dân là giống Mã Lai thời bị khu trục ^[11] ra ngoài cái sinh hoạt giới tuyến vậy. Coi đó cũng đủ biết cái nghị lực của người Tàu, kẻ không kém gì người Anh vậy. Người Anh có cái tài sáng tạo kinh doanh, người Tàu có cái sức thừa hành lao động, người Anh là cái óc sắp đặt, người Tàu là cái tay làm lụng, hễ đâu có hai giống người ấy tất là nơi sinh hoạt phồn thịnh.

Singapore có thể chia ra hai phần: một phần là phố Khách, một phần là phố Tây; phố Tây cũng sầm uất bằng phố Khách mà lại có cái vẻ nguy nga hơn. Phố Tây ở Singapore này có khác phố Tây ở các nơi khác, nhất là khác các phố Tây của người Pháp ở, như trong các thành phố ta; người Pháp ở đâu thì những nhà lầu to lớn phần nhiều là các dinh thự công sở của Nhà nước; người Anh ở đâu thì những nhà lầu to lớn là các cửa hàng, các hội buôn, các công ty, các ngân hàng. Những hàng buôn của người Anh ở Singapore thật là những lâu đài vĩ đại, có khi chiếm từng dãy phố dài.

Ngoài các phố phường buôn bán, đến những nơi nhà ở riêng, làm theo lối “biệt thự” (*villas*) của người Anh, nhà xây ở chỗ đất cao,

chung quanh vườn rộng, xe hơi chạy lòng khấp được. Những nhà ấy phần nhiều của người Anh, nhưng cũng có nhà của các chủ hiệu Khách lớn; ban ngày xuống phố làm việc, chiều tối về nhà riêng nghỉ.

Xe hơi ở Singapore, thật không biết cơ man nào mà kể, nào xe riêng, nào xe thuê, cả ngày chạy như mắc cửi. Vào đến Sài Gòn, thấy xe hơi chạy đường Catinat đã lấy làm nhiều, nhưng xe hơi ở Singapore lại còn nhiều hơn nữa, và ở Singapore đường phố nào cũng như đường Catinat hết thấy.

Ở trên tàu xuống, anh em đi dạo qua mấy phố gần bến, mỗi người đổi mấy đồng bạc Đông Pháp lấy tiền Singapore để tiêu dùng cho dễ. Bạc Đông Pháp, nhất là bạc đồng, ở đây chuộng lắm; mỗi đồng bạc của ta, trừ tiền cáp còn được một đồng năm xu bạc Singapore; coi đó thời biết rằng bạc ta có giá trị, vì lệ thường đem tiền mình đi dùng ở xứ khác, chỉ có thiệt, không có lợi bao giờ.

Đi chơi vừa đến trưa, không trở về tàu ăn cơm, rủ nhau vào một hiệu cao lầu Khách, gọi là *Shanghai Hôtel*; cách bày biện tiếp đãi ở trong các cao lầu khách đây có ý lịch sự hơn các cao lầu ở Chợ Lớn nhiều. Khách trong cao lầu là người Quảng Đông cả; nhân

trong bọn chúng tôi có quan tuần Vi thông tiếng Quảng Đông, nên nói năng giao thiệp cũng dễ. Người khách không biết chúng tôi là người An Nam, vì trước khi xuống bến anh em đã nhất luật cải âu phục cả. Họ hỏi có phải là khách Thượng Hải mới ở Mỹ về không. Chúng tôi cũng đáp rằng phải, và hiện nay đi du lịch sang nước Pháp. Coi đó thời biết rằng người Tàu hễ khác tỉnh thời không nhận biết được nhau nữa, vì ngôn ngữ bất đồng, người Quảng Đông với người Thượng Hải đối nhau cũng bớ ngớ như người khác nước vậy.

Người Khách ở Singapore chỉ có người Quảng Đông buôn bán to và người Phúc Kiến Triều Châu làm các nghề nghiệp nhỏ; còn người Thượng Hải ít lắm; cho nên trong khi đi dạo chơi các phố Khách, người Khách nào cũng cho bọn chúng tôi là người Thượng Hải.

Ăn cơm xong, anh em thuê hai cái xe hơi để đi dạo quanh khắp tỉnh thành một lượt trước khi tàu chạy. Xe hơi chạy thuê ở đây nhiều và rẻ lắm: ở các đầu phố thường đỗ hàng chục cái, giá thuê giờ thứ nhất là ba đồng, giờ thứ nhì hai đồng, đi hai giờ thời chạy vòng quanh được thành phố Singapore một lượt, đi tự dưới bến, qua các phố Khách phố Tây, men các đồi cao su ở sau bến, vào xem vườn hoa, rồi lại quay về bến, vừa đúng ba giờ, xuống tàu

nghỉ chơi một lúc thời tàu chạy.

Tự Singapore đến Penang tàu chạy phải 36 giờ, chừng sớm mai thì tới nơi. Penang cũng là một cái cửa bể ở về phía tây bán đảo Malacca. Người ta nói rằng tự Singapore ra Penang có đường xe lửa liền, đi mất chừng 10, 12 giờ. Hành khách xuống chơi Singapore, có lẽ không về tàu kịp thời cứ xe lửa ra Penang, rồi đợi tàu ở đấy cũng được. Người làm trong tàu có khuyên chúng tôi nên làm như thế, cũng là một cách du lịch hay, nhưng nghĩ đến ngồi trong xe lửa 10, 12 giờ ở một xứ xa lạ mình không biết tiếng, tưởng cũng không có thú gì, nên anh em đúng giờ trở về tàu cả.

*

Chủ nhật, 19 Mars 1922

8 giờ sáng hôm nay tàu đến Penang, đỗ 6 giờ, đến 2 giờ chiều lại chạy. Tàu không ghé áp tận bến, đứng cách xa ngoài chừng một nghìn thước, hành khách muốn vào bến phải đi bằng cái “sà-lúp”

của công ty, hay là thuê thuyền chở vào. Khách lên xuống ở bến này cũng ít, phần nhiều là người Chà Và (Ấn Độ).

Penang là một cái cửa bể ở trên một hòn đảo về phía tây bán đảo Malacca, tức đất danh là Poulo Penang, Poulo Penang là tiếng Mã Lai: *poulo* nghĩa là cù lao, *penang* nghĩa là cây cau, Poulo Penang là “cù lao cây cau”, vì ở đây có nhiều cau lắm. Tên đất này cũng có quan hệ chút đỉnh với lịch sử nước ta: chính đây là chỗ Đức cha Bách Đa Lộc ^[12] hồi sang giúp đức Cao Hoàng ^[13] ta thường đi lại ở đó, và chính đây là chỗ có trường đại tập của dòng truyền giáo Gia Tô ở Á Đông, phần nhiều các cố đạo sang giảng giáo bên ta từ xưa đến nay và các thầy giảng ta đều học qua ở đây.

Penang bây giờ thuộc quyền cai trị của người Anh. Kể là một nơi thương phụ thì kém không bằng Singapore, phố phường không có đông đúc rộn rịp, sinh hoạt không có sầm uất phồn thịnh bằng. Nhưng kể là một chốn đô hội thời cũng là một chốn đô hội to, mà lại có một cái vẻ phong phú riêng khác với Singapore. Singapore là chỗ làm lụng, Penang là chỗ nghỉ ngơi. Đi ra ngoài mấy phố buôn bán, toàn là những nhà ở riêng của các phú thương người Anh, người Khách, cũng làm theo một lối “biệt thự” như ở Singapore, nhà giữa, vườn cây chung quanh, nhưng

rộng rãi, mát mẻ hơn nhiều. Vườn nào cũng đặt đường chạy quanh cho ô tô đi được. Có nhiều cái vườn rộng mênh mông, trồng toàn cau và dừa, như vô số những cột thẳng một dống cau, trên lá xoè như cái tán trông đẹp lắm. Các biệt thự của người Tàu có những hoành phi, câu đối, chậu hoa, ghế đá, đôn sứ, núi giả, nghiêm nhiên ra cái vẻ phong lưu của người Đông Á. Người Tàu lại còn có những nhà hội quán riêng, làm theo kiểu các “câu lạc bộ” (*clubs*) của người Anh, có câu lạc bộ cho đàn ông, lại có câu lạc bộ cho đàn bà. Nói tóm lại, người Tàu ở đây có cái vẻ phong phú, khác các nơi đô hội Tàu khác, là không ồn ào, rộn rịp, mà bình tĩnh êm đềm, ra cái phong vị các nhà phú ông điền chủ nước Anh. Các nhà biệt thự ở đây có lẽ là của những tay phú thương ở Singapore, ngoài thì giờ làm việc về đây để hưởng cái thú thanh nhàn bình tĩnh.

Đến Penang có một nơi thắng cảnh tuyệt thú, khách du lịch ai cũng phải đến xem. Đến xem một nơi ấy cũng đáng công tự trên tàu xuống bộ. Nơi ấy là chùa “Cực lạc” của người Tàu đặt ở trên một ngọn núi, cảnh trí đã đẹp, đứng trên núi cao trông xuống dưới biển, kiến trúc lại công phu và có một cái vẻ cực kỳ tráng lệ. Tự dưới đi lên, xẻ thành đợt đá, như cái thang rộng, càng bước lên càng thấy những lầu những các, những đình những tạ, chồng chất lên nhau, trông thật là nguy nga. Ngoài những nhà

thờ Phật, thờ Tổ, thờ các vong linh, lại có những nhà khách, nhà mát, chỗ thưởng ngoạn phong cảnh, cùng những núi giả, vườn hoa, cầu bắc ngang, suối nước chảy. Chỗ nào có mảnh đá lớn lại có những chữ đề vịnh của các văn nhân du khách đã qua đây. Có mảnh đá đề bốn chữ lớn *Vật vong cố quốc* ^[14], thật là tỏ được cái chí của người Hoa kiều đã xây dựng ra cõi chùa này. Người Khách dời bỏ nước nhà mà đến lập nghiệp ở đây, may làm nên giàu có, không có quên tổ quốc, muốn gây nên một nơi cảnh trí phẳng phất có cái phong vị nước nhà để làm chỗ du ngoạn cho di dưỡng tính tình. Vào đến cảnh chùa này không thể không cảm phục nghị lực khác thường của người Tàu, đi đến đâu cũng gây nên sự nghiệp cơ đồ lớn, nghiêm nhiên làm chủ nhân ông trong đất nước người ta, mà giữa cái cảnh phong lưu phú quý ấy không hề bao giờ quên cố quốc, đến đâu cũng cố giữ lấy cái phong vị cũ của nước nhà.

Ở Penang còn có một cái đền Ấn Độ của người Chà thờ thần Siva, Vishne. Trong đền cũng không có cái gì lạ, chỉ thấy trên trần treo lủng liểng những đèn cắc bằng thủy tinh nhuộm xanh nhuộm đỏ, và ở giữa thì có một cái buồng kín, đóng đóng sập như một cái chuồng, trong có cái tượng thần bằng vàng.

Đến Penang, mấy anh em cũng cùng nhau thuê một cái ô tô đi chơi khắp mọi nơi như ở Singapore – Giá ô tô ở đây cũng giống

như ở Singapore và tiền tiêu cũng một thứ như Singapore (*Straits Settlements money*), có điều lạ là ô tô ở đây đều chạy về tay trái cả không chạy tay phải như bên ta, mới trông cũng lạ mắt.

Vừa đi quanh đảo Penang được một lượt thời vừa đến giờ tàu chạy, vội vàng thuê một cái thuyền của người Chà để chở tự bến ra tàu. Ra đến nơi tàu vừa cất thang, đúng 2 giờ chạy về Colombo.

Quãng đường tự Penang đến Colombo dài lắm, phải bốn ngày ròn rã mới tới nơi. Bốn ngày đêm nằm trong tàu, bỗng bênh giữa bể Ấn Độ Dương, chung quanh không trông thấy mảnh đất nào, thật cũng chồn ^[15] thay! Ấy là không biết bể có yên lặng cho hay không, hay lại sóng gió mà say sóng nửa thời khổ quá!

*

Trên tàu, thứ tư, 22 Mars

Bể không sóng gió, nước vẫn phẳng lặng, thế mà tàu lúc lắc, đầu

đảo điên, thế mới lạ. Ở bể ấn Độ Dương này, tuy trên mặt không có sóng, mà ở dưới có những “sóng đáy” (*lames de fond*), tự dưới đáy bề lên, sức lại càng mạnh lắm, làm cho cái tàu khi thì chòng chành bên này sang bên kia, khi thì nhảy chồm đằng sau ra đằng trước, chỉ lung lay có một phía thì còn chịu được, nếu vừa chòng chành hai bên lại vừa nhảy chồm hai đầu thì người mạnh đến đâu cũng phải say sóng. Nhà thuyền viên có tiếng riêng để chỉ những khi sóng dữ như thế: gọi là *casserole*, nghĩa là tàu nghiêng lộn như cái chảo đang đun nấu ở trên lò. Từ bữa nọ tới nay, tuy chưa hôm nào phải “làm chảo” như thế, nhưng mà bể có sóng đáy cũng khó chịu lắm; phải nằm luôn trên ghế dài, hễ ngồi dậy thời đầu lão đảo ngay, thành ra mấy hôm nay không cầm bút viết được một dòng nào cả.

Cứ như thế mà nằm bốn ngày luôn ở trên tàu, lại từ Colombo đến Djibouti, nghe đâu còn phải 8 ngày nữa, chà chà! Nghĩ mà dài ghê! Mấy ngày đầu ở trên tàu còn thấy vui rồi sau chán quá!

Ngày nào cũng ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, bể lặng còn có thể đi bách bộ quanh tàu được, bể sóng thời đành nằm dí trên ghế, nói chuyện mãi rồi cũng đến hết chuyện, đọc sách thời nhiều khi váng đầu không đọc được, cứ thế luôn trong một tháng trời, phỏng có chán không?

[1] Ghi chép việc thực. (Từ đây về sau các chú thích có dấu (*))
đều là của Vương Trí Nhàn.)

[2] Một huyện trước thuộc Ninh Bình, nay thuộc Ý Yên - Nam Định.

[3] Nghĩa như *đại biểu* ngày nay.

[4] Tên đầy đủ: Maurice Long.

[5] Như cách nói *đồng hương* ngày nay.

[6] Vở kịch.

[7] Từ trước đến nay.

[8] Xứ lạ.

[9] Xa xôi, quanh quẽ.

[10] Cửa biển mở mang cho ngoại quốc thông thương.

[11] Đuổi.

[12] Tên Pháp là Pigneau de Béhaine.

[13] Chỉ Gia Long.

[14] Chớ quên nước cũ.

[15] Chữ *chồn* ở đây, có lẽ là trong chữ *bồn chồn* lấy ra. Nay không dùng riêng.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 2

II.

Giữa bể, khỏi Colombo, ngày 24 Mars.

Tàu tự Penang đi 2 giờ chiều ngày 19, đến 12 giờ trưa ngày 23 tới Colombo, chạy vừa đúng bốn ngày. Bốn ngày ròn rã ở trên tàu, nghe đã thấy chồn, nên tới nơi vội vã lên bộ ngay. Từ đây mới bắt đầu được thưởng cái nóng của mặt trời nhiệt đới. Thật là nóng như rang, nắng như lửa, cho nên người xứ này đen hơn củ sừng.

Tàu đến đây cũng như đến Penang, không vào áp bến, nghe đâu vì nước không đủ sâu, nên đứng ngoài xa, hành khách muốn xuống bộ phải đi sà lúp hay đi dò vào. Bến Colombo này, ở về phía tây nam đảo Ceylan (Tích Lan), cũng là một nơi hải cảng và

một chốn thương phụ to, ở giữa khoảng con đường giao thông Đông á với Tây Âu, các tàu lớn đi lại tất phải qua đó. Lúc tàu mới đến, đứng ngoài biển trông vào, cũng có một cái cảnh tượng vĩ đại, vì cái đê lớn nó bao bọc bên ngoài bến như một con trường xà ^[1] nằm quanh trên làn sóng biển. Nguyên cửa Colombo ở vào trung độ con đường hàng hải Ấn Độ Dương, vị trí thật là tốt, nhưng địa thế không phải là một nơi hiểm yếu, đủ làm một chốn hải cảng kín đáo cho tàu bè đậu được. Phàm hải cảng phải ở vào giữa một cái vũng bể sâu, chung quanh kín cả, chỉ có một cái cửa cho tàu đi lại. Thành Colombo này ở ngay trên bờ biển, sóng rạt đến tận chân bến, những khi sóng gió không đủ làm chỗ ẩn nấp cho các tàu bè. Bởi thế nên người Anh mới xây một cái đê dài bằng đá, chạy thẳng ra bể, bao lấy hai mặt, làm thành ở giữa như một cái vũng bể nhân tạo cho tàu bè đậu được. Đó thật là một cái công trình to lớn, mắt trông cũng đủ biết. Tàu đến thì vào đậu ở trong đường đê, đã có sẵn những cọc bằng đá và bằng sắt để bỏ neo, rồi sà-lúp và dò ra đón hành khách vào bến. Hôm ấy, đậu ở trước cửa Colombo có một chiếc chiến hạm Anh cũng khá to, và nhiều các tàu biển khác nữa, hết thảy đều kéo cờ xí nhiều lắm, xanh đỏ trắng vàng, phấp phơ phấp phới, coi rất ngoạn mục. Tàu chúng tôi vào đến trước bến cũng kéo cờ như các tàu khác. Hỏi ra mới biết thành Colombo vừa làm lễ nghênh tiếp Hoàng Thái tử nước Anh hiện đương đi kinh lược

Ấn Độ. Vào đến thành phố còn thấy những cửa khẩu hoàn, những rạp điếm binh, hãy còn mới mẻ cả, vì Thái tử mới dời Colombo được mấy bữa, hiện ở Kandy, cách đây non một trăm cây-lô-mét.

Thành phố Colombo lớn hơn Penang, hơn Singapore nhiều, và có một điều khác lạ khác hai nơi đó là suốt trong phố phường không có một hiệu Khách nào, bao nhiêu nghề nghiệp buôn bán ở tay người bản xứ là người Chà hết thảy. Khách du lịch đã qua Singapore và Penang, an trí rằng đâu có đất cấm dùi, tất có người Khách ở, đến đây không thấy một chú Chiệc nào, không khỏi lấy làm lạ, và tự hỏi vì cớ sao. Vì cớ rằng trong thế giới chỉ có hai giống người có cái sức sinh hoạt mạnh ngang nhau, là giống China non bốn trăm triệu và giống Ấn Độ ngoại ba trăm triệu người. Hai giống người ấy không đủ sinh hoạt ở đất nước mình, thường phải di cư ra ngoài, làm các nghề nghiệp, bất cứ sang hèn, nghề gì kiếm ăn được thời thôi, dù kéo xe cũng được; cho nên những xứ nào người thổ dân lười biếng hay nhu nhược, không đủ giữ được lợi quyền, tất thấy người Chà và người Chiệc đến lập nghiệp nhiều lắm. Ở Singapore và Penang thời hai giống ấy chia nhau mà ăn hại người thổ dân là người Mã Lai. Nhưng ở đây là xứ sở của người Chà thì không còn dư địa đâu cho người Chiệc ở nữa. Bởi thế nên trong suốt thành phố Colombo không có một hiệu Khách nào; nghe đâu chỉ có một vài tiệm hút thuốc phiện là

của người Khách mà thôi.

Người Chà ở Colombo lại những hơn là ở Penang và Singapore
hễ thấy khách lạ mặt thời sán đến tận nơi, kèm ngay bên cạnh,
bám lấy không rời, đuổi không đi nữa; đưa thì mời đôi bạc, đưa
thì chào đi xe, đưa thì gạ gẫm đi chơi, đưa thì năn nỉ hút thuốc.
Có mấy đưa cứ theo hoài để mời vào tiệm, dùng thuốc phiện, nói
rằng chánh phủ Anh có lệnh cấm thuốc phiện, nhưng tiệm hấn đã
có giấy phép riêng, xin mời cứ vào, không có ngại gì, vừa ngon,
vừa rẻ! Nói vừa tiếng Anh, vừa tiếng Chà, lại pha mấy tiếng
Pháp, dáng bộ gât gù, coi thật khả ố. Giống người Chà này thật
là một giống đáng ghét. Người đen như củ súng, mặt thì nhăn
nhăn nhở nhở, anh nào cũng như bộ gạ gẫm muốn “xoáy” tiền
của khách lạ. Không biết làm sao người Anh lại dung túng
những thói những nhiều như thế, vì những thói ấy đủ làm cho
khách chán không muốn xuống bộ.

Tệ nhất là bọn Chà chở đò. Tàu không đỗ áp bến, và công ty chỉ
có một chiếc sà-lúp để chở khách từ tàu vào bến và từ bến ra tàu
nhiều khi chờ đợi lâu lắm phải dùng đò. Bọn Chà chở đò chở đến
nửa chừng đòi thêm tiền, không thời cứ nhùng nhằng đứng đấy,
khách sợ nhỡ tàu nhiều khi đòi bao nhiêu cũng phải cho.

Tiền tiêu ở đây là tiền *roupies*, có quan tiền Pháp hay bạc giấy Đông Pháp phải đổi ra *roupies* mới tiêu được. Đổi như thế thì thiệt lắm, bọn Chà đôi bạc ăn tiền cấp nhiều quá. Theo thời giá mỗi đồng *roupies* là ba quan, nhưng mười quan chỉ đổi được ba *roupies* mà thôi, mất hẳn một quan tiền cấp.

Chưa lên đến bến đã thấy một lũ Chà làm công của mấy hiệu ô tô đưa giấy mời lên xe đi chơi phố. Chúng tôi thuê một cái xe 6 chỗ ngồi của hiệu *Colombo tourist office* đi dạo quanh phố phường trong 3 giờ đồng hồ, lại vào nghỉ mát uống nước trà ở nhà khách sạn lớn trên núi Livinia, ở ngay trên bờ biển; cách Colombo bảy cây-lô-mét; cả thảy mỗi người 6 *roupies*, 6 người 36 *roupies* (hơn 20 đồng bạc ta).

Ở Colombo, không có cái gì lạ, chỉ nhiều người, nhiều phố, nhưng cảnh trí không đẹp bằng Penang. Duy có một dải bờ biển, sóng dạt mãi đến tận bên cạnh đường, chiều đến diều xe đi chơi mát tưởng cũng thú.

Nhân Hoàng tử Anh sang chơi, thành Colombo có mở đấu xảo các kỹ nghệ của người bản xứ, đặt thành như hội chợ ở bên ta, mỗi người vào xem phải mất một *roupie*, xem qua một lượt không thấy nghề gì là xuất sắc lắm, tưởng cũng không hơn gì các

kỹ nghệ của ta.

Chúng tôi lại vào xem một cái chùa thờ Phật. Đạo Phật vốn phát nguyên từ Ấn Độ, tức là đất Thiên Trúc đời xưa, vậy mà ngày nay trong suốt cõi Ấn Độ, không còn đâu thờ Phật nữa ^[2] duy có ở đảo Ceylan (Tích Lan) này mà thôi. Trong chùa có một cái tượng Phật nhập Nát bàn to chật cả một gian chùa chung quanh treo những tranh vẽ về sự tích Phật. Vào xem phải rút giày bỏ mũ ở ngoài, và mỗi người cầm một cái hoa để dâng trước Phật đài. Cửa Phật là chỗ thanh tịnh từ bi, thế mà cũng có một lũ Chà ngồi đấy để chực kiếm tiền của khách du lịch. Khách vào đến nơi, đưa nọ dặt đi bên này, đưa kia lôi đi bên nọ, chỉ trở huyên thiên, nói năng líu lờ, đến lúc ra là nhất loạt ngửa tay xin tiền, cho một *roupie* không nghe, cho hai *roupies* cũng chưa bằng lòng. Giống buôn Thánh bán Thần, thật ở đâu cũng có!

Tôi đến các cửa hàng trong thành phố, thấp đèn điện sáng trưng, đứng ngoài bên trông vào, coi rất ngoạn mục.

Đến 12 giờ đêm ngày 23, tàu cất neo chạy về *Djibouti*, chừng một tuần lễ nữa mới tới.

*

Giữa bể, ngày 27 Mars 1922

Quãng đường này là quãng đường dài nhất. Tàu đi từ Colombo đã hơn ba ngày còn chừng bốn ngày nữa mới tới *Djibouti*, càng chạy tàu càng lúc lắc, tàu càng lúc lắc đầu càng lao đao. Không say sóng lắm như mấy bữa đầu nhưng đầu nặng như đá, không thể ngồi mà viết lách hay đọc sách được. Viết mấy dòng này cũng phải nằm mà viết bằng bút chì. Cả ngày chỉ nằm dài, thật là buồn quá. Mong sao cho chóng tới nơi!

*

Giữa bể, ngày 28 Mars 1922

Muốn biết ngày giờ dài là dường nào, phải đi tày bể trong một tháng; ngồi trong tàu, chỉ trên trời, dưới nước, đặng đặng hằng

ngày không trông thấy bờ, mỗi ngày coi dài bằng một tuần. Lại thêm tàu lúc lắc, người lừ đừ, làm gì không được, đọc sách cũng chán, mới lại càng buồn nữa. Cứ ngày ấy sang ngày khác, ngày nào cũng như ngày nào, ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, người nhẵn nải đến thế nào rồi cũng phải chán.

Chỉ thỉnh thoảng trông thấy lũ cá bay, – gọi là cá bay, nhưng kỳ thực không phải là cá bay, chính là những cá bễ thường bị sóng đánh bắn lên như ta đánh thia lia, – hay là gặp chiếc tàu khác đi ngang, là còn chuyện vui một chút. Lại chiều chiều đến, lúc mặt trời lặn, lên trên boong mà chực xem “lục quang tuyến” (*les rayons verts*), cũng thấy trong tàu rộn rịp được một lát, nhưng ai cũng chực xem lục quang tuyến, mà hồ dễ đã ai trông thấy lục quang tuyến. Người ta thường truyền rằng, giữa lúc mặt trời lặn xuống ở giữa bể, hể trên trời không mây mù gì, thì trông thấy trong loáng một giây đồng hồ ở ngay chỗ mặt trời sọt xuống, một thứ ánh sáng riêng sắc xanh lục, gọi là “lục quang tuyến”, và thứ quang tuyến này chỉ thấy ở trong bể ấn Độ Dương mà thôi. Song ít thấy lắm, vì không mấy khi là trời thực quang đãng, không có chút mây mù nào. Cho nên ai đã được trông thấy một lần, thời cho là một sự may mắn không gì bằng, và tin rằng có ảnh hưởng đến sự hạnh phúc của mình. ấy là người ta tương truyền như thế, nhưng xét ra có lẽ cũng là một sự mơ tưởng hay một sự quáng

mắt mà thôi, vì ai cũng nói lục quang tuyến, mà hỏi ra chưa ai trông thấy lục quang tuyến bao giờ. Ngày nào, cứ đến khoảng 6 giờ chiều mặt trời lặn, cả tàu ra ngóng trông mà tịch không có ai trông thấy, khi trời tạnh cũng như khi trời ám.

Ngày hôm qua thứ hai 27 Mars, trong tàu có mở một cuộc đàn ca, trước là mua vui trong quãng đường dài, sau là giúp cho những việc làm phúc cho các con bò côi lính thủy. Cuộc này do mấy ông hành khách hạng nhất khởi xướng ra, mời quan chánh coi tàu là ông Carré làm chủ tọa. Buổi chiều mở một cuộc rút số lấy đồ (*tombola*), tới thời các ông tây bà đầm kẻ đờn người hát, rồi sau nhảy đầm vui vẻ lắm. Hay nhất là lúc hai bà đầm hát bài Quốc ca Đại Pháp (*La Marseillaise*), một ông tây đánh đờn nhịp, cử tọa đều đứng dậy hạ mũ nghe, đến những đoạn hay lại đồng thanh hát nhịp theo, thật là cảm động, tưởng như cái hồn oanh liệt của Đại Pháp truyền khắp cả những người đứng đấy, dù là người quý quốc hay người nước ngoài, ai nghe cũng thấy như hưng khởi, phấn chấn tinh thần lên. Ôi! Mạnh thay là cái lòng ái quốc!

*

Thứ tư, 29 Mars 1922

Hôm qua, hôm nay, được hai ngày tốt quá: bề bình tĩnh, tàu yên lặng, lại có gió hiu hiu mát, không ngờ gần đến Hồng Hải là nơi có tiếng nóng xưa nay mà lại được cái khí hậu êm ái như thế này.

Bèn mở tập nhật ký để biên. Nhưng ngồi trong tàu giữa khoảng trời nước mênh mông như thế này, còn có chuyện gì mà biên chép. Lại từ đầu đến giờ biên được tờ nào gửi về báo cả rồi, không biết còn có chuyện gì quên chưa chép không. Mà những tờ gửi về ấy, cũng không hay có tới nơi cả không, vì những khi đỗ tàu ở Singapore, Penang, Colombo, phải gửi vào nhà dây thép [3] Anh đề đợi có chiếc tàu nào chạy Đông Pháp mới chuyển giao, chắc không khỏi thất lạc.

Nhớ kỹ lại, nghe đâu trong mấy tờ trước quên chưa nói đến các ông phái viên Nam kỳ cũng đi sang Đẩu xảo một chuyến tàu này và xuống tàu từ Sài Gòn ngày 14 Mars. Số phái viên Nam kỳ đi đẩu xảo *Marseille* nhiều lắm, nghe đâu tới ngót ba mươi ông, phần nhiều là những tay điền chủ giàu có, tự xuất gia si để đi chơi. Nhưng chuyến này đi cùng với chúng tôi chỉ có bốn ông,

là: ông Lương Khắc Ninh, thượng thư ngũ đẳng Bắc đầu bội
tinh, có chân Hội đồng cố vấn Nam kỳ (*Conseil privé de
Cochinchine*), ông vốn làm chủ mấy rạp hát ở Sài Gòn, có đem
theo một bọn hát bội ba đào ba kép; ông Trương Minh Giảng, tri
huyện tòng sự ở Phủ Thống đốc Nam kỳ; ông Võ Văn Chiêu,
điền chủ, hiện làm cai tổng, tổng Hoà Đồng Hạ, tỉnh Gò Công;
ông Võ Văn Cang, điền chủ, nguyên làm xã trưởng làng Tân
Niên Tây, tỉnh Gò Công, người còn thanh niên, trước đã học qua
một năm ở trường Cao đẳng Pháp chánh Hà Nội; ông tự xuất gia
si ^[4] đem bà vợ và một đứa con gái đi theo, một nhà cùng du
lịch, tưởng cũng là một cái khoái sự, ngoài Bắc ta chưa từng thấy
bao giờ.

Bốn ông toàn là những người danh giá trong Lục châu, những
khi lui tới chuyện trò, cũng có nhiều điều thú.

*

Thứ sáu 31 Mars

Hôm qua là 30 Mars, – giữa mùng 3 tháng 3 ta, – 2 giờ rưỡi chiều, tàu đến Djibouti. Ngồi tàu đã hơn một tuần lễ, ai cũng thấy mỗi mệt. Lại từ Sài Gòn đến mấy cửa bể đậu (Singapore, Penang, Colombo), toàn là cửa bể của người Anh cả, nay mới đến một cửa của Đại Pháp nên ai cũng có cái hứng muốn xuống bộ.

Tàu không đỗ áp bến, đứng tận ngoài xa, có những thuyền của người thổ dân ra đón khách vào bến.

Cửa Djibouti là một nơi hải cảng của Đại Pháp mới đặt được ba mươi năm nay ở ngay cửa bể Hồng Hải (Mer Rouge), đối với cửa Aden của người Anh. Cả một miền hải tần ^[5] này là nơi cùng tịch, toàn thị là sa mạc hết, mà khí hậu nóng như lửa đốt, cả năm không có được mười ngày mưa. Trông xa chỉ cực mục ^[6] một vùng cát trắng, không có một cái cây, không có một ngọn cỏ. Thật là một nơi thiên cùng thủy tận. Thổ dân lại là một giống dã man hung hãn, không có một chút văn hoá gì. Thế mà quý quốc trong khoảng hơn hai mươi năm gây dựng thành một nơi đô hội cũng khá to, thế thì đủ biết người Đại Pháp có cái công khai thác, có cái tài kinh doanh mạnh bạo là dường nào. Đem Djibouti mà sánh với Colombo, với Penang, với Singapore, thì không bằng thật. Nhưng phải biết rằng ba cửa bể của người Anh đó thành lập

đã lâu, lại ở vào những nơi đất tốt, người đông, của nhiều, cho nên dễ phát đạt lên to. Cứ xem như cái cảnh tượng một đảo Penang, khác nào như một cái rừng rậm xanh um toàn những cau cùng dừa cả. Nhà cửa của người ta như ủ ê dưới bóng mát cây xanh, mặt trời có chói lọi, khí nóng có nồng nàn, mà bóng cây gió bẻ làm cho sự sinh hoạt vẫn có vẻ êm đềm mát mẻ. Đến như Djibouti này thì thật là một cõi đất cháy. Người ta nói rằng cách hai mươi năm nay, bấy giờ Djibouti đã có đường phố nhà cửa rồi, trong suốt thành phố không có một cây nào, chỉ trong dinh quan Thống đốc có trồng một cây chà là bằng sắt tây sơn xanh để hình tượng loài thực vật mà thôi!

Thế mà bây giờ không những trong dinh quan Thống đốc có một cái vườn cũng khá xinh, mà trong đường phố nhiều nơi đã trồng cây hai bên, có chỗ trồng rất một giống trúc đào, hoa tươi đỏ ối. Coi đó thời đủ biết cái công phu gây dựng khó nhọc là dường nào.

Bây giờ ở Djibouti các dinh thự công sở đã dựng lên san sát, nhà buôn cũng có dăm ba nhà lớn, còn những tiệm buôn nhỏ phần nhiều của người Chà (*Indiens*), người Do Thái (*Juifs*), người Hy Lạp (*Greco*), người Ả-rập (*Arabes*). Người bản xứ là giống Somalis thì toàn làm những nghề dễ tiện như đánh xe gánh đều

[7] . Có người nói rằng giống này là giống hèn lấm, chỉ ăn trộm, ăn cắp, làm biếng, nói dối, không thể nào khai hoá cho được; đành là một giống bỏ đi, như giống da đỏ ở Bắc Mỹ, giống thổ dân ở Úc châu vậy. Nhận kỹ đứa nào cũng gầy còm, không được mấy đứa mập mạp, và trông những con trẻ mười đứa thì đến tám đứa sâu quầng ở hai ống chân. Thế mà lại hung hãn nữa, hay làm giặc ăn cướp; người ta nói mấy năm về trước phải đặt lính đi tuần luôn ở chung quanh Djibouti, người thường mà ra ngoài địa phận mấy ngàn thước có khi bị giặc cướp bóc lột. Không biết ngày nay đã khỏi những sự nhùng nhể ấy chưa.

Ở Djibouti này có một hạng con trẻ lặn tài lắm. Hễ tàu đến bến thì nó lặn từ trong bến ra, lượn chung quanh tàu, xin hành khách cho tiền, rồi lặn xuống cho xem. Đứng trên tàu ném đồng xu hay đồng hào xuống, nó liền lặn xuống đón lấy được đồng xu đồng hào lên, mười lần không trượt lần nào, vì đồng tiền xuống không bao giờ mau bằng nó lặn. Lại có đứa lặn qua gầm tàu, từ bên này sang bên kia; lại có đứa nhảy từ trên nóc tàu xuống; nhanh nhẹn dung dị lạ lùng, tưởng như một loài ếch loài cá chi, chứ không phải là giống người nữa.

Tàu đến bến, người thổ dân thường đem đồ lên bán, như ốc tù và, và lông đà điểu (*autruche*). Mua bán ở đây có thứ tiền riêng

của bản xứ, nhưng dùng tiền phật lăng của Đại Pháp cũng được.

Trong thành phố, không có gì lạ mà xem, đi dạo qua độ một giờ đồng hồ thì hết. Đi trong phố bằng một thứ xe ngựa, có mui, giá mỗi người mỗi giờ từ một đến hai phật lăng^[8], tùy số người nhiều ít.

Lạ nhất là mấy phố của người bản xứ và người Ả-rập ở, nhà làm đều không có mái, chỉ có gác sân ở trên, vì xứ này không có mưa mấy khi. Mấy hôm trước khi tàu đến, nghe như có mưa một chút, vì đường phố còn nơi có dấu bùn, và khí hậu xem chừng có mát hơn những ngày thường.

Có một chỗ nên xem nữa, là nơi “Chợ củi” (*Marché de bois*). Một xứ không có cây cối như thế này, củi chắc là một vật quý lắm. Người bản xứ phải dùng lạc đà (*chameaux*) đi kiếm củi những nơi xa đem về họp chợ bán. Củi cũng không thành thân củi, toàn là những cành cây khô, tưởng đánh cái lửa thời cháy vèo hết.

Ở Djibouti này còn một trò để hiển các khách hiếu kỳ: là trò đàn bà múa bụng, theo nhịp thanh la uốn bụng mà quay tít. Nhưng bọn đàn bà này toàn là những con gái điếm cả, khách hiếu kỳ

cũng phải nên cẩn thận.

Tàu đỗ ở Djibouti có 8 giờ, từ 3 giờ chiều đến 11 giờ đêm, nửa đêm ngày 30 thời đã cất neo chạy.

Qua eo bể Bab-el-Mandeb, thời vào Hồng Hải. Người ta thường nói vào đến đây thời nóng lắm, nhưng tôi thấy cũng không nóng hơn gì ở ngoài Ấn Độ Dương, có lẽ mùa này đương mùa mát chẳng.

Qua Hồng Hải phải mất bốn ngày, một ngày thứ năm qua sông Suez, rồi mới tới Port Said.

III.

Thứ hai, 2 Avril 1922

Ở Djibouti vào là bể Hồng Hải (*Mer Rouge*). Cứ nghe người ta nói thì vào đến Hồng Hải trời nóng như luộc, không thể nào chịu được. Nhưng lần này vào không những là mát, mà lại có ý lạnh, có lẽ là vì có gió bắc nên thế.

Tại làm sao bể này gọi là Hồng Hải? Nước cũng xanh biếc như các bể khác, mà khí hậu thì không lấy gì làm nóng hơn ở ngoài. Duy ở hai bên bờ có những núi đá trơ trọi, mặt trời ánh vào như có sắc đỏ, có lẽ bởi thế nên bể gọi là Hồng Hải chẳng. Nhưng bể tuy trông trong địa đồ hẹp, mà thực có quăng rộng tới hơn 300 cây-lô-mét, tàu đi ở giữa không mấy khi trông thấy bờ.

Trong Hồng Hải, ngay tự Djibouti đi, có một giống vịt trời, lội nước được, bay theo tàu từng đàn, ai ném miếng bánh miến thịt thời sà xuống nước để ăn.

Lạ nhất trong quăng bể này là đêm đến thường thấy những đom đóm bể (*phosphorescences*), tàu đi giữa sóng rạt ra hai bên, sáng quắc như hai làn điện, trông đẹp lắm. Người ta nói rằng trong nước bể có vô số những con vật rất nhỏ có lân chất (*phosphore*) bị sóng đánh sát vào nhau bật lên lửa, bởi thế thành ra đom đóm bể; không biết có phải không, nhưng giữa đêm tối trông thấy ánh sáng như thế cũng đẹp.

Qua Hồng Hải mất hơn ba ngày, trời bể bình tĩnh, không có sóng gió gì cả, duy càng đi càng thấy có khí lạnh.

Bắt đầu đi tự Djibouti 12 giờ đêm ngày 30 Mars, đến sớm ngày 3

Avril thì vào vịnh Suez (*golfe de Suez*), chợt thấy trời gió to, sóng nổi lên cuộn cuộn đánh tạt cả vào trong phòng tàu, mà gió thì lạnh ngắt, như gió đông vậy. Ai nấy phải mở hòm mở rương, lấy áo dạ áo nỉ ra mặc. Sóng gió như thế, tưởng tàu chồng chênh khó chịu lắm thì phải, nhưng lạ thay không thấy gì cả, người ta nói có lẽ tại sóng gió tự đằng mũi lại, nên không việc gì, đi bề chỉ sợ nhất là sóng hai bên dồn lại và sóng đằng sau đẩy đi.

5 giờ chiều ngày 3 Avril, tàu đến Suez.

*

5 Avril

Suez là một cái bến nhỏ ở đầu kênh Suez (Tàu dịch là Tô-tư-yêu vận hà), đây có những sở làm việc và nhà máy của “Công ty kênh Suez” (*Compagnie du Canal de Suez*). Ai cũng biết tên kênh Suez là một cái sông đào thông Địa Trung Hải với Hồng Hải, khiến cho các tàu đi từ Âu châu sang Á châu không cần phải đi vòng quanh Phi châu như xưa. Kênh ấy là công trình của một

người nước Pháp, ông *Ferdinand de Lesseps* khởi ra từ năm 1857, đào mất mười năm, phí hàng trăm triệu, ngày nay do một công ty vạn quốc ^[9] đứng quản lý, gọi là “Công ty sông Suez”, trong công ty ấy các nhà tư bản nước Pháp vẫn còn giữ quyền lợi to. Mỗi năm các tàu lớn chạy qua kể hàng nghìn chiếc, mỗi chiếc ra vào phải nộp tiền thuế cho công ty, nghe đâu thuế tính theo trọng lượng tàu và số hành khách, cứ mỗi tấn là mười quan, mỗi người là bảy quan, mỗi năm công ty thu vào cũng nhiều tiền, dùng để phát lời cho các đông gia ^[10] nhưng công ty tiêu ra cũng nhiều, thứ nhất là phải dùng máy hăng ngày nọ (*draguer*) lòng sông cho đất cát khỏi sụt xuống mà làm nông mất đi.

Đến Suez, tàu đậu ở ngoài xa, không vào áp bến. Và cũng không đậu lâu, nên hành khách không ai lên bến. Nhưng đứng trên tàu trông xuống cũng biết Suez là một thành phố khá lớn, song phần nhiều các nhà lầu là những ty sở của công ty sông Suez cả.

Khi tàu đến trước Suez thì có một cái sà-lúp trong bến ra cấm cờ Hồng thập tự: đó là các quan viên thầy thuốc lên tàu khám xem có người nào mắc bệnh truyền nhiễm không. Nghe nói đó là phái viên của một hội đồng vệ sinh vạn quốc đặt ra ở Suez để phòng bị cho các bệnh nguy hiểm khỏi truyền nhiễm sang Âu châu, vì đây tức là nơi cửa ngõ của châu Âu vậy.

Tàu đồ có 3 giờ đồng hồ, từ 5 giờ đến 8 giờ tối thì chạy. Từ đây trở đi là vào địa phận sông Suez. Trước khi chạy phải buộc trước mũi tàu một cái đèn chiếu điện (*projecteur électrique*) mạnh lắm để soi đường ban đêm. Tàu đi trong sông phải đi rất chậm, vì lòng sông hẹp (chừng 50 thước tây), tuy số tàu đi lại rất nhiều mà chỉ đi được cái một, khi nào hai cái gặp nhau thì một cái phải đứng lại áp vào bờ cho cái kia chạy. Thường thường có những chỗ đào vũng vào trong đất gọi là “ga”, để cho tàu lớn tránh nhau.

Tiếc rằng tàu đi qua sông Suez giữa đêm, nên không được xem phong cảnh hai bên bờ, như làng Ismalia, như mấy cái hồ nước mặn, v.v...

Nhưng sáng hôm sau cũng còn được xem ít nhiều cảnh tượng sông Suez, vì mãi đến 10 giờ tàu mới tới Port-Said. Bờ sông về bên Á châu (Arabie) thì thấy những đất cát cây cằn, đủ biết là cỗi sa mạc; bờ về bên Phi châu (Egypte) ^[11], nhờ có những ngòi nước ngọt, nên có chỗ nhiều cây cối xanh tươi. Chạy ngang với bờ sông, áp ngay bên sông, có một con đường xe lửa từ Suez đến Port - Said, thỉnh thoảng lại có một cái nhà ga, đến nhiều chỗ phong cảnh vui mắt, người ngồi trong tàu tưởng tượng như ngồi một cái “ghe” chạy trong cái kênh nào ở Nam kỳ vậy.

10 giờ sáng ngày 4 Avril đến Port - Said.

Port - Said thật là một nơi tụ họp đủ các giống người phần nhiều là người Italiens và người Grecs. Nhưng ở đây tiếng nói thông dụng nhất là tiếng Pháp, không phải tiếng Anh, mà nói tiếng Pháp ai cũng hiểu, dễ giao thông lắm. Nhật báo của người Ai Cập cũng bốn năm tờ làm bằng chữ Pháp, coi đó thì biết chữ Pháp ở Ai Cập thịnh hành là dường nào.

Bọn con buôn ở đây thời cũng nhiều và hay lừa người chẳng kém gì ở Colombo. Mới ở tàu lên, đã có bọn “đưa đường” (*guides*) đến hiến công, đi bộ một giờ đồng hồ đòi năm sáu quan.

Tiền tiêu ở đây cũng gọi là *piastres* như đồng bạc ta, nhưng giá chỉ bằng nửa quan tiền tây (0f.50). Tôi đi vào một cửa hàng hỏi mua cái cravate, người bán hàng nói giá: mười đồng (10 *piastres*), tôi lấy làm kinh ngạc, sau hỏi ra mới biết rằng giá là năm quan (5 *francs*). Ở đây tiền nước nào tiêu cũng được, vì đâu phố nào cũng có người đổi bạc, nhưng người lạ đổi nhiều khi họ bắt cặp nặng lắm.

Port - Said chia ra làm hai phần: một phần phố Tây, một phần

phố Ả-rập. Phố Tây thời nhiều nhà cao đường rộng, người các nước Âu châu mở những cửa hàng lớn để buôn bán, gần bờ bể lại có nhiều những nhà mát để ra hóng gió bể. Phố Ả-rập thời chật hẹp hơn, toàn những người Ả-rập ở. Nhà Ả-rập lạ lắm: mái toàn bằng gác sân, và tường thời hình như có khung gỗ cả. Người đàn bà Ả-rập, cách ăn mặc hình như cũng kỳ lắm: trùm một tấm vải đen kín cả đầu, cả mặt, cả người, chỉ có hai con mắt và mũi thì che bằng một cái ống đồng, trông không biết rằng già hay trẻ, xấu hay đẹp. Nghe nói theo tục Ả-rập, phàm nhà sang trọng đều phải ăn mặc như thế, chỉ trừ đàn bà con gái hạ lưu mới phải để hở mặt để đi làm ăn.

Người ta thường nói đến Port - Said mua sắm đồ gì cũng rẻ, vì đồ hàng vào không có thuế thương chánh. Nhưng tôi hỏi nhiều thứ thấy cũng đắt chẳng kém gì các nơi khác; có lẽ thấy khách lạ nhà hàng nói thách chăng.

Ở đây có một thứ mứt làm bằng các thứ quả, gọi là *lucum*, tương truyền là ngon lắm. Người bản xứ thấy tàu ngoại quốc đến, khách du lịch qua, đem đến bán từng hộp, vừa bán vừa rao: *Rahatlucum! Rahatlucum!!* (*Rahat* là tên hiệu), nói mau như tiếng tây đen, nghe buồn cười lắm. Ăn thử chỉ thấy ngọt lự, và chất nó giống như kẹo hồng ta.

Lại có một thứ cà phê, gọi là “cà phê *turc*”, là cà phê pha để uống cả cặn.

Dạo qua phố phường mấy giờ, đến chiều thì về tàu, 6 giờ tàu chạy về Địa Trung Hải.

Ở đầu đê, ngoài cửa bến có cái tượng ông Ferdinand de Lesseps đứng chỉ tay vào sông Suez, như chỉ đường cho các tàu ở Âu châu đi lại.

Nghe hành khách trong tàu nói chuyện đã biết tiếng Địa Trung Hải là dữ, sóng tuy nhỏ không bằng ở ngoài đại dương, mà hay sốc sáo, làm cho tàu bè điên đảo. Nay vào đến Địa Trung Hải lấy làm lo lắng vô cùng. Hễ biết được một ngày hôm nay vô sự, không biết tự mai trở đi thế nào.

*

Ngày 6 Avril 1922

Say sóng dữ, nằm cả ngày.

*

Ngày 7 Avril 1922

Cả buổi sáng vẫn còn say sóng.

Đến quá trưa thấy bớt sóng, là vì tàu đã đi đến gần đất, trông
đàng xa thấy hai bên có bờ cả.

3 giờ chiều thời qua eo biển Messine, một bên là đất Italie, một
bên là đảo Sicile, hai bên làng xóm phố xá đông đúc, trông thật
đẹp mắt, chiếu ống nhòm xem không khác một bức hoạ. Đất toàn
là đất núi mà người ở không có sót một chỗ nào, đâu đâu cũng có
nhà cửa; nhìn mắt không tựa hồ như những vết vôi trắng vẩy trên
sườn núi, mà chiếu ống nhòm thấy toàn là nhà người ở cả. Coi
đó thời đủ biết những xứ này dân cư phồn thịnh là dường nào.
Tàu đi khí xa bờ quá, nên trông không rõ; nhưng người ta nói

rằng những khi đi áp bờ và đi vào ban đêm, thời không cảnh tượng gì vui bằng. Trên bờ đèn thấp như sao sa, có khi nghe thấy tiếng đàn hát, tiếng người nói ồn ào.

5 giờ chiều đi ngang núi lửa Stromboli, nhưng đi xa, phải chiếu ống nhòm mới trông rõ, núi hình chữ kim, trên miệng ngày đêm phun tro, khói, lửa, trông xa còn thấy ngùn ngụt lưng chừng trời, thật là một cái lò bất tuyệt. Đêm đến, lửa phun lên, đi xa còn trông thấy sáng, như một cái cột đèn bể (*phare*) ở tận tít mù vậy.

*

Ngày 8 Avril 1922

Tàu ra xa đất lại trông thấy sóng.

Hôm nay đi qua eo bể Bonifacio cách đảo Corse với đảo Sardaigne.

Sáng sớm mai thời đến Marseille, ai nấy tập nập sửa soạn hành

lý để mai lên sớm.

Mai là 9 Avril; tàu đi từ Hải Phòng ngày 10 Mars, thế là vừa tròn một tháng.

Tuy trong một tháng trời lênh đèn giữa bể, cũng nhiều khi nhọc nhằn vì sóng gió, nhưng nay đã tới nơi bình yên vô sự, thật cũng đáng mừng. Mà đáng mừng thật, vì mùa này chính là mùa đi bể tốt đó; người ta nói đi vào tháng bảy tháng tám, nhiều khi gặp bão bể còn khổ hơn nhiều, không những hành khách, thuyền viên đã quen bể cũng say sóng, mà sóng dữ đến nỗi người ta nằm trên giường bị đánh lăn xuống phản tàu!

Nay đã qua khỏi cái nạn say sóng, nghĩ đến chuyện say sóng mà nực cười; lại sức nhớ đến đoạn sách của ông *Jules Renard* mình đã đọc qua.

Ông nói rằng:

“Tôi đã từng đi chơi nhiều thứ tàu bể khác nhau, chủ ý nghiên cứu bệnh say sóng.

“Đi chơi lúc chưa ăn uống gì thời lần thứ nhất tôi nôn mửa, lần

thứ nhì không, nhưng lần thứ ba lại nôn.

“Năm lần ăn cơm rồi, lại uống rượu sâm banh, cho khoẻ quân, thời ba lần nôn mất hết, còn được hai lần không.

“Đi đàng mũi tàu nôn, đi đàng lái không thấy nôn, nhưng đứng ở giữa lại nôn, ấy là lưng đã thắt cái thắt lưng bằng nỉ, có lẽ vì thắt chặt quá chằng? Lại có lúc, thân thể khinh khiêu ^[12], tinh thần hoạt bát, đi chơi bách bộ, mắt nhìn trời bể, theo như lời dặn, cố ý tư tưởng những sự tốt lành mạnh bạo cho nó khuây khoả phần chân, những lúc ấy thời có khi không thấy gì cả, mà có khi nôn mửa hết.” ^[13]

Ấy đó. Đố ai biết bệnh say sóng là cái gì?

Tôi đi bể một tháng trời, say sóng đến mười bận, thật không hiểu được say sóng là cái gì. Cho nên không lấy gì làm tức mình bằng thấy những ông may không bị say sóng trông thấy người ta say, làm ra mặt vững vàng bạo dạn, cứ nói hoài: “Phải phần chân lên!... Phải đi bách bộ!... Phải ra mũi tàu!... Phải ra lái tàu!... Phải ăn đồ ngọt!... Phải uống sâm banh!... Phải thắt lưng chặt!... Phải thở cho mạnh!... Phải ăn cho nhiều! v.v...”

Ai đi bể không say sóng là người ấy may; ai bị say, cũng là sự không may; chỉ có thể thôi, còn những bộ bạo dạn, những lời nói “hươu” là khoác lác cả!

[1] Rắn dài.

[2] Không rõ ý tác giả thế nào, chỉ in theo nguyên văn.

[3] Nay gọi là bưu điện.

[4] Tiền riêng của gia đình.

[5] Miền ven biển. *Năm năm hùng cứ một phương hải tân (Kiều)*.

[6] Tận cùng con mắt.

[7] Gánh thuê.

[8] Túc đồng franc.

[9] Công ty đa quốc gia.

[10] Cổ đông.

[11] Ai Cập.

[12] Nhẹ nhàng.

[13] Bỏ đoạn nguyên văn tiếng Pháp.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 3

IV.

Marseille, Thứ ba 11 tháng 4, 1922

Tối hôm qua, nghe diễn thuyết ở Hội Nhân quyền. Có ông giáo K. ở Paris xuống, diễn về Hội Nhân quyền đối với việc chiến tranh và việc nghị hòa. Ông này nói mới hay chứ! Lời lẽ lưu loát, nghe như rót vào tai. Hai tay cặp sau lưng, cứ đi ngang đi dọc trên sân khấu mà vừa đi vừa nói trong hơn hai giờ đồng hồ, không vấp một chữ nào, không ngừng một lúc nào. Tôi chưa từng được nghe người Tây nào diễn giỏi bằng ông giáo này. Mà không phải là những lời hư văn đầu miệng đâu, những câu sẵn thuộc lòng đâu, toàn là những lời nghị luận, biện bác, công kích, chứng giải, đón trước rào sau, dự sẵn những câu người ta có thể bẻ mình được mà phản đối trước. Giỏi thật, giỏi quá! Mà giỏi

nhất là dùng chữ không có miễn cưỡng. Thường những anh nói lém thì cứ nói tràn đi, người ngoài nghe tựa hồ như lưu loát lắm, nhưng tế nhận ^[1] ra thời lời nói loạn xạ, chữ dùng bậy bạ, râu ông nọ cắm cằm bà kia, và trước sau không có quán xuyên gì cả. Đó là những tay hùng biện giả. Nhưng nghe ông này nói, tôi đã có ý nhận kỹ, chữ nào dùng cũng nghĩa chữ ấy, lời với ý xứng nhau như in, tưởng giá dùng cách tốc ký mà biên lấy thời những lời ứng khẩu ấy không khác gì lời văn viết vậy.

Nghe người ta diễn thuyết mà hồi tưởng đến người mình, không những nghề diễn thuyết chưa biết, mà đến nói câu chuyện cho có đầu đuôi manh mối, cũng ít người nói được. Chưa từng thấy ai nói cái gì chỗ đông người mà nói luôn được trong mười phút, không vấp vấp. Khi hội đồng thời chẳng khác gì như họp việc làng, tranh nhau mà nói, ồn ào lộn xộn, mà ít ai nói được câu gì có nghĩa lý, chỉ bẻ hành bẻ tort nhau những cái vặt vặt chẳng đâu đâu. Khi yến tiệc thời đương câu chuyện vui, gặp có tiếng gì buồn cười, nhất là tiếng nói bản, thời ông nào to miệng cả tiếng thở ra một cái cười hà hà, thế là cử tọa đều cười ầm cả lên đến vỡ đồ nhà; thế là câu chuyện tan. Chỗ công môn thời ông quan nói, muốn ra oai mặt sắt, chỉ nói nhát gừng, cách một vài câu lại điểm những tiếng: *nghe chưa?... nghe chưa?* thẳng dân thừa thời gãi tai gãi đầu, chỉ nghe thấy những *bầm, bầm, dạ, dạ*, nói không ra

lời. Máy cậu thiếu niên thời *toa, toa, moa, moa*, ngẫu si cả đường phố, nhưng nghe câu chuyện, không những vô vị mà thường bắt thành ngôn ngữ... Gia chi dĩ thời buổi nhố nhăng, ngữ ngôn bác tập, anh bồi, chú bếp, con bạc, làng chơi, ả giang hồ, cậu công tử, tây không ra tây, tàu không ra tàu, ta không ra ta, có nhiều cái “xã hội” không biết họ nói thứ tiếng gì. Thử tìm khắp trong nước, được mấy người là biết nói năng lịch sự? Thật ít quá... Thôi, về khoa ngôn ngữ thì người mình kém thật. Vẫn biết rằng “xảo ngôn lệnh sắc”^[2] không phải là một sự hay, và nói nhiều làm ít, lại là dở lắm. Nhưng Trời đã cho cái lưỡi, những khi nên nói cũng phải nói cho ra lời; huống đời này lại là đời nhiều khi cần phải thiết chiến^[3]. Dầu lý phải mà nói không võ lễ thời phải cũng ra trái, thẳng cũng hóa cong. Người mình cần phải tập nói lắm.

Hôm nay gặp cụ Phan Tây Hồ^[4], là một nhà chí sĩ nước ta, nay biệt xứ bên quý quốc. Hồi cụ khởi nghiệp, tôi còn nhỏ tuổi, nên chỉ biết tiếng mà không được biết người. Nay sang đến đây mới được gặp cụ, trong lòng ngổn ngang nhiều nỗi, không sao nói xiết. Cùng nhau đàm luận trong mấy giờ. Việc cụ làm chánh đáng hay không chánh đáng, tôi đây không muốn phẩm bình, nhưng xét cái thân thể cụ, dầu ai có chút lương tâm cũng phải ngậm ngùi. Ừ, làm người ai chẳng muốn vợ đẹp, con nhiều, cửa

cao, nhà rộng, bạc đầy tủ, thóc đầy kho; thế mà có người không muốn như thế, thời con người ấy, dầu hay dở thế nào, tưởng làm kẻ quốc dân cũng không nên a dua nhẹ miệng mà gia tiếng thị phi vậy...

*

Thứ tư 12.4. 1922

Ở Marseill có cảnh đẹp nhất là nhà thờ “Đức bà Bảo hộ” (*Notre Dame de la Garde*), xây trên cái đồng cao 150 thước, trấn hám cả địa thế thành Marseille; thờ Đức bà bảo hộ cho con nhà đi bể, khác nào như bà Thiên hậu của người Tàu. Một tòa nhà thờ chon von ở giữa cái đồng cao, trên đỉnh gác chuông lại có một cái tượng Đức bà lực lưỡng cao ngót mười thước, nặng hơn bốn nghìn năm trăm cân, những buổi mây quang trời tạnh, đứng khắp thành Marseille ở đâu cũng trông thấy, rõ như bức tranh vẽ, thật cũng là một cái kỳ quan. Tự dưới phố đi lên nhà thờ, hoặc đi chân thò phải theo đường thang khuất khúc, hoặc đi bằng một thứ thang máy làm theo kiểu ròng rọc có khắc (*système à*

crémaillère). Lướt lên đi bằng thang máy, phải mất tiền, lướt xuống đi chân, qua những ngõ xóm hẻo lánh của bọn bình dân ở, biết ra một cái cảnh riêng ở thành Marseille.

Tôi nghe diễn thuyết ở Hội Diễn thuyết thành Marseille. Ở Marseille này, trong một tuần lễ không có mấy ngày là không có diễn thuyết. Trong nhật báo đã có một mục riêng để báo các ngày giờ diễn thuyết ở các nơi, có ngày hai ba bốn nơi diễn thuyết về đủ các vấn đề: cách trí, văn chương, lịch sử, chính trị; lại có nơi gọi là “Maison de Provence”, là nhà hội quán của những văn sĩ viết bằng tiếng *provençal* là tiếng thổ âm của vùng Marseille, ở đây thường diễn thuyết bằng tiếng *provençal*. Nghe nói ở Paris sự diễn thuyết lại còn thịnh hành hơn nhiều. Người Tây tiện cách học tập như thế, không trách cái trình độ trí thức cao hơn người mình.

Tôi hôm nay là một bà nữ bác sĩ diễn thuyết về nước Nga. Bà vừa đi du lịch ở nước Nga về, bà thuật lại những sự kiện văn khảo nghiệm của bà về cái phong trào cách mệnh và cái chủ nghĩa quá khích ở nước Nga. Nghe bà nói đủ biết bà là một người nhiệt thành về chủ nghĩa ấy. Người đến nghe cũng phần nhiều là người thuộc về các đảng cấp tiến. Cho nên cuộc diễn thuyết này có một cái phong vị riêng. Ta thường đọc sách đọc

báo chỉ thấy công kích cái phong trào quá khích ở nước Nga, cũng nên nghe có người tán dương cổ đấng ^[5] cái phong trào ấy, mới có thể chiết trung mà phán đoán cho đúng được. Ở đời này muốn quan niệm về một sự gì cho chánh đáng, thật là khó quá; tỉ như một cái chủ nghĩa quá khích đó, người nói xấu biết bao nhiêu mà kể, mà người nói tốt cũng nói tốt quá; nghe bọn trên thời tưởng nước Nga bây giờ là nơi âm ti địa ngục gì, chớ không phải là cõi nhân thế trần gian nữa, nghe bọn dưới thời ngờ là chốn bồng lai lạc địa. Đến khi mỗi lợi quyền đã mâu thuẫn, lòng tham dục đã xung đột nhau, thời công lý, công nghĩa không biết đâu mà dò nữa. Gặp những khi như thế mà lại càng tiếc cái đạo “trung dung” của đứng Thánh nhân phương Đông ta đời xưa. Nhưng đạo ấy đời nay có dùng được nữa không? Ngoài sự lý tưởng, đạo ấy có thể đem ra thực dụng ở cái thế giới cạnh tranh này không? Tưởng cũng khó quá.

Trong bài diễn thuyết bà nữ bác sĩ có nói tới vấn đề nữ quyền; có một đoạn bà nói về cái quyền người đàn bà được trụ thai, kể quá khích thời đến thế cũng là quá khích thật. Đại khái bà nói rằng luật pháp nước nào cũng cấm sự trụ thai ^[6], thế là không công bằng; đàn ông là một giống tối duy kỷ, họ chỉ biết cái sướng của họ, họ quyến rũ đàn bà con gái, đến lúc thai dục họ bỏ họ đi; người đàn bà nếu không muốn đẻ con hay không có thể

nuôi con được, thời phải cho người ta có quyền được trụ thai; trụ thai không phải là hại mạng người, không cho là tội giết người được, vì cái thai chưa phải là người, v.v... Mình nghe mấy câu ấy cũng hơi thấy sững sốt trong người: có lẽ là cái óc mình hãy còn trần hủ mà chưa biết cảm những cái lý tưởng tối tân ấy chăng? Xét những người nghe chung quanh mình, ai cũng điềm nhiên cả, tựa hồ như cho là một sự tự nhiên vậy...

Diễn giả nói xong thời người nghe ai muốn phản đối hay chất vấn điều gì, được quyền nói. Bà nữ bác sĩ này nói cũng giỏi, tuy không được hùng biện như ông giáo mình nghe tối nọ, nhưng lời lẽ rõ ràng và lưu loát; ai biện nạn ^[7] câu gì, bà trả lời lập tức, và nhiều khi trả lời khéo quá, không còn bẻ vào đâu được nữa.

Nữ bác sĩ tuổi trạc ba mươi, học thức rộng thật, biện thuyết giỏi thật, nhưng nhan sắc thời quyết không phải vào bậc tuyệt trần. Nghe diễn thuyết xong, trở về trọ, mình vừa đi vừa nghĩ trong bụng rằng: “Người này thời chắc không sợ đàn ông nào quyền rũ được, chắc không bao giờ thi hành đến cái quyền “ám sát”, – vì nói khéo thế nào thì nói, chớ trụ thai tức là một cách ám sát, – đã hết sức chống chế vừa rồi...”.

*

Thứ sáu, 14 tháng 4. 1922

Gặp ông văn sĩ G. L. Ở Paris xuống. Ông nguyên làm hội trưởng “hội các văn hữu nước Pháp” (*Société des Gens de lettres*), hiện có viết trong mấy cái báo lớn ở Paris. Nhân xuống Marseille xem Đấu xảo, ông muốn quen biết mấy người học thức ở Indochine để phỏng vấn về tình thế bên ta thế nào. Các viên chức trong Đấu xảo có giới thiệu cho biết Nguyễn Quân ^[8] và tôi. Ba người nói chuyện trong giờ lâu. Xem ra ông có ý muốn biết việc bên ta lắm, nhưng coi chừng ông về “phái chánh phủ”, phàm những việc sở biết là theo những lời bá cáo của chánh phủ cùng những lời tự thuật của các quan lại Tây ở bên ta về; cho nên cách nghị luận lại biệt ra một phương diện riêng. Song nếu có dịp năng nói chuyện với bọn mình luôn thời cũng cải chính được nhiều điều thiên kiến.

*

Thứ bảy, 15 tháng 4. 1922

Gặp cậu P. M. Ở Toulouse. Cậu người Trung kỳ, sang tòng chinh^[9] bên này, rồi khi chiến tranh xong xin ở lại học, hiện theo học ở ban Cách trí Hóa học tại trường Đại học Toulouse. Cậu xem ra người có chí lắm, nhưng ngặt vì không có tư lực^[10] không biết có thể theo học được đến cùng không. Hiện nhờ được một vị phu nhân người quý phái có bụng yêu giúp đỡ cho, nhưng cậu nói không dám phiền người ta quá. Ấy cái tình cảnh học sinh ta bên Tây, người có chí học được thường không có tư lực, người có tư lực thì lại thường không có chí học; những hội học bên ta, - nhất là Hội Pháp học Bảo trợ, – phải kiếm những người thuộc vào hạng trên đó mà tư trợ thì mới phải.

Nhân nói về cách giúp đỡ các học sinh sang Pháp học, tưởng đó là một việc quan hệ lắm, hội "Pháp học Bảo trợ" ta ở Hà Nội phải nên đặt phương kế mà thi hành cho đến nơi đến chốn và nên mở mang cho rộng rãi thêm ra. Kén học sinh sang Tây phải chọn người thật có tư cách, trước khi đi phải dặn dò cho kỹ, trong khi ở bên Tây phải có cách giám đốc sự học hành và chỉ bảo mọi điều cho không được sai cái phương châm đã định, và đến khi về

phải học cho thành tài. Như thế thì phải đặt một tòa thông tin ở Paris, hoặc là nhờ hội nào của người quý quốc đương cho việc ấy cũng được, nhưng nếu hội chánh ở Hà Nội có đủ sức đặt hẳn một nhánh ở Paris, thỉnh thoảng phái người sang điều tra giám sát và báo cáo về cho Hội chánh biết, thì hay hơn nhiều. Phải tổ chức thành một Hội du học thật to, thật có thể lực, vì bây giờ nước ta đương buổi cần đến nhân tài, mà nhân tài tất phải đào luyện tự các trường Đại học bên Pháp mới được, chớ Đại học bên ta không có đủ sức mà dạy đến nơi được.

*

Chủ nhật, 16 tháng 4, 1922

Hôm nay mở Đấu xảo. Tuy chưa được thập phần hoàn thành, nhưng cũng mở. Tuy hãy còn nhiều chỗ luôm nhuôm, nhưng cũng mở. Vì ngày đã định từ trước rồi, cho nên dù xong dù chưa xong, cũng làm lễ khánh thành và mở cửa cho thiên hạ vào xem, còn đâu sẽ làm nốt. Người vào xem, thấy nhiều chỗ bày biện còn chưa đủ, dầu có không bằng lòng, – vì vào xem mất tiền, chớ không phải xem không, – cũng chẳng hề gì.

Khánh thành là hai quan Thuộc địa bộ và Thương nghiệp bộ
Thượng thư ^[11] ở Paris xuống, đi xem qua một lượt các sở, rồi ăn
tiệc, diễn thuyết.

4 giờ chiều thời quan Sarraut đến khu Bắc kỳ, vào dãy phố An
Nam, gọi là phố Hà Nội. Bọn phái viên mình phải bày hàng đứng
đón đón; các ông chủ hiệu, các thợ cũng họp cả đây, cả thầy mấy
chục người. Anh em có cử mình ra chúc mừng quan Thượng thư.
Văn chương thù tạc, xưa nay mình vẫn không hứng, nhưng, thôi,
cũng phải nói dăm ba câu cho tắc trách, vì không thời sang đây
làm gì? Nói rằng: “Bẩm quan Thượng thư, tôi xin thay mặt các
anh em đồng xứ, là những nhà thương mại, công nghệ và thân
hào Bắc kỳ có mặt tại đây, chúc mừng Ngài bước chân vào dãy
phố An Nam này. Những nhà tổ chức cuộc Đấu xảo đặt ra một
dãy phố An Nam ở giữa thành Marseille này, kẻ cũng là khéo
nghĩ thật. Vừa vui vừa lạ con mắt cho người đi xem, mà lại vừa
bày tỏ được cái xảo nghệ mỹ thuật của nước chúng tôi. Bọn
chúng tôi sang đến đây, ở giữa cái thành phố Marseille to lớn
này, ngỡ như người xa lạ, nhưng đến khi bước vào khu Bắc
kỳ này, thời phẳng phát như có cái cảnh sắc chốn quê hương, –
Quan lớn trước khi trọng nhậm chức Thượng thư, ngài đã từng
làm Toàn quyền bên Indochine, ngài trông thấy cảnh này chắc

ngài lại nhớ lại thửa trước. Tôi xin nhân dịp đây thay lời anh em đồng xứ tỏ lòng kính mến ngài là quan Toàn quyền cũ của chúng tôi.” – ấy văn chương “nước ốc” như thế mà cũng có người cho là nghe được, thời đủ biết người ta cũng dễ tính quá.

*

Thứ hai, 17 tháng 4, 1922

Tôi hôm nay đi xem rạp hát *Alcazar* hát một tích tả phong tục dân Marseille, bày cảnh diễn trò hiển nhiên như thực. Lối kịch này gọi là *revue*, là một lối tạp kịch buồn cười, lược thuật những việc hằng ngày xảy ra. Xem trò này mà biết rõ được tính tình phong tục của bọn bình dân ở xứ này. Có đoạn diễn cái cảnh chợ hàng cá ở Marseille, các chị hàng cá chửi nhau ỏm tỏi, thầy “đội xếp” khệnh khạng chạy lại làm biên bản, thầy cứ biên mà họ cứ chửi, đến xông vào đánh nhau xé quần xé áo, rồi bị đưa lên sở Cảnh sát, đi đường vẫn không thôi, v.v...; trông rõ ra cái cảnh tượng các chợ hàng rau hàng cá, và rõ ra cái tâm lý các chị hàng rau hàng cá ở bên mình. Thế mới biết kẻ bình dân ở nước nào

cũng vậy, trình độ như nhau cả. Các xã hội, các dân tộc hơn kém nhau là ở một số ít người trung lưu thượng lưu, còn trong dân gian thời đâu cũng như đâu vậy. Tôi thường đi chơi ngoài bến, đi chơi những xóm xa, thấy cách sinh hoạt làm ăn của bọn lao động, đại khái cũng không khác gì ở bên mình. Duy có một điều hơn, là thường thường họ không lam lũ lắm bằng người mình; làm ăn khó nhọc đến đâu, ngày chủ nhật cũng có được cái áo sạch sẽ đi chơi các phố phường, các công viên, hoặc ra ngoài giao dã. Tuy vậy, còn có một cái tật này cũng nguy, là tật uống rượu. Một thành phố Marseille, không biết mấy nghìn nhà bán rượu, gọi là bars, thường thường không có chỗ ngồi, khách qua đường vào mua cốc rượu đứng tợp một hơi rồi ra; ấy là không kể những nhà cà phê lớn, có bàn ghế hắt hoi, cho khách lịch sự ngồi, vừa hút thuốc đọc báo, vừa nhấp cốc rượu hay cốc nước để tiêu khiển, quanh mình lại những ả mày ngài ngồi chờ “mệnh lệnh”, hạng cà phê đó cũng đến mấy trăm sở. Không biết trong một ngày thành phố Marseille dùng hết mấy mươi vạn chai các thứ rượu nước. Tưởng chất đồng lên có lẽ cao “bằng mấy đầu người”.

*

Thứ ba, 18 tháng 4, 1922

Xem nhà “Thương nghiệp công quán” (*la Bourse*) thành Marseille. Nhà này ở đầu đường Canebière, là của Hội Thương mại (*Chambre de Commerce*) thành Marseille dựng ra từ năm 1852 đến năm 1860. Nhà lầu nguy nga; ngoài hiên đi vào, hai bên có hai cái tượng đá thật lực lưỡng, là tượng Thần Hàng hải, và tượng Thần Công Thương. Vào trong thời có gian chính giữa rộng thênh thang, tức là chỗ ngày ngày các lái hối đoái (*agents de change*) đến định giá các giá phiếu (*cote des valeurs*) cứ từ trưa đến bốn giờ chiều, người đông nghìn nghịt, kẻ xướng người gọi, tiếng om cả nhà, không cảnh gì vui bằng.

Hội Thương mại thành Marseille có đã lâu lắm, từ năm 1650; hồi đầu có mở ra công ti Phi châu (*Cie d'Afrique*) để buôn bán với các dân Bắc bộ Phi châu, công ti này có từ trước công ti Ấn Độ (*Cie des Indes*) là một hội buôn trứ danh ngày xưa, giao thiệp với Ấn Độ và Đông phương, làm môi giới cho nước Pháp khuếch trương thế lực sang cõi á đông về sau này. Hội Thương mại Marseille hồi xưa đã có thế lực lắm, trực tiếp thơ từ với các vua nước Pháp, tự chế binh thuyền chiến hạm để đánh các giặc biển

Phi châu. Lại chính hội này đã xướng ra trước nhất đặt Lãnh sự ở các nơi; cái chế độ Lãnh sự bây giờ nước nào cũng có, hồi đầu là khởi điểm tự đó.

Ngày nay các tư tào ^[12] của Hội Thương mại cũng to bằng một bộ thự của Nhà nước, và chức Hội trưởng tương cũng quan trọng chẳng kém gì các chức quốc vụ tổng trưởng vậy. ấy cái thế lực của các đoàn thể riêng nhiều khi mạnh như thế.

Trong việc tổ chức cuộc đấu xảo *Marseille*, Hội Thương mại thành ấy cũng có một phần to.

*

Thứ tư, 19 tháng 4, 1922

Cả ngày hôm nay đi chơi *Aix*, cách *Marseille* 36 cây-lô-mét, ở về phía Bắc, đi xe điện mất ngót 2 giờ đồng hồ. *Marseille* là nơi đô hội buôn bán và chốn hải cảng cho tàu bè các nước đổ, công nhiên là chỗ thủ phủ của xứ *Provence*, nghĩa là cả miền Đông

Nam nước Pháp; nhưng về đường trí thức thời không có gì cả, chỉ có một trường trung học mà thôi. Phải đi lên *Aix* mới có trường Đại học, có hai ban văn học và luật học có tiếng lắm; cho nên người ta nói thành *Aix* là chốn thủ đô về đường trí thức của xứ *Provence*.

Ở *Marseille* đến đây, thấy cái khí vị khác hẳn; dưới kia náo nhiệt bao nhiêu thời trên này bình tĩnh bấy nhiêu, rõ ra cái phong vị một chỗ học hành và một nơi cổ tích ^[13]. Vì tra sử nước Pháp thời thành *Aix* này chính là nơi người La Mã sang ở nước *Gaule* trước nhất, là nơi được hưởng thụ cái văn minh La Mã sớm nhất, cho nên ngày nay còn nhiều những di tích về đời bấy giờ, như cầu, cổng v.v...

Đi dạo chơi trong thành phố thời buồn dứt vắng tanh, nhưng có cái thú êm đềm tĩnh mịch. Những người ưa yên ổn, cùng những người làm việc bằng trí não, ở *Marseille* quyết là không được; ở đây thời phải lắm.

Ở giữa thành phố có một cái công trường rộng và đẹp, gọi là “công trường *Mirabeau*”, hai bên trồng cây, ở giữa có tượng đá và bể nước; ở đầu có tượng Thần Công nghệ và Thần Học vấn, ở giữa có mấy cái bể nước chảy cả ngày, một cái chảy ở cái ôn

tuyền ^[14] ra, nước nóng. Hai dãy phố hai bên, phần nhiều là những nhà lâu về thế kỷ thứ 17 và 18, có nhiều nhà kiểu đẹp lắm.

Nhưng lạ nhất ở thành *Aix*, là có một tòa nhà thờ cổ (*Cathédrale Saint-Sauveur*) và một sở bảo tàng những tấm thảm và đồ gỗ cũ. Nhà thờ dựng từ thế kỷ thứ 11 và 12, qui mô thời cũng không có gì đẹp hơn nhà thờ cổ các nơi khác, duy ở trong có mấy bức tranh cổ của mấy nhà danh họa Hòa Lan về thế kỷ thứ 15 diễn về các tích Thánh, tương truyền là đẹp lắm, và mấy tấm cửa giữa bằng gỗ dễ tây, chạm nổi tích bốn ông Tiên tri (*Prophètes*) và mười hai mụ Vu nữ (*Sibylles*), chạm công tế và tinh thần ^[15] lắm, cũng thuộc về cuối thế kỷ thứ 15 đầu thế kỷ thứ 16 ngoài có một lần cửa phụ đóng áp kín lấy, muốn xem phải hỏi người thủ tục mở khóa ra mới xem được; cạnh nhà thờ có một cái đạo viện (*cloitre*) nhỏ kiểu lô-măng (*roman*), coi cũng cổ kính lắm. Nhà bảo tàng thời ở vào cung giám mục cũ; đây có một sắp những thảm kiểu Bô-ve (*Tapisserie de Beauvais*), to bằng mấy chiếc chiếu một, dệt những tích *Đông-ki-sốt* (*Don Quichotte*) và những tích truyện cổ đẹp và tinh tế không khác gì vẽ vậy.

Đến 6 giờ chiều mới trở về Marseille.

*

Thứ năm, 20 tháng 4, 1922

Tối hôm nay lại đi nghe diễn thuyết. Đọc nhật báo thấy có một hội “Thiếu niên Văn sĩ” mới lập, mở một cuộc diễn thuyết về văn chương và mỹ thuật. Đọc lời bá cáo thời như rỗng như phượng cả, mà đến nghe thời chán như cơm nếp nát. Diễn giả, hội trưởng, phó hội trưởng, thư ký, cùng các ngài trị sự trong Hội, toàn trạc trong và ngoài hai mươi tuổi cả. Ngài nọ đứng lên giới thiệu ngài kia, ngài kia đứng lên cảm ơn ngài nọ, ngài thì đọc lời bá cáo, ngài thì tuyên bài phi-lô^[16] “bí beng” một lúc, chẳng biết ngài nào là ngài nào cả, vì toàn là những “danh sĩ” chưa ai từng biết tên bao giờ.

Đến khi diễn giả đang đàn thời cầm tập giấy đọc một hồi như người tụng kinh, tiếng đã nhỏ mà giọng lại có tật, đọc cứ phều phào, chẳng ai nghe ra cái gì cả. Đọc độ ba khắc đồng hồ xong, thời một người thiếu niên, – chừng là ngài hội trưởng, – lên thay mặt Hội cảm ơn diễn giả vừa cho nghe một bài văn hùng hồn

như thế! Ngài hội trưởng nói cũng hơi lấp bắp và lời cầu kỳ mà không được thông. Cử tọa vỗ tay một hồi lâu... (cơ trong đó chắc có nhiều quan viên hàng hội và bè bạn của diễn giả).

Đoạn rồi, mấy ngài thiếu niên văn sĩ nữa lên sân khấu ngâm thơ, ngài thì ngâm thơ cổ, ngài thì ngâm thơ tự mình làm, vừa ngâm vừa đánh đàn, vừa uốn éo làm bộ làm dạng, lại “bí beng” một hồi nữa rồi tan cuộc.

Có người ngồi bên tôi ghé tai nói: “Bọn này họ muốn bắt chước phường hát bội mà bắt chước không nên thân...”.

Coi đó thời biết không những ở nước ta, mà ở quí quốc cũng có hạng văn sĩ đặc biệt đó. Song nghe nói ở Marseille này là chỗ buôn bán phồn tạp văn học không có gì, nên những hạng ấy mới xuất lộ ra được, chứ ở Paris thời giống đó không thể có được, vì nếu có mọc mầm ra cũng bị người ta cười mà phải thui đi.

*

Thứ bảy, 21 tháng 4, 1922

Ông X. là người đồng xứ ta, có mời các phái viên họp để bàn chuyện lập một hội thân ái người Pháp và người Nam ở Marseille. Tôi không hiểu ý ông lập hội để làm gì, vì phần nhiều người An Nam mình chỉ ở đây trong mấy tháng đầu xáo, rồi về, còn hội học sinh thời ở Paris nghe đã có đặt rồi. Hỏi ông đến hội Paris thời ông nói mục đích không giống. Thế thì mục đích ông muốn gì? Nghe ông nói không được phân minh lắm. Có người nói ý ông là muốn đặt riêng một hội để bầu ông làm hội trưởng cho nó tăng thêm cái giá trị riêng của ông. Nếu thế thì cái tính hiếu danh, cái thói “dĩ công vi tư” của người mình, dầu sang đến đất văn minh cũng không quên hết. Song, dù thế nào cũng là người đồng quận, nên ông mời cũng phải ừ ào cho xong chuyện, ông bảo đóng tiền cũng xin vâng, nhưng anh em mình ai cũng có ý lạnh nhạt, xem ra ông giận, trách rằng không có bụng nhiệt thành về việc công. Nhưng chẳng hay việc là việc công, hay việc tư, nhỉ?...

Buổi chiều hôm nay lại đi nghe diễn thuyết. Một ông thầy kiện diễn về ông Mirabeau là một nhà hùng biện về đời Cách mệnh nước Pháp. Nhưng bài diễn thuyết thời không được hùng biện lắm. Thầy kiện mà nói thế thì cũng tầm thường quá. Nhưng mà ở

đâu chẳng có người tầm thường; chỉ phiền là tầm thường mà không tự biết rằng tầm thường mà thôi.

Chủ nhật, 23 tháng 4, 1922

Hôm nay có thi ngựa. Nhân đi xem thi ngựa, vào nơi công viên *Borély*, dạo chơi trong vườn và xem nhà bác cỏ quán ^[17] *Borély* ngót nửa ngày. Nơi công viên này là chỗ nhàn du rất thú vị của người Marseille. Rộng ngót năm mươi mẫu tây, chia làm ba phần: phần chính giữa, ngay nhà bác cỏ quán (xưa là một cái biệt trang có tiếng ở Marseille) trông ra là cái “vườn kiểu Pháp” (*jardin francais*), đặc sắc là ngang bằng sỏ ngay, hai bên hai dãy ngô đồng lá sửa thẳng như đường kẻ, giữa những tấm cỏ, những bể nước, đứng trên sân nhà bác cỏ nhìn ra thấy cực mục như một cái thảm gấm ngũ sắc, hai bên có hai cái rìa xanh um, trông cũng có khí tượng ^[18] lắm; người ta nói ở Paris, còn có nhiều cái “vườn kiểu Pháp” đẹp hơn nhiều; - bên hữu là trường thi ngựa; - bên tả là cái “vườn kiểu Anh” (*jardin anglais*), đặc sắc là âm u khuất khúc, như các hoa viên của Tàu, có bụi rậm, có thác nước, có đình tạ, có hồ kiêu, có lối đi quanh quất dưới bóng cây, thật là: *Có cây có đá sẵn sàng, có hiên "Lâm thúy" nét vàng chưa phai*. Vườn kiểu Pháp thời sáng sủa mà có khí tượng, vườn kiểu

Anh thời u sầm mà có phong thú ^[19], hai kiểu cùng đẹp cả mà theo ý tôi thời ưa riêng kiểu Anh, nên vào nơi biệt tịch trong vườn, ngồi dưới bóng cây, trên phiến đá, đến giờ lâu không thấy chán. Có một chỗ thú nhất, là cái rừng thông nhỏ, trong có ghế đá ngồi, giữa có cái tượng đá ông Puget là một nhà điêu khắc có tiếng ở Marseille tự thế kỷ thứ 17, tượng hình đứng, tay cầm cái búa và cái đục, mắt như đương ngắm nghía cái gì, dưới tượng có khắc một câu rằng: “Đá cẩm thạch trông thấy ta phải rùng mình” (*Le marbre tremble devant moi*), nghĩa là cái tay ông chạm khéo đến nỗi phiến đá trông thấy cũng phải rung động, câu ấy tưởng cũng có ý tứ lắm vậy.

*

Thứ tư, 26 tháng 4, 1922

Hôm nay tàu *André Lebon* ở bên ta sang, có ba ông phái viên Bắc kỳ ta là ông Phạm, ông Hoàng và ông Nguyễn cũng sang chuyến này. Tàu chuyến này lại đỗ tại ngoài bến Pinède, là bến xa hơn nhất. Ra đón các ông, hỏi chuyện đi tàu, chuyện nước

nhà, anh em gặp nhau vui vẻ lắm.

*

Thứ năm, 27 tháng 4, 1922

Nghe diễn thuyết của bọn học sinh thuộc về đảng “Quốc gia hành động” (*étudiants d'Action française*). Đảng này ở nước Pháp, tuy số ít người, mà thế lực mạnh lắm, vì đảng nhân có kỷ luật và lãnh tụ là những người giỏi cả, nhất là hai ông Charles Maurras và Léon Daudet, cùng làm chủ bút báo *Action française* ở Paris. Đảng này chính là đảng quân chủ ở Nghị viện, thuộc về bên hữu, chủ ý là muốn lấy quân chủ thế vào dân chủ, nhưng hiện chưa thực hành được thời hẵng hết sức bảo thủ những nền nếp cũ trong nước, và thứ nhất là công kích đảng quá khích làm loạn. Tuy cái chủ nghĩa quân chủ thật là trái với phong trào dân chủ đời nay, cho nên nhiều người không phục thật, nhưng mà cái chủ nghĩa duy trì trật tự, bảo tồn quốc túy thời nhiều người lấy làm ưa, và từ khi chiến tranh chi hậu, quốc dân theo về đảng này càng ngày càng thấy nhiều. Nhưng xét ra đảng này có thế lực,

phần nhiều là nhờ cái tài cổ động của hai người lãnh tụ trên kia, hai ông viết báo thật hay, dầu ai không phục cái chủ nghĩa của hai ông cũng phải chịu hai ông là người không tầm thường. Cách cổ động khéo lắm, chú ý nhất là bọn học sinh các trường, nhất là các trường trung đẳng và cao đẳng, vì biết rằng tương lai nước nhà là ở bọn đó. Ông Maurras vốn là người ở gần Marseille, nên đảng nhân ông ở tỉnh này nhiều; học sinh các trường cũng họp thành một nhánh nhỏ. Bữa nay là bọn học sinh họp nhau lại để diễn thuyết về cái chủ nghĩa “quốc gia hành động”, nghĩa là vì nước mà hành động, tức là cái chủ nghĩa ái quốc, nhưng ái quốc một cách hoạt động vậy. Tuy là những người thanh niên cả, nhưng coi ai cũng có vẻ nhiệt thành về một cái chủ nghĩa cao thượng, nên lời nói thiết thực, không có phiếm ^[20] như bọn văn sĩ nói ^[21] mình mới nghe diễn thuyết hôm nọ. Người có chủ nghĩa với người không có chủ nghĩa, không cứ người già hay người trẻ, coi cái thái độ, sự hành vi có khác nhau lắm.

*

Thứ bảy, 29.4.1922

Nhà “Pháp-Việt phạn điểm” (*Restaurant franco-annamite*) trong đầu xào khai trương, có làm tiệc mời các phái viên đến dự vui vẻ lắm. Nhà này là của mấy người Tây buôn ở Sài Gòn lập tại trường Đầu xào để dọn cơm An Nam cho người Tây dùng. Người Tây nếm cơm An Nam nhiều người khen ngon; thứ nhất là khen nước mắm của ta, nói rằng trong các thứ nước chấm không gì bằng nước mắm (đây là nói thật nước mắm Phú Quốc, không phải những thứ pha phách như ngoài Bắc ta). Thế mới biết: “Bụt nhà không thiêng”, đồ ăn của mình, mình cứ khinh thường, mà người ta lại lấy làm trọng.

5 giờ chiều hôm nay có cuộc diễn thuyết to ở nhà “Vạn quốc kịch trường” (*Théâtre des Nations*). Cuộc diễn thuyết này là do Hội “Liên hợp các hội đảng lớn nước Pháp” (*Union des grandes Associations françaises*) tổ chức, không những ở đây, ở khắp các tỉnh thành trong nước Pháp nữa. Diễn giả kỳ này là quan Đại tướng Mangin ở Paris xuống. Đại tướng là một tay võ tướng đã có công to trong cuộc chiến tranh vừa rồi, nhất là trong khi chống giữ thành *Verdun*. Từ khi chiến tranh xong thời ngài được Chính phủ đặc phái đi diễn thuyết ở các nước phía Nam châu Mỹ, đi đến đâu cũng được hoan nghênh lắm. Lại thường viết bài trong các báo chí bàn về việc hành quân trong khi chiến tranh,

ngộ luận tự do, khám phá được nhiều điều u ẩn và cải chính được nhiều việc sai lầm, thực đã giúp được nhiều tài liệu quý báu cho nhà sử học sau này nghiên cứu về cuộc chiến tranh vừa rồi. Trong quân đội ngài có tiếng là một bậc mãnh tướng, quả quyết và can đảm lắm. Trước khi chiến tranh thời ngài đã phần nhiều lập công ở các thuộc địa châu Mỹ, biết cái tính chất hiếu võ của những dân da đen ở các thuộc địa ấy (nhất là dân *Sénégalais*), nên đã một hồi ngài xướng lên cái thuyết nên lập một quân đoàn bằng người da đen để giúp việc phòng bị cho nước Pháp. Ngài thường nói: “Nước Pháp không phải là một nước chỉ có 38 triệu người mà thôi đâu, nước Pháp chính là một nước có một trăm triệu người đó”, là có ý kể cả số người các thuộc địa vậy. Coi đó thời biết cái tính cách của người diễn thuyết hôm nay thế nào. Đại tướng Mangin chính là một người nhiệt thành về cái “đế quốc chủ nghĩa” đó, nghĩa là muốn khuếch trương thế lực nước Pháp cho rất to rất mạnh, khiến cho thành một cái đế quốc lớn trên thế giới. Ngài là một ông võ tướng, có cái tư tưởng hùng cường thế, cũng không lấy gì làm lạ vậy. Nay ngài ra diễn thuyết, ta thử nghiệm xem người đến nghe đối với ngài thế nào, thời tức là dò được cái dư luận nước Pháp đối với cái chủ nghĩa ấy thế nào vậy.

Một cuộc diễn thuyết của một hội lớn như thế tổ chức thì chắc là

chính bị lấp. Trong ngoài cảnh sát rất là nghiêm ngặt, vì đại tướng cũng là một bậc yếu nhân của Nhà nước, vả lại trong số những người đến nghe, các quan to ở Marseille và các trọng yếu nhân vật cũng nhiều. Người vào nghe phải mất tiền mua vé trước, tùy hạng ngồi, như mua vé xem hát vậy. Nhà kịch trường kẻ cũng đã rộng, mà người ngồi các hạng chật hết cả, kẻ có tới hai nghìn con người.

Đại tướng diễn thuyết về “nguyên nhân và kết quả sự chiến thắng của Đại Pháp”, đại khái tán dương cái công của nhà quân đã thu hoạch được sự chiến thắng ấy. Bọn quân nhân và bọn trung lưu xã hội đến nghe nhiều lắm, cho nên đến những đoạn tán dương như thế thì vỗ tay như pháo ran. Ngài nói cũng bình thường, không lấy gì làm hùng biện lắm; xét ra vỗ tay phần nhiều vì người hơn là vì lời nói.

Nói độ chừng một giờ đồng hồ, đọc bài viết sẵn, chớ không phải ứng khẩu nói. Nói đến chỗ “nước Pháp là một nước có trăm triệu người”, cử tọa vỗ tay một hồi lâu. Cứ xem như thế thì phần nhiều người nước Pháp còn ưa cái “quốc gia chủ nghĩa” lắm. Cái phong trào quá khích mới, tuy cũng có nhóm lên nhiều nơi, nhưng ngoài bọn lao động, trong dân gian ít người theo. Xét như một cuộc diễn thuyết hôm nay thì đủ làm minh chứng vậy.

Duy đến khi diễn thuyết xong, đại tướng dời nơi kịch trường lên xe hơi đi, thời thấy ngoài phố lao nhao, người túm đông túm đò, cảnh binh chạy tập nập (lúc này trông mới biết lính cảnh sát nhiều), không ai hiểu là chuyện gì, vì người đông quá. Nhìn kỹ ra thì thấy cảnh binh đương nắm bắt một người mà người ấy chống cự, không chịu cho bắt. Người đứng xem, kẻ nói ra, kẻ nói vào, kẻ thì bênh người ấy, kẻ thì nói nên bắt; sau thấy tha, và người ấy lại tự do đi như thường. Hỏi ra thì đâu là người thuộc về đảng quá khích, khi đại tướng ở nhà hát ra có lên tiếng thóa mạ, và muốn chạy lại xâm phạm vào người, nhưng bị người ta đẩy ra. Sau nghe đâu xét trong người không có khí giới, nên cảnh sát cũng tha. Lại xét một việc này thì biết cái phong trào quá khích cũng nhom nhóm trong dân gian vậy.

*

Thứ tư, mùng 3 tháng 5, 1922

Đến thứ bảy này thì quan Giám quốc Millerand ^[22] đi kinh lược ở Bắc Phi châu về, sẽ đến Marseille. Nên mấy ngày nay trong

thành phố sửa soạn đón tiếp ngài. Gần nhà trọ mình có làm cái bài phường, chẳng đèn điện, tối thấp đẹp lắm. Mấy bữa nay đi chơi phố buổi chiều vui vẻ lắm. Nước này là nước dân chủ, mà sửa soạn đón ông Giám quốc cũng linh đình tấp nập như người ta đón ông quân chủ vậy.

Trong đấu xảo mấy hôm nay cũng thấy làm riết. Vì đến chủ nhật quan Giám quốc sẽ vào xem đấu xảo. Bọn mình cũng phải sắp sửa áo gấm để hôm ấy ra nghênh tiếp đây! Chắc là sẽ trọng thể lắm.

*

Thứ năm, 4.5.1922

Chiều hôm nay lại đi nghe diễn thuyết. Ở Marseille này, người diễn thuyết hay thì ít, nhưng cái phong trào diễn thuyết coi ra thịnh. Từ bữa mình đến đây tới giờ, đi nghe không biết mấy lần rồi; ấy là chưa đi được khắp đấy. Nếu cứ xem nhật trình mà đi cho hết thì không tới nào không, mà có tới đến hai ba nơi cùng

diễn một giờ.

Bữa nay là cuộc diễn thuyết của Hội “Nữ quyền” (*Ligue française pour le droit des femmes*). Diễn giả là một bà thày kiện nói về vấn đề “cần phải cho đàn bà làm quan thẩm phán”. Đàn bà đến nghe đông lắm. Cả tòa trị sự hội toàn là đàn bà hết. Hội trưởng hay là trưởng chi hội ở Marseille là một bà cụ đã già, trông đạo mạo, đứng lên trước giới thiệu bà diễn thuyết cho người đến nghe, nói rõ ràng và mạnh bạo, ra người thông thạo và có tài ngôn ngữ.

Rồi đến diễn giả nói trong một giờ đồng hồ. Diễn giả vốn làm thày kiện, nên pháp luật thuộc và biện bác giỏi lắm. Nói thông thả mà rõ ràng. Thường nhận ra đàn bà diễn thuyết bao giờ cũng rõ ràng thông thả, ít khi hùng hồn được như đàn ông, nhưng thường dịu dàng dễ nghe; đó cũng là sự tự nhiên, song xem đó thì biết đàn bà diễn thuyết về mỹ thuật văn chương có lẽ hay hơn về chính trị pháp luật.

- [1] Xem kỹ ra.
- [2] Lời nói khéo, nhan sắc đẹp.
- [3] Dùng lưỡi để chiến đấu.
- [4] Túc Phan Chu Trinh.
- [5] Hò reo, lay động, ủng hộ.
- [6] Túc nạo thai.
- [7] Hỏi cho ra những nghĩa khó.
- [8] Túc Nguyễn Văn Vĩnh.
- [9] Đi lính.
- [10] Khả năng tài chính.
- [11] Thượng thư: Bộ trưởng.
- [12] Có thể hiểu: các cơ quan.
- [13] Địa điểm có ý nghĩa lịch sử.
- [14] Nghĩa đen: *ôn*: âm, *tuyền*: suốt.
- [15] Chạm trở kỹ càng và có sức biểu cảm.
- [16] Nói bằng ngôn ngữ triết học.
- [17] Một loại bảo tàng.
- [18] Gọi không khí riêng.
- [19] Ý vị thanh nhã.
- [20] Trôi nổi, không đâu vào đâu.
- [21] Một từ cổ, ngày nay không thấy ghi trong các từ điển. Riêng *Từ điển Việt - Hán* ghi là mới nổi lên (*tân khởi*).
- [22] Tổng thống Pháp 1920-1924.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 4

V.

Marseille, thứ bảy, 6.5.1922

Chiều hôm nay quan Giám quốc Millerand đi kinh lược ở Bắc Phi châu về, đến Marseille, dân thành Marseille đón long trọng lắm. Người ta thường nói nước Pháp là nước dân chủ mà vẫn còn cái nghi vệ di truyền tự đời quân chủ, thật thế! Cứ xem cách nghênh tiếp ông quốc trưởng như nghênh tiếp một ông vua thì đủ biết. Song xét ra chỉ có cái nghi vệ trang nghiêm để cho tráng quan chiêm ^[1] và trọng sự thể mà thôi, chứ trong dân gian không có cái lòng sùng bái ông quốc trưởng như người Đông phương ta mê tín ông vua vậy. Tối hôm nay các phố phường trưng đèn đẹp lắm, trưng để đón mừng ông Giám quốc thì ít mà nhân tiện để cáo bạch chiêu hàng thì nhiều. Các tòa, các sở, các nhà buôn

được nghỉ cả, nên người đi chơi đi xem đông lắm. Mình cũng đi lẫn với bọn họ xem cái thái độ họ thế nào và họ bình phẩm làm sao. Phần nhiều người thời cũng có cái tính háo hức như người mình, thấy người ta đi xem cũng đi, mà vị tất đã xem thấy gì, chẳng qua là “người xem người” mà thôi. Mà xem thấy nữa, thì bất quá thấy một ông mũ cao áo dài, ngồi xe tứ mã, cũng không có gì lạ hơn. Thế mà nhiều người nô nức, chen nhau cho cố xem lấy được. Cho hay cái tính “ngơ ngáo” (tiếng Tây gọi là *badaud* ^[2]) thật là một cái thông tính của kẻ bình dân, nước nào cũng vậy. Như bên mình, mà bên này cũng thế, có đám đánh nhau, đám to tiếng, bao nhiêu đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn, chạy lại đông như kiến cỏ; để làm gì? để xem; xem cái gì? nhiều khi không biết! Đám đánh lộn còn vậy, huống chi là quan Giám quốc. Nghe những người đi xem họ nghị luận với nhau mới biết rằng tuy có nô nức hiếu kỳ như thế mà người ta không có cái lòng sùng bái kẻ quan quyền như người mình. Thường nghe thấy người nói: “Quan Giám quốc là gì? Quan Giám quốc cũng là người như mình, cũng là một kẻ công dân như mình, chớ gì?”.

Quan Giám quốc đi đến đâu, có quân đội và cảnh binh hộ vệ đến đấy, để phòng sự bất kỳ, vì người bên này họ tự do lắm, không biết sự xảy ra thế nào. Vả quan Giám quốc chẳng qua là người một đảng, dầu đảng ấy số nhiều mà đặc thế, còn đảng khác số ít

mà thất thế, ở một nước tự do bình đẳng, sự đảng tranh nhiều khi kịch liệt lắm. Không những ông Giám quốc cần phải phòng bị cẩn mật, mà ông thủ tướng, ông thượng thư, cùng các yếu nhân trong chính giới, quân giới, v.v... đều như thế cả. Ở các xã hội Tây phương, sự mạo hiểm cũng như sự hoạt động, là cái tư cách người ta ai cũng phải có.

*

Chủ nhật, 7.5.1922

Bốn giờ chiều hôm nay quan Giám quốc vào trường Đấu xảo xem. Bọn mình cũng phải mặc áo đẹp ra đóng vai mặt ít lâu; nhưng không khó nhọc gì, chỉ phải đứng dưới thềm trước cái sân lớn sở *Angkor*, khi quan đến thời cúi đầu chào, thế mà thôi.

Quan Giám quốc đi cùng với quan Thượng thư Sarraut. Khi đến trước bọn mình thời quan Thượng thư giới thiệu: “Đây là các thân hào Việt Nam”, quan Giám quốc bắt tay vài ba người, bọn mình cúi chào, rồi các quan tiến lên, bọn mình lui về, thế là xong

chuyện. Nhưng khi về nước nhà, thuật lại với bà con, cũng được cái hãnh diện rằng đã được bắt tay quan Giám quốc!

Chín giờ tối, trong trường Đấu xảo làm hội đêm để mừng quan Giám quốc. Trung đèn điện thật nhiều, rất là rực rỡ. Người đến xem có tới mấy vạn con người, trường Đấu xảo đã rộng như thế mà chỗ nào cũng đông nghìn nghịt.

Hội mở ở trước sở *Angkor*; hai bên bắc đèn chiếu thật mạnh, chiếu sáng vào nơi sở chính, lộng lẫy như một cái cung thủy tinh. Chung quanh những cây cao bóng tối, đèn điện lấp lánh như sao điểm, người xem chật ních như nêm cối, tiếng người nói, tiếng kèn thổi, ồn ào rộn rịp, giữa đột lên một đám sáng rực như thế, thật cũng là một cảnh li kỳ, như cái cung điện trong mộng đem đến giữa chốn phồn hoa vậy.

Trên cái sân lớn, hai bên có đặt ghế cho người xem ngồi, chỉ người nào có giấy mời riêng mới được vào. Đúng 9 giờ, xong tiệc ở trong “Sở máy”, quan Giám quốc, các quan văn võ cùng các khách mời đến giải tọa ở đây. Đèn chiếu mở sáng thêm, cảnh tượng lại rực rỡ hơn. Sân cao hơn mặt đất, đứng trên trông xuống, cực mục như một cái bể người, nhấp nhô như những làn sóng.

Được một lát, thấy im phăng phắc, lặng như tờ, như ai nấy đều ngưng thần chú ý để đợi một sự gì lạ, mà sự lạ ấy sẽ ở đâu trong đám tối sau cái cung thủy tinh kia mà ra. Đã nhận phàm cảnh gì xuất hiện ban đêm cũng có cái vẻ li kỳ huyền bí; dẫu cảnh rất tầm thường cũng vậy. Không trách đời cổ sơ cho đêm là cái đại bí mật, là cái phần thời gian thuộc về những giống khác giống người, những giống lị vị vỗng lửng ^[3] gì, cho nên sự gì xảy ra ban đêm cũng khiến cho người ta rùng mình chột dạ. Như tiếng gió thổi trên ngọn cây, tiếng sếu kêu giữa khoảng trời, ban ngày mấy ai để tai nghe, để ý nhận, mà đêm đến thời thành những tiếng phong thanh hạc lệ ^[4], làm cho người ta lạnh lẽo trong lòng...

Chợt nghe thấy một hồi quân nhạc, rồi đến thứ kèn thổi giục, nghe thật lạ tai, không biết là hiệu kèn gì. Hỏi ra mới biết là kèn Ả-rập. Ai ai cũng ngóng trông về phía tiếng kèn, mà chưa thấy gì cả. Bây giờ lại lặng lẽ hơn lúc trước nữa. Được một lát thời mới thấy những đèn những đuốc tự đằng xa ngổn ngang kéo lại, đi tự dưới chân sở *Angkor* mà tiến lên, trước còn mập mờ chưa nhận rõ là gì, sau lên đến trên sân, trước ánh đèn chiếu, mới biết là một đám rước kiệu mới. Có lẽ người đứng đằng xa, tận bên dưới mà trông, còn đẹp hơn nhiều. Đám rước này là rước các thuộc

địa diễn chào trước mặt quan Giám quốc. Nào là da đen, da vàng, hung hung, nhuôm nhuôm, đủ các sắc người, đủ các giống người, người *Arabes*, người *Marocains*, người *Malgaches*, người *Sénégalais*, người *Annamites* mình đi sau cùng cả, giống nào có cái trò gì lạ thì phô ra hết. Trông thật cũng vui mắt, và vào địa vị người quý quốc, vào địa vị quan Giám quốc ngồi chủ cuộc diễn kịch này, tưởng ngoài cái cảnh vui con mắt, lại còn có một cái tư tưởng rất tự hào ở trong lòng, tự hào mình là một cường quốc, dưới chân biết bao nhiêu dân tộc phải thần phục. Nhưng vào cái địa vị mình đứng đây thời cái quan cảm nó phiền phức lắm, khó nói ra được. Trong người các giống kia trẩy trước mắt, quên đi cũng lấy làm vui, nhưng gần đến lượt người giống mình, thời trong lòng như có ý nơm nớp sợ... sợ không biết người mình sẽ bày cái trò gì cho người quý quốc xem, mà sợ nhất là trông thấy những ông mặc áo rộng vái huyền thiên, thì đến chết mất! Bây giờ trống ngực đánh thòm thòm, như nghẹn đến cổ. May sao! Đến lượt người mình thời chỉ có rước một cái kiệu thần không, với mấy cái tàn quạt và trống chiêng, còn theo sau thời có... phường hát bội của ông Lương Khắc Ninh!...

*

Thứ hai, mồng 8 tháng 5, 1922

Gặp ông K., cùng với bà vợ mới ở *Montpellier* lại.

Ông là người Nam kỳ, sang học luật khoa ở bên này, lại có đem cả bà theo. Người có tư tưởng lắm, tôi quen biết từ năm xưa, hồi về chơi Nam kỳ hơn một tháng. Trong anh em cho ông là người có chí. Bà lần này tôi mới biết, coi cũng ra người thông tuệ.

Cùng ông bà ăn cơm An Nam ở “Pháp-Việt phạm điểm” trong trường Đấu xảo, nói chuyện giờ lâu. Trong bọn đồng bào mình ở bên này, ít gặp ai có thể nói chuyện được như với ông, vì ông cũng có cái tư tưởng về việc đời vậy. Không những ít gặp người đồng chí, mà trong bọn nghe đâu lại có mấy kẻ rất khả ố, là cái giống *trành* ^[5]. Thật nhiều khi riêng giận một mình mà không thể không than rằng người Việt Nam mình hèn thật: chỗ nào có đến mười người An Nam là ở trong có một người thuộc về cái giống đê mạt ấy. Nhưng họ làm cái nghề ấy, mà thường dốt nát, có biết gì đâu.

*

Thứ ba, mùng 9.5.1922

Mình ở Marseille đã lâu rồi, nóng ruột muốn lên Paris. Sau cuộc nghênh tiếp quan Giám quốc, định lên ngay, nhưng nghe nói có quan Toàn quyền Long ở bên Đông Dương sắp sang, nên đình lại mấy ngày nữa, đợi cùng anh em đón ngài rồi mới đi. Nhưng ở Marseille đã thấy chán rồi. Người ở đây những kẻ trí thức xem ra ít, phần nhiều là những hạng doanh nghiệp cả, ít quen biết được người hay. Còn cái xã hội An Nam mình ở trong Đấu xảo, kẻ số người cũng khá đông, nhưng mà bác tạp lắm, và tính cách cũng như bên mình, cũng những cách vận động, cũng những lối úp mở như thế, dẫu đi xa, vẫn giữ cố thái ^[6]; giao du thật không có thú gì.

Hôm nay đi chơi *Château d'If*, là một cái thành cổ, ở trên cái đảo nhỏ, ngoài bể, cách Marseille mấy dặm. Ra bến Canebière đã có sà-lúp sẵn, chạy chừng nửa giờ thời đến nơi. Ra đến bể, trông vào trong bến lố nhố những thuyền tàu, trong phố chòng chát những nhà cửa, thật là vui mắt.

Tra trong sách, đảo *If* này có 290 thước dài, 168 thước ngang, và 850 thước quanh. Tàu đổ trước một con đường nhỏ sẻ vào trong đá. Đường gồ ghề khúc khuỷu, trèo lên thời tới thành, đây có mấy cái nhà trước dùng làm trại lính, sở pháo binh và kho thuốc đạn; bây giờ có một hàng cơm cho khách du lịch nghỉ ngơi ăn uống.

Lạ nhất là cái lâu thành (*le donjon*), ngoài có một cái cầu cất (*pont-levis*), có khắc chữ năm 1592, là năm dựng ra thành này. Trông địa thế thời hình vuông, nhưng bốn góc có bốn cái tháp tròn, ba cái bằng nhau, còn một cái về phía tây vừa cao vừa tròn hơn.

Thành này dựng ra chủ ý để dùng làm ngục giam của Nhà nước; khác nào như thành *Bastille* (Tàu dịch là Ba-ti-đích) ở phương Nam vậy. Chính tay vua François thứ I đặt viên đá thứ nhất ngày 20 tháng 12 năm 1524, dưới viên đá ấy có đặt một lọ dầu, một lọ rượu và một hộp sắt đựng lúa mì và một mảnh da đề ngày tháng khởi công. Năm ấy vua François thứ I ngự du Nam phương để cảm ơn dân Marseille đã có công giúp đánh được kẻ thù của vua là quân công Bourbon. Dân mở hội mừng vua, đặt ra một cuộc hải chiến, giả lấy quả cam làm đạn ném; vua chơi đùa vui vẻ lắm, sau về Paris vẫn còn nhớ buổi hôm ấy, trong sử còn ghi

chép.

Ngày nay thành *If* không còn dùng gì về việc quân phòng nữa, thiên hạ ai ai muốn vào xem cũng được, ngày thường phải một quan, chủ nhật và ngày lễ 0f.25. Có người lĩnh trưng phát vé thu tiền ở đây, mỗi năm phải nộp vào công quỹ Nhà nước 30.075 quan, như thế thì hơn bù kém số người đến xem mỗi năm trung bình cũng được từ 5 đến 6 vạn người.

Ở trong lâu thành coi cũng buồn rứt như các nhà ngục khác; ở giữa có một cái sân vuông cũng khá rộng, chung quanh có 14 cái ngục tối, bây giờ mở rộng ra hơi có chút khí trời và ánh sáng, chớ xưa kia thời có lẽ không khác gì cái hầm chôn người sống vậy.

Năm cái ngục ở tầng dưới, vào xem đây trước. Có hai cái tương truyền là Edmond Dantès và cô Faria trong bộ tiểu thuyết trứ danh đề là *Bá tước Monte Cristo* của ông Alexandre Dumas, bị giam ở đây, một người 14 năm, một người 18 năm.

Cứ xem tường dày như thế, ngục sâu như thế, thời biết những người phải giam ở đây khổ biết chừng nào! Những người nào đã đọc bộ tiểu thuyết của ông Dumas rồi mà đến xem đây, thật

không khỏi rùng mình.

Người ta có kể chuyện chính ông Dumas một hôm cao hứng muốn đi xem lại mấy cái ngục ông đã tả trong bộ tiểu thuyết. Bây giờ coi ở đây và dẫn khách đi xem có một lão già tên là lão Grosson. Lão đưa ông đi xem khắp các ngục, đến cái ngục cổ Faria, lão chỉ cho ông xem cái lỗ hồng của cổ đục qua tường bằng một cái xương cá để thông với ngục Bá tước, thuật y như lời trong tiểu thuyết của ông, rồi nói rằng: “Ông cứ về mua lấy bộ tiểu thuyết của ông Dumas mà xem thì biết hết chuyện.” - Ông Dumas bèn nói: - Chà! Ông Dumas ấy giỏi nhỉ! Thế lão có biết ông không? - Có, tôi biết lắm, ông là bạn thân của tôi. - Ông Dumas nắm lấy tay lão, đưa cho hai đồng tiền vàng, cười mà rằng: - Thế thì ông ấy cảm ơn lão nhé! - Lão ngẩn người ra, không hiểu ra làm sao.

Ở cửa ra, về bên tay trái, có một quyển sổ để cho khách du lịch ai muốn biên gì làm kỷ niệm thì biên. Xem những lời biên trong ấy, nhiều câu lạ lắm. Có một câu như sau này của ông nghị viên Clovis Hughes biên ngày mùng 4 tháng 9 năm 1894, tưởng đủ diễn được cái cảm giác chung của khách du lịch đến xem đây; lời rằng:

“Thành này từ xưa đến giờ vẫn dùng làm chốn lao lung cho quyền áp chế. Ước gì về sau này chỉ trông thấy cái cảnh tượng lòng bác ái chứa chan trong thiên hạ, cũng như ánh mặt trời chói lọi mặt bể khơi!”.

Ai đến xem đây, khi trở về chắc trong lòng cũng ước ao như vậy.

*

Thứ tư, mùng 10 tháng 5, 1922

Ăn cơm trưa ở nhà quan cai trị X... Quan ở bên Đông Dương là một tay hách dịch có tiếng, nay hạ cố mời chúng mình thế này cũng đã là nhũn lằm. Nhưng cái không khí đây không giống cái không khí bên mình, đây là thuộc về ôn đới, nên cũng mát mẻ dễ chịu hơn ở nhiệt đới nhiều.

Quan đây có tiếng là người thâm lằm, nhất là đối với bọn quan lại ta. Thấy nhiều ông quan người mình nhu nhược và dè dặt quá, ông cũng tức thay, và thường làm lằm cái thủ đoạn “chơi

khăm”, kẻ cũng “điếng” cho bọn kia, mà bọn kia vẫn không hiểu, vẫn không biết phản chấn tự cường lên chút nào.

Người Tây thường có tính “hiếu thắng”, nghĩa là mạnh bạo tự cường, muốn cho kẻ khác đối đãi với mình cũng có cái tính ấy; nhưng người Việt Nam ta đối lại, - nhất là trong bọn quan liêu, - thời lại nhu nhược rút rút quá, nói không dám nói lời thẳng, đứng không dám trông ngay mặt, tựa hồ như kính sợ mà kỳ thực là siểm mị ^[7] một cách đê tiện; người ngoài người ta trông thấy vô nhân cách như thế cũng phải tức thay, tức mà sinh ghét, ghét mà muốn nhục đãi cho xấu hổ để chữa đi, nhưng không biết rằng những kẻ ấy nhiều khi không còn biết xấu hổ là gì vậy.

Nói ra thời mất lòng người mình, nhưng tưởng trong xã hội ta có nhiều thứ người đãi đến thế nào cũng đáng.

*

Thứ năm, 11 tháng 5, 1922

Sáng sớm hôm nay, 6 giờ 30, tàu *Amboise* ở Đông Dương sang vừa đến bến. Quan Toàn quyền Long và quan chánh Văn phòng Châtel đi chuyến tàu này. Vậy cùng anh em dậy sớm ra bến *Pinède* đón. Lên tàu chào các ngài, các ngài tiếp chuyện ân cần vui vẻ. Quan Toàn quyền nói ngài chỉ ở Marseille vài bữa, rồi lên Paris ngay để thương thuyết với quan Thuộc địa Thượng thư nhiều việc.

Đón quan Toàn quyền rồi, về trọ sửa soạn hành lý để sớm ngày thứ bảy đi Paris. Trong bọn phái viên có ba ông cùng đi với mình. Máy người bàn nếu đi thẳng lên Paris luôn một ngày thì nhọc lắm, và không được xem thành phố Lyon, là nơi đô hội thứ nhì của nước Pháp, vậy định hẵng đi từ Marseille lên Lyon, ở đây mấy bữa, rồi sẽ lên Paris.

Về phần riêng mình thì từ hôm tới Marseille đến giờ nhận được mấy cái giấy ở Paris giục lên diễn thuyết, vậy thể nào cuối tháng này cũng phải có ở Paris, và nếu ở chơi Lyon cũng không thể ở lâu được. Nói đến diễn thuyết, lại càng sốt ruột quá. Mình đã chọn mấy cái đầu bài, định soạn trước từ hôm mới đến đây, vậy mà đã một tháng nay chưa viết được dòng nào cả! Song sang bên này, sao mà thấy thì giờ nó mau thế: ngày nào cũng đi ăn hai bữa, dạo chơi mấy vòng, thế là tối ngày. Tối đến cũng phải tiêu

dao phổ phường, cho nó biết cái phong vị bên Tây, thành ra không có mấy thì giờ mà nghĩ mà viết cả. Nhưng mình sang đây là để quan sát, phải đi đây đi đó, xem thấy cho nhiều, nếu đến đây mà cũng đóng cửa buồng ngồi làm văn như ở nhà thì còn có ích lợi gì. Thôi, diễn thuyết mặc diễn thuyết bao giờ đến kỳ sẽ hay.

*

Thứ sáu, 12 tháng 5 1922

11 giờ sáng hôm nay, quan Toàn quyền Long vào xem Đấu xảo. Bọn phái viên ta cũng phải vào đón ngài ở trước sân đình trong phố Hà Nội.

Thôi, lần nghênh tiếp này có lẽ là lần cuối cùng, vì sớm mai mình sẽ dời thành Marseille mà lên Paris, đoạn tuyệt quan hệ với sở Đấu xảo vậy. Mình ở Đấu xảo trong bấy lâu, cũng đã cùng anh em “đấu xảo” được nhiều lần rồi, và có lẽ hình ảnh mấy bác “thân hào Việt Nam” ta cũng đã thu trong kính ảnh, in vào

“phim” bóng rồi, một ngày kia sẽ được truyền đi khắp các nước. Bao giờ ảnh chúng mình đem ra chớp bóng ở mấy rạp bóng Hà Nội hay Sài Gòn, cho bà con nước nhà xem, biết mình đi Tây có công cán như thế, bấy giờ mới thật là vẻ vang!

Buổi chiều đi từ biệt mọi người để sáng mai đi sớm.

VI.

Thứ bảy 13 tháng 5 năm 1922 (ở khách sạn Terminus, Lyon)

Sáng hôm nay dậy sớm để đi chuyển xe lửa 8 giờ 30 lên Lyon. Tối hôm qua đã thức khuya sửa soạn hành lý. Hồi ở nhà đi đem một cái hòm (cái rương) lớn đựng quần áo với một cái vali to đựng đồ vật. Khi lên tàu xuống tàu mới biết rằng lịch kịch bất tiện quá: đi xa không nên đem hòm lớn, nếu có nhiều đồ thì để san ra làm mấy cái vali tiện hơn. Vả cũng không nên đem nhiều đồ quá. Ai cũng tưởng rằng đi xa phải phòng bị cho đủ thứ, nhất là đồ ăn mặc; nhưng mà giá đi những phương xa lạ đâu đâu, chắc rằng không có đủ những thức mình cần dùng, thời phòng bị như thế là phải; chứ đi sang Tây thời cần gì? Chỉ sợ không có nhiều tiền mà sắm đồ thôi, không lo thiếu đồ dùng. Càng kỹ bao nhiêu

thời lại càng phiền bấy nhiêu. Như cả ngày hôm qua lo về đồ đạc hòm đựng thời đủ biết. Đành là không thể đem cái hòm lên Paris được, phải gửi lại nhà trọ ở Marseille và mua thêm một cái vali nữa để đựng những đồ cần dùng. Vả những đồ quần áo trong hòm cũng không dùng đến, vì phần nhiều là quần áo An Nam cả, khi ở nhà đi, tưởng sang bên này cứ giữ quốc phục, sang đến đây mới biết rằng không tiện. Mình sang đây là để xem người, không phải cho người xem mình; như vậy mà cứ thướt tha như anh lẽ sinh, đi nghênh ngang ngoài đường phố, thời khác nào như làm một cái vật “đấu xảo” giồng đường cho người quý quốc xem, nghĩ nó cũng dơ dáng dạng hình quá! Bởi thế nên từ ngày tới Pháp đến giờ, phải bận Âu phục luôn, trừ những khi dự các hội tiệc thời mặc quốc phục cho trọng thể. Còn nhớ mấy ngày đầu mới ăn mặc Tây, rõ phiền quá. Tôi bắt đầu thử mặc tây tự Sài Gòn đi, để tiện xuống chơi các bến tàu đỗ. Hôm xuống Tân Gia Ba là ngày mặc Âu phục lần thứ nhất: hôm ấy trời lại nóng nực, mình quen mặc rộng rãi thênh thang, bây giờ bó buộc như thẳng hình nhân, lấy làm khổ quá; nào là quần trong, quần ngoài, nào là áo “sổ mi”, nào là “bờ-lơ-ten”^[8]; khổ nhất là đeo cái “phô-côn”^[9] cho ngay ngắn, thắt cái “cà-vạt” cho dễ coi. “Cà vạt” có thứ đã thắt sẵn, chỉ việc cài vào mà thôi; có thứ mình phải thắt lấy. Trước khi mua đã phải hỏi ý các ông sành mặc tây, ông nào cũng bảo rằng thứ thắt sẵn chỉ để cho các ông già dùng, còn

người trẻ phải thất lấy mới là lịch sự. Nhưng khốn quá, mình tập thất mãi mà nó vẫn cứ nghiêng vẹo, lệch lạc, xô xếch, răn reo, không thấy “lịch sự” một chút nào cả! Cực nhất là lúc tàu đã đến bến rồi, anh em đợi để lên ăn cơm ở cao lầu trên phố, mà mình ở trong buồng cứ loay hoay thất với buộc mãi không xong, bấy giờ đỏ mặt tía tai lên, muồn quăng cả đi, nghĩ bụng rằng: “Thôi, chẳng tây thì đừng tây, mỗi lần thế này khổ quá”. Sau cũng phải nhờ có tay giúp mới buộc xong. Nhưng mà cho hay muôn sự tại thói quen cả, hôm đầu khó nhọc như thế, đến ngày thứ nhì thứ ba đã thấy dễ rồi; cách một tuần lễ thời buộc cái “cà-vạt”, thấy dung dị như thường, và soi gương coi đã ra vẻ lắm rồi! Khi đến Marseille thời nghiêm nhiên như ông Tây “đặc”, tưởng hình như mình vẫn mặc tây đã mấy mươi năm rồi; không những cách ăn mặc mà dáng bộ cũng hết: tay bỏ túi quần, tay cầm gậy “can”, không còn ngượng ngập gì nữa. Nghĩ bụng giá bấy giờ cứ thế mà hiện hình về giữa phố Hàng Đào Hàng Ngang Hà Nội thời chắc ai cũng phải cho là một cậu “công tử bột” chân chùng! Lại nghĩ rằng nếu văn mình mà chỉ có thể thôi, thời cũng dễ quá: chỉ mất sáu trăm quan là được cái lột văn mình như hết, và theo “mốt” tối tân, các “công tử” nước nhà không sao theo kịp: áo thất ngang lưng, quần nếp thẳng băng, cổ là bóng nhoáng, giày sơn đen nháy, lại phủ một miếng da trắng ở trên cho khỏi bụi (thế mới hợp “mốt” năm nay)... Nhưng mà mình vẫn biết đã lâu rằng

văn minh không phải ở cái lốt ngoài đó. Chẳng qua là đến đâu phải theo tục đó mà thôi. Nhưng mà có một điều nên biết, là người mình có tính mềm mại, uyển chuyển, không bắt chước người thì chớ đã bắt chước thì cũng chẳng kém gì ai, nhất là về cách ăn mặc, có khi người mình ăn mặc tây lại còn óng ả riêm rúa hơn nhiều người quí quốc...

Vậy bao nhiêu hành lý để cả Marseille và chỉ đem hai cái vali đựng quần áo tây với mấy bộ quần áo An Nam để phòng khi dùng đến; còn thiếu cái gì, lên Paris sẽ mua.

Tự Marseille lên Paris, nếu đi luôn thì tự 8 giờ sáng đến 10 giờ đêm tới nơi, hai bữa ăn ở trên xe lửa cả. Nhưng đi thể nhọc, và cũng không vội gì mà phải đi như thế. Bèn định đi làm hai độ: hăng tự Marseille lên Lyon trước, ở chơi đây vài ngày, rồi sẽ đi lên Paris sau. Vậy mấy bữa trước đã lấy vé xe lửa lên Lyon rồi, vì ở đây định đi chuyến xe nào về ngày nào phải lấy vé mấy ngày trước và dặn người ta giữ chỗ cho, nếu chính ngày giờ ấy mới đến lấy vé ở ga thì không kịp và nhiều khi không còn chỗ. Trong thành phố có đặt ra nhiều sở phát vé trước như thế, người nào đến lấy vé trước, mất một vài quan tiền hoa hồng, thời tùy ý trong hạng mình muốn chọn ngồi chỗ nào cũng được, vì thường thường ngồi vào chỗ góc về mặt trông ra ngoài đường thời vừa

dựa được và vừa tiện xem phong cảnh hơn là ngồi về bên lối đi (xe lửa bên này có ba hạng và chỗ ngồi sắp đặt cũng như hạng nhất hạng nhì xe lửa bên ta, nghĩa là ngồi một bên và một bên có lối đi, chỉ khác hạng nhất hạng nhì có đệm êm và hạng ba thì không, cũng như bên ta).

Đi từ Marseille lên Lyon, vào hạng nhì, giá chừng 60 quan. Muốn ăn cơm ở trên xe thì sau khi lên xe phải lấy một cái vé giữ chỗ ngồi ăn, giá ăn chừng 10 quan một bữa. Trong xe lửa đã có hai ba cái toa đặt làm buồng ăn, và có bếp nước đủ cả.

Đường xe lửa từ Marseille lên Paris qua Lyon gọi là đường *Paris-Lyon-Méditerranée*, viết tắt là đường P-L-M) là đường dài nhất và quan trọng nhất ở Pháp, do một công ty lớn kinh doanh. Những chuyến xe chính, nghĩa là đi qua các tỉnh lớn, không đỗ những ga nhỏ, như chuyến 8 giờ sáng chạy Lyon và Paris thì chạy mau lắm, đến 80 cây một giờ, đó gọi là những chuyến xe “thường tốc” (*express*); lại còn những chuyến chạy thật mau, gọi là “thượng tốc” (*rapides*), thường chạy ban đêm. Ngoài những đường chính đó, chà chạnh ^[10] ra hai bên, chẳng chịt như mạng nhện, có vô số những đường nhỏ, nối các tỉnh lỵ bé, các huyện, các tổng, các làng với nhau; hạng xe lửa này gọi là xe lửa nhà quê (*trains omnibus*), chạy chừng 20 đến 30 cây một giờ, đến ga

nào cũng đỗ, cũng giống như các xe lửa bên ta.

Tự Marseille lên Lyon đỗ có mấy tỉnh lớn là: *Arles, Tarascon, Avignon, Orange, Montélimar, Valence, Vienne*, nhưng mỗi chỗ đỗ có mấy phút, không đủ xem gì cả. Duy nhận kỹ cái phong cảnh hai bên đường, thời khi đi chừng được non nửa đường thấy khí vị khác hẳn. Tự Montélimar trở xuống thời khí hậu ấm áp, phong cảnh sáng sủa, đó là thuộc về Nam phương, có cái cảnh sắc riêng của xứ Provence, cũng còn phảng phất như ở Marseille. Nhưng càng đi lên thì càng thấy dịu dần, sắc trời bớt sáng, khí trời bớt ấm, phong cảnh đã hơi có ý điều hiu; người đăng trí đến đâu cũng nhận biết ngay rằng đã dời đất nam phương mà chuyển lên bắc phương vậy.

Đến Lyon vừa đúng 2 giờ rưỡi chiều. Ngay cạnh nhà ga “*Lyon-Perrache*” có một cái khách sạn lớn gọi là Hôtel Terminus của công ty xe lửa P-L-M đặt cho hành khách trọ. Máy anh em đều xuống nghỉ cả đấy. Nhà khách sạn này lịch sự lắm và chỉ nhận những khách đi xe lửa mà thôi.

Nghỉ ngơi một lát, chừng 4 giờ đi chơi phố. Mới ở Marseille lên, thấy cảnh tượng phố phường ở đây lạ hẳn. Lyon là thành phố thứ ba của nước Pháp, dưới Paris và Marseille, thế mà không có cái vẻ sầm uất như ở Marseille. Không phải là thành phố không to

lớn, buôn bán không thịnh vượng - đây chính là nơi tổ nghề tơ lụa ở nước Pháp, bao nhiêu những đồ tơ lụa có tiếng của nước Pháp đem bán ở các nước là chế tạo tự đây, xuất cảng tự đây cả, - không phải là dân số ít, - vì dân đây cũng hơn 50 vạn người chẳng kém gì Marseille, - thế mà đến đây có cái vẻ bình tĩnh nghiêm trang, không có phiến náo rộn rịp như ở Marseille. Là bởi cái cảnh tượng bề ngoài với cái tư cách người ta, ở Nam phương với ở đây cách xa nhau lắm. Lyon tuy chưa hẳn là Bắc phương, nhưng đã có cái khí vị Bắc phương rồi. Người Marseille hay nói hay cười, hay ba hoa bả lả, hay ngao du ngoài phường phố, hay tụ tập chỗ đông người, lại hay đùa nhau, bỡn nhau, chửi nhau, đánh nhau, nên trong thành phố lúc nào cũng ồn ào những tiếng người, rộn rịp những xe chạy. Lại thêm trời thường sáng sủa, nắng ráo, ấm áp, bảnh bao, cho nên đầy trong không khí như có cái vẻ vui vẻ tươi cười. Ở Lyon thời thật là khác: người đây trầm tĩnh, điềm đạm, ít nói, ít cười; coi bộ những người đi ngoài phố như ai cũng có việc gì mới đi, chứ ít người đi chơi phiếm. Còn cảnh sắc thời thường u ám, hay có sương mù ở sườn núi mặt sông. Cảnh ấy người ấy làm cho thành phố Lyon có một cái khí vị nghiêm và buồn.

Địa thế thành Lyon đẹp lắm; ở giữa nơi hợp lưu hai con sông *Rhône* và *Saône*, chung quanh những núi non xanh rì, nhà lầu

chồng chất, trông thật là kỳ tú. Không cảnh gì đẹp bằng đứng trên bờ sông mà ngắm dải trường giang xanh ngắt, trên có hơn chục cái cầu bắc song song. Một bên sông Rhône, một bên sông Saône, bao bọc thành phố như hai con tròng xà; những phố phường ở giữa hai sông là nơi đông đúc, đẹp đẽ nhất.

Mấy anh em cùng đi chơi phố, đi bộ từ 4 giờ đến 7 giờ, kể cũng đã nhiều đường đất. Mình từ khi sang Tây đến giờ, được cái đi bộ giỏi. Ở nước nhà, bước bước lên xe, sang đây ra đến cửa phải cuốc bộ, nó cũng quen đi. Nhưng phải biết rằng đi bộ bên này có cái thú riêng, không khổ như bên mình: đường phố rộng rãi sạch sẽ, hai bên hè rộng bằng đường bên ta, cả năm không bao giờ có cát bụi, nắng không có nắng to vỡ đầu, mưa không có mưa dầm lầy lội, như thế mà thùng thẳng cắp cái “can” sau lưng đi dạo các phố phường, khi dừng lại xem các cửa hàng, lúc vui chân theo khách qua lại, lại lúc ngừng mắt nhìn bức phong cảnh, ung dung thơ thẩn, không vội vàng gì, như thế chẳng thú lắm dư? Chẳng bù với bên mình, đường phố đã chật hẹp, lại bẩn thỉu, hai bên đường thời những nước cống chảy đen xì, mùi hôi tanh, cả năm trừ mùa mưa dầm với mùa nắng hạ bước chân ra đường là cái tội, duy có mùa tạnh ráo thời lại là mùa hanh, đi ngoài đường gặp cái xe ô tô chạy qua thời mồm, mũi, tai, mắt như hứng lấy một rổ bụi ném vào; như thế phỏng còn sướng gì? ở đời không

có cái thú gì giản dị và rẻ tiền bằng cái thú đi thơ thẩn ngoài đường, ngắm người ngắm cảnh. Cái thú ấy ở nước ta cũng ít khi được hưởng. Ở đây thời sự đi tản bộ ngoài đường phố không những là một cái thú vui, mà lại là một bài học cho khách du lịch nữa, vì trong khi đi thơ thẩn như thế, xem xét được nhiều điều hay, và khác nào như hô hấp sâu được cái không khí riêng của cái nơi mình ở. Rồi sau về nhà hồi tưởng lại, nhớ đến một cái góc phố kia, một cái cửa hàng nọ, một cái nét mặt người, một cái giọng cười nói, cũng đủ hình dung được cái cảnh tượng, cảm giác được cái linh hồn những nơi mình đã qua. Tôi cho là thật người du lịch phải đi bộ, và nói ra thì có người cho là hủ lậu, nhưng cách du lịch không gì bằng đi vòng đi cang như các cụ ta đời xưa. Đến xem xét một xứ nào mà chạy cái xe hơi vùn vụt, như muốn cho chóng xong để đi nơi khác, như thế còn có thú vị gì, và còn xem được gì?

Buổi chiều hôm nay đi tự nhà ga *Perrache* đến nơi công trường *Bellecour*, rồi lên xe điện ra nơi công viên *Tête d'or*, vào trong vườn chơi mãi đến tối mới về. Công trường *Bellecour* và công viên *Tête d'or* là hai nơi thắng cảnh đẹp nhất thành Lyon. Công trường *Bellecour* là một cái sân lớn rộng thênh thang, hình chữ nhật, bề dài 310 thước, bề ngang 200 thước, trong có những vườn cây, máy nước, và ở chính giữa có một cái tượng lớn vua

Louis thứ 14 cưới ngựa. Chỗ này là chỗ họp tập những người sang trọng ở thành Lyon, chiều chiều ra chơi mát, uống rượu nghe kèn. Người ta nói nội các công trường^[11] (*places publiques*) trong thế giới, nơi này có lẽ vào bậc nhất nhì, kiểu cách với bề thế cũng chẳng kém gì nơi Cộng hoà trường (*Place de la Concorde*) ở Paris. Còn công viên *Tête d'or* thời tuy gọi là cái vườn nhưng thực là một cái rừng nhỏ, có cây rậm, có hồ trong, có trại động vật, có trại thực vật, cũng là một chỗ đi chơi thanh thú.

Bây giờ rưỡi về khách sạn ăn cơm tối. Chỗ này ăn uống lịch sự, người hầu hạ rất mực phép tắc, khách ăn cũng toàn người sang cả.

Ăn cơm xong lại đi dạo chơi phố một hồi, cho biết cái cảnh tượng Lyon ban đêm. Sánh với Marseille vào giờ này thì thật buồn rứt; trừ mấy chỗ có nhà cà-phê còn có người ngồi, đến các nơi khác từ 9 giờ trở đi là vắng tanh. Về trọ ngủ cũng yên lặng và im phăng phắc, không có tiếng người tiếng xe như ở Marseille.

VII.

Lyon, thứ hai 15 tháng 5.1922

Hai ngày hôm nay đi chơi khắp trong thành phố, toàn đi chân cả, trừ chỗ nào có xe điện không kể.

Hôm qua chủ nhật lại vừa ngày hội Bà thánh *Jeanne d'Arc*, ngày hội này bắt đầu từ năm nay đặt thành một ngày quốc hội. Tám giờ sáng có diễu binh ở công trường *Bellecour*. Cả binh lính, cả người xem, kể có vạn con người, thế mà đứng vừa cả, đủ biết nơi công trường này rộng là dường nào.

Xem diễu binh xong, lên xem nhà thờ lớn *Fourvières*. Nhà thờ này cũng là một cái kỳ công rất vĩ đại. Xây ở trên cao nguyên *Fourvières* là nơi phát tích thành Lyon, khởi công tự năm 1872 đến năm 1896 mới xong; bề dài 86 thước, bề ngang 35 thước; có bốn cái cột bát giác cao 50 thước. Nhà thờ xây bằng đá cả, còn kiểu là thuộc về kiểu tạp, vừa có kiểu Hi Lạp, vừa có kiểu *byzantin*, vừa có kiểu hình trám (*ogival*). Cửa tiền có bốn cái cột làm bằng phiến đá một, cao hơn tám thước, cánh cửa bằng đồng coi lực lưỡng lắm.

Trên đỉnh một cái cột bát giác có đặt nơi gọi là “quan sát đài”

(*observatoire*), đứng đây có thể trông được khắp cả các vùng chung quanh, những buổi tinh trời trông tới 150 cây-lô-mét xa. Lên đến đây phải trèo 316 bậc, đã thấy chồn chân. Ở trên có để một cái “phương hướng biểu” (*table d'orientation*), biên rõ cả các nơi có thể chiếu ống kính trông thấy được; về phía Đông, những buổi sáng trời, trông thấy cả núi Bạch Sơn^[12]. Nhưng bữa mình lên thời trời lại u ám, chẳng thấy gì; đứng trên trông xuống chỉ thấy một đám sương mù toả che cả nơi thành phố, vì thành Lyon này chung quanh những núi cả, khác nào như ở trong lòng chảo, ngày nào cũng sương mù trên núi dồn xuống, có khi cả ngày không tan hết.

Vùng này là chỗ phát tích thành Lyon đời xưa. Năm 43 trước Gia-tô giáng sinh, người La Mã đến di dân ở đây lập ở trên núi *Fourvières* một cái trại đặt tên là *Lugdunum*. Đến đời vua Auguste nước La Mã đặt đây làm thủ phủ đất *Gaule Celtique* về thế kỷ thứ hai và thứ ba sau Gia-tô. Tỉnh thành hồi bấy giờ hai ba lần bị cháy, dữ nhất là năm 59 và năm 197 sau Gia-tô. Nhưng sau khôi phục dần lại và mỗi ngày một bành trướng ra. Nhưng gốc tích là ở trên chỗ cao nguyên này; ngày nay những di tích còn đầy cả, nào là mảnh bia, mảnh tượng, mảnh tường, nhiều chỗ còn có từng dòng chữ cổ chưa phai. Đằng sau nhà thờ, có một con đường dốc hẹp đi lên lối trên sườn núi, hai bên đường đầy

những mảnh đá cổ, khác nào như một cái vườn bác cổ vậy, tuy bỏ tự nhiên như thế, nhưng cũng có kẻ hữu ti coi việc bảo tồn cả, vì đất này là một đất có quan hệ đến lịch sử nước Pháp.

Ở đây ra đi lên nơi gọi là đồn *Saint Irénée*, đó là một cái đồn binh cũ nay dùng làm nhà Pháp - Hoa Đại học (*Institut franco-chinois*). Trường này có hơn một trăm học sinh Tàu trọ học ở đây. Nhân hồi chiến tranh xong, ông nguyên thủ tướng Painlevé nước Pháp có sang Tàu cổ động cái chủ nghĩa Pháp - Hoa huê, tự đây học sinh Tàu trước vẫn sang học Đức và Mỹ bèn kéo sang Pháp nhiều lắm. Chính phủ Pháp hiệp ý với chính phủ Tàu định đặt ra ở Lyon một trường dự bị cho học sinh Tàu học ở đây cho đủ biết tiếng Pháp rồi mới phân phát đi các trường đại học và trường chuyên môn khác. Vậy trường Pháp - Hoa Đại học này là của hai chính phủ Pháp - Hoa đặt ra, nên có hai ông đốc quản trị, một ông người Tàu, một ông người Pháp. Vào xem trường này mà nghĩ đến học sinh An Nam mình không có một nơi nào như thế cả; có lẽ là quý quốc nghĩ rằng đối với người Tàu là dân một hữu bang ^[13] thời phải nên biệt đãi một cách ân cần, còn như đối với người Nam là dân thuộc quốc, nghĩa là con cái nhà, thì thế nào cũng được, ý thế chăng?...

Trường này đã phải một hồi đa sự, là hồi bên Tàu các hội học

đồng thanh với chính phủ ra công cở động về sự du học Pháp nhiều quá, lại nói rằng học sinh sang bên Pháp có thể vừa đi học vừa đi làm công để lấy tiền ăn học được, nên bọn học sinh đua nhau mà sang Pháp, phần nhiều là con nhà nghèo không có vốn liếng gì, mong đến nơi vừa làm vừa học, nên tự xưng là “cần công kiệm học”. Nhưng số học sinh sang đông quá, lại không dè rằng khi tới nơi rồi muốn vào làm công các xưởng, bị bọn thợ Pháp phản đối và ngăn trở, sợ tranh mất việc làm, thành ra nhiều người bơ vơ làm không có chỗ làm và học cũng không thể học được. Hồi ấy trường Pháp - Hoa Đại học này đã có rồi, và theo quy tắc chỉ nhận học sinh do chính phủ Tàu theo chính thức gửi sang và có hội Trung Hoa giáo dục ở Paris đảm nhận. Còn bọn “cần công kiệm học” kia, phần nhiều là tự ý sang lấy, thành ra vô thừa nhận. Bọn đó, kể mấy trăm con người, cùng túng quá, dùng cách ôn hoà xin vào không được, bèn họp nhau lại áp đảo nhà trường, rồi ngỗ nghịch chiếm cứ, đuổi không đi nữa. Việc này lôi thôi mãi, sau hai chính phủ Pháp - Hoa hết sức điều đình mới khuyên được bọn đó về nước, và từ bấy giờ không cho sang thêm nữa.

Cạnh nhà trường có một nhà hàng cơm Tàu, nhân tiện vào ăn cơm đây. Lâu nay mới được ăn cơm, lấy làm sướng quá; ăn cơm đây thuần là học sinh Tàu cả, họ trông thấy mình họ cũng tưởng

là người Tàu, nhưng cho là người một tỉnh khác họ không biết tiếng.

Hôm nay đi chơi nốt các phố phường và vào xem nhà bảo tàng các đồ dệt (*Musée des Tissus*), có đủ các kiểu đồ dệt bằng vải cùng bằng tơ lụa của các nước từ đời xưa đến đời nay.

Tiếp chuyện một ông thanh niên văn sĩ, lại chính là ông diễn thuyết ở Marseille mấy tuần trước. Ông đã đỗ cử nhân, vừa học trường đại học (để thi *Agrégation* ^[14]), vừa làm thơ vừa làm văn, xem ra ông sành thơ văn lắm, và cũng tự đắc lắm, bình phẩm các danh sĩ đương thời không cho ai ra gì cả. Cho hay những hạng văn sĩ nổi ở nước nào cũng như nước nào.

Xem thành Lyon thế này cũng gọi là tiêm tiêm đủ rồi, vậy anh em định sớm mai lên Paris chuyển xe lửa thứ nhất. Chiều hôm nay đã lấy vé sẵn cả rồi.

*

Thứ ba, 16 tháng 5.1922

Ngày hôm nay đi xe lửa đã nhọc, đến Paris lại đi dạo phố phường 3, 4 giờ đồng hồ luôn để nhận phương hướng, tối mệt quá, nhưng lạ chỗ cũng không ngủ được, bèn đem tập nhật ký ra biên. Song cầm bút mà không có hứng viết một chút nào. Vậy cái cảm giác ngày thứ nhất ở Paris, phải để hôm nào tinh thần thư thái hơn sẽ thuật, bữa nay gọi là ghi chép cái ngày giờ đến đây cho nhớ về sau mà thôi.

Sáng đi chuyển xe lửa 6 giờ 30 từ Lyon lên, chuyến này cũng là chuyến “thường tốc” (*express*) như ở Marseille lên Lyon. Đi hạng nhì giá 71 quan. Trong mấy anh em, có ông Nguyễn, ông Trần và mình đi bữa nay, còn ông Vi và hai cậu con thời còn ở lại Lyon để lên chơi *Macon* có người quen, rồi sau này mới lên Paris. Bữa trước ở Marseille lên Lyon, càng lên phía bắc càng thấy trời hiu hắt, có khi lạnh; bữa nay ở Lyon lên Paris thời càng lên lại càng thấy nắng và nóng, cái đó cũng lạ. Là bởi năm nay nghe chừng mùa hạ ở Paris nóng khác thường; bây giờ mới là tháng 5, kể còn là xuân, thế mà khí nóng đã như hạ rồi. Mình vốn yếu chịu lạnh, đến mùa lạnh ở Bắc kỳ chịu cũng đã khó thay, nên khi đi vẫn sợ sang bên này gặp lạnh thời đến phát đau mắt. Nhưng mà may sao đến đây giữa vào cuối xuân sang hạ, mà hạ

năm nay lại có ý nóng hơn mọi năm như thế này, thật là trời tựa
[15] một anh con xứ nhiệt đới.

Đúng 3 giờ trưa xe lửa đến Paris đỗ ở nhà ga gọi là *Gare de Lyon*.

Ngồi trên xe lửa mình đã đọc kỹ cái sổ kê những nhà khách sạn ở Paris, in trong các sách “Paris chỉ nam”, anh em đã bàn nhau định vào trọ một nhà ở đường Vaugirard, vì trong sách nói rằng nhà ấy trông ra vườn *Luxembourg*, cảnh trí đẹp lắm. Nhưng khi đến nơi, bảo xe ô tô đưa đến đường ấy số ấy thì chẳng thấy nhà khách sạn đâu cả, không biết là sách in lầm hay là nhà đã dọn đi nơi khác rồi. Thế là mình sắp định một điều hỏng cả một điều, mà sự không trông hòng thời lại tới. Số là ông Ng. H. C. là con một vị hưu quan ở Bắc kỳ ta, được tin anh em đến có ra ga đón, khi tìm trọ ở đường Vaugirard không xong, ông bèn dắt về chỗ trọ ông, nơi gọi là “Thế giới khách sạn” (*Hôtel du Monde*), ở đường Berthollet số 15. Thế là sang đất lạ lại được ở cùng người đồng quận, cũng là một sự không ngờ.

Thôi đêm đã khuya, cố đi ngủ, để mai đi chơi sớm.

[1]Nhìn cho sương mắt.

[2]Các từ điển dịch là hiểu kỳ.

[3]Ma quỷ.

[4]Gió thổi, hạc kêu, ý chỉ khung cảnh vắng vẻ.

[5]Chưa rõ nghĩa là gì. Có nhiều từ điển không có chữ *trành*.

Riêng cuốn *Tiếng nói nô na* ghi *trành* là một loại quỷ ma độc ác, chuyên đi bắt người. Vậy đây có phải là một thứ tiếng lóng, chỉ *mật thám*?

[6]*Thái* ở đây là thói quen; *cố thái* tức thói cũ.

[7]Siểm mị: nịnh hót và lừa bịp.

[8]Dây đeo.

[9]Cổ cồn.

[10]Theo *Đại Nam quốc âm tự vị*, *chà* có nghĩa là nhánh, có nhánh. Có thể hiểu *chà chành*: tỏa nhánh.

[11]Tức quảng trường.

[12]Tức Mont Blanc.

[13]Một nước bạn bè.

[14]Thạc sĩ.

[15]Chiều lòng.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 5

VIII ^[1]

Paris, thứ tư 17 tháng 5

Bấy lâu khao khát được đến Paris, nay đã nghiệm nhiên ở Paris rồi đây. Lúc còn mơ tưởng Paris, tưởng được trông thấy mừng rỡ xiết bao. Nay đã đến nơi, thấy điềm nhiên như không, tựa hồ như mình ở đây đã lâu năm rồi. Sáng ngày thức dậy, mở cửa phòng trông ra ngoài phố, mơ màng như vẫn ở nước nhà, sự nhớ ra mới biết rằng mình đương ở một nơi đô thành đệ nhất trong thế giới. Nghĩ người ta cũng lạ: mơ tưởng cái gì mà chưa được thì bồn chồn háo hức, tưởng được rồi sướng không biết bao; đến khi được thật, thấy cũng chẳng sướng hơn gì trước, đã sẵn lòng coi thường, coi rẻ. Không biết rằng sự sướng, sự khổ, sự vui, sự buồn ở đời, không phải là bùng bùng như lửa cháy, cuộn cuộn

như nước lên, vụt phát ra, vụt biến đi, như trong khi diễn kịch ở trên sân khấu. Phàm tình cảm của người ta, phải dần dần dà dà, nhạt tằm nguyệt tí ^[2], lâu ngày đắm thắm, mới thật là chân tình; còn ngoại giả là những sự háo hức nhất thời mà thôi, càng nóng nảy bao nhiêu, lại càng dễ nguội bấy nhiêu.

Một nơi đô hội lớn như Paris này, chắc là có một cái tinh thần riêng, một cái “hồn” riêng; cái hồn ấy, không thể trong một buổi mà cảm giác được. Mà có cảm giác được cái “hồn” ấy, mới thật là biết Paris, chứ không phải xét cảnh tượng bề ngoài mà đủ biết. Mình còn ở đây lâu, thử cố xem có cảm được cái “hồn” thiêng của một nơi danh thắng đệ nhất trong hoàn cầu. Chớ nên vội vàng hấp tấp mà đã xét đoán theo cái cảm giác một buổi đầu.

Đến Paris, việc thứ nhất là phải mua một cái bản đồ, và chiều bản đồ đi chơi mấy buổi để lấy phương hướng. Cả buổi chiều hôm qua là đi chơi lấy phương hướng (tiếng tây gọi là *courses d'orientation*). Ở Paris có thứ xe điện ngầm gọi là Métropolitain, nghe nói lạ lắm. Bèn tự trọ ^[3] ra nơi đỗ xe gần nhất, cũng cách đến hai phố dài. Chỗ này xe lại không chạy ngầm mà chạy ở trên cầu, vì là chỗ trũng nhất ở Paris. Lấy vé, rồi vào xe đứng, không đầy một phút xe chạy, chạy mau vùn vụt như tên bắn vậy, một loáng thời vào đường hầm, tối như cái đường phố hẹp ban đêm

mà có tháp thoáng mấy cái đèn điện. Tuy đi dưới đất như thế, nhưng cũng thoáng hơi, không đến nổi hầm hầm, vì mỗi đầu phố lại có cửa lên xuống, xe đến nơi đỗ độ nửa phút cho khách lên xuống, rồi lại vùn vụt chạy. Đứng trong xe thấy mỗi chỗ đỗ kẻ lên người xuống tấp nập, mình chẳng biết đâu vào đâu cả, cứ đứng bên. Sau đứng mãi mỏi chân, đến một chỗ thấy người ta lên mình cũng lên, thì ra xe đã chạy ngầm dưới sông Seine mà sang bên kia sông, là chỗ phồn hoa náo nhiệt nhất thành Paris. Sau mới hiểu ra rằng lối xe điện ngầm này là chạy vòng quanh khắp thành Paris, người nào định đi đâu thì phải chọn đường mà đi và phải biết trước đến đầu phố nào phải xuống, không thì xe kéo đi khắp thành phố, ra đến ngoài ô. Cho nên ở Paris này, nếu thuộc địa đồ biết đường xe nào đối chiếu với đường xe nào, thì đi đâu cũng tiện lắm, vì các đường sắp đặt rất khéo, đối nhau như in. Nhưng khách lạ ngỡ như mình, mới trông vào địa đồ thật là hoa mắt rối trí, đứng trong xe thời cứ thấy chạy bắn đi, mà nhìn chung quanh tối om như hũ nút, đến chỗ đỗ mình chưa đọc rõ tên chỗ nào, xe đã chạy vụt đi rồi!

Ở dưới hầm lên, thấy đứng giữa một con đường thông cù ^[4] lớn, hai bên nhà cửa nguy nga, hàng quán la liệt. Mở địa đồ xem mới biết là chỗ này gần dinh quan Giám quốc. Anh em nói đùa nhau rằng bọn mình đến Paris, không rắp định và cũng không có tư

cách vào chào ông quốc trưởng của Đại Pháp, vậy mà tình cờ đưa chân ngay đến trước cửa dinh ngài, ấy cũng là một sự không ngờ. Ấu là ta đi dạo quanh một lượt xem hình thể cái dinh quan Giám quốc thế nào, ấy cũng là một cách thi lễ của người khách đối với ông chủ nhà vậy. Cơ ngơi cũng to tát rộng rãi thật, vườn tược um tùm, nhưng kẻ đẹp thì không lấy gì làm đẹp cho lắm, nước Pháp tưởng còn nhiều nơi cung điện đẹp hơn nhiều. Có lẽ lấy cái tính cách bình đẳng một nước dân chủ, ông quốc trưởng không nên ở nơi lộng lẫy quá chăng? Xem bề ngoài không có cái gì là đặc biệt với các nhà lầu khác, duy có mỗi cửa hai tên lính “đầu rồng” (*dragons*) đeo gươm trường đứng canh là hơi có cái vẻ quan cấm một chút. Bên ta chưa được trông thấy thứ lính “đầu rồng” này bao giờ, chỉ được xem trong tranh, bây giờ mới mục kích: lính này mặc áo dạ đen nẹp đỏ, đầu đội cái mũ đồng bóng nhoáng có đuôi dài rủ xuống sau lưng, một tay cầm gươm vác vai, một tay cầm vỏ gươm kéo xuống đất, mà người nào cũng lực lưỡng cao lớn, trông thật oai vệ. Thứ lính này chỉ dùng về việc nghi vệ mà thôi.

Cách dinh Giám quốc một ít, lại có một cái dinh nữa cũng có “lính đầu rồng” canh: hỏi ra mới biết là Bộ Nội vụ, trông ra nơi công trường *Beauveau*. Ta thường đọc báo tây cứ thấy trong báo nói đến các bộ mà không có nói rõ là bộ gì bộ gì, chỉ gọi tên

đường phố mà thôi, như Nội vụ thì gọi là *Place Beauveau*, Ngoại vụ là *Quai d'orsay*, Lục quân là *Rue Saint Dominique*, Thủy quân là *Rue Royale*, Bộ Thuộc địa là *Rue Oudinot*, v.v., cũng là một cái thói quen riêng của các nhà làm sách làm báo, tức như bên ta gọi người không gọi bằng tên và họ mà gọi bằng tên làng, như cụ Yên Đỗ, cụ Đồng Tỉnh, ông tú Đông Ngạc, ông đồ Lương Đường, vân vân.

Đi chơi lan man đường nọ ra phố kia, xem đã thích mắt, nhưng còn ngơ ngác như chú Mán đường ngược xuống chơi Hà Nội vậy. Cứ thế mà đi suốt đường thông cù *Champs Elysées* hai lượt, đi bên này phố từ nơi dinh quan Giám quốc đến cửa Bắc đầu Khải hoàn môn (*Arc de triomphe de l'étoile*), rồi lại đi bên kia phố từ cửa Khải hoàn về đến Cộng hoà trường ^[5] (*Place de la Concorde*), hai bên phố cách nhau đến trăm thước, mà con đường dài cũng tới ngàn thước. Ngắm cảnh tượng con đường thông cù này mới biết thành Paris là lớn là đẹp. Nhưng chắc còn nhiều cảnh đẹp nữa, ta chớ nên vội hăm hở mà nức nở khen như chú Mán nọ, về chốn kinh kỳ kẻ chợ, thấy cái gì cũng lạ mắt lạ tai, mỗi mỗi kêu lên: “úi chà, to! úi chà, đẹp!” Người đi quan sát mà đứng trước một cái cảnh tượng gì, dù to dù đẹp lạ lùng thế nào mặc lòng, không cầm được cái tiếng kêu “úi chà!” đó, là người chưa đủ tư cách quan sát vậy. Tuy vậy, lúc ghi chép vào

quyển nhật ký này, tưởng tượng đến cái đường thênh thang đó, hai bên hai dãy cây um tùm, một đầu sừng sững cửa Khải Hoàn, một đầu chon von cái cột đá (là cột đá Ai Cập ở giữa Cộng hoà trường), kẻ cũng đã trang nghiêm, kẻ cũng đã tráng lệ, kẻ cũng có khí tượng, kẻ cũng có hùng uy, bất giác cũng lẩm bẩm khen thầm: “úi chà, đẹp!” Như vậy thời cũng chữa khỏi là chú Mán mà đã dám tự cao...

Tự đường thông cù *Champs-élysées* mà không biết đi quanh đi co, đi luẩn đi quẩn thế nào, lại về đến trước cửa nhà Ga Lyon là nơi mình xuống xe lửa lúc nãy. Đi đất tự 4 giờ, bây giờ đã hơn 7 giờ, bụng vừa đói, chân vừa mỏi, gặp hàng cơm ở đường Lyon, vào ăn cơm tối, thế là bữa cơm thứ nhất ở thành Paris vậy. Bữa này ăn ngon quá, duy nói đến “cơm” mà thêm “cơm”, vì từ khi sang đây đến giờ chỉ mới được hai lần là ăn cơm gạo thật, còn tuy gọi là “cơm” mà là “cơm tây” cả! Cái tiếng “cơm tây” ấy cũng kỳ; ta nói thường quen miệng đi, ai cũng hiểu “ăn cơm tây” là dùng đồ ăn tây, nhưng nghĩ ra, - mà có sang đây, không được thường ăn cơm của mình, mới nghĩ đến, -thật không có nghĩa gì cả; cơm mà của Tây, Tây mà có cơm, thế là cái gì? Cho hay ngữ ngôn của mỗi nước là đặc biệt cho nước ấy, xét ra cho kỹ, không có một tiếng một chữ nào là giống nhau như hệt, khắp nhau như in được. Chẳng qua là miễn cưỡng mà dùng, rồi dùng mãi thành

quen mà thôi. Như ăn lỏi tây thì gọi là “ăn cơm tây”, nằm lỏi tây thì gọi là “nằm giường tây”, nhưng mà “cơm tây” với “giường tây” có gì là giống với cơm ta và giường ta không? Người đã ăn theo lỏi tây, nằm theo lỏi tây, thì nói đến cơm tây, giường tây, mới hiểu là cái gì, chứ người chưa từng ăn bánh bột mì, chưa từng nằm giường “lò so”, thì nói đến những tiếng ấy phỏng có nghĩa lý gì? Nói mà không có nghĩa lý thì dầu nói luôn miệng cũng chẳng ăn thua gì. Chẳng qua là truyền khẩu như con yểng mà thôi. ấy là thí dụ những tiếng tầm thường về sự ăn sự nằm cũng đã cách xa nhau một vực một trời như thế; huống những tiếng có ý nghĩa sâu xa u ẩn thì còn cách nhau đến thế nào! Cứ xét một điều đó thì biết học tiếng ngoại quốc khó là dường nào. Học một thứ tiếng nước ngoài mà cho đến “nhập diêu”, nghĩa là đọc một chữ lên mà tưởng tượng hay là suy nghĩ ngay ra cái sự vật hay là cái nghĩa lý nó bao hàm ở trong chữ ấy, đúng như trong óc một người sinh trưởng trong thứ tiếng ấy, thì phải đến mấy chục năm, lại phải sinh hoạt theo như người nước ấy, biến hoá tâm tính theo như người nước ấy, mới có thể được. Còn thời chẳng qua là nhồi óc cho đầy những cái vỏ chữ của ngoại quốc, mà trong vỏ nhiều khi không có tí ruột nào. ấy người mình học chữ tây đại để như thế. Có công có sức học được thì cứ việc mà học. Nhưng mà chỉ sợ một điều, là trong khi cố công dùng sức nhồi óc cho đầy những cái vỏ chữ của người, thì cái ruột chữ của

mình mất hết cả, rút cục xôi hỏng bỏng không, tiếng người chữa biết, tiếng mình đã quên, ấy mới nguy, ấy mới hại!...

Rõ mình cũng lắm cảm thật, nhân chuyện “com tây” mà nói đến dài dòng văn tự như thế, nhật ký đâu lại nhật ký lời thôi như vậy? Nhưng mà trong khi nằm trọ ở chốn tha hương, duy có quyển nhật ký là bạn liền tay, cả ngày thơ thẩn ở đất nước người, tối đến giở sách ra biên, như nói chuyện với người bạn thân, gặp chuyện gì nói chuyện nấy, việc gì mà sợ lời thôi, ai chê là người lắm cảm?

Nhưng mà nói chuyện đâu đâu, đến chuyện ngày hôm nay vẫn chưa biên, mà đêm thời đã khuya, giấy cũng đã hết rồi

*

Thứ năm, 18.5.1922

Hai ngày hôm nay cũng được nhiều việc.

Hôm qua thì đi thăm các viên chức ở “Kinh tế cục” (*Agence économique*) là sở thay mặt chính phủ Đông Pháp để giao thiệp về các việc kinh tế ở bên này. Hồi ở nhà đi, có mấy ông quý quan ở bên ta gửi giấy giới thiệu cho các ông ở Kinh tế cục, vậy phải đến tiếp mặt các ông ấy cho phải phép. Các ông tiếp đãi ân cần và hứa có cần hỏi han việc gì sẽ hết sức giúp. Mình cũng cảm ơn cái bụng tốt của các ông, nhưng trong bụng cũng mong rằng không có việc gì phải phiền đến các ông lắm. Sự giới thiệu vẫn là một sự hay, vì nhân đó mà được quen biết rộng, đỡ lạ lòng lúc mới đầu. Nhưng mà cũng có khi phiền, phiền cho người giới thiệu mình, phiền cho người mình được giới thiệu tới, mà phiền cả cho mình nữa. Đi đến một nơi xa lạ, được một vài chỗ giới thiệu đích đáng, để giúp cho việc đưa đón hành lý, tìm kiếm trọ ở, chỉ dẫn cho biết những cách thức ăn ở, giá hạng các đồ, v.v... thế là đủ, còn không cần phải nhất nhất quấy phiền người ta làm gì. Đến đâu phải tùy đao tùy biện, không nên nhất thiết ỷ lại vào kẻ khác. Phương ngôn ta nói: “khỏi nhà ra thất nghiệp”, là nói sai. Người nào mà đến ra khỏi nhà thành thất nghiệp, thì người ấy chỉ nên ở nhà với “mẹ đỡ”, chẳng nên ra khỏi cửa làm gì. Nhất là người du lịch, lại cần phải tự do lắm, muốn đi đâu thì đi, muốn xem gì thì xem, gặp đâu có ăn thì ăn, gặp đâu có nằm thì nằm, phải hơi “bông lông” một tí như thế thì mới thường gặp được sự bất kỳ. Nếu mỗi bước có người chỉ dẫn, đi đâu cũng phải nhờ kẻ

đón người đưa, như cậu học trò mới ở trường ra, thì sự du lịch mất cả thú, và nhiều khi thành một sự phiền. Mình nghĩ như thế, nhưng có ông lại không nghĩ thế. Cho rằng bọn mình là “phái bộ” của Chính phủ đi quan sát quý quốc, thì phải có quan Nhà nước đưa đi mọi nơi, như ông giáo dắt lũ học trò vậy. Có ông lấy thế làm vẻ vang, tự mình cho thế khí ^[6] đề tiện. Mình không phải là lũ trẻ con đi xem hội mà cần phải có người lớn chỉ cho từng trò, đây là phường múa rối, nọ là lũ leo dây. Có mắt để mà xem, có tai để mà nghe, có trí để mà nghĩ, hà tất phải ai chỉ cho vạch cho mới biết. Nếu còn cần phải có người chỉ vạch cho như thế, thì sang đây mà làm gì? Còn nói rằng đi đâu nên đi cả đoàn, có quan Tây đưa dẫn, trọng sự thể hơn, thời điều đó tôi lấy làm ngờ lắm. Có lẽ ở bên mình đi theo sau một vị quý quan, hoặc có điều vẻ vang chẳng, vì có thể huyễn diệu ^[7] được kẻ khác, chứ ở đây thời họ cho là một lũ mán xá phải có người cai quản hướng đạo. Nhưng mà ở đời mỗi người một ý, mình cho thế là không nên, họ cho thế là nên, cũng là tùy cái ý riêng của mỗi người, chẳng nên nghị luận làm gì.

Cả ngày hôm qua xem điện *Panthéon* là nhà kỷ niệm các danh nhân nước Pháp. Ở trọ đi ra gần lắm, cách có vài phố. Đi qua con đường *d'Ulm*, thấy trường Cao đẳng sư phạm (*Ecole Normale Supérieure*), trong bọn học sinh thường gọi tắt là “cái nhà đường

d'Ulm” (*la maison d'Ulm*), nhà cũng thường thôi, không lấy gì làm to lớn đẹp đẽ lắm, nhưng có cái vẻ nghiêm trang bình tĩnh, thật là một nơi học hành cao thượng. Chung quanh có vườn, cây cao bóng mát, dưới gốc cây có ghế đá, dưới bóng cây khoác tay thơ thần dăm mươi thầy học sinh, người thời vừa đi vừa nói, ra dáng hăng hái nghị luận; người thời tay để dưới cằm, ra bộ nghĩ ngợi xa xôi; người thời con mắt đăm đăm, ra tuồng mơ màng tưởng vọng. Nhìn nét mặt các người sinh viên đó, như có cái hào quang của sự học, trong lòng cảm phục cái chí cao của kẻ thanh niên nước Pháp, mà lại bùi ngùi cho cái công học hành dở dang của mình. Than ôi! mình không phải là không có cái lửa nhiệt thành về sự học, nhưng mà sinh trưởng vào giữa buổi thanh hoàng^[8] học không ra gì cả, nho đã chẳng ra nho, mà tây cũng chẳng thành tây. Phàm sự học phải cho đến nơi đến chốn thì sở học sở hành mới điều hoà dung hợp nhau, mà gây nên cái nhân cách thanh cao. Hễ còn dở dang, còn nửa chừng, thì không ra con người gì cả. Ông cha mình mấy mươi đời học nho, nghiệp nhà đến mình là đoạn tuyệt. Bây giờ muốn cầu làm ông đồ cổ, bàn nghĩa tính lý, ngâm thơ nhà Đường, nhấp dăm ba chén chén choáng cho tiêu sầu khiến hứng, bảo mươi lăm thằng trò chet^[9] biết đã, giả, chi, hồ, an nhàn vô sự, ngày tháng vui qua, cũng không được nữa. Nói đến học tây, thì chẳng qua học mấy câu tiếng tây để đi làm thuê, cũng tự biết còn thiếu thốn, muốn ra

công học thêm, nhưng thầy đâu sách đâu, ở trường thông ngôn ra, được học mấy ông hương sư ở Tây sang, thế đã là tốt phẩm rồi, nào đã bao giờ được từng ngồi qua cái ghế một trường Đại học như trường Sư phạm này? Mà đã không được học đến bậc đó, thì còn mong lập nên sự nghiệp gì về đường học vấn? Dở dang, dở dang, thôi mình đã đành là một con người dở dang! - mà cả nước mình cũng là một nước dở dang! ... Mỗi lần đi qua những nhà học nghiêm trang như chôn này, trông thấy những học trò anh tuấn, giáo sư đạo mạo, người nào trong con mắt cũng hình như mơ màng những sự cao xa, mà “thèm” người ta biết nhường nào! Tưởng giá phải ăn bánh hẩm, uống nước lã, mà được làm một người trong những người tha thần dưới bóng cây, thấp thoáng trong rào sắt nọ, cũng cam tâm. Nhưng mà thôi, đã sinh vào buổi lỡ làng thì cũng phải chịu cái phận hẩm hiu vậy, biết sao bây giờ? Duy phải biết rằng học đã chẳng ra gì, thời làm cũng chẳng nên chi, vì có gốc mới có lời, vốn ít mong sao được lời to? Cho nên cũng chớ có mong mỗi những sự to tát quá sức không làm nổi; chỉ nên hình hưởng chúc vọng^[10] cho kẻ đến sau này họa được may mắn hơn mình chẳng...

*

Thứ năm, 18 tháng 5.1922

Ở đường *d'Ulm* đi lại, vừa trông thấy mặt tả điện Panthéon, sừng sững trước mắt như một cái vách đá trăm thước cao. Quy mô coi cũng hùng. Điện hình chữ thập, trừ mặt tiền có cột đá, có cửa vào, còn ba bề bít bung kín mít, không có một chỗ hở. Tưởng như một cái mả xây bằng đá của một con thú lớn đời tiền cổ nào. Mà thật điện này chính là một cái mả chung của danh nhân nước Pháp. Nguyên trước là nhà thờ bà thánh Geneviève, là thần bảo hộ của thành Paris, đời Cách mệnh dùng làm đền kỷ niệm danh nhân, sau lại mấy lần làm nhà thờ, rồi đến năm 1885 mới định hẳn là đền kỷ niệm. Bây giờ trong đền chỉ có tượng và tranh mà thôi. Tượng thời cũng thường, không lấy gì làm lạ, duy tranh có những bức bích họa lớn, khắp từng gian tường, vẽ các tích trong lịch sử nước Pháp. Nét đan thanh, hồn tổ quốc, tức là những bài sử học hiển nhiên cho người Pháp đời nay, giục lòng nhớ đến công nghiệp đời trước. Nào tích vua Charlemagne, nào truyện bà Jeanne D'Arc, đẹp nhất là những bức của ông Puvis De Chavannes vẽ sự tích bà thánh Geneviève. Ông là một nhà danh họa đời nay, mới mất mười lăm năm nay, đọc sách vẫn biết tiếng ông, nay mới được xem bức vẽ của ông. Người đời nay mà vẽ

một người liệt nữ về nghìn năm trước, chắc là không có bằng cứ gì, chẳng qua là ở sự tưởng tượng cả. Vậy mà tưởng tượng thế nào đến tả mạc ^[11] ra hiển nhiên như thực, khiến cho người xem phải cảm động, thật cũng phải có cái bút tài thế nào mới vẽ được như thế. Bà Geneviève là một người con gái thành Paris, hồi tướng Hung Nô Attila vào đánh phá thành ấy, bà đốc suất dân quân ra chống cự, kinh thành được thoát nạn. Đời sau Giáo hội phong tặng cho bà lên bậc thánh. Tức cũng như truyện Hai Bà Trưng nước ta, nửa thực nửa huyền, không gì bằng cứ. Ngày nay ai biết hình dung mặt mũi Hai Bà Trưng thế nào? Nhưng nếu có một tay vẽ giỏi, lấy sức tưởng tượng mà tả mạc ra hình ảnh hai bà, hiển nhiên ra hai người con gái Lạc tướng, con mắt nét mặt như chan chứa cái lòng căm giận vì nước vì nhà, thế chẳng là phục sinh được người đời trước và giúp cho người đời sau học quốc sử dư? Thực hay hư, việc đã đến ngoài nghìn năm, không biết đâu mà đoán định. Bà Geneviève với bà Trưng Trắc có thực như truyện trong sử thuật lại không? Không thể biết được, và cũng không cần phải biết cho rõ làm gì. Nhà mỹ thuật có thể bằng không mà sáng tạo ra được, thời há chẳng nên mượn tích của lịch sử mà tả mạc những người đời xưa, để nuôi lấy tấm lòng yêu nước của người đời sau dư? Đó là cái nhiệm vụ tối cao của nhà mỹ thuật. Nước ta bao giờ mới có một tay họa sĩ có tài biết nghĩ đến những sự đó?... Trong mấy bức của ông Puvis De

Chavannes tả về tích bà Geneviève, có một bức tôi lấy làm khéo lắm, là bức đề là “Bà Geneviève thức đêm canh cho thành Paris”. Bóng trắng chiếu rọi, trong tỉnh thành ai nấy đều ngủ yên cả, duy có một người thức. Người ấy là ai? Là một người con gái mộc mạc, ở một cái phòng nhỏ, bên cái góc sân con, ra đứng trước bao lơn, nhìn xuống dưới phố phường, nét mặt đau đớn, con mắt đăm đăm, trong bụng nghĩ những gì? Chắc nghĩ rằng: “Cái vận mệnh thành này chỉ còn một sợi tóc, mà người dân trong thành không ai biết lo cả. Âu là ta phần nhiên ^[12] ra cứu cho lũ mê ngủ đó. Nay đêm còn trường, ngày chưa sáng, ta nên thức mà canh cho bọn đó ngủ...” Nét vẽ khéo lắm, linh hoạt như người sống thật.

Xem xong trong điện rồi, xuống dưới hầm; dưới hầm cũng rộng như trên, có mả của mấy bậc danh nhân ở đây. Mới đến có cái điện nhỏ thờ quả tim của ông Gambetta; rồi đến mả ông J. J. Rousseau, ông Voltaire, ông Soufflot là người họa kiểu dựng ra điện Panthéon này; mộ ông Lazare và Sadi Carnot, ông Victor Hugo, ông Emile Zola, ông bà Berthelot, v.v.

Xem xong dưới hầm, trèo lên trên mái. Mái đây là một cái mái tròn, như một cái vung úp ở trên cái mộ vậy. Cao ngót trăm thước, có thang cuốn đi lên tận trên đỉnh, trèo hết mấy trăm bậc

thang, đã thấy chồn chân. Đứng trên ấy thu quát được cả cảnh tượng một phần thành Paris.

Có người cho kiểu điện Panthéon này là nặng nề và nghiêm lặng quá. Tôi tưởng đã là cái đền kỷ niệm, lại là một cái nhà mô, thời có cái vẻ nghiêm trang lạnh lẽo là phải. Còn cho là nặng nề quá, tôi tưởng cũng không phải là không hay; cái mà phải có vẻ vững vàng kiên cố, như thiên niên bất dịch vậy.

Ra ngoài cửa, ngoảnh lại nhìn, thấy lồng lộng chữ vàng trên biển đá một câu đề rằng: “Nhà nước cảm ơn kẻ danh nhân”.

*

Thứ sáu, 19 tháng 5.

Hôm qua gặp ông B. đưa vào xem sách ở nhà “Đại Pháp Đồ thư quán” (*Bibliothèque Nationale* ^[13]). Ông này đỗ văn khoa cử nhân, đã học đến năm thứ ba trường Cao đẳng Sư phạm, không biết vì có gì, nay ở ngoài làm việc cho một công sở nọ, nhưng

vẫn học để thi *Agrégation*. Người còn trẻ, mới chừng 24, 25 tuổi, nhưng uyên nhiên ^[14] là một nhà học vấn nho nhã.

Hai người mới gặp nhau cũng có ý tương đắc. Trước ông đưa vào qua báo quán *Le Temps*, ông có bạn làm việc ở đây. Nhà báo này tuy có tiếng khắp hoàn cầu, nhưng nhà sở và cách bày biện không có vẻ trang hoàng lộng lẫy như mấy nhà báo *Le Matin*, *Le Journal*. Các nhà báo kia là những báo phổ thông cho công chúng, dùng những cách cổ động tối tân, để làm cho thiên hạ chú ý, cho nên nhà cửa nguy nga, tối đến đèn điện thấp như ngày hội, chữ tên sáng rực một góc trời, đi ngoài phố trông cũng đã rực rỡ thay! Báo *Le Temps* là báo của bọn thượng lưu học thức xem, nên không phải dùng những cách quảng cáo lộng lẫy, những cách trang hoàng loè loẹt, mà có cái vẻ dịu dàng kín đáo, đứng đắn, “quân tử” hơn. Xem giọng văn đã biết, trông cái cảnh tượng báo quán lại rõ hơn nữa. Nhà báo nào cũng có một gian rộng để yết các điện tín trọng yếu cho thiên hạ đến xem, gọi là “phòng tin tức” (*salle des dépêches*). Phòng tin tức của báo *Le Temps* thời chỉ có mấy cái bàn lớn, trên bày mấy bộ báo đóng thành tập cho khách đến xem, còn tịnh không có trang sức loè loẹt, không có cả những tranh ảnh, những bức họa, những chùm đèn pha lê tự trên trần rủ xuống, những ghế ngồi bọc nhung để la liệt hai bên, như các báo quán lớn kia. Lại người đến xem cũng phần nhiều là

các cụ già, người đứng đắn, chứ không phải là chú đánh xe, cậu hầu bàn, cô đi khâu, thầy làm việc, đi qua rẽ vào xem tranh, xem ảnh cho vui, như mấy nhà báo kia đâu. Lạ thay, mỗi tờ báo có một cái thái độ riêng, mà thái độ ấy lộ ra khắp cả, từ lời văn trong báo cho đến cách bày biện ngoài. Nay đến trông thấy báo quán mới nghĩ ra như thế, nhưng tưởng cứ đọc báo *Le Temps* cũng đã đủ tưởng tượng biết vậy.

Ở báo quán ra, đi thẳng ra nhà sách Nationale, tức là “Đại Pháp Đồ thư quán”. Nhà thư viện này mình vẫn biết tiếng là kho sách giàu nhất trong thế giới, có đến hơn 360 vạn quyển sách in, không kể các tả bản (*manuscripts*) và các họa đồ (*plans, cartes*); nay mới được bước chân vào đây, thật là rừng sách, chứ không phải nói ngoa. Không biết “Tứ khố” của ông Khang Hi, ông Càn Long bên Tàu ngày xưa được bao nhiêu sách, nhưng kể cổ kim thư tịch, sưu tập lại thời khắp hoàn cầu không đâu bằng đây, nhà *British Museum* ở Luân Đôn đã có tiếng mà cũng chưa bằng. Ở nước văn minh, sự học vấn của người ta có cách dễ dàng tiện lợi, như thế không trách người ta giỏi hơn mình. Nghề phổ thông ấn loát đã giúp cho văn minh tiến bộ được một bước lớn, các thư viện công lại giúp cho sự học tiện biết bao nhiêu, tưởng cũng là một cái lợi khí cho văn minh. Loài người biết tư tưởng, biết học vấn, kể đã mấy vạn năm nay; biết chế tác ra văn tự để ghi nhớ

lấy những sự học vấn tư tưởng ấy, kể đã mấy nghìn năm; trong mấy nghìn năm mấy vạn năm ấy, cái óc con người khám phá cũng đã được nhiều điều hay lẽ phải. Người đời nay tự cho là khôn hơn đời xưa, không biết rằng có khôn, - nhưng vì tất đã là khôn hẳn, - cũng là nhờ cái công suy tầm khảo sát của người trước mấy mươi đời tích lũy mới được như bây giờ. Các cổ thư tịch chính là cái kho chứa sự khôn ngoan của người trước (cũng có khi chứa cả cái dại, nhưng dại đây cũng là khôn, vì đủ làm gương cho đời sau). Nếu cứ vài thế kỷ lại xuất hiện ra một kẻ bạc quân như Tần Thủy Hoàng, bao nhiêu sách vở đời trước đốt sạch, thời sự tiến hoá của nhân quần ắt cũng bị ngăn trở nhiều. Cổ triết Tây phương đã có câu nói rằng: “ở dưới bóng mặt trời, không có sự gì mới”. Về đường vật chất văn minh, có lẽ mỗi ngày một biến báo ra nhiều sự mới lạ thật, xét cho kỹ chẳng qua cũng là làm phiền cho cuộc đời, làm nhọc cho thân người mà thôi; nhưng về đường tinh thần thời tưởng bao nhiêu nghĩ lý cao sâu, người đời nay tự phụ là đã phát minh ra được, các tiên hiền tiền triết đã từng suy nghĩ tới lâu đời rồi, chỉ vì không còn vết tích lại rõ ràng nên ta không biết mà thôi. Lại đến tâm lý người ta, xưa nay cũng ít thay đổi lắm: đời nào cũng có bấy nhiêu kẻ hiền, kẻ ngu, người khôn, người dại, bấy nhiêu kẻ loạn thần tặc tử, bấy nhiêu người chí sĩ nhân nhân ^[15]. Lại đến sự biến thiên trong lịch sử, đời nọ qua đời kia, cũng là theo một điệu bất dịch,

là cái điệu trị loạn, hết trị rồi loạn, loạn chán lại trị, như mặt bể khi phong ba khi bình tĩnh vậy. Như thế thì ở dưới bóng mặt trời không có sự gì lạ thật, mà sự kinh lịch của người trước có thể làm bài học cho người sau được. Như thế thì thư tịch là quý thật, vì thư tịch là cỗ xe để truyền, để chuyển cái đạo học, cái tâm thuật của cổ nhân cho hậu thế.

Mình là một người “dâm” sách, mê sách như mê gái đẹp, mà được vào một nơi rừng sách như thế này, sướng biết bao nhiêu! Còn nhớ năm trước ở trường Bác Cổ, chỉ vì ham đọc sách mà nhiều khi xao nhãng cả việc làm, đến bị ông chủ Tây mắng!...

Nhà Đồ thư quán thành Paris này có hai “phòng đọc sách” rất lớn, mỗi phòng ngồi được tới bốn năm trăm người: một phòng công đồng cho thiên hạ vào xem, một phòng riêng cho những người đến khảo cứu. Phòng khảo cứu này có bàn ghế, bút mực, lại la liệt những tủ sách nhỏ và thấp, đựng những bộ tự điển, bộ tùng thư có nhiều quyển, để tiện cho người ta tra cứu. Vào khảo cứu ở đây phải có giấy phép của viện trưởng hay phòng trưởng; vào đến nơi, muốn dùng sách gì thời tra trong thư mục, biên rõ tên sách và số sách vào mảnh giấy, giao cho người làm việc đi tìm và đem lại cho. Thư viện mở cửa từ 9 giờ sáng đến 4, 5 giờ chiều, trong tịnh không có một ngọn đèn điện nào, là sợ sự hoả

họa. Duy mấy phòng đọc sách thời mái bằng mặt kính cả, nên ánh sáng thiên nhiên lại càng tốt lắm.

Tôi có ý nhận những người đến khảo cứu ở đây, ra dáng chăm chỉ nhất có mấy ông cụ già đầu bạc phơ, chừng là những ông giáo học hay là những cụ lão nho đến tìm tài liệu để làm sách; còn người khác, vừa đàn ông đàn bà, thời có lẽ phần nhiều là những nhà làm sách, những nam nữ học sinh các trường đại học, đến khảo sách để soạn bài thi cử nhân hay tiến sĩ gì đó; người ngoại quốc cũng nhiều lắm.

Xem ra mấy ông lão nho chăm lắm, ngồi suốt từ khi mở cửa đến khi đóng cửa, mình đến đã thấy rồi, mình về chưa đứng dậy. Bữa trưa ăn ngay trong thư viện, vì ở cạnh phòng sách ấy có một gian nhỏ cho người lính trung ^[16] bán cơm bữa cho khách đọc sách. Các cụ mãi đến một giờ, một giờ rưỡi trưa, mới ra ăn cơm, coi bộ như bất đắc dĩ mà phải ăn; mà ăn gì? Một miếng bánh mì, một món trứng, dăm ba miếng giò lạp, một cốc rượu vang, thế mà thôi, mà vừa ăn vừa đọc lại những mảnh giấy “nốt” đã biên chép đặc cả, như không để ý đến miếng ăn nữa. Lúc ấy bọn mình cũng ăn ở đấy, đương gọi nhà bếp đem món thịt cừu, nghĩ lại mà ngượng thay: ăn ngon cho sướng miệng mà óc cùng chẳng bằng người, thì cũng xấu hổ thật!...

Trong thư viện không những lắm sách kim, mà cũng nhiều sách cổ, không những chỉ có sách Tây phương, mà có cả sách Đông phương nữa: sách Ai Cập, Ba Tư, Ấn Độ, Tây Tạng, Nhật Bản, Tàu. Tôi có xem cái mục lục những sách Tàu, được hàng mấy nghìn bộ, mà có bộ từng thư tới mấy nghìn quyển. Ở Paris mà muốn khảo cứu về Hán học, về chữ nho, cũng là thừa có tài liệu.

Nhà Đại Pháp Đồ thư chia ra bốn bộ phận lớn: 1. Sách in và bản đồ; 2. Tả bản (là những sách chép bằng tay, không có in) và các văn bằng cổ (*manuscripts, chartes*); 3. Mộc bản (*estampes*); 4. Huy chương và kỷ niệm bài (*médailles et antiques*).

Sách in ngót 4 triệu quyển; tổng mục lục các tên sách mới đến chữ G mà đã tới 57 quyển rồi.

Các tả bản thời chia ra: sách Đông phương 2 vạn rưỡi quyển; sách Hi Lạp 4 vạn 960 quyển; sách La Mã 21 vạn 544 quyển; sách Pháp 45 vạn quyển; sách bằng các văn tự cận đại của Âu châu 4 nghìn quyển (vì đến cận đại thì nghề in đã thịnh, nên các tả bản ít dần đi); sách về lịch sử các châu quận nước Pháp 2530 quyển; các sách linh tinh 8 nghìn quyển. Cộng tới 11 vạn quyển, trong đó có đến vạn quyển có tranh vẽ và các kiểu chữ cổ đẹp

lắm. Những sách này thật không đâu có, vì mỗi quyển chỉ có một bản mà thôi, quý giá vô cùng.

Số các mộc bản, vừa tranh vừa sách (*estampes*) có tới 250 vạn bản.

Các huy chương và kỷ niệm bài thời chia ra các thời đại và để vào trong tủ kính.

Nhưng gọi là đi lướt qua cho biết mà thôi, không có thì giờ xem nhất nhất cho tường được. Và muốn vào mỗi bộ, lại phải có giấy phép riêng.

Tính mình thích khảo cứu các thư tịch, chỉ tiếc không được ở Paris này mà học suốt đời thì sướng biết bao nhiêu.

Hôm qua vào xem thư viện mất cả ngày. Sớm hôm nay mới có rảnh thì giờ lại thăm quan nguyên soái P., có giấy của một quý quan bên ta giới thiệu cho. Nguyên soái năm nay đã ngoài bảy mươi, nhưng người còn mạnh mẽ; ngài về hưu đã lâu và đã từng làm nghị viên mấy khoá. Trong khi chiến tranh, chính ngài làm chánh Hội đồng uỷ viên coi về quân sự ở Hạ nghị viện, đã có công to trong khi bàn định về việc chiến hoà. Người ôn hoà, cần

trọng và rất ân cần. Ngài hứa sẽ giới thiệu cho biết nhiều nhà chính trị có danh giá, thứ nhất là những ông nghị viên chuyên trị về việc thuộc địa và việc Đông Dương ta.

*

Thứ bảy, 20 tháng 5

Hôm nay thăm ông đốc trường Thuộc địa, ở đường *Observatoire*.

Mình phải làm một bài diễn thuyết ở trường này, nên phải đến tiếp chuyện ông để cùng ông định ngày. Ông này người nho nhã, chính là anh em thúc bá với ông nghị viên Nam kỳ, nhưng ông đốc coi có vẻ “trưởng giả” hơn ông nghị nhiều. Ông tiếp đãi một cách rất hoà nhã mà lại rất trịnh trọng, coi mình như một kẻ văn sĩ nước Việt Nam thật (không biết rằng cái giống văn sĩ Việt Nam đã có giá trị gì!) Ông nói rằng ông đã được giấy của Đông Dương kinh tế cục báo cho biết rằng mình sẽ diễn thuyết ở trường Thuộc địa, ông chỉ mong đợi được tiếp mặt để cho biết

đầu bài và định ngày nào. Bèn nói đầu bài cho ông biết sẽ diễn về “Sự tiến hoá về đường tinh thần của dân Việt Nam từ ngày đặt bảo hộ đến giờ”, còn ngày diễn thời để tùy ông. Ông nghĩ một lát, rồi định vào chiều ngày thứ tư 31 tháng 5, mình cũng thuận như thế.

Nói chuyện xong rồi ông đưa đi xem cả nhà trường, qua các lớp học, vào phòng diễn thuyết, phòng đọc sách. Nhác trông thấy mấy thầy học sinh đi thấp thoáng, tự nghĩ bụng rằng những thầy này độ vài ba năm nữa tốt nghiệp lại sẽ sang bên mình làm quan cai trị đây. Bấy giờ bất giác hồi tưởng đến năm xưa có quen một ông phán nọ, hễ gặp quý quan nào cũng cúi đầu chào, hỏi sao thì ông đáp rằng: “Biết đâu đấy, ngộ nay mai người ta làm quan cai trị mà mình phải “sú-doóc” người ta thì làm sao?” Giá bụng mình cũng nghĩ như ông thì trông thấy các thầy học sinh ở đây phải ngả mũ chào cả mới là phải...

Buổi chiều lại thăm quan cai trị C. là chánh văn phòng của quan Toàn quyền, ở Kinh tế cục, nói chuyện cho ngài biết việc diễn thuyết của mình. Ngài lấy làm vui vẻ và có ý ân cần, dặn đi dặn lại rằng: “Phải nói cho “giỏi” (*épatant*) để cho người quý quốc biết người An Nam mới được!” Vẫn biết thế, giỏi thì cũng muốn giỏi thật, nhưng ngộ lực bất cập thời thế nào? Cũng xin cảm ơn

ngài đã có bụng kỳ vọng cho như thế, nhưng điều đó thì không dám cam đoan trước. Và lại còn ngại một nỗi này: là mình lạ nước lạ non, đường đột đến diễn thuyết, ai biết mình là người thế nào? Chúc tước thì không có, xưng là “chủ bút báo *Nam phong*”, ai biết báo *Nam phong* là cái “quái” gì? Hoặc diễn mà không nên thân, tất họ cho là thằng da vàng học chữ tây bất thông; diễn mà nghe được, có lẽ họ lại cho là đọc thuộc lòng một bài của người Tây nào làm gà cho. Khó quá, khó nghĩ quá! Ông C. thấy mình có ý ngại như thế, cười mà nói rằng: “Không ngại gì. Ông đốc trường Thuộc địa viết giấy bảo tôi giới thiệu ông bữa ấy. Tôi sẽ vui lòng lấy tư cách làm chánh văn phòng của quan Toàn quyền, lại lấy cảm tình riêng của tôi đối với ông mà giới thiệu ông cho thánh giả. Và tôi cũng là học trò cũ ở trường Thuộc địa, tôi đã quen cả...”.

Thế là mình yên tâm. Bây giờ chỉ còn hì hục viết cho xong mấy chục trang diễn thuyết, dầu không được “giỏi” cũng mong rằng không đến nỗi “tồi” cho lắm.

Tối hôm nay cùng anh em đi đánh bữa cơm tàu. Ở Paris có hai nhà cao lầu Khách; vào ăn ở “Trung Hoa phạn điểm” đường *Des Carmes*. Bánh mì, rượu vang, thịt bò, thịt cừu mãi đã xót ruột, nay được bát cơm rang, bát canh thịt, vài món sào tàu, ăn thật

thấy ngon! Vào ăn đây phần nhiều là học sinh Tàu và mấy người Tây người đầm hiếu kỳ muốn nếm đồ ăn Tàu, nhiều người thì ăn bằng thìa đĩa, nhưng có người muốn tập cầm đũa, trông buồn cười quá. Họ thấy mình cầm đũa dẻo quẹo, và nhanh thoăn thoắt, họ lấy làm kinh dị lắm, nức nở khen thắm với nhau, như trông một lũ leo dây múa rối làm những trò kỳ lạ vậy. Ừ, mà mình quen tay quen mắt đi không biết, chứ người ngoại quốc họ trông thấy mình chỉ có hai chiếc đũa mà gấp gì cũng được, dung dị như không, nghĩ cũng lạ thật!

*

Chủ nhật, 21 tháng 5

Ông C. trước ở bên An Nam cũng là một người Tây tốt, thường ân cần giao tiếp với người mình. Nên khi sang đến Marseille, mình có viết thư lên Paris hỏi thăm, lại khi lên Paris có điện cho biết trước. Tới nơi lấy làm lạ, không thấy ra ga đón. Ông ở bên ta vốn là người cẩn thận lắm, không hề sai hẹn bao giờ: có lẽ không tiếp được điện chăng? Mấy bữa sau đến chỗ ông làm hai ba lần,

lần thì người ta bảo ông đi vắng, lần thì người ta trả lời có ý nhạt nhẽo, tựa hồ như cái lệ trong sổ làm không muốn cho người làm ra tiếp khách mất thì giờ. Mãi đến lần sau mới gặp, thì xét ra khác khi xưa, không có ý vồn vã như trước, lại có nét mặt như bẽn lẽn, bây giờ mới hiểu rằng từ ngày ông về đây cũng là làm việc nhỏ mọn ở sở này, không được phong lưu sang trọng như bên mình, nên trông thấy anh em cũ có ý thẹn. Ông nói thoái thác rằng ông nhận được điện chậm quá, không thể đi đón kịp, nhưng mình đã hiểu ý rồi. Nghĩ cũng ái ngại thay, vì ông vốn bụng tốt, không phải kiêu căng làm bộ như ai: ở bên An Nam thì nghiêm nhiên làm một ông chủ, lên xe xuống ngựa, sung sướng biết bao, về đây làm một chân thư ký hay kế toán ở công ty này, lương nhiều lắm là bảy tám trăm quan một tháng, lấy đâu nhà cao cửa rộng, kẻ hầu người hạ như khi xưa? Thôi thôi cũng an phận, vì cách sinh hoạt ở “mẫu quốc” đây có phần eo hẹp hơn ở “thuộc địa”, nhưng ngờ đâu lại có anh An Nam sang tận đây mà cố đến tìm mình ở tận chỗ này! Nghĩ cũng hơi ngượng thật. Nhưng ông cũng cả thẹn quá, chứ mình có ý tò mò hay thóc mách gì đâu, chỉ là vì tình thật muốn cố đến thăm ông mà thôi. Và mình cũng là người hiểu biết, có lạ gì những sự “đổi cảnh” khi ở quý quốc sang bên ta hay khi ở bên ta về quý quốc như thế, có ai lại cười ai về sự đó...

Hỏi phu nhân và cậu con trai thì nói về quê ở, vì ở Paris này tốn kém lắm. Ông ở đây chỉ thuê một cái buồng khách sạn, ở chung với một người “bạn” gái, chắc là cô đi khâu đi khiếc gì đó. Ông định hôm nay là ngày chủ nhật cùng anh em họp mặt một bữa cho vui vậy. Mời ăn cơm trưa cùng với cô “bạn” ông, rồi thuê taxi (là xe ô tô hàng) đi chơi mấy vòng trong rừng *Boulogne*, lại mời vào hoa viên uống vài cốc nước mát. Một buổi này cũng phí mất hơn trăm quan, ở bên An Nam thì chẳng coi vào đâu (vì có 10, 15 đồng bạc), nhưng ở đây kể cũng là một món to vậy.

Buổi chiều bọn mình mời lại ông và “cô” ăn cơm tàu ở cao lầu khách ^[17] .

*

Thứ hai, 22 tháng 5

Lại còn một bài diễn thuyết ở trường dạy tiếng Đông phương nữa. Mình đã hứa tự Marseille đề lên đây sẽ diễn thuyết ở trường ấy về vấn đề tiếng An Nam, không nghĩ rằng nói về tiếng An

Nam ở đây thì ai là người hiểu mà ai là người nghe. Nhưng đã nhận lời cũng phải y lời. Vậy hôm nay đến thăm ông Paul Boyer là Chánh đốc trường Đông phương Bác ngữ (*Ecole des langues orientales*) để định ngày diễn thuyết. Nhà trường đã sắp nghỉ hè, và bài diễn thuyết này cũng chỉ để riêng cho mấy người học sinh chuyên trị tiếng An Nam mà thôi, vậy định làm ngay ngày thứ sáu 26 tháng 5 này.

Ông đốc này người đã có tuổi, coi đạo mạo lắm, rõ ra một tay bác học. Xét ra trường Đông phương Bác ngữ này chuyên dạy cả các thứ tiếng ở Đông phương, vừa về Cận Đông, vừa về Viễn Đông. Trường lập từ năm 1795, xưa nay có tiếng, bao nhiêu những tay chuyên trị tiếng Đông phương giỏi ở nước Pháp trong ngót một thế kỷ rưỡi nay là xuất thân ở đây cả. Khoa tiếng Tàu và chữ nho hiện nay là ông Vissière dạy, bao nhiêu những người muốn đi làm thông ngôn, làm Lãnh sự ở Tàu phải học qua. Khoa tiếng An Nam thì trước ông Deloustal, nay ông Pazyluski dạy, có một ông trợ giáo người An Nam, trước là ông Phan Văn Trường, nay là ông Dương Văn Giáo (người lục tỉnh). Còn nhớ hồi năm 1909, trường Bác Cổ Hà Nội đã cử mình sang làm chức trợ giáo ấy, nhưng bấy giờ mới lấy vợ, không chịu đi! Giá nhận đi hồi ấy, thì trường Bác Cổ không đề cử ông Phan, và sự nghiệp mình có lẽ lại xoay ra một phương diện khác. Thế nào gọi là *thê tróc tử*

phọc!...

*

Thứ ba, ngày 23 tháng 5

Thăm ông M. là Chánh đốc trường Bác Cổ trước. Ông từ đầu năm 1914 về nghỉ bên Pháp, rồi gặp sự chiến tranh, từ đấy không trở lại bên ta nữa. Chính ông năm xưa (1908) đã đem mình vào làm việc trường Bác Cổ. Còn nhớ hồi bấy giờ mới thi tốt nghiệp ở trường Bảo hộ ra, ông làm Chánh chủ khảo khoa thi ấy. Minh đồ đầu, đương khét tiếng là “cậu thủ khoa tây”! Thậm chí có người nói: - Lương Ngọc^[18] có đất thật, thi chữ tây cũng đỗ thủ khoa! Các cậu học sinh trường Bưởi bây giờ, nghe nói thế chắc không khỏi buồn cười, nhưng phải biết rằng hồi bấy giờ mới đặt ra thi diplôme, trong dân gian còn lấy làm trọng lắm, trọng hơn là thi Cao đẳng bây giờ. Thôi, cậu nào mới đỗ ra là coi như ông cử ông tú ngày xưa, trong nhà tâng nhau lên, làng xóm tâng nhau lên, bạn bè bốc nhau lên, các cậu lại càng phỉnh mũi, coi người bằng nửa con mắt! Thủ khoa, mà lại thủ khoa tây, thì còn trời

nào biết đâu mà dò sức học hành ra thế nào nữa! Nói cho công bằng thì mình bấy giờ còn nhỏ dại quá, cũng chưa biết làm bộ làm tịch như các cậu tân khoa khác, lại thật thà hiền lành, đến nỗi anh em đã đặt tên cho là “anh lý nhà quê”! Thủ khoa tây mà chữ nho chỉ biết viết nổi hai chữ tên, còn thời mù tịt cả. Kỳ thi có một bài Hán tự dịch ra chữ tây (còn nhớ đâu là một bài trong sách Tân quốc văn của Tào đề là Ôn Tuyên) dịch giỏi đến nỗi chấm được một nửa điểm (1/2)! Đáng thì phải 0, hỏng “toẹt” không được đỗ, vì dịch sai cả, làm hẳn một bài chữ tây khác, không giống gì nguyên văn chữ Hán cả. Nhưng may ông Chánh chủ khảo có bụng nhân từ, xét các bài khác được cả, làm ơn cho lên nửa điểm cho khỏi hỏng, lại đến khi cộng “nốt” quyết cho đỗ thủ khoa, ơn ấy không bao giờ quên vậy. - Sau này vào làm việc với ông ở Bắc Cỗ, gia công học Hán tự trong mấy năm, những khi ông đưa cho dịch các sách nho ra chữ tây, ông thường tủm tỉm cười nhắc lại cái nửa điểm chữ nho khi đi thi. Ông làm việc có tính nghiêm khắc, nhưng biết người, và đối với mình cũng có bụng yêu, nên vẫn nhớ, định lên Paris tìm cho được nhà vào thăm.

Gặp ông lấy làm vui vẻ lắm. Người vẫn phì nộn như xưa, duy hơi có vẻ già một chút. Trong khi chiến tranh ông làm việc ở bộ quân lương, coi việc thu thập và vận tải các lương hướng cho

quân lính: nhân đó, từ khi chiến tranh xong, có ý xoay về đường thực nghiệp. Tôi hỏi ông còn có nghiên cứu về Đông phương, và thứ nhất là về khoa Nhật Bản học là chuyên khoa của ông, nữa không? Ông nói rằng hiện không có thì giờ, nhưng các sách vở mới xuất bản ở Nhật Bản ông vẫn nhận được luôn, khi nào rảnh lại làm việc khảo cứu, không có ý bỏ hẳn. Nói đến chuyện mình, ông cũng mừng cho nay đã có một cái địa vị nhỏ trong xã hội An Nam, nhưng lại có ý tiếc rằng không ở trường Bác cổ, mà chuyên trị về khoa cổ học nước Tàu nước Nam, vì ông xét ra mình cũng có tư cách riêng về đường khảo cứu. Điều đó, tự riêng mình đã nhiều khi có ý tiếc, vì tính mình vốn ưa khảo cứu sách vở, lại không có cái chí gì về đường công danh sĩ hoạn cả, tưởng giá cứ làm bạn với quyển sách để tiêu dao ngày tháng lại yên ổn hơn. Và đương giữa lúc quốc dân nhiệt thành về Âu hoá, đem những chuyện cũ, việc cũ, cái tinh thần cũ, cái lý tưởng cũ của Đông phương mà bàn bạc, mà nhắc lại cho người mình biết, tưởng cũng là một sự hay. Song nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại nước nhà còn đương buổi nhu tài ^[19], các việc công ích còn cần phải có người cổ động, dữ kỳ ^[20] an thường thủ phận mà làm một nhà khảo cứu có lẽ không bằng khua môi múa mép mà làm một nhà ngôn luận, dầu “bí beng” chẳng ăn thua gì, nhưng cũng khiến cho xã hội có cái vẻ hoạt động một chút... Mình trả lời thế, ông cũng hiểu thế, song vẫn có ý hoài nghi một chút, và tự mình có lẽ

cũng chưa chắc hẳn rằng chọn đường ấy là phải, là hợp với cái tính cách đạm bạc của mình.

Nói chuyện với ông giờ lâu rồi mới lui về. Ông hẹn ngày mai đến ăn cơm trưa để nói chuyện thêm nữa.

Trời hôm nay nắng nực quá, mùa hè ở Paris mà không khác gì mùa hè ở bên ta. Ông ăn mặc quần áo trắng, khi tiễn ra cửa, trông thấy trời nắng chang chang, cười mà nói rằng: “Tôi mặc thế này là theo lối bên An Nam, chứ ở đây nắng đến thế nào cũng không ai mặc trắng. Cứ thế này mà ra ngoài phố, người ta cho là dở hơi, và cười chết mất!” - Mà thật thế, tôi có ý nhận ngoài đường phố không ai mặc áo trắng, đội mũ trắng cả. Song lại nhận ra cái nắng này tuy nóng nực thật, nhưng không có gay gắt như bên ta: nắng ôn đới có khác!

Buổi chiều đến thăm ông Chánh sở Đông Pháp Kinh tế cục. Từ bữa đến Paris, hôm nay mới được tiếp mặt, cũng là theo lệ thường đến chào cho phải phép. Ông này hàm Thống sứ ở bên mình. Tiếp đãi ân cần, nhưng vẫn có cái vẻ quan đại hiên lẫm, trong sự ân cần ấy có cái ý che chở cho kẻ dưới vậy. Mình không thể không cảm ơn ngài có bụng như thế.

Đi thăm hai chỗ thế là hết cả ngày.

Tối đến, cơm rồi, ngao du phố phường mãi đến khuya mới về trọ. Buổi tối mát, đi ngoài phố xem người, ngắm cảnh, sướng lắm. Đường đây lát bằng đá cả, xe ngựa đi không có bụi, không phải cái khổ “trần ai” như ở Hà Nội mình về mùa này.

Ngày hôm nay trời lại nóng dữ hơn hôm qua. Chỗ không có nắng, hàn thử biểu cũng lên tới 36 độ.

Ăn cơm trưa ở nhà ông M., đường *Blanche*, nói chuyện bên ta. Ông ở về tầng thứ hai, ba bốn phòng lớn lịch sự. Ở Paris mà dọn được chỗ ở thế này là vào bậc phong lưu rồi.

Đi đến đường *Blanche*, qua một nơi công trường, ở giữa có nhà thờ *Trinité*, làm theo kiểu đời Phục hưng, hiện cái tháp chuông đương chữa, bắc gióng kín cả, không thể vào xem được. Ở đường *Blanche* này cũng không có gì lạ, chỉ có một sở câu lạc bộ lớn gọi là *Casino de Paris*, mặt trước lại ở về đường *Clichy* và mới bị cháy to.

Ở nhà ông M. về, đóng cửa ngòai hàm trong buồng viết bài diễn thuyết cho trường “Đông phương Bác ngữ”.

*

Thứ năm, 25 tháng 5

Hôm nay cũng ngồi hằm ở nhà để viết cho xong bài diễn thuyết. Sang đến đây mà phải bó chân ngồi một chỗ làm cái nghề “vẽ voi” như ở nhà, thật cũng buồn quá. Không biết ông Tây nào đã có nói một câu rằng: “ở đời không có cảnh gì khổ bằng một cái đầu trống không ngồi đối với một mảnh giấy trắng xoá”. Chắt óc cho thành chữ, cái khổ ấy là cái khổ hằng ngày của mình ở nhà, tưởng tránh được xa mà sang đây, ai ngờ sang đến đây cũng lại phải bung đầu không ngồi trước mảnh giấy trắng! Tôi lấy làm khen thay những người làm văn chương trôi như nước chảy, gặp chuyện gì viết cũng được, dễ dàng như không. Tôi thì phải cái tật hể trong óc không có gì, không tài nào nặn ra chữ được, không thể nào viết phiếm cho đầy giấy được. Muốn nói chuyện gì thì phải nghiền ngẫm kỹ, như “ngầu nghĩ” trong óc rồi mới xuất ra lời văn được, cho nên văn mình có ý khắc khổ mà không được lưu loát như văn người ta. Nhưng có lẽ được cái thành thực, không dám “nói láo”, không dám ‘loè’ ai bao giờ. Cũng bởi thế

nên vụng lỏi văn du hí, văn thù tạc, và những giọng ngâm phong, vịnh nguyệt thì thật không biết làm bao giờ. Chỉ biết bụng nghĩ thế nào nói thẳng ra như thế, nhưng phải trong óc có gì mới nói được, không có óc trống rỗng mà cũng cố nặn ra câu văn bóng bẩy như người ta được...

Tôi đi ăn cơm tàu với ông B., ở Kinh tế cục.

*

Thứ sáu, 26 tháng 5

Thôi, thế là thoát nợ. Còn mấy trang diễn thuyết, tối hôm qua viết nốt rồi, thế là ngày hôm nay được thư thả đi chơi.

Định lên ăn cơm trưa trên tháp sắt Eiffel. Mất năm quan một người, đi thang máy lên tận tầng thứ ba trên đỉnh tháp, đứng đây trông được hết cả thành Paris. Sẵn có hộp giấy thép, có bút mực, mua mấy cái cartes postales viết mấy chữ về thăm nhà, dưới đề là: “Viết tự 300 thước cao trên thành Paris”! Trẻ ở nhà nhận

được thư có lẽ tưởng rằng khó nhọc nguy hiểm lắm mới lên được cao như thế, lo thay cho khách du lịch bạt thiệp ^[21] gian nan! Có biết đâu rằng khách du lịch chẳng phải động đến gót chân, cứ đứng vào trong thang máy là tự khắc từ từ lên hết từng ấy đến từng khác, rồi lại từ từ xuống như thế, chỉ khác khi lên thì càng lên các nhà cửa đường phố càng nhỏ tí đi như sợi tóc, mà khi xuống thì càng xuống càng to dần ra. Tháp có ba tầng, xem đến tầng cao nhất rồi thì xuống tầng dưới cùng (cũng cách đất đến 60 thước) ăn cơm; tầng này rộng lắm, như một cái phố nhỏ, có cao lâu, khách sạn, nhà cà phê, nhà hát, nhà nhẩy đầm, hàng quán bán những đồ vật kỷ niệm, như tranh, ảnh, sách, ống nhòm, v.v... - Ăn cơm đây mất mỗi người 12 quan, cũng lịch sự lắm.

Xét ra tháp Eiffel này là cái công trình kiến trúc cao nhất trong thế giới. Tháp *Woolworth Building* ở *New York* cao 229 thước, thạch bi ^[22] Ai Cập ở Washington cao 160 thước, mà tháp sắt Eiffel này cao tới 300 thước. Do ông kỹ sư Eiffel nghĩ kiểu độc công dựng lên, bắt đầu ngày 28 tháng 01 năm 1887, đến ngày 31 tháng 3 năm 1889 mới hoàn công, nặng 7 triệu cân tây, có 1 vạn 2 nghìn mảnh sắt nối lại với nhau bằng 2.500.000 cái ốc lớn nặng cả thảy là 45 vạn cân; bốn chân mỗi chân to là 26 thước vuông, chôn sâu xuống đất từ 9 thước đến 14 thước. Tháp có ba tầng, tầng dưới cách đất 57 thước, tầng giữa cao 115 thước, tầng

trên cao 275 thước, còn từ đáy lên đến trên ngọn 300 thước có một sở vô tuyến điện, nhưng không được lên xem. Sở vô tuyến điện ấy cũng mới đặt từ khi có chiến tranh đến giờ. - Nghĩ cái chí người Tây họ cũng hùng thật: bồng dung làm một cái tháp sắt ngất trời mà chơi! Chẳng bù với người mình chơi cây uốn với chơi non bộ!...

5 giờ chiều diễn thuyết ở trường Đông phương Bác ngữ. Được chừng mười mống đến nghe! Nói về vấn đề “Sự tiến hoá của tiếng An Nam” thì thuộc về chuyên môn quá, cả thành Paris để không được mười người chuyên trị tiếng An Nam. Nhưng diễn thuyết ở trường dạy tiếng Đông phương mà không diễn về ngôn ngữ học thì diễn về cái gì? Nói về một chuyên khoa thì không mong có nhiều người nghe được. Và chủ ý mình là mượn cuộc diễn thuyết này và mượn cái thanh thế của trường Đông phương Bác ngữ để làm một bài kể về cái tình trạng của tiếng An Nam thế nào và nói rõ cho thiên hạ biết rằng tiếng An Nam không phải là hèn mạt gì, cũng có cơ tiến hoá được, rồi cho đăng báo cho người Tây họ biết, kéo có nhiều người ở bên ta quen miệng cứ công kích tiếng ta oan quá...

Tuy có ít người như thế, nhưng xem ra họ cũng chú ý nghe, lấy cái vấn đề tiến hoá tiếng An Nam làm một điều quan hệ ^[23] nên

khảo cứu.

[1]talawas: trong tác phẩm đã in, phần này vẫn được đánh số là VII, có lẽ do nhầm lẫn?

[2]Mặt trời nghỉ liền có mặt trăng đỡ, ý nói cái nọ dựa vào cái kia.

[3]Nói tắt chữ nhà trọ.

[4]Đường thông bốn ngã.

[5]Quảng trường Cộng hòa.

[6]Có phần.

[7]Đây không có nghĩa là hào nhoáng rực rỡ, mà nhằm ý khoe khoang.

[8]Tức buổi giao thời, cái cũ chưa đi, cái mới chưa tới.

[9]*Trò chệt*: như *học trò* nói chung. Đồng giao có câu: *học trò, học chệt*...

[10]Đốt hương lên mà mong mỏi.

[11]Vẽ nên.

[12]Mạnh mẽ, quả quyết.

[13]Ngày nay hay gọi là Thư viện quốc gia.

[14]Y như.

[15]Người có lòng nhân.

[16]*Lĩnh*: nhận lấy; *trung* là vờ đến; *lĩnh trung* nghĩa như nhận thâu.

[17]Tức là cửa hàng của người Trung Hoa.

[18]Quê tác giả.

[19]Nhu tài: cần người tài.

[20]Nếu như.

[21]Đường đi khó khăn.

[22]Bia lóm làm bằng đá.

[23]Có ý nghĩa quan trọng.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 6

X ^[1]

Thứ bảy, 27 tháng 5

Hôm nay đã rồi việc, định đi xem các nhà bảo tàng. Nhà bảo tàng ở Paris thì biết bao nhiêu mà kể, cứ giờ một quyền “Chỉ nam thành Paris”, về mục “bảo tàng viện”, trông thấy một dòng dài những tên cũng đã đủ ngót rồi. Tự trung có mấy sở có danh tiếng nhất, như sở *Louvre*, sở *Luxembourg*, nhưng các sở đó to lớn lắm, mỗi nơi phải đến mấy ngày xem mới hết được, và trước khi đi xem phải kê cứu các sách cho kỹ thời xem mới bổ ích, cho nên chưa dự bị sẵn, chưa dám đến xem. Còn các sở khác thì nhiều lắm, không biết xem chỗ nào trước chỗ nào sau, thôi thì cứ tiện đâu xem đó, vì đâu cũng nên xem cả.

Hôm qua chơi tháp Eiffel, đứng trên trông xuống thấy ở giữa vườn hoa rộng có cái nhà tròn to lớn lạ lùng, hai bên có hai cái tháp ả Rập cao ngất trời. Đó là điện *Trocadéro*, làm theo kiểu Đông phương, nguyên là nhà Đấu xảo năm 1878. Điện có một cái nhà tròn ở giữa, hai bên hai đường hành lang chạy vòng như hình bán nguyệt. Nhà giữa nay làm nhà hội tiệc, hoặc làm nơi diễn kịch cho công chúng xem, có thể ngồi được 6000 người. Hai nhà hành lang hai bên thì từng dưới làm bảo tàng viện về nghệ chạm khắc so sánh của các đời và các nước (*musée de sculpture comparée*), từng trên làm bảo tàng viện về khoa dân tộc học (*musée ethnographique*).

Cả buổi sáng hôm nay đi xem hai nơi bảo tàng đó. Nơi bảo tàng về nghệ chạm khắc không phải là bày nguyên những đồ chạm khắc đời xưa đời nay đâu, toàn là những hình nặn bằng đất về các kiểu chạm khắc và kiểu xây dựng thật đẹp và thật lạ của nước Pháp cùng các nước ngoài, nhưng nặn khéo đến nỗi trông hệt như thực. Đi xem qua một lượt thì biết nghệ đắp tượng, chạm các kiểu nhà ở Âu châu đời nọ sang đời kia thay đổi tiến hoá thế nào. Từ thượng cổ cho đến thế kỷ thứ 19, bao nhiêu những kiểu chạm đẹp ở phương Đông, phương Tây là có hình nặn ở đấy cả, sưu tập thật cũng đã dụng công mà truyền nặn thật cũng đã khéo léo, khiến cho nhà khảo cứu nhất lãm mà thu gồm được, so sánh

được cả mỹ thuật mấy mươi đời mấy mươi nước. Các tượng Ai Cập, tượng Hi Lạp, tượng La Mã, những mảnh tường, mảnh cửa, kiểu mộ, kiểu nhà, hết thấy những lối lằng thuộc về nghề chạm nặn, nghề xây dựng, đều xếp đặt theo thời đại, theo xứ sở, như một pho sách hiển nhiên, hết thiên này đến thiên khác, chương nọ đến chương kia, thật là rõ ràng rành rẽ. Trong nhà bảo tàng lại có mấy gian riêng để bày những hình nặn về các cổ tượng và di tích của Cao Miên, Diêm Điện, Chiêm Thành và cả An Nam ta nữa. - Ấy cách học vấn của người Tây, bất cứ về môn nào, cũng là kỹ càng trọn vẹn, đến chôn đến nơi như thế, không trách sự học của người ta dễ sâu xa và mau tấn tới vậy.

Viện bảo tàng về dân tộc học thời bày những kiểu đồ đạc, đồ dùng, nhà cửa, đồ lễ bái, đồ khí giới, hình thể các giống người, nói tóm lại là hết thấy những đồ vật gì đủ hình dung được cách sinh hoạt của các dân tộc trên thế giới. Chia ra từng gian: gian về Mỹ châu, có phần về nước *Mexique* đời xưa nhiều đồ hơn cả; gian về Âu châu, lại chia ra từng nước, mà phần nước Pháp thường hơn nhất; gian về Phi châu, về các quần đảo đại dương. Duy về Á châu thì không thấy có mấy tí đồ. ý giả vì Á châu đã có nhiều nhà bảo tàng riêng, như nhà bảo tàng *Guimet*, nhà bảo tàng *Cernuschi* (rồi sau này cũng phải đi xem hết), nên ở đây bày lược thế chăng?

Bảo tàng là nơi chứa những đồ vật quý, nhưng chớ nên tưởng rằng đồ quý chỉ là vàng bạc châu báu, ngọc thạch kim cương mà thôi đâu. Đối với kẻ học giả, một mảnh xương người, một miếng đá vỡ về đời thượng cổ còn có giá hơn là hòn kim cương mấy chục vạn. Nhà bảo tàng chính là một sở học, chứ không phải là một kho chứa đồ, những đồ bày đó là để giúp cho sự học, vì học không phải ở sách mà thôi, học còn ở sự vật nữa, mà học đến sự vật gì có hình ảnh ngay trước mắt, đó mới là học đến nơi. Bởi thế nên ở các nước văn minh, nhà học đường mở ra nhiều mà nhà bảo tàng đặt ra cũng lắm, môn học nào cũng có nhà trường dạy, lại có sở trần thiết ^[2], về lịch sử học cũng như về vệ sinh học, về văn học cũng như về mỹ thuật, về binh học cũng như về nông công. Không những các ông giáo các trường đem học trò đến nhà bảo tàng để giảng nghĩa, lại thường ở các viện bảo tàng lớn có đặt ra từng phiên giảng công; mỗi tuần lễ hay mỗi tháng mấy lần, khách đến xem có biên tên trước thời được nghe nhà chuyên môn cắt nghĩa cho rõ ràng về các đồ vật bày.

Ở viện bảo tàng *Trocadéro*, cũng có những phiên giảng như thế, vừa giảng về khoa chạm khắc, vừa giảng về dân tộc học. Nhưng hôm nay đi xem không trùng vào phiên giảng. Ban chạm khắc lại có bán cả các hình nặn cho các nhà nghệ và cho khách du lịch,

để truyền bá các kiểu đẹp đời xưa đời nay.

Xem xong trong nhà bảo tàng, ra đến ngoài vườn hoa. Vườn rộng thênh thang, sửa sang than thán, chỗ thì bụi cây, chỗ thì bể nước, còn những tượng đồng tượng đá la liệt. Có sáu bức tượng lực lưỡng hình sáu đại châu: Âu châu, Á châu, Phi châu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Đại Dương châu. Ở một bên lại có cái sở nuôi cá lớn, mỗi tuần lễ có diễn thuyết về nghề nuôi cá.

Quanh quần xem mãi đây, đến quá mười hai giờ trưa mới đi kiếm hàng ăn cơm. Không muốn về trọ xa quá, định gặp hàng nào ăn ở đấy, để quá trưa lại đi xem nhà bảo tàng Guimet ở gần đây. Ở nước nhà, mình phải cái thói ngủ trưa, hễ ăn xong tất phải ngủ nửa giờ một giờ đồng hồ, nhiên hậu ^[3] mới khoan khoái làm việc được. Sang đây thời thấy mất hẳn cái thói ấy; một đôi khi cũng có nghỉ buổi trưa, nhưng đó là theo lệ thường, chứ không phải là một sự cần, khuyết không được. Đêm có thức khuya thì sáng dậy trưa, nhưng buổi trưa không cần phải nghỉ ngơi gì, có thể đi chơi hay làm việc luôn cả ngày được. Đó là một sự lợi thời giờ nhiều lắm, chứ cái cách cắt một ngày ra làm đôi bằng một buổi nghỉ trưa là cách rất không tiện. Nhưng cái khí hậu xứ mình viêm nhiệt, nếu trưa không nghỉ thì người uể oải, không có tinh thần đâu mà làm việc cho hết ngày được. Khí hậu quan hệ cho

sinh lý như thế; làm người ở đất ôn đới thật được nhiều điều sung sướng tiện lợi hơn ở các xứ nóng thật. Cứ nghiệm ngay mình: ở nước nhà tuy không phải có đau ốm gì quanh năm, nhưng khi nóng khi lạnh trong người vẫn không được thư thái; thế mà từ khi sang đến bên này, thấy trong người khoan khoái mạnh khỏe, tưởng xưa nay không bao giờ được như thế.

Năm xưa làm việc ở trường Bác Cổ vẫn đã biết tiếng nhà bảo tàng *Guimet*, vì sở này chuyên sưu tập những đồ cổ thuộc về á Đông, thứ nhất là về các tôn giáo ở á Đông, và thường giao thông với trường Bác Cổ nhiều. Cả buổi chiều đi xem khắp trong nhà bảo tàng này. Thôi, biết cơ man nào là những đồ Tàu, đồ Nhật, đồ Cao Ly, Tây Tạng, Mông Cổ, Mãn Châu, Xiêm La, Cao Miên, Ấn Độ, cùng những tượng thần, tượng Phật, thật là hằng hà sa số. Đồ sưu tập trong nhà này gấp mấy nhà bảo tàng của trường Bác Cổ ở đường Đồn Thủy Hà Nội, mà trường Bác Cổ kể cũng đã nhiều đồ rồi. Lại những đồ sứ cổ, bức hoạ cổ, đỉnh cổ, lọ cổ, trông mà đẹp mắt quá. Lại thay, lấy con mắt người An Nam mà xem những cổ vật, cổ tượng của Hi Lạp La Mã, dẫu đẹp mười mươi, nó vẫn thế nào ấy không cảm mình tí nào cả; hoặc mình đã đọc sách qua mà thấy trong sách khen thì cũng cố miễn cưỡng tìm cho ra cái đẹp ở đâu, chớ cứ tự nhiên mà nhìn qua thì thật không lấy gì làm đẹp cả. Như tượng *Vénus*, tranh *Joconde*,

cả thế giới khen là đẹp, mình cũng vâng rằng đẹp, mà trong lòng trong trí thật chưa từng thấy có cảm giác gì. Thế mà giá đứng trước một cái lọ sứ đời Minh hay một bức cổ họa đời Đường, thì tự nhiên thấy cảm ngay, hình như thần trí mình cùng với đồ vật ấy có cái thanh khí thiên nhiên ^[4]. Buổi sớm xem ở sở *Trocadero*, dầu nhiều hình đẹp kiểu lạ thật, nhưng đứng đấy vẫn như bờ ngõ, phải gắng sức mới gọi là thưởng thức được ít nhiều; nay vào đến sở *Guimet* này, thời như vào chỗ quen thuộc vậy; những cái quý cái đẹp ở đây, mình thật biết, thật cho là đẹp là quý, không có chút miễn cưỡng gì. Không nói về văn chương; nói về âm nhạc, về mỹ thuật, tôi tưởng rằng người Nam mình cũng ít ai nghe khúc nhạc tây, ngắm bức họa tây, mà thật có cái “mĩ cảm” như người Tây. Có lẽ là người mình không có cái “mĩ thuật giáo dục” (*éducation artistique*) như người Tây, sự giáo dục ấy nó khiến cho biết thưởng thức những hình sắc thanh âm khác lạ với tai mắt mình. Song ở đời đã không có cái gì là “tuyệt mĩ”, và sự xấu sự đẹp chẳng qua là một sự tập quán, thì ngoài những kẻ hí tân ^[5] hiếu kỳ, cố ý lấy cái mới cái lạ làm đẹp, còn phần nhiều người ta quan sát về mĩ thuật không thể dờn bỏ hẳn cái thiên kiến riêng của giống mình được. Tỉ như một điều sau này: người Tây bình phẩm đàn bà An Nam có thói nhuộm răng đen thường nói rằng: trông miệng người đàn bà An Nam tối om như cái hố sâu. - Người Tây có lẽ lấy thế làm xấu thật, nhưng ta

lại cho thế là đẹp, cô con gái nào nhuộm răng khéo, đen lánh như hạt huyền, thì tựa hồ như có duyên thêm lên. Tôi xin thú thật rằng tôi không thể trông được một người đàn bà An Nam để răng trắng, dầu đẹp mười mươi mà coi bộ răng đủ chán ngắt rồi! Vì người đẹp là người thế nào? Là một người hết với hình ảnh một kẻ “ý trung nhân” của mình. Kẻ “ý trung nhân” của người An Nam ta là một người đàn bà da trắng tóc dài, hình dung yếu điệu... mà phải có bộ răng đen nhay nháy mới được. Nếu răng trắng thời hồng toẹt, không hết với người trong mộng nữa! – Có lẽ đó cũng là một cái thiên kiến, và không khỏi có kẻ chê là hủ lậu. Nhưng cái sự đẹp xấu nhiều khi chỉ quan hệ ở một cái thói quen trần hủ ^[6] mà thôi...

Nhưng lấy cái phương diện học vấn mà xét, thời người ta ai cũng nên biết thưởng thức mỹ thuật các nước; xem đồ ngoại quốc dầu không có cảm mà cũng phải biết hiểu mới được, hiểu cái đẹp của người ta ở đâu và sở dĩ làm sao người ta cho là đẹp.

Người Tây thật là có cái trí thông hiểu như thế; xem như cách sưu tập và xếp đặt những đồ á Đông ở trong nhà bảo tàng Guimet này thì đủ biết.

Nhà bảo tàng này nguyên là của một ông phú hào tên là Emile

Guimet, ông thường đi du lịch ở các nước Đông á mua được nhiều đồ cổ đem về bày ở nhà, sau dần dần mở rộng ra làm một sở bảo tàng, trước còn ở Lyon, rồi đến năm 1888 ông biếu nhà nước chuyển đem lên Paris, ở đường *Iéna* bây giờ. Ông mới mất được mấy năm nay; hồi sinh thời ông ham khảo cứu về các tôn giáo á Đông đến nỗi rước những sư Tây Tạng, sư Nhật Bản về nhà mà lập đàn tràng làm các lễ để mời những nhà bác học đến xem.

Viện bảo tàng *Guimet* đã có ảnh hưởng to về khoa Đông phương học ở nước Pháp. Ngoài các bộ đồ trần liệt, lại có một cái thư viện nhiều những sách về á Đông. Lại xuất bản những sách nghiên cứu nhiều lắm, gọi tổng danh là “*Guimet* Bảo tàng viện Tùng thư” (*Publications du Musée Guimet*). Mỗi năm trong mấy tháng, cứ mỗi tuần lễ có một phiên diễn thuyết công về văn chương mỹ thuật, tôn giáo, triết học các nước á Đông, do những tay bác học có tiếng đến diễn và thiên hạ đến nghe đông lắm.

Hội “Đông phương ái hữu” (*Société française des Amis de l'Orient*) cũng có hội sở ở đây. Nhân vào xem nhà bảo tàng, có lại thăm chánh thư ký Hội là cô K. và phó thư ký là ông B. Cô K. cũng là một tay bác học, chuyên trị về ấn Độ, lại có tài họa. Ngồi nói chuyện giờ lâu về cái lễ tương thân của người Đông phương

với người Tây phương. Hội này đặt ra chính là để giúp cho sự tương thân đó. Hội họp những người Pháp có cảm tình với Đông phương và tiếp những người Đông phương sang qua chơi bên Pháp. Hội mới rồi có nghênh tiếp nhà đại văn hào Ấn Độ Rabindranath Tagore. Ông B. và cô K. có ngỏ lời muốn mời mình diễn thuyết cho người trong Hội nghe; mình cũng hứa nhận, nhưng chưa định bao giờ. Hiện còn đương phải soạn một bài cho trường Thuộc địa, nếu lại phải làm bài nữa cho Hội Đông phương ái hữu này, thì thành ra bận quá: sang đây để tiêu dao xem xét mà thành ra cứ phải viết hoài!...

*

Chủ nhật, 28 tháng 5

Hôm nay ở trọ, viết nốt bài diễn thuyết cho trường Thuộc địa. Bài này nghĩ đã mấy tuần nay, thảo cũng được khá rồi. Muốn nói rõ về cái tình cảnh nước Nam ta về đường tinh thần thế nào. Đề là “Sự tiến hoá của dân An Nam từ khi đặt Bảo hộ Pháp”. Trị cái đề này cho cứng và cho ôn cũng khó thật; khó là muốn cho vừa cứng mà vừa ôn. Nếu ôn quá thì thành ra nịnh rồi, mà nịnh thì

mình không mặt mũi nào; mà nếu cứng quá tất sãng, mà sãng cũng không xong. Thật là một sự khổ tâm. Phải xoay làm sao cho êm thấm mà không hại đến cái chí bình sinh của mình. Khó, khó quá!...

*

Thứ hai, 29 tháng 5

Hôm nay cũng ở nhà, làm cho xong bài diễn thuyết, vì chiều thứ tư này đã phải diễn đây.

Có ông bạn giới thiệu cho một người thiếu phụ, coi cũng hữu tình. Lấy chén nước chè, làm đầu câu chuyện, chuyện vãn chuyện dài, tối ngày không biết...

*

Thứ ba, 30 tháng 5

Buổi sáng đến thăm quan Nguyên soái P., ngài đưa đi xem nhà “Câu lạc bộ” của các quan võ (*Cercle des officiers*), lại đưa đến “Phòng khảo sát về việc Thuộc địa” của mấy ông nghị viên lập ra, và giới thiệu cho biết ông nghị viên G., là đại biểu một thuộc địa ở Hạ nghị viện. Ông này người lanh lợi hoạt bát, tiện đây ông có mời đi ăn cơm trưa với ông để nói chuyện cho tiện. Ông hỏi han nhiều điều về việc chính trị bên ta.

*

Thứ tư, 31 tháng 5

Chiều hôm nay là ngày diễn thuyết đây. Nghe đâu trường Thuộc địa có gửi giấy mời nhiều người.

11 giờ đến thăm quan cai trị C. Ở Kinh tế cục. Ngài đọc cho nghe lời ngài giới thiệu mình chiều hôm nay; có nhiều câu quá khen.

3 giờ chiều ở trường Đại học *Sorbonne* có khai hội nghị các nghị viên các nước về thương nghiệp (*Conférence internationale parlementaire du Commerce*), ông nghị viên Pháp Chaumet làm chủ tọa. Trong đại diễn đàn nhà *Sorbonne* có tới 3 nghìn người đến xem, mình cũng nhờ người quen cho vé được vào xem. Ông Chaumet diễn thuyết trước, đại khái nói thương nghiệp ngày nay là một việc rất quan hệ đến quốc tế, nghị viện các nước nên hiệp lực nhau mà nghiên cứu các vấn đề về việc giao thông buôn bán trong vạn quốc. Rồi kể đến đại biểu nghị viện các nước Anh, Mỹ, Ý, Nhật, Ti, v.v..., mỗi người tiếp nhau diễn thuyết một hồi, có người nói bằng tiếng Anh, mình nghe chẳng hiểu gì cả, mà xem chừng những người ngồi quanh mình cũng thế.

Xem xong, về trọ nghỉ một lát, rồi đi ăn cơm để sửa soạn diễn thuyết buổi tối. Tối hôm nay quyết ăn mặc quần áo An Nam, lấy quốc phục làm lễ phục, cho nó thêm trịnh trọng. Nghiễm nhiên ra một anh “đồ” An Nam mà ngồi diễn thuyết bằng tiếng Pháp, chắc người nghe phải chú ý vào những lời mình nói. Cái bộ áo “anh đồ” này, ở bên mình khinh thường, chứ ở đây có giá trị lắm...

12 giờ. - Được lắm. Diễn thuyết được lắm. Bắt đầu từ 8 giờ 3/4; người đến nghe ngồi chật cả các ghế trong phòng diễn thuyết

trường Thuộc địa, ước tới 300 người. Trên diễn đàn, mình ngồi giữa, quan đốc Outrey ngồi bên tay phải, quan cai trị Chatel ngồi bên tay trái. Quan Chatel đọc mấy lời giới thiệu mình cho thính giả, rồi mình diễn thuyết luôn từ 9 giờ đến 10 giờ rưỡi, kể cũng lâu, nhưng xem ra người nghe không chán, lại hoan nghênh lắm, vỗ tay luôn. Diễn xong nhiều người đến nói là: - Được lắm! Được lắm! Sau cuộc diễn thuyết có chớp ảnh ^[7] về Đông Pháp, mãi quá 11 giờ mới tan.

*

Thứ năm, 1 tháng 6

Được tin chiều hôm nay quan Thủ tướng Poincaré sẽ diễn thuyết ở Hạ nghị viện. Mỗi lần quan Thủ tướng diễn thuyết, xin được vé vào nghe là khó lắm. Mà mình thì lâu nay mong mỗi được nghe quan Poincaré, không có lẽ để lỡ mất dịp này. Nhưng làm thế nào xin được vé bây giờ? Có mấy ông nghị quen thì hỏi không ông nào có thừa vé cả. Chỉ còn một cách là đến thăm quan Thuộc địa bộ Thượng thư Sarraut mà cố xin, họa may được chẳng.

Vậy sớm hôm nay đến bộ Thuộc địa. Lần này mới biết cái cảnh châu chực cửa quan là một. Thường thấy chữ tây có câu *faire antichambre*, bây giờ mới biết là thế nào. *Faire antichambre* là đứng chực ở phòng đợi cho đến lượt mình vào, vì lúc ấy đã có sáu bảy người đến trước mình chực vào thăm quan Thượng thư rồi. Ấy là ít, chứ nghe đâu có ngày đến mấy chục người, ai đến sau phải đợi mất cả ngày cả buổi. Nhưng hôm nay quan Thượng thư lại vừa đi hội đồng vắng, chỉ có quan Chánh văn phòng tiếp khách thay ngài mà thôi. Quan Chánh văn phòng đây chính là quan Touzet, năm xưa mình đã được biết ở Hà Nội. Vậy không được tiếp mặt quan Thượng thư thì xin vào thăm quan văn phòng vậy. Song cũng phải đợi, vì những người đến trước mình họ cũng xin vào thăm quan Chánh văn phòng cả. Ngồi trong phòng đợi đọc không biết mấy chục tờ nhật trình nữa mà chưa đến lượt mình. Đã thấy mấy tờ nói qua đến cuộc diễn thuyết của mình tới hôm qua. Đến từ 9 giờ đợi đến 11 giờ mới được tiếp chuyện, nhưng chậm thế mà lại may, vì nhân đó mà tình cờ được gặp quan Thượng thư.

Quan Touzet tiếp một cách ân cần vui vẻ, hỏi han mọi việc bên ta. Sau mình mới ngỏ ý muốn xin một cái carte để vào nghị viện chiều hôm nay, ngài có ý ngần ngại nói rằng: “Quan Thượng thư

chỉ còn có hai cái *cartes* để dành cho người quen. Không biết ngài có cần dùng đến không; nay ngài đi hội đồng vắng, tôi không dám tự tiện”. Nghe thấy thế, mình đã lấy làm thất vọng rồi: đến xin tận đây mà không được thì không còn mong gì nữa. Đang lúc ấy thì nghe tiếng còi ô tô ở ngoài xa về, quan Chánh văn phòng nói: “Quan Thượng thư đã về kia. Ông có muốn vào chào ngài mấy phút, để tôi cho người bẩm. Buồng giấy ngài ở cạnh đây”. Chưa nói xong thì đã thấy quan Thượng thư tay cấp cấp ở ngoài vào. Ngài trông thấy, có ý vồn vã hỏi han. Bấy giờ quan văn phòng mới tỏ ý tôi muốn xin *carte* vào nghị viện cho ngài biết. Ngài cũng hơi lưỡng lự, hỏi quan văn phòng: “Có phải chỉ còn hai cái *cartes* không?...” Quan văn phòng nói phải; ngài nghĩ một lúc rồi nói rằng: “Chính chiều hôm nay quan Poincaré sẽ diễn thuyết đây. Tôi đã hứa lấy hai cái *cartes* cho người quen... Nhưng mà thôi, để tôi bảo lại người ta, lần khác người ta đi cũng được...” Rồi ngài ngoảnh lại quan văn phòng mà bảo: “Ông cứ đưa một cái cho ông Phạm Quỳnh.” - Bấy giờ tôi thật mừng như được hòn ngọc báu vậy. Cảm ơn quan Thượng thư, quan văn phòng, rồi lui về. Hai ngài đều ân cần dặn rằng còn ở chơi Paris nên năng lại thăm hai ngài, và có chuyện gì cứ đến mà hỏi, không ngại gì.

Nghị viện đúng 3 giờ khai hội đồng. Ba giờ kém một khắc, mình

đã ở đó rồi: thật là chăm lắm! Tới cửa đã thấy người đông cả: Các ông nghị thì đứng tùm lại chỗ năm người chỗ ba người, nói cái ồn ào, nhiều ông trông ra đáng hăng hái. Người đến xem, hoặc là bà con thân thuộc của các ông nghị viên hay các quan Thượng thư, hoặc người các nước do các toà sứ xin giấy cho vào, ai nấy tấp nập như muốn đi mau để lấy chỗ. Tụ cửa ngoài vào có mấy chặng canh, toàn là những chân “thừa phái” (*huissiers*) của nghị viện. Chặng thứ nhất hỏi vé, rồi xướng lên cho chặng thứ nhì biết; tôi nghe thấy xướng: "*Ministres*", nghĩa là có vé của quan Thượng thư cho, chắc là có chỗ ngồi riêng; chặng nọ xướng cho chặng kia, lên mấy tầng gác, rồi mới đến một chỗ có người “thừa phái” cầm lấy vé, mở cửa chỉ cho vào, mũ gậy phải để ở ngoài cả. Vào đến nơi đã thấy người ngồi đông, trên mình, dưới mình, quanh mình rất những người đến xem đông nghìn nghịt. Nhà nghị viện tựa như kiểu Nhà Hát Tây, nhưng rộng lắm. Chỗ sân khấu là chỗ các ông chánh phó nghị trưởng, chánh phó thư ký và những người có phần việc ngồi. Còn sàn giữa bày ghế vòng quanh là chỗ các ông nghị ngồi, có đâu hơn 600 ghế, ông nào đã có ghế nhất định; những người đến xem quen, người ta đã thuộc cả những chỗ ngồi, thấy chỉ trỏ: “Chỗ này là chỗ ông Daudet, chỗ kia là chỗ ông Cachin”, v.v. Ở giữa, vào hàng thứ nhất là dãy ghế các quan Nội các, tức là các quan Thượng thư. Còn diễn đàn thì đặt ngay chính giữa, dưới

chỗ ông nghị trưởng ngồi. Người xem thì ngồi các tầng trên, vòng chung quanh như các “lô” Nhà hát. Nghe đâu có chia ra từng nào là từng khách của các quan Nội các, từng nào là từng khách của các ông nghị viên, lại khu nào là khu để riêng cho các sứ thần ngoại quốc, v.v... Cõi cũng có cái vẻ nghiêm trang và uy vệ lắm. Chỗ này là chỗ bàn bạc những quốc sự của Đại Pháp đây. Một nước dân chủ thời Nghị viện tức là vua: cái chủ quyền nước Pháp là chung đúc ở chốn này, mà vận mệnh của nước Pháp cũng ký thác ở chốn này đây. Gặp những cơ hội quan trọng, thời sự chiến, sự hoà, việc quân cơ, việc quốc phòng là quyết định ở đây cả. Cái đêm ngày mùng 4 tháng 8 năm 1914, cả nghị viện đồng thanh quyết khai chiến với Đức, không biết cái cảnh tượng ở chốn này thế nào nhỉ?

Đúng 3 giờ thấy lính đầu rồng đứng hai bên cửa sân khấu, giờ giương, hô: “Ngài nghị trưởng” (*M. le Président!*), rồi ông nghị trưởng Raoul Péret đội mũ đi vào, bước lên thượng tọa. Bấy giờ các ông nghị ở các nơi mới kéo vào giải tọa cả. Các ông ngồi chật ních, không sót một chỗ nào. Nghe đâu những buổi thường thời không mấy khi nghị viên đến đông đủ, nhưng buổi nay có bàn về việc ngoại giao của chính phủ, quan Thủ tướng Poincaré phải đáp lại lời chất vấn của đảng phản đối, nên không ông nghị nào vắng mặt cả.

Quan Poincaré nói luôn trong 3 giờ đồng hồ, từ 3 giờ rưỡi đến 6 giờ rưỡi mới thôi. Trong khi nói, kẻ thì vỗ tay, kẻ thì huýt còi, chôn nghị trường thành một nơi rất náo nhiệt. Sau bỏ vé quyết nghị thì phần nhiều nghị viên biểu đồng tình với chính phủ...

Buổi tối cùng ông V. ăn cơm ở nhà quan nguyên soái P., mãi đến khuya mới về trọ. Quan nguyên soái và quý phu nhân người phúc đức lắm, con cháu đầy nhà; bữa tiệc rất vui vẻ.

XI.

Thứ sáu, 2 tháng 6.1922

Hôm qua là tình cờ mà được gặp riêng quan Thượng thư. Hôm nay cả anh em phái viên Bắc kỳ rủ nhau công nhiên vào chào ngài, một là cái lễ phải thế, hai là cái tình đối với ngài là Toàn quyền cũ bên mình. Cũng phải chờ, không được vào ngay, vì quan Thượng thư còn dở tiếp khách, và trong buồng đợi cũng còn mấy người nữa đã đến trước mình. Đợi đến nửa giờ đồng hồ thì có người thừa phái ra mời vào quan Chánh văn phòng tiếp trước. Chuyện trò một lát rồi quan văn phòng đưa vào quan Thượng thư. Ngài tiếp ân cần vồn vã, hỏi chuyện từng người, rồi

nói về cuộc Đấu xảo của Đông Pháp ta thật đã được thập phần hoàn hảo, ngài lấy làm bằng lòng lắm; sau hỏi đến anh em phái viên sang chơi bên Đại Pháp này như thế có lấy làm vui vẻ thoả thích không; chắc ai cũng đồng thanh trả lời rằng thực được vui thích, bấy lâu ao ước được xem cái cảnh tượng văn minh của quý quốc, nay được mục kích, thật là thoả lòng. Ngài khuyên nên đi du lịch quan sát cho nhiều, những nơi thắng cảnh thắng tích ở kinh đô và các vùng phụ cận nên dạo chơi cho khắp, và nếu lại có thể đi chơi được các tỉnh lớn khác nữa thì lại càng hay lắm. Ngài lại nói rằng hoặc có cần đến ngài giúp cho trong khi du lịch các nơi được tiện lợi thời ngài sẽ sẵn lòng. Anh em cũng cảm cái tấm lòng ân cần của ngài, nhưng nghĩ bụng rằng ở đất văn minh này có thú thật, nhưng đi mỗi bước là mất tiền, giá quan Thượng thư giúp ngay cho mỗi người dăm bảy nghìn quan để thêm vào phí du lịch thì hay biết dường nào! Song nghĩ lại một quan tiền tây bên này cũng trọng bằng đồng bạc bên ta, và quan Thượng thư tuy vậy chứ sử dụng đồng phật lạng của công khổ Đại Pháp có lẽ không được ung dung bằng quan Toàn quyền sử dụng đồng hoa viên của công khổ bên ta, nên biết rằng cái câu ước nguyện anh “keo” đó, chắc hẳn không đất nào...

Lâu nay vẫn nghe tiếng xóm Bình Khang ở đây có lắm thú lạ lùng, nhà nho định đi “khảo sát” một hôm xem thế nào. Không

có lẽ sang đến Ba lê mà không biết cái phong vị ấy. Com tối rồi anh em bèn rủ nhau đi “Mông mặc”. Đi xe điện ngầm métro đến Place Pigalle, đây chính là giữa xóm ăn chơi đây. “Mông mặc” là gồm cả cái khu ở trong khoảng mấy đường *Pigalle, Blanche, Clichy, Rochechouart, Clignancourt*, san sát những tửu lâu trà quán, đèn điện sáng choang, thật là một nơi “bắt dạ thành ^[8]”; tuy không nghe thấy những tiếng *cắc! tòm! tòm! cắc!* như ở Hàng Giấy hay Tân áp Hà Nội ta, nhưng trong không khí vắng vắng những tiếng đàn tiếng hát, đủ biết là chỗ ăn chơi. Trong bấy nhiêu nhà, chưa biết vào nhà nào. Khách tỉnh xa mới về Hà Nội muốn đi hát một chiều đến Hàng Giấy hay Tân áp chắc cũng ngỡ ngỡ như thế. Chợt trông thấy hình cái cối xay đỏ sáng loè ở đằng xa, mới nhớ ra quán “Cối xay đỏ” là nơi có tiếng ở xóm này, có tiếng là chỗ chơi bởi phóng túng mà lại có phong vị hào hoa, những tao nhân mặc khách cũng không nề đến đây ngâm thơ uống rượu. Nhưng nghe đâu quán này đã bị cháy từ năm 1916, có lẽ mới dựng lại. Anh em định vào đây. Đến nơi thấy những kẻ ra người vào tấp nập. Vào cửa phải mất tiền. Trong rộng như cái chợ, đèn thấp rực rỡ, bàn ghế la liệt, dưới sàn toàn rải thảm đỏ cả, mà trong không khí thời như đây những sương mù, tức là khói thuốc lá vậy. Chỗ này uống rượu, chỗ kia đàn ca; thôi, thiếu gì là những “ả mày ngài” cùng với “khách làng chơi”. Nghe đâu các “tiên” ở đây những lắm, nên anh em đã dẫn nhau vào đến nơi

cứ làm mặt “mán xá”, nói toàn tiếng An Nam, ăm ê như không biết câu tiếng tây nào, họ muốn cho mình là Ngô Lào gì mặc ý. Vừa kéo ghế ngồi, bảo hầu sáng dọn các thứ rượu ngọt như nước ngọt và nước đá, thời “tiên” ở đâu kéo đến từng lũ, thoáng mắt một cái bác nào bác ấy có đôi cả. Chào mời đón hỏi tươi cười, lũ “mán xá” cứ ngây ngô nhìn nhau, họ cũng tức cười. Họ tưởng mình là người Tàu hay người Nhật, họ nói tiếng Anh, mình lại càng ngẩn nữa. Bấy giờ một người mới bập bẹ làm thông ngôn, nói nhiều câu chuyện tầm phơ cũng lý thú. Rượu chuyện đã vãn, đêm cũng đã khuya, bác nào cao hứng thời theo “tiên”... lên mây; còn rủ nhau ra về cả, tính ra ngồi nói chuyện “chay” như thế mà mỗi người cũng mất năm sáu chục quan về tiền nước chanh, nước cam, nước đá, ấy là không ai nghiện “sâm banh” cả, chứ nếu lại đựng cốc chúc thọ nữa thì chưa biết đến mấy trăm quan.

Thôi, thế cũng là đủ, gọi là trải qua xem dạng cho biết cái mùi phồn hoa chốn danh đô một chút.

Xét ra xóm “Mông mạc” này ngày xưa có tiếng lắm. Kẻ thi nhân đến đây để trợ hứng, nhà họa giả đến đây để tìm kiêu. Bạc đạo đức chắc không dám bước chân đến, nhưng khách phong lưu thường không nề tới lui. Vì chỗ này cũng có một cái tinh thần

riêng, tiêu biểu một cái trạng thái đặc biệt của chốn danh đô. Thành Paris không phải là chỉ ở những hội hàn lâm, trường đại học, thành Paris ở cả những nơi hoa liễu, xóm ăn chơi nữa. Người Paris dẫu khi chơi bời lơ lả cũng biết điêm thêm một cái vẻ phong thú khác người: những thi ca ngâm vịnh ở xóm Mông mạc này biết bao nhiêu mà kể, mà bài nào cũng có cái giọng “tự nhiên” như thơ Xuân Hương vậy. Ai bảo thơ Xuân Hương không phải là biểu hiệu một cái tinh thần riêng của người An Nam ta?... Nhưng nghe đâu tự mười lăm năm nay, xóm Bình khang đây đã giảm giá đi nhiều. Bây giờ cũng thành chỗ ăn chơi như các nơi ăn chơi khác, không có cái tính cách đặc biệt gì nữa, nghĩa là thô鄙 không đủ nói vậy.

Trong sách *Les Curiosités de Paris* của Henri Boutet, đoạn nói về Mông mạc có câu rằng: “Mông mạc bây giờ là Paris của khách ngoại quốc. Nếu tra tính danh quốc tịch của những người đến chơi chốn này, sẽ thấy phần nhiều người là người ngoại quốc, người các tỉnh, chứ không phải là người Paris... Chính người Paris có bước chân đến đây cũng phải rầu lòng mà tránh cho xa cái phong vị Paris hủ lậu ^[9] này... (*Le vrai Parisien s'évade mélancoliquement de ce parisianisme faisandé*)” – Có lẽ bởi khách tạp các nước và khách tứ chiếng đến đây quần tập huyên náo quá, người Paris không đến nữa, nên chốn này mới

mất cái phong vị cũ đi như thế.

Còn nhớ trước có đọc một bài ^[10] kịch của Pierre Frondaie đề là *Montmartre* diễn ở Paris năm 1910. Bài này là chuyện một chàng thiếu niên tài tử, có tính hào hiệp, phải lòng một ả Mông mặc, âu yếm rất mực. ả cũng thực tình với chàng và xem ra cũng là con người có thiên lương, chứ không phải cái căn tính xấu. Sau chàng làm nên, ra tay tể độ vớt người trầm luân, muốn lấy nàng làm vợ. Không ngờ nàng tuy bụng dạ khá thật, nhưng cái thói cũ trắng hoa không thể nào gột rửa cho hết. Ở với nhau ít lâu, rồi gia đình tan nát, sau phải quyết liệt ^[11] nàng lại về xóm cũ như xưa. Tác giả kết luận rằng gái giang hồ không bao giờ làm vợ chính chuyên được, và cái hoa giữa đường dầu có cúi xuống nhặt lên bao giờ cũng không khỏi lấm bụi. Lời kết luận ấy nói cho bên Tây, chứ tưởng nói về bên ta cũng đúng vậy.

*

Thứ bảy, mồng 3 tháng 6

Buổi sớm đi dạo xem các hàng sách, mua được một mớ sách tốt

lắm.

Những hàng sách có tiếng như *Hachette*, *Delagrave*, *Armand Colin*, v.v..., ở bên mình tưởng tượng cho là những cửa hàng lớn, sách gì cũng có, khách đi lại đông như chợ. Sang đây mới biết phân biệt hiệu bán sách (*librairies*) với hãng xuất bản (*maisons d'éditions*): *Armand Colin*, *Hachette*, là những hãng xuất bản, chỉ bán buôn những sách của nhà mình xuất bản mà thôi, cho nên nhiều khi không bày cửa hàng, đi ngoài phố không có ý nhận thì không biết. Như ngày nào cũng đi qua đường *Saint Michel* đến mấy lượt mà không trông thấy hàng *Armand Colin* ở đâu; sau tra sổ nhà tìm đến tận nơi thì thấy bên ngoài cũng giống như các nhà khác, vào tận trong nhà mới biết là hàng sách. Những hãng này chỉ bán buôn cho các cửa hàng thôi, không bán lẻ cho khách. Muốn mua lẻ thì phải vào các hiệu bán sách. Những hiệu bán sách ở đây không phố nào là không có, mỗi ngày xem qua ngoài cửa hàng cũng thấy năm sáu chục quyển mới xuất bản, không kể các nhật báo và tạp chí. Mình có tính mê sách, trông thấy sách gì hay cũng muốn mua. Tháng trước ở Marseille cũng đã mua để đầy một hòm, phải gửi lại nhà trọ, không đem theo lên đây được, nay lại mua mãi để la liệt cả trong buồng thế này thì không biết lúc về làm thế nào đây?...

Chiều xem chớp bóng ở *Salle Marivaux*, đường *Italiens*. Đường này là một đường phố lớn, nhiều người đi lại, mà nhà chớp bóng này cũng là nơi lịch sự, nên khách đến xem coi ra những bậc sang trọng cả.

*

Chủ nhật, mùng 4 tháng 6

Hôm nay đi Versailles.

Versailles cách Paris chừng 20 cây-lô-mét, muốn đi bằng xe lửa hay xe điện cũng được. Lướt đi định đi xe điện, lướt về đi xe lửa. Mãi 11 giờ mới đi, đến nơi vừa trưa, ăn cơm trưa ở đây. Ngày chủ nhật này thiên hạ đi xem đông lắm, và chỉ có một buổi chiều không tài nào xem hết được. Vậy hôm nay hẵng gọi là thiệp liệp một lượt, rồi lần sau sẽ đi từ sáng sớm mà xem cho kỹ từng nơi từng sở một.

Versailles tuy là một tỉnh lỵ cũng khá lớn (6 vạn người), nhưng thiên hạ đến xem là chỉ xem cung vua Louis thứ 14 và vườn Ngự

uỷên, là hai nơi thắng tích đệ nhất của nước Pháp. Chính thể quân chủ trong thiên hạ, đến đời vua Louis thứ 14 là cực thịnh, cổ kim Đông Tây không có đâu, không bao giờ bằng; nay đã thành lịch sử rồi, còn di tích lại đó, là nơi hoàng cung và chôn ngự uyển này, kể cái công kinh doanh kiến trúc của người ta đến như thế là cực kỳ trang nghiêm tráng lệ vậy.

Xét ra cung *Versailles* là tự vua Louis thứ 14 dựng ra, kiểu mẫu là do hai nhà kiến trúc Le Vau và Mansart. Vườn ngự uyển thì do Le Nôtre vẽ kiểu, công trình đào đắp phải dùng đến 3 vạn 6 nghìn người và 6 nghìn con ngựa, kinh phí xây cung và làm vườn tới một ngàn triệu *livres* (tiền phạt lãng ngày xưa). Hiện nay Nhà nước Pháp cũng phải tiêu mỗi năm tới 62 vạn quan làm tiền phí bảo tồn và tu bổ hoàng cung và ngự uyển. Vua Louis thứ 14 thiên triều đình và chính phủ ở Paris ra Versailles năm 1682. Bấy giờ Versailles thành nơi trung tâm chính trị của nước Pháp. Nhà vua được toàn thịnh và bắt đầu suy dần cũng từ đây. Năm 1789, phong trào Cách mệnh nhóm lên, ngày mùng 5 tháng 5, Tam đẳng quốc dân họp đại hội đồng ở thành Versailles; ngày 20 tháng 6 những đại biểu của thứ dân họp ở trường đánh quần (*Jeu de Paume*, ngày nay làm bảo tàng viện về đời Cách mệnh), thề rằng đặt hiến pháp được cho nước rồi mới giải tán. Ngày mùng 5 tháng 10, công chúng kéo nhau vào trong cung, bắt vua Louis

thứ 16, hoàng hậu và các hoàng tử công chúa đem về Paris. Cung Versailles bỏ tự bảy giờ và chính thể quân chủ cũng suy tự bảy giờ.

Hội thịnh thời, nghĩa là hội vua Louis thứ 14 mới về ở, sách chép rằng cung sửa sang rộng có thể dung được hơn một vạn người. Mặt ngoảnh ra vườn dài tới 580 thước và trở tới 400 cái cửa và cửa sổ. Đến hội nhà vua suy, Dân quốc lập, thời cung suýt bị đem bán, sau bỏ hư hỏng mãi đến đời vua Louis Philippe. Từ năm 1833 đến năm 1837 vua mới tu bổ lại, đặt làm viện bảo tàng. Hội trận Pháp Phổ, vua Guillaume thứ I nước Phổ đóng bản doanh ở đây từ ngày 5 tháng 10 năm 1870 đến ngày 6 tháng 3 năm 1871, và làm lễ xưng hoàng đế nước Đức cũng ở đây. Hội Dân quân khởi loạn sau khi thua Đức (*la Commune*), Lâm thời Chính phủ đóng ở đây từ ngày 20 tháng 3 đến ngày 28 tháng 5 năm 1871, quốc hội họp hội đồng và bàn bạc ở trong “phòng hát bội” (*salle de l'Opéra*). Ngày 25 tháng 2 năm 1875, tuyên bố Dân quốc, mãi đến ngày 18 tháng 6 năm 1879 hai nghị viện mới quyết nghị thiên về Paris. Ngày nay cứ mỗi bảy năm bầu quan Giám quốc, hai nghị viện họp thành quốc hội ở Versailles để bầu. Tháng 5 năm 1919, sau cuộc thế giới đại chiến, đại biểu của các nước Đồng minh cùng với đại biểu nước Đức họp ở Versailles để nghị hoà. Hoà ước ký ở “Lầu trăm gương” (*Galerie*

des glaces) ngày 26 tháng 6.

Ấy lịch sử cung Versailles như thế. Trước khi vào xem phải mua một quyển chỉ nam về Versailles, trong kể tường tất cả. Xem như thế thì cung Versailles này trong khoảng ngót ba trăm năm thật đã có mật thiết quan hệ với quốc sử nước Pháp vậy. Xem một nơi cổ tích cũng phải biết qua lịch sử một chút thời mới có bổ ích. Không biết nhà làm sách nào đã nói rằng những chốn cung điện lăng tẩm của đế vương cùng những nơi đã xảy ra các việc lớn trong lịch sử, đời đời có một cái khí vị riêng, như còn phảng phất cái tàn hồn của các thời đại đã qua vậy, khiến cho khách du quan không thể cầm lòng điều cổ ^[12]. Tôi còn nhớ năm trước xem các tôn lăng ở Huế đã cảm giác như thế, ngày nay đi thơ thẩn dưới bóng cây trong vườn ngự uyển này cũng thấy như vậy.

Xem *Versailles* này phải đến hai ngày, suốt từ sáng đến chiều, mới gọi là hơi kỹ được. Hôm nay chỉ có mấy giờ đồng hồ, xem sao cho khắp? Vậy chỉ dạo chơi vườn ở chung quanh cung để xem các tượng phun nước (chỉ ngày chủ nhật mới mở máy), không dám đi xa ra ngoài lắm, sợ về không kịp. Xong rồi đi lần lượt xem các cung các sở qua loa cho biết đại thể, không chỗ nào dám đứng lâu. Trước xem cung *Versailles*, trong có hai cái lầu: một cái gọi là “lầu trăm gương” (*Galerie des glaces*), trông ra

vườn ngự uyển, dài 72 thước, rộng 10 thước rưỡi, cao 19 thước, hai bên toàn những gương đứng cao bằng một đầu một vói, nạm bằng đồng sáng choang cả, còn tường và trần thì toàn những tay danh họa đời xưa vẽ những bức chiến đồ (phần nhiều là của nhà hội họa Lebrun), đứng trên lầu này mà nhìn ra ngoài vườn, thu quát được cả cái đại thế, thật không cảnh gì trang nghiêm bằng; một cái gọi là “lầu trăm trận” (*Galerie des batailles*), cái này là sửa lại sau (năm 1836), chứ không phải có tự đời vua Louis thứ 14, kiểu cách và trang sức không được đẹp bằng cái trên, nhưng dài và rộng lắm (120 thước và 13 thước), hai bên treo toàn những bức họa về các trận của nước Pháp từ xưa đến nay, và bày tượng các bậc danh tướng, kể có mấy trăm bức và mấy trăm pho. Lại xem những phòng ngủ của vua Louis thứ 14, phòng hội đồng, v.v... ở trong cung chính. Còn những cung nhỏ như Grand Trianon, Petit Trianon, thì chỉ xem bên ngoài, không kịp vào. Sau cùng xem đến “kho xe” (*musée des voitures*) là một sở bảo tàng những xe cộ của các đời vua.

Mãi 6 giờ chiều đóng cửa mới ra về. Đi xe lửa về Paris, trong xe chật những khách đi xem ngày chủ nhật. Lúc nãy ở trong vườn rộng, không biết số người xem đông đến thế.

Cơm tối rồi đi xem hát ở rạp hát *Théâtre des Capucines*, đường

Capucines. Tối hôm nay diễn bài hài kịch: *Ce qu'on dit aux femmes* (Nói chuyện gì với các bà) của Tristan Bernard, chuyên hoạt kê, buồn cười lắm. Lối kịch của Tristan Bernard là lối có cái “Paris phong vị” hơn cả (*très parisien*). Thế nào là cái “Paris phong vị”? Cũng khó mà giải cho được. “Paris phong vị” là cái phong vị hào hoa, thanh lịch, phong nhã, tài tình, có cái dư vị hoạt kê, có cái tinh thần trào phúng, nhẹ nhàng hoạt bát, phóng túng tự do, tựa hồ như sỏi sàng mà lịch sự; tựa hồ như dâm dăng mà vẫn kín đáo; nói tóm lại là một cái phong vị đặc biệt, duy ở Paris mới có, mà không phải ở khắp cả Paris, chỉ ở một cái xã hội riêng của Paris mà thôi. Xã hội này là xã hội những bọn “tài tử” về văn chương mỹ thuật, những tay ăn chơi lịch sự, những bậc phu nhân phú quý mà có cái tính hiếu kỳ. Cái đặc tính của xã hội ấy là cái trí đỉnh ngộ: các tài tử giai nhân này là những người đã văn minh lọc lõi lắm rồi, sành sỏi sự đời lắm rồi, không còn có kém cái cạnh cái khoe gì nữa, lấy trò đời làm một cuộc mua vui, nhưng chuyện đời lâu rồi cũng không có cái thú gì mới lạ nữa, nên phải bày đặt ra những chuyện oái oăm rắc rối để làm cái món khiêu hứng tiêu sầu. Cho nên phần nhiều những tiểu thuyết kịch bản gọi là có cái “phong vị Paris” ấy, toàn là những chuyện như thế cả. Người không quen, không tinh, hay là có tính thật thà, thời đọc những sách ấy, xem những kịch ấy, không khỏi có hại. Người biết ra thời cũng có một cái phong thú đặc biệt vậy.

Bài kịch như bài này mà nói ra tiếng ta, dịch cho người mình nghe, thì ít ai hiểu được. Cái tinh thần nó có từng tiếng, từng chữ, từng câu lộng ngữ, từng cách đối đáp, từng chỗ nói ngầm nói bóng, nói xa nói xôi, thật là “ý tại ngôn ngoại”, nói một nửa để cho người ta đoán ra một nửa, nếu cố cắt nghĩa cho ra thì thật không có nghĩa gì. Văn chương này mà muốn dịch ra tiếng ta thì đành chịu thôi. Vả ta cũng chưa cần đến cái lối văn “yêu quái” ấy vội. Nếu trình độ chưa tới mà đã vội thâm thái những cái món thượng phẩm văn minh đó thì có hại chứ không có lợi. Người nào biết thưởng thức hăng cứ nên thưởng thức một mình, không nên mong truyền bá ra làm gì. Có muốn truyền bá, còn lắm cái cần hơn nhiều.

*

Thứ hai, mùng 5 tháng 6.1922

Ở Paris có một cái cảnh lạ, là cảnh các hàng bán sách cũ ở bờ sông Seine. Trong Anatole France đã có tả cái cảnh ấy một cách rất lý thú, vì cụ thân sinh ra tiên sinh khi xưa có làm nghề bán

sách ấy. Nói hàng sách chớ tưởng là những cửa hàng lồng mắt kính, thấp đèn điện đầu. Số là trên bờ sông Seine có xây dãy tường thâm thấp như dãy bao lon. Về bên tả ngạn sông, suốt một dọc chạy dài từ cầu Saint Michel cho đến Cộng hoà trường (*la Concorde*), những người buôn sách cũ bày la liệt những sách cùng tranh vào trong những cái tủ dèm dẹp như hình cái hòm hay cái tráp đóng liền ở trên bao lon, sáng mở ra, tối lại khoá lại. Sách bán đây toàn là sách cổ hoặc sách cũ cả, khác nào như ở ngõ Hàng Quạt Hà Nội ta mấy năm xưa. Người mua là những học trò, những ông lão nhỏ, ông đồ cổ, những người ham mê các đồ thư cổ bản. Ở đời tàu bay ô tô này mà trông thấy giữa nơi đô thành phồn hoa náo nhiệt những ông cụ già giương nhõn kính lên đứng hàng giờ chờ những chồng sách cũ kỹ rách nát, lấy làm khoái lạc đến quên cả ngày giờ không muốn dứt ra đi nữa, đó là một cái cảnh rất nên thơ cho con nhà hiếu cổ. Chắc lấy con mắt vô tình của người nông nổi mà xem thời những chồng sách rách nát ấy không phải là một cái vẻ mỹ lệ gì cho chốn danh đô và không khỏi làm bẽ bộn phố phường. Nên nghe đâu hội đồng thành phố Paris có hội đã bàn nên cấm không cho hàng sách bày ở bờ sông nữa, bắt phải đem ra ngoại ô. Nhưng bấy giờ những nhà hiếu cổ, muốn bảo tồn lấy một cái cảnh tượng của Paris cổ thời, hết sức phản đối, nên lời bàn ấy thôi không thi hành nữa. Ngày nay khách du quan đến Paris, muốn nghỉ cái cảnh huyền

náo những nơi đường phố đông người, đi dạo qua dãy bờ sông này mà xem mớ sách cũ, cũng có một cái thú đặc biệt vậy ^[13] .

Cả buổi sáng sớm hôm nay mình thơ thẩn ở chỗ này, đi hết dãy sách ấy sang dãy sách khác, đồng hồ đã điểm mười hai giờ mới sức nhớ đi ăn cơm. Mua được mấy quyển hay, có một quyển đề là *La Guerre du Tonkin* (Trận Bắc kỳ), đã rách nát mất cả bìa, không biết của ai làm, sách thuật tường về việc nước Pháp can thiệp sang Bắc kỳ ta, đánh với quân nhà vua ta và quân Cờ Đen, trong có hình vẽ nhiều lắm, như hình Đức Dực Tôn (vua Tự Đức), hình quan Phụ chính Nguyễn Hữu Độ, v.v..., xem ra thì có lẽ là sách của một viên quan võ Pháp nào đã tòng quân về trận Bắc kỳ.

Tôi đi xem nhà hát *Folies Bergère*, ở đường *Richer*. Nhà này là thuộc về hạng *music halls* (nhạc quán), có tiếng lắm, người ngoại quốc đến xem rất đông. Có ca nhạc, nhảy múa, trò vè và bày cảnh rất là trang hoàng. Trong nhà chia ra từng khu một, mỗi khu một trò, vào cửa mất tiền, rồi xem trò gì lại mất tiền riêng về trò ấy. Người xem trò cũng đông mà người vào chơi để kiếm chuyện trắng hoa lại nhiều hơn, vì ở đây cũng không khác gì như ở Mông mặc vậy. Cũng những ả mày ngài, cũng những khách làng chơi, và cũng một cái không khí khói thuốc lá như vậy. Trò thời

ngoài những cuộc đờn ca, là những trò khoả thân khiêu vũ, các hoạt kịch chia ra từng cảnh, v.v... Tối hôm nay diễn bản hoạt kịch đề là *Folies sur folies* (Hết cái cuồng ấy đến cái cuồng khác) của Louis Marchand, có hai hồi, 40 cảnh, bản này dài lắm, nhưng chỉ diễn có một mục về *Les Folies du jour* (Những cái cuồng hiện đương lưu hành), là: cái cuồng để cổ trần (*la folies des décolletés*), cái cuồng thể thao (*la folies des sports*), cái cuồng đeo trân châu (*la folies des perles*), cái cuồng khiêu vũ (*la folies des danses*), mỗi cảnh đến mấy chục con trai con gái tuyệt đẹp ra nhảy múa, thật là choáng mắt. Lại diễn một bản hoạt kịch nữa ngắn hơn, đề là “Các cách hôn nhau”: cái hôn vô tình, cái hôn của vợ chồng, cái hôn của mẹ con, cái hôn của gái kỹ nữ, cái hôn phong tình, cái hôn dâm dục, cái hôn vũ phu, cái hôn ma quái; toàn bày cảnh hoạt động, không có lời nói. Đại khái những trò này là chỉ chủ ý làm cho người xem vui mắt, choáng mắt, chứ không có thú vị văn chương gì, không hiểu tiếng Pháp cũng xem được, nên người ngoại quốc đến đông lắm. Song vui thì vui thật, choáng thì choáng thật, mà nó vẫn có cái khí vị tục tằn, không thú gì.

*

Thứ ba, mồng 6 tháng 6

Các ông phái viên Nam kỳ mới đến Paris, hẹn cùng với phái viên Bắc Kỳ sáng hôm nay vào chào quan Thượng thư. Bọn mình đã đi rồi, nhưng các ông ấy rủ lại đi nữa cũng bất phương^[14]. Tính các ông hay trọng sự thể, như đi chào quan Thượng thư thời phải đi cùng một quan cai trị Tây, tựa hồ như phải có người bề trên dắt tay chỉ đường thời mới yên tâm. Nghe nói các ngài trong Nam - Trung hay có khí khái, nhưng xét cách các ngài đây cử động thời không thấy lộ cái tính ấy chút nào cả.

Buổi tối cùng các ông phái viên Nam kỳ đi xem hát ở Odéon, diễn bài *Le Songe d'une nuit d'été* (Giấc mộng một đêm mùa hè) của Shakespeare dịch ra tiếng Pháp. Diễn khéo, cảnh đẹp. Rạp *Odéon* này là rạp hát của Nhà nước cũng như rạp *Comédie Française*, mở từ năm 1782, trong rộng lắm, ngồi được một nghìn ba trăm người, ngoài làm theo kiểu đền Hi Lạp, có hành lang và cửa cuốn chung quanh. Dải hành lang này có các hàng sách bán, nhất là hiệu *Flammarion*. Mặt trước, bên ngoài có tượng Emile Augier là một nhà soạn kịch trứ danh về cận đại, bên trong có tượng Molière lúc lâm chung của Allouard chạm, có tiếng là pho tượng đẹp.

^[1]talawas: Trong tác phẩm đã in, chúng tôi không thấy có phần IX, chưa rõ là do đây là phần không được sử dụng đến trong bản in lần này hay do có sự nhầm lẫn hoặc sơ suất nào đó.

^[2]Bày đặt.

^[3]Sau đó.

^[4]Chỉ sự đồng điệu trong tâm hồn, nó được hình thành một cách tự nhiên.

^[5]Chơi cái mới.

^[6]Cổ hủ, không kịp thời.

^[7]Chiếu phim.

^[8]Khu thành không có đêm.

^[9]Mục nát, ôi thiu.

^[10]Vỡ (kịch).

^[11]Nghĩa cổ: chia xẻ hằn ra.

^[12]Cảm việc quá khứ.

^[13]Bỏ một chú thích bằng tiếng Pháp trong đó trích ra một đoạn văn nói về các cửa hàng sách cũ.

^[14]Có thể chấp nhận, không phản đối.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 7

XII.

Thứ tư, mùng 7 tháng 6

Quan sáu L. hồi xưa đã có tòng quân ở bên ta, nay hưu trí. Mới quen mình từ bữa diễn thuyết ở trường Thuộc địa, hẹn sáng hôm nay đến chơi ở *Ligue maritime et coloniale* (Hội cổ động về Hải quân và Thuộc địa), ở số 30 đường *Capucines*. Hội này tập hợp được nhiều người, nghe như thế lực cũng mạnh. Chủ ý là cổ động cho quốc dân Pháp chú ý đến việc hải quân và việc thuộc địa, cho rằng hai khoản ấy có quan hệ to đến vận mệnh nước Pháp. Đồng lý sự vụ trong Hội là ông Maurice Saint Rondet, quan sáu giới thiệu mình cho ông, ngồi nói chuyện ít lâu về việc bên ta, rồi ông tặng hai quyển sách của ông xuất bản trong khi chiến tranh (1916-1917) thuật về cuộc du lịch của ông ở Đông

Pháp mấy năm trước, một quyển đề là: *Choses de l'Indochine contemporaine* (Sự vật ở Đông Pháp ngày nay), một quyển đề là: *Dans notre Empire Jaune* (Trong cái đế quốc giống da vàng của ta). Ông này làm sách viết báo nhiều, toàn là về việc du lịch, về quân sự và về thuộc địa cả, chủ ý cổ động truyền bá hai cái chủ nghĩa đế quốc và quân quốc, khuếch trương cái thế lực nước Pháp trong thế giới; cứ xem những tên sách của ông như sau này thì đủ biết: *La Grande Boucle. Notes et Croquis de l'ancien Continent et des deux Amériques* (Cuộc du lịch hoàn cầu. Biên chép về tân cựu thế giới), sách được Hội Hàn lâm ban thưởng; *L'Afrique équatoriale française* (Đất Trung Phi châu thuộc Pháp); *Dans notre Empire Noir* (Trong cái đế quốc giống da đen của ta); *L'Avenir de la France est sur mer* (Hậu vận nước Pháp là ở trên mặt bể); *Aux confins de l'Europe et de l'Asie* (Giáp giới châu Á với châu Âu); *En France africaine* (ở đất Phi châu thuộc Pháp). Mấy quyển đó, quyển nào cũng đến tái bản, tam bản ^[1] cả. Xem đó thời biết người Pháp không phải là không thiết đến chuyện thuộc địa, không phải là không có cái chí chinh phục và cái tính hiếu võ vậy. Ông Maurice Saint Rondet là một tay trước thuật tiêu biểu rõ nhất hai cái tinh thần đó.

Quan sáu L. cũng vào phái cổ động về thuộc địa. Từ ngày về hưu, thường viết trong các báo nói về chuyện thuộc địa. Chính

trong tạp chí *Les Annales* một đôi khi cũng có bài của ngài. Về việc Đông Pháp thì nghe chừng ngài đã xa bên ta lâu năm, không được am tường về hiện tình lắm. Nhưng việc về ba bốn mươi năm trước thì ngài biết rõ, nhất là hồi Đức Đồng Khánh mới lên ngôi. Ngài nói ngài có được bộ kiến tiên hoàng mấy lần.

Ông P. giáo học tiếng An Nam ở trường Đông phương Bác ngữ, trước làm quan cai trị bên ta, có mời mấy anh em 9 giờ tối đến uống nước chè ở nhà ông, đường *de Luynes*, số 9. Đường này mình chưa đi đến bao giờ, lại đi tối, quanh quẩn mãi không tìm thấy, thuê cái taxi thì chẳng may gặp bác cầm lái cũng bờ ngỡ như mình, thành ra mãi đến 10 giờ mới đến, ông giáo và phu nhân có ý đợi. Ông P. năm trước mình đã có quen gặp ở trường Bác cổ Hà Nội, không những là một người thuộc tiếng An Nam đã sành mà lại là một tay khảo cứu có công nữa. Ông đã có làm một bài khảo về lễ “động thổ” và một bài khảo về “vàng trong lễ tục An Nam”, in trong sách biên tập của trường Bác cổ. Ông người tính khí ôn hoà điềm đạm, ra tư cách một nhà bác học chứ không phải một quan cai trị thuộc địa. Nghe đâu định chuyên về đường học vấn, không có chí trở về làm quan bên ta nữa. Ông vừa dạy tiếng An Nam ở trường Đông phương (nguyên là thay cho ông giáo chính D., nhưng ông này bị đau luôn có lẽ cũng từ chức, thời ông sẽ được thực thụ) lại vừa kiêm một khoa giảng

nghĩa về cổ văn tự Đông Pháp ở học viện *Collège de France* thay quan chánh đốc Finot trường Bác cổ Hà Nội. Nói chuyện về sự học tiếng An Nam, ông có ý phàn nàn rằng ông dạy học lấy làm khó lắm, vì không có sẵn sách vừa tầm sức học trò. Ông ước ao rằng có ai biên tập được những bài nho nhỏ, ngắn ngắn, dễ dễ, gồm được đủ các giọng các lối mà phần nhiều nói về phong tục, cách ăn ở, cách sinh hoạt người An Nam ta, thì giúp đỡ cho người Pháp ở bên Pháp học tiếng ta nhiều lắm. Mình nghĩ bụng rằng không những người Pháp học tiếng An Nam không có sách, mà đến người An Nam học tiếng “mẹ đẻ” cũng là vô sư vô sách nữa, một là bởi chính người An Nam đối với tiếng nước mình vẫn chảnh mắng, hai là bởi các trường Nhà nước không chịu cho tiếng An Nam được một địa vị xứng đáng, nên dầu có nhà làm sách cũng ngại không dám xuất bản, sợ in rồi bỏ đó không ai mua! Sách giáo khoa đứng đắn, trừ phi sở Học chính công nhận và bắt học trò phải mua, còn đời nào tiêu thụ được mạnh bằng những sách tiểu thuyết ngôn tình hay là những sách thi ca bá láp. Nhiều ông ở bên mình nhiệt thành cứ giục: Sao không lập cuộc tu thư đi? Sao không mở hội dịch sách đi? Không biết rằng dịch sách với tu thư mà xuất bản độ ba nghìn quyển, ba năm không bán chạy được năm trăm quyển, thì sớm trưa cũng đến phá sản mà thôi!

*

Thứ năm, mùng 8 tháng 6

Hôm nay quyết đi xem viện bảo tàng *Le Louvre*. Đã mấy lần rắp đi mà vẫn ngần ngại, sợ hãi, như người sắp vào một chốn thiêng liêng, chưa chắc mình đã đủ trai giới, đủ kính cẩn mà dám bước chân vào. Chỗ này là chỗ bao nhiêu cái tinh hoa của văn minh Thái Tây đã mấy mươi đời nay sưu tập cả ở đây, biết rằng con mắt phàm nhìn vào có hiểu được không? Cho nên từ khi tới Paris đến giờ, rảnh được chút thì giờ nào thì đọc những sách, xem những tranh cùng ảnh về nghệ họa và nghệ tượng ở Âu châu và nhất là nước Pháp, khảo những bộ “chỉ nam” về *Le Louvre*, mua những phiên ảnh các danh họa danh tượng hợp thành từng tập dày, nói tóm lại là dự bị sẵn để cho có đủ tư cách đi xem viện bảo tàng cho thật ích lợi. Mới đây lại mua được quyển sách: *Mes promenades au Musée du Louvre*, của J.F.Raffaelli, sách của một nhà họa giới bình phẩm về nghệ họa. Xem sách này khám phá được nhiều điều lạ, lĩnh hội được nhiều lẽ hay về mỹ thuật Âu tây. Như ông giải cái tâm lý của nhà mỹ thuật như thế này: “Nhà

mỹ thuật có tính hay cảm kích, không thể không tự phô diễn ra ngoài. Phô diễn ra là vừa phát biểu cái tinh túy của tạo vật, vừa phát tiết ra cái tinh anh của riêng mình, kết quả sự đó có nhiều cách. Sáng nghĩ ^[2] được một “lối” riêng, thế là phát tiết được cái tinh anh của mình, mà phát biểu cái tinh túy của tạo vật là suy tôn những cảnh thiên nhiên cho có vẻ mỹ lệ, lại phụ thêm cái văn vẻ của tính tình mình. Một bên thì biểu dương cho mình, một bên thời giáo dục cho người: tức là ông thầy dạy đẹp cho đời vậy” ^[3]. Nay cái đẹp là cái gì? Làm thế nào cho người đời công nhận một sự hay một vật là đẹp? Ông thí dụ một việc như sau này ở trong họa sử nước Pháp, đủ chứng về sự phát sinh ra cái quan niệm “đẹp” ở trong tâm trí người ta. Đời vua Louis thứ 14, có một nhà họa tên là Téniers dâng vua mấy bức tranh vẽ bọn bình dân cục súc, vua bắt đi mà nói rằng:

«Đem cắt cái lỗ khó rách này đi!»

Đời ấy các nhà họa không ai thêm vẽ đến bọn “khố rách”, và trong tư tưởng chung coi bọn đó đáng khinh bỉ vô cùng. Sau ý kiến mỗi ngày một đổi đi. Kịp đến thế kỷ thứ 18 thì cái lý tưởng bình đẳng lại thịnh hành lắm. Bây giờ có một nhà họa tên là Millet, ông là con nhà quê đất *Normandie*, trong những bức tranh của ông chỉ vẽ người nhà quê xứ ông mà thôi: bác thợ cày, kẻ

chăn bò, toàn là bọn “khổ rách” cả, nhưng ông có cảm tình với bọn ấy, ông cảm kích về tình cảnh bọn ấy, ông không thể không phát biểu cái tinh thần nó ngụ ở trong nghề lam lũ, tức là ông suy tôn kẻ nhà quê cho đến cái phẩm giá đẹp, khiến cho người ngoài trông vào cũng phải cảm. Ông làm thế là ông vừa gây được một “lối” riêng cho nghề họa mình, nghĩa là tìm được một cách để phát tiết cái tinh anh, tức là cái cảm tình của mình; lại vừa phát biểu được một cái vẻ tinh túy của tạo vật, trước kia chưa ai biết đến mà từ đây nhờ ông thiên hạ cảm được cả. Thế là ông vừa biểu dương được cái tài tình của ông mà lại vừa giáo dục được sự đẹp cho đời. Đó là cái vinh dự tối cao của nhà mỹ thuật.

Theo cái lý tưởng về mỹ thuật đó thì phạm sự vật gì trong trời đất, bất cứ sang hèn, đều có ngụ một cái vẻ đẹp cả; nhà mỹ thuật là người biết cảm kích cái vẻ đẹp ngấm đó mà có tài phô diễn được nó ra, trong khi phô diễn ấy không những là phát biểu được cái tinh túy của sự vật mà lại phát tiết được cái tinh anh của mình nữa. Cái lý tưởng về mỹ thuật của á Đông ta có khác, nhất là về nghề họa. Nhà họa Tàu hay nhà họa Nhật không chủ phô diễn cái đẹp ngấm ở trong sự vật, nhưng cốt là tả một cái thái độ của thần trí người ta đối với cảnh vũ trụ bao la. Mỹ thuật ấy có một cái vị triết lý, một cái vẻ siêu hình, cho nên không châu tuần ở trong vòng sự vật mà muốn siêu thoát ra ngoài cõi thanh không ^[4] .

Nhìn một bức thủy mặc Tàu với một bức nhân vật Tây đủ biết hai cái mỹ thuật khác nhau thế nào. Đó là một vấn đề người An Nam mình cần phải nghiên cứu, vì có quan hệ to cho sự tiến hoá về đường tinh thần của dân tộc ta. Chuyến này về, có thì giờ phải nên khảo về họa học của Trung Quốc và của Nhật Bản...

Trước khi xem nhà bảo tàng đã dựng công dự bị như thế, thế mà xem còn không hiểu thì thật là hủ lậu quá!

Xem viện *Le Louvre* này cũng như xem cung *Versailles*, không thể một buổi khắp được; phải đến vài ba ngày. Ấy là xem qua cho biết đại khái mà thôi, chứ nếu muốn nghiên cứu về nghệ họa hay nghệ tượng cho rành từng thời đại một hay từng môn phái một, thì không biết mấy tuần mấy tháng cho khắp. Vì trong một viện bảo tàng này không biết mấy mươi nghìn pho tượng, mấy mươi vạn bức tranh, tự thượng cổ, qua trung cổ, cho đến cận đại, đời nào cũng có, và toàn là những kiệt tác trong mỹ thuật Âu tây cả. Nghe đâu khắp trong thế giới không có sở bảo tàng nào nhiều đồ quý đồ lạ bằng ở đây. Mà không những đồ chứa ở trong đẹp, lại cái nhà chứa cũng đẹp nữa. Nhà này là cung các vua nước Pháp tự thế kỷ thứ 16, đời đời sửa sang và mở rộng mãi ra, đến năm 1857 mới thật là làm xong như quy mô bây giờ. Sách chép trong khắp thế giới không có nơi cung điện nào nguy nga tráng

lệ và diện tích to rộng bằng sở *Le Louvre* này; mặt rộng tới 197.000 thước vuông, có sở *Vatican* là cung đức Giáo hoàng ở La Mã kể đã là rộng mà mới chỉ bằng chia ba một phần đây mà thôi. Cung *Le Louvre* bây giờ hình như chữ môn, ở trên lại chồng một chữ khẩu nữa: phần chữ khẩu gọi là “cung cũ” (*Vieux Louvre*), có bốn điện chạy quanh, sân rộng ở giữa, xây tự thế kỷ thứ 16 và 17; phần chữ môn ^[5] thời về phía Nam chạy dọc sông Seine, nguyên trước đã có cung sẵn tự thế kỷ thứ 16 và 17, nhưng về thế kỷ thứ 19 sửa đổi lại nhiều; về phía Bắc thì mới làm tự đời vua Napoléon thứ I, đến đời vua Napoléon thứ 3 và chính phủ Dân quốc lại làm thêm ra nhiều. Ở giữa hai vế chữ là nơi công trường *Carrousel*, một bên có cửa khải hoàn *Carrousel* của vua Napoléon thứ I dựng từ năm 1806, một bên có hai tượng ông thủ tướng Gambetta là người đã có công to lập ra chính phủ Dân quốc, và ông Lafayette là tướng Pháp đã giúp cho nước Hoa Kỳ trong trận Độc lập. Ngoài nơi công trường là sở công viên *Tuileries*. Khu này là một nơi thắng cảnh đệ nhất thành Paris đây; một ngày mình đi đi về về qua biết bao nhiêu lần, vì ở bên tả ngạn sang hữu ngạn bao giờ cũng đi đường autobus “*Gobelins - Notre - Dame de Lorette*” chạy qua ở dưới cửa cung *Louvre* này. Mỗi lần trông thấy cung điện sừng sực trước mắt mà tưởng tượng đến cái công gây dựng văn minh của giống Pháp Lan ^[6] này, không thể cảm lòng tán thán, nghĩ bụng rằng cái mục đích

của giống người ở trên mặt đất này chẳng qua là tổ chức lấy cuộc đời cho sung sướng, trang sức lấy cảnh đời cho đẹp đẽ, như thế thời giống Pháp này đã được hưởng cái sướng cái đẹp đến tuyệt phẩm vậy. Dẫu đời ấy sang đời khác có kinh qua lắm buổi gian nan nguy hiểm, nhưng đời nào cũng còn để lại những di tích như chôn này, thật là đủ tô điểm cho non sông rực rỡ biết dường nào! Làm dân một nước như nước này, mở mắt ra đã được trông thấy những quang cảnh tráng lệ như thế, khác nào như cái bài học của đời trước khuyên cho đời sau càng ngày càng làm tốt làm đẹp mãi lên, khiến cho vui lòng hời dạ mà đừng được ^[7] tinh tiến biết dường nào! Có sao cũng một kiếp người mà lại sinh ra giống khỏe giống yếu, giống mạnh giống hèn, để cho khách du quan mỗi lần nghĩ đến cái câu “ưu thắng liệt bại” ở đời, bỗng dung chạnh mối thương tâm, mà tác dạ đổ quyen những khắc khoải đời đời!...

Cung *Louvre* từ đời các vua ở cũng đã đặt làm sở bảo tàng rồi. Ngày nay thì ở trong chia ra làm bảy kho, có thể gọi là “thất kho bảo tàng”: 1/ Kho các đồ cổ Hi Lạp và La Mã, phần nhiều là các tượng đá cả; 2/ Kho các bức họa và bức vẽ; 3/ Kho các đồ cổ Đông phương và đồ gốm về cổ đại; 4/ Kho các đồ chạm và tượng về trung cổ, đời Phục Hưng và cận đại; 5/ Kho các đồ mỹ thuật về Trung cổ, đời Phục Hưng và Cận đại; 6/ Kho các đồ cổ

Ai Cập; 7/ Kho các đồ cổ về hải quân.

Trong bảy kho ấy có kho họa là quý nhất và nhiều nhất, toàn là những bức không có hai ở trong thế giới. Chia ra từng phái (*écoles*), bày thành từng gian, theo loại mục như trong họa học sử Thái Tây. Có phái nước Pháp, phái nước Ý, phái nước Bỉ (*école flamande*), phái nước Hoà, phái nước Tây Ban Nha, phái nước Đức và phái nước Anh; lại một phái riêng các danh sư ở thành *Venise* ngày xưa (*école vénitienne*). Đi qua một lượt các gian cũng gọi là thu được cái hình ảnh muông tượng về các thời đại và các môn phái trong nghệ họa Âu châu. Lấy con mắt phàm của mình mà xem, không mong biết được hơn nữa. Đến trước bức họa nào nhìn đến tên cũng thấy là tên một danh gia mình đã từng đọc ở trong sách. Về phái nước Pháp là phái nhiều nhất, thì nào là: Poussin, Claude Lorrain về thế kỷ thứ 17; Watteau, Fragonard, Greuze, Chardin về thế kỷ thứ 18; David về đời Đại Cách mệnh; Ingres, Delacroix, Millet, Corot về thế kỷ thứ 18. - Phái nước Pháp, trước thế kỷ thứ 17, vào hạng gọi là các danh sư tiền cổ (*les primitifs*) thì có ít lắm, chỉ có mấy bức của François Clouet về thế kỷ thứ 16 là có giá trị hơn nhất. Như thế thì nghệ họa ở nước Pháp cũng chẳng lấy gì làm cổ lắm, sánh với nghệ họa nước Tàu ngày nay còn giữ được những bức thuộc về thế kỷ thứ 4 thứ 5, như của Kou K'ai Tche (Cổ Khải Chi), kém xa

nhieu. Phái nước ý thì có những bức của Fra Angelico, Pérugin, Léonard De Vinci (vẽ hình mỹ nhân đề là *La Joconde*, bức này có tiếng lắm, năm trước bị ăn trộm, rồi lại tìm được), Le Corrège; riêng về phái thành Venise bày hẳn một gian thì có Titien, Véronèse, Le Tintoret. Phái Tây Ban Nha, có ít bức thôi: Le Greco, Velasquez, Murillo, Goya, v.v... Về phái nước Tỉ và nước Hoà thì nhiều lắm, những bức có tiếng nhất là của Rembrandt, Rubens, Van Dyck, Franz Hals; - Phái nước Đức có ít thôi: Holbein, Kauffmann, Durer, v.v. Phái Anh cũng vậy: Lawrence, Reynolds, v.v...

Ngoài những bức chia ra các môn phái như trên, khiến cho nhà khảo về họa học dễ theo thời đại lưu phái mà xét, lại còn nhiều những bức thuộc về di sản của mấy bậc phú hào bình sinh sưu tập được, đến khi chết tặng cho nhà nước để vào bảo tàng, như *Legs Duchatel, Collection Chauchard*, v.v., lắm bức quý lắm.

Kho tượng cổ thì phần nhiều là những tượng đá của Hi Lạp La Mã, các nhà bác học đào được ở dưới đất, có cái sứt vỡ cả, nhưng hình thể tuyệt đẹp. Đẹp nhất là tượng nữ thần Vénus ở đảo Milo, để trần một nửa người, gãy mất hai cánh tay, người Tây cho là thân thể người đàn bà đến thế này là tuyệt xảo, tạo vật vị tất đã nặn được hình người nào đẹp như thế. Tượng này của

Hi Lạp, thuộc về thế kỷ thứ 4 trước Giatô giáng sinh, mãi đến năm 1820 người ta mới đào được ở dưới đất lên, cạnh làng *Castro* ở đảo *Milo*. Còn một pho tượng nữa cũng cho là kiệt tác của nghệ chạm Hi Lạp, nay sứt vỡ cả, gọi là tượng “Thần Chiến thắng” ở *Samothrace*, hình người đàn bà có cánh, vẫy cánh bay ở trên cái thuyền trận, nhưng đầu và một cánh đã gãy, mất, và cái thuyền cũng không còn hình nữa, thế mà người Tây khen là hình tượng sự chiến thắng một cách hùng tráng vô cùng.

Nghệ tượng ở nước Pháp thì từ thế kỷ thứ 17 cho đến ngày nay không thiếu một người nào, bắt đầu từ ông Puget cho đến ông Carpeaux.

Còn những gian đồ cổ của Á châu (chỉ về đất Tiểu á Tể á ^[8] nhiều, còn về á Đông thì có một ít đồ gồm Tàu, Nhật và Xiêm của ông Grandidier đem về năm xưa và một mớ những đồ họa và đồ chạm của ông Pelliot đem ở Tân Cương - Turkestan - bên Tàu về), đồ cổ về Ai Cập, Phi châu, v.v. chỉ đi qua thôi không xem kỹ.

Duy đến năm cái phòng lớn bày toàn những đồ gỗ và những tấm thảm của Pháp về các đời trước, không thể không dừng lại xem kỹ một lượt. Có đủ các thứ đồ về đời vua Louis thứ 14, 15, 16,

trông thật là choáng mắt. Lại đẹp hơn và quý hơn nữa là nơi gọi là *Galerie d'Apollon*, là một cái điện dài, quy mô hùng vĩ (hơn 60 thước dài, ngót 10 thước ngang, cao 11 thước), trang sức tuyệt đẹp (có những bức họa sơn về tứ thời, về buổi sớm, buổi chiều, về các tích thần tiên Hi Lạp, v.v...); trong điện bày toàn những đồ vàng, đồ sứ, cùng những kim cương bảo thạch, quý giá vô cùng. Có một hòn kim cương gọi là *Le Régent* (ông Nhiếp chính), người ta cho là suốt trong thế giới không đâu có hòn kim cương nào to và đẹp bằng, nặng 136 *carats*, trị giá 12 triệu.

Đi xem qua một lượt như thế, mà cũng mất ba giờ đồng hồ, vừa đến giờ đóng cửa nghỉ trưa mới ra về. Định hôm nào đến một buổi xem riêng về các bức họa cho kỹ hơn một chút, chứ như hôm nay sơ lược quá.

Xét ra những bức họa cổ ở viện bảo tàng *Le Louvre* này, người nước Pháp lấy làm quý báu vô cùng. Có một hội những nhà ái mĩ, gọi là “Hội các bạn sở *Louvre* (*Société des Amis du Louvre*)” lập ra để giúp nhà nước giữ gìn các bức cổ họa ấy, và tìm cách sưu tập những bức chưa có, cùng mua thêm cho nhiều ra. Lại người ngoại quốc đến nghiên cứu về nghệ họa ở đây cũng đông lắm. Có người đem giấy bút, bắc giá vẽ, ngồi mà phóng ^[9] những bức cổ họa, cứ ngày hai buổi, có khi đến hàng tuần hàng tháng.

Sáng hôm nay gặp hai người Nhật Bản đến phóng như thế. Lại mỗi tuần lễ có một ngày các ông giáo mỹ thuật đến diễn thuyết và bình phẩm các bức họa cho người đến xem nghe. Những buổi có diễn thuyết như thế thì phải biên tên trước và nộp tiền mới được vào xem. Vào xem những ngày thường như hôm nay thời không mất tiền, nhưng nghe nói chính phủ đương định đặt một cái thuế vào xem các sở bảo tàng công, sắp thi hành nay mai. Trong sách ông Raffaelli có nói rằng: “Nếu đặt ra cái lệ những ngày nào vào xem sở bảo tàng phải trả tiền thật đắt, thời bấy giờ thiên hạ mới hiểu rằng được xem những cái kỳ quan như thế này, đã phải bao nhiêu công phu mới tích lũy được, mà bày ở trong một nơi cung điện như thế này, là một sự khoái lạc biết dường nào!” Song lại có kẻ bác rằng làm như thế không được bình đẳng, người có tiền đã đành, còn người thường dân, người nghèo, không cho người ta được hưởng cái thú mỹ thuật hay sao? Nghe đâu chính phủ muốn châm chước hai phương diện, định đặt ra lệ lấy tiền, nhưng trừ ngày thứ năm và ngày chủ nhật cho vào không.

Ngày hôm nay thứ năm có diễn ban ngày ở rạp *Comédie Française* (bây giờ người ta thường gọi là *Théâtre Française*, hay là *Française* không thôi). Cơm trưa xong đi lấy vé vào kịp 1 giờ 1/2 vào xem. Những buổi diễn ban ngày như thế này là để cho học trò các trường và các nhà nề nếp không hay đi chơi

buổi tối, cho nên thường diễn những bài kịch thuộc về cổ điển, nghĩa là hoặc là bài cổ hản, như Corneille, Racine, Molière, v.v., hoặc là bài mới nhưng kết cấu theo lối cũ, có cái ý tứ, cái phong vị cũ, chứ không bạo quá như các bài tối tân ngày nay (thí dụ bài *Nói chuyện gì với các bà* của Tristan Bernard mình mới xem hôm nọ). Buổi nay diễn bài *Ông cố Constantin*, hí kịch có ba hồi, do hai ông Henry Crémieux và P. Decourcelle trích ở bộ tiểu thuyết *L'abbé Constantin* của L. Halévy. Chuyện cũng hay. Đại khái như thế này: *Cố Constantin* là một người hiền hậu, coi xứ *Longueval*. Đây có một cái phủ đệ, chủ cũ sa sút, vừa mới bán cho hai người đàn bà Mỹ giàu lắm, là *Scott* phu nhân và em gái là *Bettina Percival* tiểu thư. Hai người dọn đến ở đây, trước tiên lại thăm ông cố. Thiên hạ cũng có đồn rằng tung tích làm giàu của hai người Mỹ có điều ám muội, nhưng mà người tử tế, nhã nhặn, lại có tiền sẵn trong tay, thời chuyện gì mà không che đi được. Vậy hai người đến thăm nhà đạo viện, cúng nhiều tiền bạc để cố giúp cho kẻ nghèo, rồi làm thân ở lại đây ăn cơm tối. Cố bấy giờ trong nhà có một người cháu tên là *Jean Raynaud*, hiện làm quan một pháo thủ, người đẹp trai lắm, *Bettina* tiểu thư trông thấy cũng động tình; ăn xong vui vẻ, ca xướng một lúc, rồi hẹn một tuần lễ nữa mời cả ông cháu vào phủ uống rượu. Chuyện sau thế nào, đoán cũng đủ biết: quan một với tiểu thư hai người có tình với nhau, tiểu thư thì chỉ dốc một lòng muốn lấy quan một,

nhưng quan một còn giữ ý, vẫn ngần ngại, sợ mang tiếng là người tham của. Đương khi ấy lại thêm một chuyện rắc rối, là có một bà Lavardans phu nhân, có người con trai tên là Paul, là một tay phá gia chi tử, bà cố vận động để hỏi tiểu thư cho chàng. Bà lại khéo lấy lòng được bà chị tiểu thư là Scott phu nhân. Tiểu thư còn chống lại chưa thuận, nhưng quan một Raynaud không tự quyết, lại có ý ghen, muốn đâm ngang để phá đám hẳn. Bấy giờ tiểu thư mới tức mình, một hôm nhân có tiệc, thuận để cho chàng kia “nhảy đầm” với mình. Bà mẹ chàng thừa cơ mới phao tin lên rằng hai bên đã thuận lấy nhau rồi. Quan một phát phần, quyết chí đi theo quân ngay. Nhưng trước khi đi đến giáp mặt với chàng kia, hai bên nói mát nhau, rồi đến cãi nhau, sau đến đem nhau ra đấu gươm, nhưng may không bên nào bị thương cả. Bấy giờ tiểu thư nghĩ lại, biết rằng quan một thực có tình với mình, chỉ vì sợ mang tiếng tham của nên không dám hỏi làm vợ, tiểu thư bèn tự mình tuyên bố ái tình, và nói khéo đến nỗi khiến cho quan một phải nhận lời. Thế ra người chỉ vị tình, không tham của, được cả của lẫn người; còn chàng kia chỉ tham của, không có thực tình, thành ra xôi hỏng bỏng không...

Bài này diễn khéo lắm, nhiều đoạn rất cảm động. Vai Scott phu nhân, bà Sorel đóng, bà là một vai đào có tiếng ở rạp *Théâtre Française*, giọng nói lơ lơ hết như giọng người Mỹ nói tiếng

Pháp, buồn cười lắm.

Nhân đi xem qua trong rạp hát, thấy vô số những tượng cùng tranh các nhà danh kịch danh ưu ở nước Pháp từ xưa đến nay. Vì rạp này là một rạp cũ nhất ở thành Paris, năm 1900 bị cháy nên mới trùng tu lại. Ông Molière khi xưa thường ra trò ở đây, nên có khi gọi là “nhà ông Molière” (*la maison de Molière*). Trong phòng khách có tượng ông Voltaire của Houdon chạm, lại có một cái lò sưởi có tượng “Các con hát đặt vòng hoa lên đầu ông Molière”; còn những tượng khác nữa nhiều lắm, không biết đâu mà kể.

Xem hát về, nhận được ba cái thư ở nhà sang. Tin tốt cả.

Tôi ra ga *Lyon* đón anh N. B. N. ở *Marseille* lên.

*

Thứ sáu, mồng 9 tháng 6

Quan Thuộc địa Thượng thư Sarraut có viết giấy xin phép cho các phái viên Nam Bắc kỳ vào xem một nhà “băng” lớn ở Paris, là nhà *Crédit Lyonnais*. Nhà này ở đường *Italiens*, là một nhà “trữ kim ngân hàng” (*banque de dépôts*), lập ra từ năm 1863, trước ở Lyon, sau chuyển ra Paris, nay có chi điểm không những ở khắp các tỉnh lỵ ở nước Pháp, mà lại ở khắp cả các đô thành lớn trong thế giới nữa. Vào trong nhà băng này như vào một cái thành phố lớn, các phòng làm việc hai bên như hai dãy phố, lại đường ngang, ngõ dọc, tầng dưới, tầng trên, thật là mê li, không có người dẫn đường thì lạc. Nhà băng có phái mấy người đưa đi từng khu từng sở mà cắt nghĩa rõ ràng; lại cho xem các tủ bạc, các hầm để bạc nữa; thật là kiên cố vô cùng. Đến khi ra về, lại biếu mỗi người một quyển tiểu sử về nhà *Crédit Lyonnais*, in năm 1913, hồi làm lễ ngũ thập chu niên của nhà băng. Xem cách sắp đặt và quản lý một nhà ngân hàng lớn như thế này, thật không khác gì cách cai trị một nước vậy.

Chiều hôm nay trời mưa, không muốn ra ngoài nữa, bảo chủ trọ dọn đồ ăn trong phòng, mấy anh em đánh chén với nhau.

XIII.

Thứ bảy, mùng 10 tháng 6.1922

Các ngài phái viên Nam kỳ xử với thượng quan thật là khéo quá. Những cách thù phụng như thế, tự mình không mấy khi nghĩ đến, hoặc có bao giờ cũng là bất đắc dĩ, vì lấy làm chẳng hay ho gì. Nhưng mình không nghĩ đến, may đã có các ngài nghĩ cho. Số là các ngài định đặt một bữa tiệc trọng thể để đãi quan Thượng thư Sarraut và ông nghị viên Nam kỳ Outrey. Các ngài đã sửa soạn cả rồi, bèn bảo cho anh em Bắc kỳ biết để dự vào một phần. Tiệc định đặt ở một hiệu cao lầu lớn ở Versailles. Thế là mình nhân tiện lại được đi xem Versailles một lần nữa.

Có ăn tất phải có nói, đặt tiệc trọng thể như thế, tất phải có “đít cua”. Ông L. K. N^[10] là ngài phái viên Nam kỳ cao tuổi nhất, có đọc một bài tán tụng quan Thượng thư và ông nghị viên, không nhớ nói những gì nữa. Quan Thượng thư trả lời lại, có ý vỗ về, khuyên lơn, cũng không nhớ rõ những câu gì, nhưng nói hùng hồn lắm.

Tiệc xong có chụp ảnh làm kỷ niệm.

Nhân tiện ở cả buổi chiều đây, để xem điện *Versailles* một lần nữa cho kỹ hơn.

Trước lên xem lại hai lầu “Trăm Gương” và “Trăm Trận”, các phòng của vua Louis thứ 14, 15, 16, ở trong cung chính, rồi ra xem các cung Đại *Trianon* và Tiểu *Trianon*, ở trong ấy các phòng bày biện như sinh thời các vua chúa. Ngày nay trông còn rục rũ như thế, huống đương thời thì lộng lẫy biết bao!

Xem xong các cung rồi ra dạo chơi ngoài ngự uyển, đi lan man đến hai ba giờ đồng hồ. Chợt đến một chỗ, như hình cái làng lạc vào ở giữa vườn ngự uyển. Giở sách ra xem mới biết chỗ này tức là cái “xóm quê” (*le hameau paysan*) của bà phi Marie Antoinette dựng ra ở cạnh cung để thỉnh thoảng ra ở đấy giả làm cách nhà quê. Các bà sung sướng quá, không được biết cái thú thôn quê là gì, nên phải bịa đặt ra thế. Nhưng biết một cái thú quê chưa đủ, phải biết cả cái khổ sở, cái khó nhọc dân nhà quê nữa. Nghe nói hồi bấy giờ, các cung phi, các công chúa, những buổi ra ở “xóm quê” cũng làm lụng như người nhà quê, nấu bếp, vắt sữa, v.v..., nhưng làm chơi với làm thật nó vẫn khác nhau lắm.

Đi chơi trong vườn này có cái vẻ êm đềm lặng lẽ; chim kêu, gió thổi, cành cây sột sạt, lá cây lác đác, nước chảy róc rách, thật là cảnh điều hui, bỗng thấy lòng quê lai láng.

Bóng đã xế chiều, gió đã thấy lạnh, mới bước ra về; về tới Paris vừa tối.

Tôi đi xem hát ở *Opéra*. Nhà *Opéra* này là nơi ca trường sang trọng nhất ở Paris. Hôm nay có Hội ái hữu các người làm việc Sở Xe lửa mở một cuộc diễn kịch để quyên tiền cho Hội, mời quan Thủ tướng Poincaré đến chủ tọa. Cơm tối rồi mới đi lấy vé, vé đã gần hết cả. Hôm nay diễn bài nhạc kịch *Faust*, soạn theo bộ tiểu thuyết trứ danh của nhà đại văn hào Đức Goethe, ông CH. Gounot nước Pháp đặt ra bài đàn. Lối nhạc kịch này thì mình không sành âm nhạc, không thuộc ca điệu, không sao hiểu hết; người mình nghe ả đào hát, nhiều khi cũng không hiểu được cả, nữa là nghe người Tây hát theo giọng điệu của người ta. Xem ra chính người Tây đi *Opéra* lắm khi nghe cũng lố mố như mình. Nhưng mà cảnh bày đẹp, con hát lịch sự, lại cái thanh âm đáng điệu thật khéo, dẫu người không sành cũng sướng tai vui mắt. Bài kịch có năm hồi, mỗi hồi nghỉ lại có họa những khúc danh nhạc xưa nay, như của Massenet, Saint Saens, v.v...

Giá ở *Opéra* này đắt hơn các rạp khác: một ghế ở sà (fauteuil d'orchestre) giá 30 quan (tính ra bạc 6 quan là 5 đồng bạc bên ta). Nhưng khách đây toàn là khách lịch sự cả, vào xem phải mặc

lễ phục, như đi dự tiệc buổi chiều vậy. Lễ đó ngày xưa là nhất định và nhất luật cả, nhưng ở một nước dân chủ lấy bình đẳng làm trọng, không khỏi có người dị nghị, nên bây giờ phải đặt riêng mỗi tuần lễ mấy ngày, ai vào xem ăn mặc thế nào cũng được. Nhưng nghĩ cũng lạ, những buổi được ăn mặc tự do như thế, thiên hạ đến xem lại ít, và những buổi phải có lễ phục mới được vào thì khách lại đông. Thế mới biết người ta tuy ngoài miệng nói rằng muốn bình đẳng, mà trong bụng bao giờ cũng muốn đặc biệt với kẻ khác. Cũng có lẽ là đặt ngày riêng như thế thì người nào đi vào ngày không phải ăn mặc lễ phục tự cho là không sang trọng, nên ít người muốn đi. Muốn điều hoà sự bình đẳng với cách lịch sự thật cũng khó thay.

*

Chủ nhật, 11 tháng 6.1922

Hôm nay nghỉ nhà, không đi chơi đâu.

Các phái viên Nam Bắc kỳ định cùng nhau tổ chức một cuộc du

lịch các miền chiến địa cũ. Định trước đi *Origny en Thiérache*, là quê Đức cha Bách Đa Lộc, làng này bị tàn phá cả, Nam kỳ đã quyên tiền cho để trùng tu lại; rồi đi ra *Soissons, Reims, Verdun*, là những miền chiến tranh dữ nhất mấy năm trước. Ước nhau đến sáng ngày thứ ba đi sớm, đã thương lượng với một công ty ô tô chở thuê để đón sẵn ở các ga, rồi đưa đi các trận địa. Họp nhau lại vài chục người đi luôn thể thể này, rẻ hơn là đi riêng một vài người. Các ngài phái viên Lục tỉnh bàn ra trước, mình lấy làm phải lắm, nhận lời ngay. Cứ thực ra thì việc này xứng suất tự quan cai trị E. đầu phái bộ Nam kỳ, nên cũng nhờ một tay ngài sắp đặt hết.

*

Thứ hai, 12 tháng 6.1922

Buổi sớm đi xem sở *Sorbonne*, là nơi trường đại học thành Paris ở đây. Mình đã vào đây mấy lần, một bữa lại nghe diễn thuyết ở đây, nhưng chưa bao giờ đi xem được khắp. Hôm nay nhờ có bộ Thuộc địa đã xin phép trước, các phái viên đến xem được người

phần việc dẫn đường và cắt nghĩa tường lẫm.

Xét ra sở Sorbonne này có đã lâu lẫm, tự năm 1250. Nguyên trước là một trường chuyên về thần học, do ông Robert De Sorbon, là nhà thầy coi việc lễ bái trong cung vua Saint Louis, lập ra. Mười năm sau, trường đã đông học trò; đến thế kỷ thứ 14 thì nổi tiếng khắp Âu châu, về khoa thần học đến các giáo hoàng ở La Mã cũng thường phải theo ý kiến của các thầy *Sorbonne*. Sau ông tể tướng Richelieu sai Lemercier xây mấy lớp nhà, ngày nay chỉ còn cái nhà thờ lại. Đến trường Đại học bây giờ thì mới dựng từ năm 1885, theo kiểu của ông Nénot. Sách chép bề dài tới 250 thước, bề mặt 83 thước, từng trên và từng dưới có tượng đá hình các khoa học, như Hoá học, Tự nhiên học, Vật lý học, Số học, Sử học, Địa dư học, Triết học, Khảo cổ học, mỗi bức tượng của một tay danh sư chạm. Trên bức phá phong lại có hai tượng lực lưỡng hình Văn học và Khoa học.

Sở *Sorbonne* bây giờ là nơi trường Đại học Paris, trừ có hai ban Luật khoa và Y khoa là có nhà riêng. Trong sở có ban Văn học (29 khoa) và ban Khoa học (25 khoa); lại có trường Cổ điển, khảo về các sử liệu cũ nước Pháp, viện Cao đẳng nghiên cứu, cùng Thư viện của trường Đại học cũng ở đây. Sinh viên các khoa đến nghe giảng và đến khảo cứu ở đây, có tới 2 vạn người.

Độ rầy đã bắt đầu nghỉ hè, nên các lớp vắng dần. Nhân thấy một lớp đương học, người phân việc đưa vào nghe một chốc. Lớp này là lớp quan giáo Schneider đương giảng về mỹ thuật Pháp, nghe đâu là một lớp riêng cho người ngoại quốc đến học mấy tháng hè. Ông giáo đương bình phẩm về mấy bức họa, có chiếu bóng lên cho người nghe xem. - Xong rồi lại vào phòng thí nghiệm của quan Giáo Lapique. Ngài chuyên dạy khoa thực vật sinh lý học; ngài nói buồng ngài làm việc đây chính là buồng ông Paul Bert khi xưa, vì ông Paul Bert trước khi sang làm Thống sứ bên ta có dạy sinh lý học ở trường Đại học Paris. Trong phòng thí nghiệm đây đương có một cô nữ học sinh khảo về các giống rêu đổi sắc; cô trông mặt thông minh và lanh lợi lắm, quan Giáo bảo cô thử cho chúng mình xem, thấy một cây rêu khi ra nắng và khi ở tối đổi sắc hiển nhiên.

Xem xong các phòng học rồi ra đại diễn đường, rộng thênh thang, ngồi được đến bốn nghìn người. Giữa có một bức họa to lớn lạ thường, vẽ "Rừng học", của nhà danh họa Puvis De Chavannes. Lúc ra về vào xem nhà thờ *Sorbonne* và mộ tể tướng Richelieu.

Buổi chiều sắm sửa ít đồ hành lý để mai đi chơi sớm.

XIV.

Thứ ba 13 đến thứ năm 15/6.

Ba hôm nay đi cũng đã nhiều đường đất. Bây giờ về mở địa đồ ra tính mới biết cái số cây-lô-mét đã khá to. 8 giờ 50 phút sáng ngày thứ ba ở Paris đi chuyển xe lửa phía Bắc, đến 11 giờ 1/4 tới xã Origny, vừa 192 cây-lô-mét, chạy trong hai giờ rưỡi đồng hồ, tức là mỗi giờ ngót 80 cây (chẳng bù với xe lửa bên ta mỗi giờ không chạy được 25 cây). Bốn giờ kém mười, ở *Origny* về *Soissons*, 87 cây-lô-mét, chừng hơn một giờ tới nơi. Ngày thứ tư ở *Soissons* ra *Reims*, 55 cây, đi ô-tô, mất 2 giờ đồng hồ (xe này là xe chở khách, ngồi đến 20 người một, nên chạy chậm). Năm giờ rưỡi chiều đi xe lửa từ *Reims* ra *Verdun*, 120 cây-lô-mét, đường xe lửa này là đường nhà quê nên chạy chậm, mãi đến 8 giờ rưỡi mới tới nơi. Hôm sau là thứ năm, cả ngày đi xem các trận địa *Verdun*, đến 6 giờ 50 phút chiều lên xe lửa về Paris, chạy thẳng một mạch 280 cây-lô-mét, 10 giờ 1/2 tới tới nơi. Thế là trong ba ngày đi xe lửa tới 730 cây-lô-mét mà ung dung, còn thừa chán thì giờ để đi vãn cảnh mọi nơi. Giá bên mình phải đi đến bấy nhiêu đường đất trong ba ngày thì chỉ những ngồi trên xe mà hết ngày giờ. Ở đây cách giao thông tiện lợi quá. Nói về

xe lửa thì toàn hạt nước Pháp chia ra làm bốn đường chính hoặc thuộc về Nhà nước, hoặc thuộc về công ty kinh lý: là đường phía Bắc và phía Đông (*Nord et Est*), đường phía Tây (*Ouest-*), đường Trung Ương và phía Nam (*Orléan et Midi*), đường Đông Nam (*Paris - Lyon - Méditerranée*), bốn đường ấy chạy tự kinh đô Paris đến các đô thành lớn. Tiếp với các đường chính đó thì có những đường chà chạnh, chạy khắp các tỉnh thành, các đô thị lớn nhỏ, các châu huyện, cho chí các xã, các ấp lớn nữa. Bấy nhiêu đường chính đường phụ chằng chịt nhau như cái mạng nhện, cứ trông một bản đồ xe lửa ở nước Pháp thì đủ biết. Mà bấy nhiêu đường đều có đối chiếu nhau hết cả, hành khách muốn đi đâu giờ địa đồ ra tính trước, sắp sẵn cái hành trình của mình, đến chỗ nào cũng hình như có xe đón, không sai tí nào và không mất thì giờ vậy. Duy những đường xe lửa nhà quê, tức gọi là "xe lửa hàng quận" (*chemins de fer départementaux*), thời chạy chậm, đỗ ở các ga lâu, cũng như xe lửa bên ta.

Trưa ngày thứ ba đến xã *Origny*, là quê Đức cha Bách Đa Lộc. Xã này ở giữa trong vòng chiến tranh năm trước, nên bị tàn phá dữ lắm. Nay đã xây dựng lại được ít nhiều, nhờ tiền lạc quyền của Nam kỳ giúp đỡ, nhưng cái dấu vết phá hoại vẫn còn rõ lắm. Nhà thờ đổ nát cả. Nhà thị sảnh (tức là nhà đốc lý), cũng bị đổ, đương chữa lại chưa xong.

Quan Thuộc địa bộ đã có tư giấy cho dân xã biết trước, nên bọn mình đến nơi, cả hội đồng hàng xã, xã trưởng đứng đầu, mặc lễ phục chỉnh tề cả, đã đứng đón sẵn ở sân ga; còn người dân, nam phụ lão ấu, cũng đến đứng đông nghịt cả ga, trẻ con thì cầm cờ tam tài phát. Vì chúng mình đến đây là lấy tư cách kẻ ân nhân mà đến, nên được nghênh tiếp trọng thể như thế. Không biết dân làng đây trước kia họ không biết mình, tưởng tượng người An Nam mình ra thế nào; hôm nay trông thấy xem ý lấy làm lạ, có lẽ họ tưởng mình là một giống kỳ khôi lắm, nay thấy phần nhiều cũng ăn mặc như họ - trừ có mấy ông vẫn giữ quốc phục, - mà xem ra lại ăn mặc óng ả lịch sự, các anh các chị nhà quê chỉ tỏ ra đáng phục lắm.

Khi các phái viên ở xe lửa xuống, phường nhạc trong làng thổi mừng. Rồi ông xã trưởng mũ cao áo dài bước lên đọc một bài diễn văn rất dài, đại khái nói dân làng cảm ơn xứ Nam kỳ đã có bụng tốt giúp tiền cho chữa sửa lại những nhà cửa bị tàn phá, và bữa nay kẻ đồng hương của đức cha D'Adran được nghênh tiếp các ngài đại biểu nước Nam Việt để cùng nhau tỏ tấm lòng ân ái cả hai bên, thật lấy làm mừng rỡ vô cùng. Ông xã trưởng nói xong, ông nghị viên Nam kỳ Outrey bèn thay mặt các phái viên An Nam ứng khẩu nói mấy lời đáp lại, đại khái tỏ cái ý rằng

người An Nam giúp tiền cho xã này tu bổ lại, không phải là làm ơn, chính là trả ơn lại đức cha Bách Đa Lộc khi xưa. (Thế mà lúc này mình đã tự cao cho là bậc ân nhân rồi! Té ra cái nợ ông Bách Đa Lộc bấy lâu nay ta trả vẫn chưa hết đây...). Mình chưa được nghe ông nghị Outrey diễn thuyết bao giờ, vẫn tưởng là một tay ngôn ngữ giỏi lắm thì phải. Nghe ông nói hôm nay, lái đi lắp lại, giọng đã không lấy gì làm hùng hồn, lời cũng lại không được chải chuốt lắm, cũng lấy làm lạ. Cho hay cái nghề nói này, không cứ là làm nghị viên mới sành.

"Đít-cua" xong rồi, kèn trống đi trước, dẫn các phái viên ra nhà thị sảnh, đi qua phố chính trong làng, người dân kéo ra xem và đi theo sau đông lắm. Nhiều cô con gái nhà quê dễ coi quá, trông thấy bọn mình cứ cười tí lên, có người bạo lại đến tận bên cạnh mà biểu hoa. Các ông phái viên giá ở đây mấy ngày thì vô số chuyện vui... Đến nơi, các ông hội đồng làng mời phái bộ lên trên lầu, vào buồng hội đồng, trong đã bày bàn ghế, cắm cờ xí trang trọng lắm. Khi mở rượu sắp đựng cốc thì một ông hội viên trong hội đồng làng lại đọc một bài diễn văn chúc tụng; quan cai trị Eutrope là đầu phái bộ Nam kỳ đáp lại, đại khái cũng là xuất nhập cái đầu đề mấy bài diễn trước...

Uống rượu ăn bánh xong rồi, đi dạo chơi trong làng. Làng này

trước khi chiến tranh chắc cũng là một làng to, nhưng nay đã đổ nát cả, nên không có gì lạ mà xem. Người làng có nghề đan rổ (*vannerie*) khéo lắm. Vào xem các nhà tư, thấy đàn bà con trẻ ngồi làm cũng như bên ta. Có một cái xưởng lớn của một nhà phú hào ở đây chuyên làm đồ đan để chở bán đi các nơi, ông chủ có mời phái bộ vào xem khắp trong xưởng, từ nhà máy cho đến các kho, cách sắp đặt rất chỉnh đốn, nhưng hôm nay nhân trong làng có mở hội đón phái bộ An Nam nên thợ nghỉ cả, không được xem cách làm bằng máy như thế nào. Đoạn rồi xem nhà thờ, và nhà cũ của đức cha Bách Đa Lộc, nay sửa làm như một cái bảo tàng viện nhỏ để họp những đồ kỷ niệm về Đức cha. Nhà thấp bé, ở ngay sau nhà thờ, nên trong khi chiến tranh không bị hại mấy. Ở trong vẫn còn giữ quy mô như hồi xưa, cái buồng xúc xích nhỏ hẹp, đây là chỗ Đức cha sinh, kia là buồng của cha mẹ nằm, nọ là buồng các anh các chị. Ở phòng khách thì có bày những đồ thường dùng của Đức cha hồi bình sinh, quyển kinh, tràng hạt, mấy cái lọ cổ, v.v... Lại có một cái bằng phong tặng của Đức Cao hoàng ta lồng kính, nghe đâu là chính nguyên bản; và nhiều những tranh cổ và sách cổ. Sở "bảo tàng" này giao cho ông cố trụ trì ở nhà thờ bên cạnh coi, có một hội khảo cổ về Đông Pháp ở Paris trông nom, hội này có phái riêng một người đại biểu đến để chỉ dẫn cho phái bộ xem. Người đại biểu ấy chính là quan thanh tra thuộc địa hưu trí Salles, bên ta nhiều

người biết, vì trước ngài đã có công với các hội học và hội "Tri Tri" ở Nam Bắc kỳ nhiều lắm.

Chuyện vẫn một hồi, rồi cáo biệt các quan viên hương chức, 3 giờ 50 phút, lên xe lửa về *Soissons*. Một giờ trước, khi mới trên xe xuống, hai bên còn như bờ ngõ, nay từ giã nhau trong sân ga, tình khư lư ^[11] xem ra có một đôi chút vậy. Lúc trước còn thuần là sự lễ nghi, lúc này đã hơi có lòng âu yếm. Kẻ Đông người Tây, gặp nhau ở trong khoảnh khắc, mà biệt nhau không đến nỗi vô tình, thế thì biết rằng dân Pháp cũng là một dân có bụng, mà người Nam không phải là giống không tình. Cứ như thế thì hai giống ăn ở với nhau lâu năm, tất phải thương yêu nhau lắm thì mới phải. Cớ sao các nhà chính trị hai nước cứ thường phải hô hào, cổ động luôn về sự Pháp Việt tương thân, Pháp Việt đề huề, tựa như sự đề huề, sự tương thân ấy chưa được thập phần mỹ mãn vậy? Không nói về đường chính trị, nó lại biệt ra một câu chuyện khác; nói về sự giao tế thường, muốn có cảm tình, tất phải bình đẳng; không có bình đẳng thì tình người dưới đối với người trên không ngoài sự sợ, tình người trên đối với người dưới không ngoài sự thương; thương với sợ, ngoài tình cốt nhục trong gia đình, không đủ gây nên sự cảm tình đích đáng. Cho nên muốn cho hai giống đề huề thân ái với nhau, phải làm thế nào cho sự cách biệt bớt dần đi, dầu không thể tiêu được hẳn, cũng

không đến nỗi xa nhau như thiên nhiên^[12] vậy. Cứ xem người Pháp ở bên Pháp này, đối với người ta sang đây, tuyệt nhiên không có lòng sai ky^[13], không có ý cách biệt gì cả, nên mỗi cảm tình dễ bén và dễ thân.

Khi xe lửa đã chạy, trông lại nhà ga vẫn còn có người phát khăn vậy, như quen thuộc nhau đã lâu vậy.

Chiều tôi đến *Soissons*, nhưng hãy còn đủ sáng để đi dạo chơi ngoài phố được một vòng. Cả vùng này ở trong vòng chiến địa mấy năm trước, nên ngồi trong xe lửa trông ra chỉ thấy những đồng điền tro trụi, nhà cửa đổ nát, phong cảnh tiêu điều. Ấy là đây còn vừa đây, chứ đến gần *Reims* và *Verdun* lại thảm hơn nhiều nữa. Ngay thành phố *Soissons* này, mấy lần bị quân Đức chiếm cứ, cả thảy đến ba mươi tháng trời; trong khi ấy thì quân Pháp ở ngoài bắn vào, đến khi quân Pháp đuổi được quân Đức đến đóng thì lại bị quân Đức bắn lại. Có toà nhà thờ và toà thị sảnh là hai nơi đẹp nhất, nay tan tành cả. Phố nào cũng có nhà đổ, vôi gạch chất đống, chưa kịp dọn. Ngay trong thành phố còn có dấu vết những hầm hố của quân Đức và quân Pháp đào để chống nhau.

Tôi hôm nay ăn và ở trọ ở nhà khách sạn "Kim Thập tự" (*Hôtel*

de la Croix d'Or): nhà này trong khi chiến tranh cũng bị hư hỏng mất ít nhiều, đã chữa lại, nay là nơi khách sạn lớn nhất trong thành phố. Khi ăn cơm được mấy chị hầu bàn cũng coi được, ứng đối rất hoạt, lại được uống thứ rượu cidre ngon lắm, ai nấy đều vui vẻ thoả thích; ăn xong rồi có người không muốn lên buồng vội, còn ở lại, phòng ăn, uống rượu mạnh nước ngọt để nói chuyện cà kê với các cô hàng...

Sáng hôm sau đã có xe ô tô của công ty *Le Bourgeois* đến đón đi *Reims*. Thành *Soissons* trông đã tiêu điều mà thành *Reims* này lại còn tiêu điều hơn nữa. Nghe nói trong thành phố có một vạn hai nghìn cái nhà, mà bây giờ tính ra không được năm trăm cái còn đứng vững. Nhưng trông thảm nhất là cái nhà thờ. Nhà thờ thành *Reims* là một nơi danh thắng đệ nhất của nước Pháp, về đường mỹ thuật, về đường lịch sử, đều có giá trị đặc biệt. Về đường mỹ thuật thì là một cái kiểu nhà thờ lối *gothique* đẹp nhất trong thế giới. Suốt từ trên ngọn tháp cho đến dưới chân tường đều chạm trổ soi lòng cả. Người ta thường nói nhà thờ thành *Reims* chính là một tấm "đăng ten" bằng đá; thật thế. Tấm "đăng ten" ấy trong bốn năm chiến tranh đã chịu không biết mấy vạn viên trái phá của Đức, nên chỗ thì rách toạc, chỗ thì nát nhàu như tờ giấy lộn, không còn ra hình thể gì nữa. Những khách ái mỹ ^[14] trong thế giới cho sự tàn phá ấy là cái tội ác đệ nhất của người Đức, dẫu

thiên vận cổ không bao giờ chuộc lại được. Về đường lịch sử thì nhà thờ này rất có quan hệ với vận mệnh nước Pháp đời xưa. Những vua các tiền triều mỗi khi lên ngôi thường đến làm lễ "gia miện" ở đây, nghĩa là để cho một vị Đức cha thay mặt Giáo hoàng đặt cái vòng mũ để vương lên đầu. Nước Pháp xưa nay vẫn có tiếng là "con gái cả của Giáo hội Gia tô", tức là nước có thế lực nhất trong các nước sùng đạo Gia tô, nên lễ "gia miện" ấy quan hệ lắm. Đời đời các vua đã gây dựng cho nước Pháp được như bây giờ đều "chịu chức" ở đây cả, nên chốn này quốc dân coi như một nơi bảo tàng của linh hồn tổ quốc. Có người nói cũng vì thế nên quân Đức cố ý bắn cho đổ. Chẳng hay người Đức quả có cái ý hiểm độc vô ích như thế không, vì nghe đâu nhà quân Pháp ngay khi thành *Reims* mới bị vây đã tuyên cáo rằng nơi nhà thờ này không dám dùng gì về việc binh cả, như thế mà bắn thì thật không ích gì cho quân Đức. Song phải biết rằng phàm đại bác đứng xa mà phóng pháo vào một nơi tĩnh thành nào, cốt để triệt hạ cả thành trì, thời không thể không lấy những lầu cao tháp lớn làm đích hay là làm cữ, và cho dầu có muốn tránh nữa cũng không thể sao được; có lẽ bởi thế nên người Đức đến vây thành *Reims* bắt buộc dĩ phải lấy hai cái tháp nhà thờ là nơi cao nhất trong thành làm đích hoặc làm cữ cho pháo binh mình, chứ nước Đức cũng là một nước có văn hoá, há lại không biết trọng mỹ thuật mà cố ý làm một sự phá hoại vô ích như vậy.

Dù thể nào mặc lòng, nhà thờ thành *Reims* nay bị hủy hoại như vậy, thật là một sự thiệt to cho cái kho mỹ thuật chung của thế giới. Có người thương tiếc đến than khóc, buồn rầu, coi như một cái tang chung cho nhân loại văn minh, vì bây giờ dầu phí bao nhiêu công, bao nhiêu của để tu bổ cũng không bao giờ khôi phục được lại hoàn toàn cái kỳ công có một không hai của nghệ kiến trúc trong thiên hạ đó.

Đạo qua các phố phường, trông thấy cái cảnh nhà đổ tường xiêu mà thương tâm. Ấy là trong ba năm nay đã sửa sang xây dựng lại được nhiều, chứ hồi mới chiến tranh xong, trông còn thê thảm hơn nữa.

Nay giữa trong khi binh lửa đương nồng nàn thời người dân ở đây chạy trốn vào đâu? Thành *Reims* này trước khi chiến tranh có tới 11 vạn 5 nghìn người ở, không lẽ bấy nhiêu người thiên cư đi cả nơi khác được, mà cố ở lại cũng không sao tránh khỏi sự nguy hiểm được, vì trong bốn năm giòng, quân Đức đóng ở chung quanh thành, cách vài ba cây-lô-mét, cứ bắn luôn, không ngơi lúc nào, cố ý triệt hạ cả thành trì mới nghe. May sao ở dưới đất thành *Reims* lại có một cái thành phố nhỏ, cách mặt đất từ 15 đến 20 thước; thành phố ngầm ấy là hầm rượu của công ty *Pommery*, công ty này chế rượu "sâm banh" đã có tiếng trong thế

giới. Hôm nay nhân tiện được phép vào xem trong hầm, quả nhiên là một thành phố thật, mà một thành phố dài tới 18 cây-lô-mét, trong có đường ngang lối dọc, ngã ba ngã tư, đều có biển đề tên cả, mà rộng thênh thang, giá hai cái ô tô tránh nhau được. Ấy trong khi ở thành phố trên bị phóng pháp dữ quá thời trừ đàn ông có phần việc mạo hiểm phải ở trên, còn bao nhiêu đàn bà, con trẻ, người già, đều xuống ở dưới hầm cả, đặt nhà thờ để lễ bái, nhà trường để dạy học, y như trên mặt đất.

Xét ra nghề làm rượu "sâm banh" này thật cũng công phu, không trách rượu bổ mạnh và quý giá như thế. Lấy thứ rượu "vang" trắng thượng hạng mà còn phải để cho lắng cặn trong mấy năm, sang đi lọc lại biết mấy mươi lần, rồi mới thành ra thứ "bồ đào mĩ tửu" là rượu "sâm banh" này. Bởi thế nên cần phải có hầm rộng để chứa được nhiều và được lâu, càng lâu càng quý. Người ta nói trong dãy hầm này hiện chứa có tới 16 triệu chai, chia ra làm nhiều hạng, hạng để được một năm hai năm, hạng để được dăm mươi năm, mười lăm hai mươi năm, cứ cách mấy năm lại một lần sang chai cho thật hết cặn cặn, thật trong sạch, chỉ còn như cái tinh túy rượu mà thôi.

Xem hầm rượu mất cả buổi sáng, trưa về khách sạn ăn cơm, rồi liền lên ô tô đi thăm các trận địa và đồn lũy ở chung quanh

thành. Công ty ô tô vừa cho thuê xe, vừa phái một người hướng đạo đi đến đâu chỉ dẫn và cắt nghĩa đến đấy. Trông anh chàng này không khác gì một anh cung văn ở bên ta, có một bài học đã thuộc lòng, đọc đi đọc lại không biết đến mấy trăm lần rồi, nên tựa hồ như không còn có tinh thần nghĩa lý gì nữa. Cứ cách năm trăm thước, hay một nghìn thước, anh ta lại dừng xe lại, quay mặt lại mình, rồi hét lên: "Thưa các ngài, chỗ này là thế này, chỗ kia là thế kia", nói nhai ra từng chữ như người kêu đường. Mình không biết, được người chỉ dẫn cho thế không phải là không có ích, nhưng nghe mãi một anh nhai chữ như nhai bã mía, truyền âm như máy lưu thanh ^[15] ấy, cũng chán thay!

Hai bên đường toàn là nơi chiến trường cả, bây giờ cỏ đã mọc xanh rì, nhưng dưới cỏ còn bao nhiêu xương người chưa thu nhặt được hết. Quan binh đã phải đặt biển yết thị bằng chữ to ở bên đường rằng: "ở đây mỗi tác đất là một nắm xương. Khách du lãm phải nên dè bước và nếu có bụng tốt nên ngậm ngùi thương xót cho kẻ chiến sĩ đã vì nước liêu mình". Có chỗ mấy trăm thước tới nghìn thước toàn những vỏ đạn và dây thép gai chắt thành đồng, khi nhà quân dọn lại để mà sửa sang đường đi quân lính thường bị hại vì cuốc phải hay đập phải những viên đạn chôn xuống đất mà chưa nổ. Bởi thế người dân ít người chịu ra phá hoang các trận địa cũ để cây cối. Người ta đã tính ra cứ rầy phá

được một cây lô mét mỗi năm hơn bù kém chết mất một người vì đạn nổ như thế. Thế là chiến tranh xong rồi mà cái di hại chiến tranh chưa hết.

Đi thăm đồn *Pompelle*, nơi gọi là "số cao 108" (*cote 108*), và nơi gọi là "Đường các bà" (*Chemin des Dames*), toàn là những chỗ đánh nhau dữ mấy năm trước, bây giờ chỉ những gò đồng ngổ ngang, hang hốc sâu thẳm, trên phủ một tấm cỏ xanh, dưới che không biết bao nhiêu xương mục, nhưng trông xa tưởng là một đồng cỏ rộng, biết đâu là nơi đạn bắn như mưa, người chết như rạ, vừa mới mấy chục tháng nay! Tạo vật khéo thay, đem cỏ cây mà vui cái thảm trạng của loài người! Độ vài mươi năm nữa, mà có lẽ cũng không đến thế đâu, rồi những chỗ này sẽ có bò ăn cỏ, người cày ruộng cả. Tạo vật lại lấy cái chết mà gây ra cái sống, theo lẽ tuần hoàn của trời đất, chỉ còn có tấm bia đá hay cây câu rút để nhắc lại cho hậu thế rằng đây là nơi cổ chiến trường đây. Hậu thế hoặc có tay sính văn chương muốn làm một bài "Điều cổ chiến trường" thời tưởng cũng phải dụng sức tưởng tượng lắm mới tả ra được những cái cảnh gió sầu mưa thảm, đạn lạc tên bay, hay là đêm khuya vắng vắng, quỷ khóc hồn than; lại phải dụng sức suy nghĩ lắm mới lường được cái tâm sự kẻ chiến sĩ: "Hàng ư? chung thân làm nô lệ; chiến ư? phơi xương trên bãi cát" ^[16]; và muốn kết luận một câu về cái nạn chiến tranh rằng:

"Ô hô! ý hi! Thời da? Mệnh da? Tòng cổ như ti, vị chi nại hà?
[17] (Than ôi! Thương thay! Là thời hay là mệnh? Xưa nay vẫn
thế, biết sao bây giờ?) [18], cũng phải dùng triết lý lắm mới được,
chớ cái cảnh cỏ xanh mơn mớn đây, thật không có một chút
thảm sâu gì cả; trừ ra... sau này thế giới lại diễn một cái chiến
cục kịch liệt hơn để làm trò tiêu khiển cho loài người một phen
nữa thì không kể... Nhưng người đầu bày trò đến thế nào cũng
không địch nổi với Tạo vật; Tạo vật chỉ phủ một lượt cỏ xanh là
che đi hết cả. Ôi! Ông Hoá công vốn vẫn vô tình...

[1] In lần thứ hai, thứ ba.

[2] Nghĩ được một điều chưa ai từng nghĩ.

[3] Lược bỏ đoạn diễn nguyên văn tiếng Pháp.

[4] Tức thình không, nơi hoàn toàn vắng lặng.

[5] Nguyên văn viết chữ vuông, chúng tôi chuyển ra chữ quốc
ngữ.

[6] Nói tắt chữ Pháp lan tây, một cách phiên âm chữ France.

[7] Vui vẻ làm việc.

[8] Vùng đất phía tây châu Á.

^[9]Mô phỏng, bắt chước.

^[10]Lương Khắc Ninh.

^[11]Kẻ ở người đi.

^[12]Trời và đất.

^[13]*Sai*: ngờ, *kỵ*: ghen ghét.

^[14]Yêu cái đẹp.

^[15]Tức máy ghi âm.

^[16]Bài *Điếu cổ chiến trường* văn của ông Lý Hoa đời Đường.

^[17]Lược bỏ hai câu viết bằng chữ vuông.

^[18]Bài *Điếu cổ chiến trường* văn của ông Lý Hoa đời Đường.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 8

XV.

Thứ năm 15 tháng 6. 1922

Xem xong ở vùng thành *Reims* rồi, đến 5 giờ rưỡi chiều thời lên xe lửa đi ra *Verdun*. Đến nửa đường, ở nơi gọi là *Saint-Hilaire*, phải đổi xe. 8 giờ rưỡi tối mới đến *Verdun*, mặt trời chưa lặn hẳn, còn trông rõ phố phường, nhưng thật là tàn phá cả. Cũng có ít nhiều nhà mới dựng lên, nhưng nhà cũ đổ nát còn ngổn ngang cả. Thành *Verdun* này là một nơi yếu tắc (*place forte*) trấn mặt Đông nước Pháp, nên trong mấy năm chiến tranh quân Pháp với quân Đức đánh nhau ở đây dữ lắm. Thành ở hai bên bờ sông *Meuse*, địa thế hiểm yếu, chung quanh những tường lũy, những cửa ô, những hầm, những ụ, kiến trúc kẻ đã kiên cố, nên trong bốn năm trời quân Đức dùng đến một trăm tám mươi vạn người

(180.000) hết sức đánh mà không lấy được. Sự chống giữ thành *Verdun* này, thế giới cho là một cái đại chiến công đệ nhất trong lịch sử. Chung quanh thành *Verdun*, cách mấy dặm, lại có một dãy đồn lũy cũng kiên cố lắm, như đồn *Vaux*, đồn *Douaumont*, v.v..., sáng mai sẽ đi xem một lượt. Vùng này đã thành một nơi kỷ niệm về chiến tranh, nên khách du lịch ngoại quốc đến đông lắm. Bọn mình vào nhà trọ tên là *Le Coq Hardi*, thấy người Pháp ít mà người các nước thật nhiều, nhất là người Anh người Mỹ, v.v... Ăn cơm tối, ngủ đầy rồi sáng mai đi xem thành phố và các đồn các lũy.

Định 10 giờ sáng đến thăm nhà thị sảnh thành *Verdun*, để tỏ lòng kính phục cái hùng uy của các quân tướng Pháp trong bốn năm đã liều sống chết mà chống giữ thành này, khiến cho quân Đức đến thất bại và Đồng minh được toàn thắng. Vậy sáng dậy sớm đi dạo chơi các phố. Chỉ trông thấy quanh mình nhanh nhảnh những nhà đồ tường xiêu. Song đã có nhiều phố dựng lên nhà mới, hàng quán la liệt, buôn bán sầm uất. Nhờ có khách du lịch các nơi đến đông, nên thành phố đã có cái cảnh vui vẻ. Xem ra đây là chỗ đóng quân, nên có cái khí vị riêng, cái khí vị nhà quân vậy. Buổi sớm hôm nay trời sáng sủa bảnh bao, nên trông phong cảnh không có vẻ tiêu điều như chiều hôm qua mới đến. Ở *Verdun* này nghe nói có thứ kẹo ngon có tiếng. Anh em đi chơi

đã mệt, bèn vào hàng kẹo mua mỗi người mấy trăm "gam". Ở nơi chiến địa có khác, đến kẹo cũng nặn ra hình súng, đạn, cối xay, đại bác. Ai nấy ăn dăm mười viên "trái phá", rồi trước mười giờ về trọ nghỉ để đi ra nhà thị sảnh.

Nhà thị sảnh này cũng bị tàn phá, nay mới chữa qua lại. Đến nơi có ông thị trưởng ra tiếp ở trong phòng hội đồng. Quan cai trị Eutrope thay mặt các phái viên An Nam nói mấy lời để tỏ lòng cảm phục dân thành này vì sự can đảm chịu nạn trong bấy lâu. Ông thị trưởng trả lời kể cái cảnh khốn nạn của dân Verdun trong bốn năm ròng rã không mấy ngày là không nhận được mấy trăm mấy nghìn quả phá của quân Đức ở tứ phía bắn vào. Đoạn rồi ông đưa cho xem một tấm biển gắn những huy chương của các nước tặng thành *Verdun*: Bắc đầu bội tinh của nước Pháp, "mền đay" quân công của nước Anh, nước Nga, nước Ý, nước Nhật, v.v... Khi ra về các phái viên có để lại mấy trăm quan để quyên vào việc trùng tu thành Verdun.

Ở nhà thị sảnh ra, liền đi ra nơi nghĩa địa *Faubourg Pavé* ở ngoài thành. Đây có sáu nghìn cái mả những lính tử trận, là những người còn nhận được xác chôn tử tế, chứ phần nhiều thời sau mới nhặt được xương, rời rạc mỗi nơi một mảnh, không còn biết là ai nữa. Số quân Pháp chết trận ở vùng *Verdun* này có tới 40

vạn người. Phái bộ có thừa một vòng hoa để viếng ở nghĩa địa.

Về ăn cơm trưa ở nhà trọ, rồi lên xe ô tô của công ty *Le Bourgeois* đi thăm các trận địa và đồn lũy ở quanh thành. Kể thì đến hơn một chục nơi là những nơi xung yếu đánh nhau dữ mấy năm trước, nhưng không thể đi cho khắp được. Vậy chỉ định đi đồn *Vaux*, đồn *Douaumont*, và nơi gọi là "Hầm lưỡi lê" (*Tranchée des baionnettes*) mà thôi. Vả trừ nhà binh học chuyên môn thời xem xét địa thế mới có ích lợi, chứ chúng mình trông chỗ nào cũng như chỗ nào, cũng một cái thảm trạng phá hoại đảo điên như thế, cũng những gò đống hang hốc như thế cả. Mặt đất đứng xa trông lỗ chỗ như một nắm "rong đá" (*éponge*), mà cứ như thế đến hàng chục cây-lô-mét. Có chỗ trái phá lớn nổ quật đất lên thành một vực sâu, rộng bằng cái hồ cái ao. Mà những nơi ấy trước kia toàn là những làng xóm đông đúc người ở cả. Đến một chỗ người ta chỉ cho chúng tôi nói: "Đây là làng Mỗ; chính chỗ ta đứng đây là nhà thờ làng. Làng này bị bắn dữ quá đến bao nhiêu nhà ở cho chí nhà thờ tan tành hết, và bị vùi lấp hay là bắn ra mấy nghìn mấy trăm thước ngoài xa. Trận xong rồi, tìm không biết làng ở đâu nữa. Mãi mới nhận được chỗ này là nhà thờ, là đoán phỏng chừng như thế, chứ không còn dấu vết gì nữa. Bây giờ chỉ có cây câu rút chôn ở đây, để cho người sau biết đây là làng Mỗ." Xem thế thì biết sự phá hoại dữ là dường nào.

Đồn *Vaux*, đồn *Douaumont* chắc khi xưa là xây dựng kiên cố lắm, bây giờ cũng chỉ còn đồng đất đồng gạch lù lù đó thôi, không còn nhận biết ra quy mô một nơi pháo đài đồn lũy gì nữa. Người hướng đạo có thấp nền cho chúng tôi vào xem các hang hầm và đường tụy đạo ^[1]. Trong đó lắm chỗ quanh co ẩn khuất, kẻ cũng đã hiểm, nhưng đi ghê quá, có nơi như sắp đổ sụp vào đầu, người ta phải đặt gióng để giữ. Một cái đồn hiểm như thế này, tưởng tượng như cái tổ chuột hay tổ kiến vậy. Thế mà quan quân ở trong này hàng tháng hàng năm, nhiều khi đoạn tuyệt giao thông với đại quân ở phía sau, chung quanh bị vây cả, đạn bắn xuống như mưa, mà đồ ăn hết, nước uống không có, lại bị trái phá nổ chôn sống ở trong hầm không biết bao nhiêu mà kể, cái khổ thật không bút nào mà tả cho được. Ông văn sĩ Henry Bordeaux có làm một quyển sách tả về sự thất thủ đồn *Vaux* và cái cách quan tư Raynal coi đồn chống lại với quân Đức thế nào. Thật là một vị tướng anh hùng, dẫu sau thế cùng không thể giữ được nữa, bị quân Đức bắt, mà người Đức cũng phải phục, đãi một cách đặc biệt, vẫn để cho đeo gươm. Đồn *Vaux* này bị quân Đức quân Pháp đánh đi đánh lại mấy lần, bây giờ tan tành không còn gì nữa. Chỉ còn mấy đường tụy đạo, lúc trước đầy những xác người chết hôi thối và những quả phá đạn lựu, có cái chưa nổ, nguy hiểm lắm; gần đây quan binh mới cho sửa dọn để khách du lịch vào xem.

Đồn *Douaumont* đại khái cũng như thế. Cạnh đồn có một nơi gọi là "Hầm lưỡi lê". Nguyên chỗ này là một đường hầm hồ của quân Pháp đóng. Một hôm quân sắp tiến lên để sang chiếm dãy hầm bên kia của quân Đức, đã cắm lưỡi lê (*baionnettes*) vào đầu súng, chỉ đợi lệnh là nhảy lên, chợt có một quả phá cực lớn rơi vào, đánh bật đất lên che kín cả dãy hầm, cả toán quân đều bị chôn đứng, lưỡi lê hãy còn chơ chổ trên mặt đất như một đám chông. Sau quan binh cứ để y nhiên như thế, cho rào lấy để làm kỷ niệm. Một người nhà giàu nước Mỹ tên là Georges E. Rand quyên tiền để xây chung quanh như hình một cái mả cực lớn, đứng ngoài trông vào hãy còn thấy những đầu lưỡi lê trên mặt đất. Người Mỹ này sau khi quyên tiền xây mả được ít lâu thời đi tàu bay bị ngã chết. Ngoài cửa có cái biển đá khắc đề rõ cả như thế.

Cách đây một ít, có một nơi để xương các quân lính chết trận (*ossuaire*). Những quân lính chết ở các đồn lũy và trận địa quanh thành Verdun này nhiều quá, sau khi tìm thấy xương tan tác trên mặt đất, dưới hầm hồ, không nhận biết là của ai nữa. Vậy phải chia trận địa ra làm mấy khu, đánh số rõ ràng, rồi những xương nhặt được ở khu nào để riêng ra khu ấy, tạm đặt vào mấy chục cái quan quàn một chỗ, để đợi hoặc là thiêu đi, hoặc là xây mả

mà chôn lấy. Chỗ quán này dựng cái nhà xoàng, đặt bàn thờ có ông cổ coi, khách thập phương đến quyên tiền nhiều lắm. Bước chân vào chỗ này, thấy thương tâm vô cùng. Phần nhiều những người đến đây là có cha con anh em chết trận ở gần đây cả, nét mặt rầu rầu, giọt châu lã chã, coi thảm quá! Có người bước ra về lại còn lấy cái thiệp danh để lại, gài lên trên áo quan! Chẳng biết người thân của mình có ở trong đồng xương này không, và có biết gì nữa không?...

Trời đã chiều bèn quay xe trở về *Verdun*. Quan binh trong thành có bụng tốt cho người đưa anh em đi xem các đường tụy đạo chạy ngầm quanh lũy thành, như một dãy phố dưới đất, mà sâu tới mười tám hai mươi thước. Trong cũng rộng như các hầm rượu ở thành *Reims*, mà có phòng bị kiên cố hơn. Khi nào nguy cấp thì quân lính trong thành ẩn vào đây mà bắn ra. Người ta có chỉ cho chúng tôi cái buồng quan Thống tướng Pétain thường ở đây mấy bữa thế quân đương nguy kịch để cầm quân cho tiện. Quan Pétain này là người rất có công to trong trận *Verdun*, ở đây xem chừng ai cũng kính phục lắm, nói đến ngài thời chỉ gọi trông là "*Le Maréchal*", nghĩa là "Tướng quân". Xem xong rồi, chúng tôi có ký tên vào quyền sở kỷ niệm, trong đó có chữ ký của vua quan và khách du lịch các nước nhiều lắm, người Tàu người Nhật ký bằng chữ nho, thật là đủ các thứ người, đủ các thứ

chữ.

Về trọ nghỉ được một chút thời vừa đến giờ ra ga, lên xe lửa về Paris. Xe chạy từ 5 giờ 50 phút, mãi đến 10 giờ rưỡi đêm mới tới Kinh đô. Bữa cơm tối ăn ở trên xe lửa. Trong hành khách ngồi cùng toa có hai vợ chồng già ở xa lắm, đến Verdun để nhận mả con, nhưng không tìm thấy, nay lui thủi về, trông mặt buồn quá! Than ôi! Một phen chiến tranh này đã tổn mất bao nhiêu nước mắt của loài người!...

XVI.

Thứ sáu, 16 tháng 6

Ba ngày vừa rồi thật là đầy đặn. Du lịch thế mới gọi là du lịch. Song nếu ngày nào cũng đi như thế thời nhọc quá. Và mắt trông toàn là cái cảnh điêu tàn thảm đạm cả, trong lòng cũng không thấy vui gì. Người ta thường nói văn minh có hai mặt: một mặt vui vẻ tươi cười, một mặt âu sầu ủ rũ. Cái cảnh rục rở ở Kinh đô, chiều chiều hàng mấy trăm ô tô nối đuôi nhau chạy quanh cửa Khải hoàn, cái chạy thẳng vào "Rừng", cái ở "Rừng" đi lại, một bên thời vùng thái dương đỏ ối sắp lặn ở chân trời, ánh sáng

chiều còn phản chiếu trên đường dài sơn hắc ín lấp loáng như tấm gương to, một bên thoir những lâu đài san sát, nhấp nhô trong đám cây rậm xanh rì, trên mái hãr còn rãr bóng tà dương, dưới nhà đã thấy đèn điện sáng nhoáng, đó là cái mặt vui vẻ của văn minh. Mà cái cảnh buồn rầu của văn minh là cảnh chiến trường mình vừa qua mấy bữa trước đây: lại là cảnh mấy xóm thợ thuyền lam lũ ở ngay chốn Kinh đô này; lại là những bi kịch hằng ngày xảy ra trong xã hội, đầy rẫy trên báo chương, chồng giết vợ, vợ giết chồng, cha giết con, con giết cha, nhân ngãi giết lẫn nhau, khẩu súng lục liên hâu thành như cái cơ quan ^[2] tất yếu của xã hội để giải quyết những vấn đề khôn nạn về kinh tế, vì muôn việc ở đây, cho đến việc ái tình nữa, rút lại cũng là một vấn đề kinh tế cả.

Hôm qua đi mệt, sáng nay ngủ kỹ đến mười giờ mới dậy, không đi chơi được đâu cả. Buổi trưa này, hội Đông Pháp Công thương ủy hội" (*Comité du Commerce et de l'Industrie de l'Indochine*) có mời các phái viên ăn tiệc ở hiệu cao lâu *Le Doyen*, có quan Thượng thư Sarraut làm chủ tọa. Hội này là họp cả những tay "sù" có quyền lợi to ở bên ta, như các chủ công ty rượu, công ty mỏ, công ty xe lửa, công ty vận tải v.v...

Các phái viên đến dự tiệc hôm nay, quá nửa mặc áo gấm hết: có

thể trông mới đẹp. Nhưng mà những ông Tây ăn tiệc bữa này, toàn là những người đã ở qua bên ta cả, đã từng sai khiến người ta cả, còn có lạ gì cái vẻ áo gấm của người Nam Việt mình!... Tiệc xong tất phải có diễn thuyết. Quan Thượng thư đứng lên diễn, đại khái nói về sự giàu có ở bên mình, và tán dương cái công những nhà công thương Pháp giúp cho sự giàu có đó.

Ở cao lâu ra, ông nghị viên Nam kỳ Outrey đưa các phái viên vào Hạ nghị viện xem. Bữa nay nghị viện vắng lắm, các ông nghị lơ thơ có mấy chục ông, còn người xem thì lại ít nữa. Là bởi hôm nay không còn bàn chuyện gì quan hệ. Khi mình đến thời thấy một ông nghị đang diễn thuyết về giá thóc lúa, xem chừng cũng ít người thích nghe. Cho nên anh em ở xem chừng nửa giờ rồi về.

Cả buổi chiều hôm nay là ông nghị Outrey định đưa anh em đi thăm các nhà báo lớn ở Paris, đã có tin trước cho các nhà ấy biết, nên đều có sửa soạn đón tiếp cả.

3 giờ 1/2 đến nhà báo *Le Journal*. Nhà này to nhất ở Paris; vào trong như một cái lâu đài mênh mông bát ngát, bốn bề rất những bức vẽ đẹp của các tay danh họa đời nay. Nhà báo người ta như thế, chẳng bù với các báo quán của mình! Ngay trong bọn mình

đây, cũng có hai ông chủ báo, chứ chẳng vừa! Hai ông "chủ" hôm nay phải một bữa! Đến thăm nhà báo, hai ông là tay làm báo "danh giá" ở nước nhà, tất phải thay mặt anh em mà nói mấy lời chúc mừng bạn "đồng nghiệp" bên quý quốc: ấy mới rầy! Nhưng mà thôi, cũng đành liều quấy quá vài lời cho xong chuyện; mình là dân đàn em, dẫu có sơ suất cũng chẳng ai chấp nào. Vậy hai anh em chia nhau: ông Vĩnh nói ở nhà *Le Journal*, mình nói ở nhà *Le Matin*. Hùng biện quá, không nhớ nói những câu gì nữa!

Nhà báo nào cũng có đặt tiệc "sâm banh" để mừng các phái viên, và đưa đi xem các buồng máy.

4 giờ 1/2 đến nhà báo *Le Matin*, nhà này cũng lớn chẳng kém gì *Le Journal*. Hai tờ báo này là phổ thông nhất ở nước Pháp, trong dân gian đọc nhiều lắm, mỗi ngày xuất bản có tới mấy trăm vạn số.

5 giờ 1/2 thời đến nhà báo *La Liberté*. Nhà báo này nhỏ, nhưng chủ bút là ông Aymard, trước làm thầy kiện ở Sài Gòn, nên ông nghị Nam kỳ đưa các anh em đến thăm nhân thể.

Tôi đi xem Hội chợ *Neuilly* ở ngoài thành phố Paris. Những hội

chợ này là cuộc mua vui của hạng bình dân nước Pháp, bán hàng có ít mà các trò chơi rất nhiều, thường thường là những trò đánh số, bắn giải, ngựa máy, v.v... Đi chơi những chỗ này để nghiệm được cái tâm lý những kẻ thường dân ở đây: xem ra tính ham chơi và nhẹ dạ, tự nhiên, không kiêu sức ^[3]. Lắm trò tưởng là trò trẻ con, mà người lớn cũng vào chơi, không ngượng ngập gì cả. Anh em vào một nơi đề là "cái nhà xoay": bước chân vào bị quay nhào đi một cái, ngã rúi người xuống. Chơi thế mới sướng! Thế mà các anh các chị xem ra khoái lắm.

*

Thứ bảy, 17 tháng 6. 1922

3 giờ chiều hôm nay đi xem "Nghĩa sĩ từ" ở *Nogent sur Marne*, cách thành Paris về phía Đông chừng mười cây-lô-mét. Đây là nơi kỷ niệm những quân sĩ An Nam bị tử trận ở Pháp trong hồi chiến tranh vừa rồi. Chỗ này chính là vườn thí nghiệm các cây cỏ thuộc địa; nguyên khi Đấu xảo Thuộc địa ở Marseille năm 1906 có làm một cái nhà gỗ kiểu An Nam để đấu xảo, gọi là "cái nhà Thủ dầu một", xong cuộc Đấu xảo thì nhà ấy đem từ Marseille

về đây, dựng ở giữa vườn để làm như một cái phòng thí nghiệm về thực vật học. Kịp đến khi chiến tranh, bộ Thuộc địa định sửa sang lại, làm một nơi để kỷ niệm các quân sĩ Việt Nam đi tòng chinh mà chẳng may bị chết trận ở bên này, giao cho Hội "Đồng Pháp Kỷ niệm" (*Le Souvenir indochinois*) có quan nguyên Học chánh Gourdon đứng đầu trông nom. Bây giờ thời nghiêm nhiên là một cái đền thờ vậy. Dưới trời Tây mà phảng phất có một nơi miếu mạo như bên ta, nhắc trông thấy lòng quê luống những bồi hồi. Giá được vài cây đa, cây đề, cây muỗm, cây gạo ở trước sân, hay một lũy tre nữa ở đằng sau thời hết như ngôi đình bên mình. Hồn tử sĩ ở miền mình mặc ^[4], ví còn quanh quất đâu đây, tưởng cũng hay đi lại chốn này để mơ màng trước cái hình ảnh tổ quốc ở nơi khách địa cho bớt nỗi thương nước nhớ nhà. Vào đến trong đền thờ hương án chỉnh tề, hương hoa ngào ngạt, trướng đối rườ rề. Lại kia bức hoành phi của Hội Khai Trí gửi tặng năm xưa, bốn chữ Hán nét vàng còn chói lợi mà mặt gỗ đã nứt rạn. Thường thường những đồ sơn đồ gỗ của mình đem sang Tây hay nứt như thế, là vì khí trời bên này khô hanh, không ẩm thấp như bên ta, phải dùng thứ gỗ thật khô mới chịu được.

Trong anh em có ông khéo kiếm được một thẻ hương và nhớ mua được bao nến đem từ Paris đi, mỗi bàn thờ thắp mấy nén hương, đốt một cây nến, rồi cúi vái, gọi là tỏ tấm lòng mỗi người

thương tiếc kẻ đồng bào.

... Xem hết trong đền xem đến ngoài vườn, có dựng một tấm bia kỷ niệm riêng cho những chiến sĩ theo đạo Gia tô không thờ trong đền, trong lòng vợ vẫn như thế. Mãi đến chiều anh em mới thơ thần ra về.

Khi về có rẽ vào rừng *Vincennes*. Rừng này cũng như rừng *Boulogne*, là một nơi đi chơi mát của người Paris. Bên ta không có những "rừng chơi" như thế này, chỉ có những "rừng hoang", "rừng rậm"; nói đến rừng là nghĩ ngay đến những nơi ma thiêng nước độc, thú dữ người muông. Rừng bên ta là "rừng nhiệt đới" (*forêt tropicale*), là tổ hồ beo, là hang sốt rét; tuy cũng là cái kho lâm sản quý báu, nhưng không phải là chỗ sống người, lại quyết không phải là chỗ cho người ngao du. Rừng đây là rừng ôn đới, chẳng qua là cái vườn cái trại lớn, đủ có vẻ sầm tịch^[5] cho người ta được hưởng cái thú lâm tuyền, nhưng không sầm tịch quá đến u uất lặng lẽ khiến cho người ta ghê sợ. Chung quanh thành Paris thường có những nơi rừng như thế, những ngày mùa hè nóng nực, hay những buổi chủ nhật tạnh ráo, ngoài thành phố đến chơi đông lắm. Ở giữa rừng *Vincennes* này có một trường tập bắn của pháo binh. Ngoài cửa rừng trông ra ngoài phố thì có một cái lâu thành cổ, xưa làm pháo đài, nay làm trại lính, kiến trúc kiên cố

mà quy mô hùng vĩ, thật là một kiêu thành cũ đẹp nhất ở nước Pháp. Tiếc vì có binh lính đóng, khách du lịch không thể vào xem khắp ở bên trong được. Nghe nói trong thành có một sở bảo tàng bày những đồ cổ của nhà binh, có cho khách xem, nhưng hôm nay quá giờ rồi.

Tối hôm nay có hẹn lại ăn cơm ở nhà ông P., đường *Saint-Germain*. Ông hiện làm quản lý công ty "Đông Pháp và Phi châu Tổng Thương cục" (*Union commerciale indochinoise et africaine*), tức là sở chính của nhà "Gô đa" Hà Nội ta. Vào khoảng năm 1908, chính ông đã làm quản lý nhà "Gô đa" bên ta mấy năm, nên ông vẫn nhớ bên An Nam lắm, hôm gặp ở tiệc "Công Thương ủy hội" có ý ân cần hỏi han và hẹn hò đến nhà chơi để giới thiệu cho bà vợ, ông em và hai cô con gái biết, vì ông đã từng nghe mình diễn thuyết ở trường Thuộc địa mấy tuần trước. Bà vợ người nhã nhặn vui vẻ lắm; hai cô con thì cô lớn sắp ra thi tú tài kỳ này, cô nhỏ thì chính sinh ở bên ta năm trước, nhưng hai cô cũng không còn nhớ gì về bên An Nam mấy tí nữa; còn một cậu con nhỏ nữa cũng đương đi học. Trước khi về nhà riêng, ông P. có hẹn đến chỗ hội sở ông gần đường Royale để cùng lại bộ Lao động (*Ministère du Travail*) tiếp chuyện và đón ông em ông làm sảnh trưởng ở đấy, rồi cùng về nhà nhân thể. Chức sảnh trưởng trong một bộ (*Directeur de ministère*) cũng là

một chức to, gần bằng như tham tri thị lang trong Bộ ta. Ông này lại có chân "Tham chính viện" (*Conseil d'état*), kẻ cũng là một bậc quan lại danh giá. Người có học thức rộng và am thông việc chính trị lắm. Chuyện vẫn ít lâu, rồi ba người cùng về nhà riêng ông P. Ở đường *Saint Germain*. Tiệc chỉ có mình là người lạ, cả nhà xúm lại nghe chuyện bên An Nam; hai ông bà thì nhắc lại chuyện cũ, lại hỏi về những sự thay đổi trong khoảng mười năm nay; hai cô và cậu con thì nghe ra dáng có ý tứ lắm, như nghe giảng một bài địa dư vậy, thỉnh thoảng hỏi một vài câu dí dỏm cũng buồn cười, nhất là cô lớn lại có vẻ phong vận hữu tình lắm, tưởng giá chuyển này ra thi vào kỳ vấn đáp được hỏi về bên An Nam, cô chắc biết được nhiều điều hơn chị em, không sách nào có, và bây giờ có lẽ cũng nhớ đến anh thầy giáo tình cờ ở đâu lại nói chuyện cho mình nghe. Nhưng hiện nay con mắt mơ màng cô đương nghĩ ngợi gì? Có lẽ hồi tưởng đến thuở nhỏ ở bên An Nam chẳng? Nhưng cô sở biết ^[6] người An Nam bây giờ chắc chỉ mới biết thằng bồi Ba, thằng bếp Tư, thằng xe Năm mà thôi, chứ đã biết người An Nam là giống gì. Nay nghe chuyện như phảng phất mơ màng, cảnh cũ tình nay, giao cảm trong lòng, cũng khó biết được cô nghĩ ngợi gì. Nhưng mà con mắt hữu tình thay! Miệng cười có duyên thay! Không có cái vẻ đường đột tự do như các cô con gái Tây khác, lại có cái vẻ dịu dàng thùy mị như một vị tiểu thư khuê các ở Đông phương. Bây giờ mình mới

biết cái ý nhị phong thú của con gái Ba Lê... Ông sảnh trưởng thì nói chuyện chính trị, chuyện giáo dục, tỏ ra một người có ý tưởng rộng rãi; ông xưa nay không nghiên cứu về việc thuộc địa, nhưng ông nói nước Pháp ở thuộc địa phải có một cái chính sách khoan dung đại độ, hợp với nhân đạo, thời mới thoả lòng những bậc tẩn thân ^[7] và tiếp được dư luận trong nước. - Mãi đến mười một giờ mới cáo từ ra về.

*

Chủ nhật, 18 tháng 6

Hôm nay gặp ông B. học trò trường Thuộc địa, năm thứ nhì, ban Đông Pháp. Ông sắp thi lên lớp nhất (năm thứ ba). Sang năm mà đỗ tốt nghiệp thì sẽ được bổ sang làm quan cai trị ở bên ta. Bấy giờ sẽ là một vị quý quan sang trọng, có lẽ chẳng nhớ hay là chẳng muốn nhớ đến anh em mình nữa. Nhân ông nghe mình diễn thuyết ở trường hôm nọ, muốn làm quen, cho nên hôm nay hẹn đến trọ chơi, đưa cho xem mấy tờ báo có bình phẩm về bài diễn thuyết của mình. Tính vui vẻ, hay nói đùa. Mà có một cái tài lạ, là chưa sang bên ta bao giờ, chỉ học tiếng An Nam ở bên Tây

mà nói đã sôi lắm, hát được bằng tiếng ta, nhịp *Tứ đại cảnh* !
Hỏi ra mới biết rằng khi chiến tranh ông có được ở gần lính An Nam, nên có dịp tập nói tiếng ta nhiều. Hạng này mà sang làm việc bên ta thì sành lắm đây, có lẽ sành hơn... quan An Nam. Cũng là một tay "hách" sau này đó.

4 giờ chiều hôm nay, quan Thượng thư Sarraut và ông nghị viên Outrey tiếp các phái viên Nam Bắc kỳ ở Kinh tế cục để giới thiệu cho ông nghị trưởng Hạ nghị viện Raoul Perret. Nhân có đặt một cuộc chớp bóng các "phim" về Đông Pháp, tân khách mời đến xem đông lắm, toàn là những nhân vật thuộc về "thuộc địa giới" (*les milieux coloniaux*), nghĩa là những người trong các giới mà có quan hệ gần xa đến các thuộc địa, như nghị viên, nhà báo, các nhà công thương, các quan binh, các quan lại thuộc địa, v.v... Tức cũng là một cách quảng cáo cho Đông Pháp; và thứ nhất là quảng cáo riêng cho... quan Thượng và ông Nghị ta. Các phái viên hôm nay phần nhiều áo gấm cả. Đúng giờ ông nghị trưởng đến, các phái viên đứng dẹp ra hai bên đón chào, rồi một ngài phái viên nam trung thay mặt anh em đọc một bài chúc mừng, mình đứng xa cũng không nghe được câu gì cả. Nghe đâu bài này là ông nghị Nam kỳ đã soạn sẵn cho học thuộc lòng, đại khái cũng là tỏ cái lòng rất kính trọng ông nghị trưởng, rất trung thành với Đại Pháp. Chính cuộc nghênh tiếp ông nghị trưởng

hôm nay cũng là tự ông Outrey xướng ra. Nhân bữa đi thăm cố hương đức cha Bách Đa Lộc, ông có tra trong gia phả đức cha thấy họ Perret cũng có họ xa với đức cha, ông bèn mượn sao lấy cả thiên gia phả, và định hôm nay mời ông nghị trưởng Raoul Perret đến để tặng ông bản sao ấy giữa chỗ công đồng, tỏ ra rằng ông cũng có quan hệ với Đại Pháp. Thật như phương ngôn ta nói rằng: *Thấy người sang thì...* Nhưng mà nghĩ cũng là một cách thù tạc khéo. Người ta ở đời muốn cho tiến đạt chỉ cần phải thạo những cách đó là đủ. - Trong đám đông các tân khách, mình lại được gặp ông đốc trường Thuộc địa, chính là anh em họ với ông nghị Nam kỳ, đứng nói chuyện giờ lâu, có cả bà vợ, người con gái và người rể, thấy đều bình phẩm về bài diễn thuyết của mình bữa trước. Ông nói rằng ông thật không ngờ cuộc diễn thuyết ấy có đặc sắc như thế, vẫn tưởng rằng người An Nam nói thời không khỏi ra ngoài những câu tán tụng thường, biết đâu lời thành thực dễ cảm người và nhiều chỗ nói thật mà không mất lòng, ông cho là khéo. Mình nghe được lời khen như thế, dẫu không đến nỗi nở mũi ra, nhưng trong bụng cũng thích, - nhân tình ai chẳng thế? - định về trọ biên vào nhật ký cho nhớ, vì xem ra ông này nói cũng thực tình, chứ không phải là lời đãi bôi.

Thứ hai, 19 tháng 6

Gặp quan Đại tướng P. Ngài chỉ cho các chỗ nên đi xem ở Paris, lại hứa sẽ giới thiệu cho mấy ông nghị viên.

3 giờ chiều cùng với cậu H.Đ.D., học sinh trường Thuộc, đến thăm bà lớn Sarraut ở nhà riêng, đường *Latour Maubourg*.

Nguyên khi ở Hà Nội đi, lệnh tế ^[8] là quan Chánh Liêm phóng ở Phủ Toàn quyền có cho giấy giới thiệu, nên bữa nay đến chào Bà lớn. Quan Thượng thư và Bà lớn không ở Bộ, vẫn ở nhà riêng. Bà lớn ân cần hỏi han, nói rằng vẫn nhớ bên An Nam lắm, khen người An Nam là một dân tộc khôn khéo, chăm chỉ và có tính thuần thực, dễ thương.

*

Thứ ba, 20 tháng 6

Ông F. là chánh Công ty Rượu Đông Pháp có mời các phái viên

về ăn cơm trưa ở nhà riêng ông ở làng *Torsy, Seine et Marne*, cách Paris 25 cây-lô-mét. Sáng sớm cho mấy cái ô tô đón anh em cùng đi. Cái biệt thự của ông đẹp lắm, đặt tên là *Les Charmettes*, chung quanh có cái trại mấy mẫu trồng các hoa quả. Hoa hồng không biết đến mấy chục thứ, quả hạnh (*cerises*) thời nặng trĩu trên cành, kể hàng mấy trăm gốc cây. Lại có đặt nhà "ôn thất" (*serres*) để trồng các thứ hoa cỏ lạ ở nhiệt đới. Trong vườn giữ sạch như li như lai, không có một cái lá rụng, một cái cành khô. Ông nói mỗi năm kinh phí về cái trại này tới mấy chục vạn quan. Tính ông thích làm vườn, những khi nhàn hạ thường ra trồng cây xới đất, cho là một cách thể thao tốt. Ông được tiếp anh em lấy làm vui vẻ lắm, vì phần nhiều ông đã từng quen biết bên An Nam. Dự tiệc, ngoài ông và các phái viên An Nam đủ mặt cả, còn có ông em ruột ông làm đại lý trong Công ty, bà em dâu, và hai đứa cháu gọi ông bằng ông bác. Hai thằng bé ngộ quá, mình chơi đùa với chúng nó lại càng thêm nhớ đến lũ con ở nhà. - Tiệc xong, chuyện vãn giờ lâu, rồi ra ngoài vườn chụp mấy cái ảnh làm kỷ niệm.

Chiều gặp hai ông D. và G. là hai người cán sự trong Hội "Đại Pháp Thuộc địa viện" (*Institut Colonial française*), ở đường *Volney*. Khi còn ở Marseille hai ông đã viết thư mời mình hể đến Paris thời lại chơi, có ý muốn mời diễn thuyết ở Hội. Hôm nay

hai ông cũng nhắc lại lời mời ấy, nhưng nói rằng đến cuối tháng tám hay đầu tháng chín các hội viên mới đông đủ cả. Mình không chắc còn ở đến bấy giờ không, nên không dám nhận. Vả sang đây là để đi chơi cho biết đó biết đây, phải có rộng thì giờ mới xem xét được, nếu cứ diễn thuyết hoài thì thành ra chỉ đóng cửa ngò trong buồng mà cầm cổ viết, còn thú gì nữa. - Hai ông lại nói rằng hội Thuộc địa này là gồm nhiều người có danh giá, có thể lực ở nước Pháp, có ý muốn khoáng trương ra các thuộc địa, lập các hội sáp ^[9] ở mọi nơi, hỏi mình có thể đương được việc cổ động cho Hội ở bên ta không. Khi ra về, có đưa cho nhiều những chương trình, thể lệ và giấy má của Hội để về xem cho kỹ.

*

Thứ tư, 21 tháng 6

Gặp ông nghị viên A. chủ tạp chí *Revue du Pacifique* (Thái Bình Dương tạp chí). Ông này là người đồng hạt với quan Toàn quyền Long, mới được nghị viện cử xét về sổ dự toán Đông Pháp, lại mới lập ra một tập nguyệt báo để nghiên cứu về việc á Đông.

Cũng là một tay sắc sảo trong phái thuộc địa ở nghị viện. Có người nói có ngày ông sẽ sang làm Toàn quyền Đông Pháp. - Buồng giấy ông ở cùng một nhà với Kinh tế cục Đông Pháp. Ông tiếp chuyện giờ lâu, hỏi han các việc bên An Nam; lại mời viết bài cho tạp chí của ông.

Gặp cô K., tổng thư ký hội "Đông Dương ái Hữu" (*Société des Amis de l'Orient*), ở viện Bảo tàng Guimet. Mình đã hẹn làm một bài diễn thuyết cho Hội này, trước khi rời Paris. Vậy bữa nay đến để định đầu bài và định ngày trước. Ngày thời định vào thứ tư mùng 5 tháng bảy mà đầu bài thời là nói về "Thi ca Việt Nam" (*La Poésie Annamite*). Đã không muốn nhận diễn thuyết ở đâu nữa, nhưng Hội "Đông Phương" là một hội có tiếng, năm ngoái đã nghênh tiếp ông văn sĩ Ấn Độ Tagore, nay mời đến mình, cũng là một sự danh giá cho mình, nên cũng phải cố vậy. Thế là lại mất ba bốn ngày nằm hằm trong buồng để soạn bài. Mà ở đây tài liệu không có, sách vở không có, soạn cũng khó. Chỉ có một quyển Kiều, tối tối mấy anh em cùng trọ hợp nhau lại pha chè uống cùng ngâm với nhau mà thôi.

Buổi tối đi xem hát ở rạp *Grand Guignol*, đường *Chaptal*. Gần đây nghe tiếng rạp này xướng ra một lối diễn kịch mới, thiên hạ hoan nghênh lắm. Đặc sắc của rạp này là diễn những bài ngắn

ngắn, khiến cho mỗi buổi diễn được bốn năm bài ^[10], bi kịch, hí kịch xen lẫn nhau, và bài nào cũng chú trọng về bộ ^[11], về cảnh, không kém gì lời văn.

Trong chương trình hôm nay có năm bài, bốn bài hí kịch độ một hồi hay hai hồi ngắn ngắn và một bài bi kịch có hai cảnh (*tableaux*). Bài sau ấy là lối "kịch bằng cảnh" (*pièce en tableaux*), lấy cảnh mà giúp thêm cho lời nói, lối này tưởng các rạp ở nước ta có thể châm chước mà phỏng theo được.

Bài bi kịch xem cảm động quá, đề là "Một đêm ở Luân Đôn" (*Une nuit à Londres ou The Black Veil*) của Gustave Frajaville và C. Choisy (là quản lý rạp *Grand Guignol*) rút trong thuyết bộ ^[12] của nhà văn sĩ nước Anh Dickens và đặt thành cảnh. Truyện một người đàn bà già có con phạm trọng tội phải án xử tử thắt cổ, sớm mai hành hình, đêm đến tìm một ông thầy thuốc danh sư nọ, kêu van ông ngày mai đúng giờ ấy đến nhà bà cứu cho một người sắp chết, nhưng không nói rõ vì có gì; hôm sau ông đến, xác mới khiêng về, nhưng đã chết rồi không thể cứu được nữa. Bây giờ ông mới hiểu là người tội nhân mới bị thắt cổ; nhưng người mẹ trông thấy xác con như phát điên lên, cứ ôm lấy mà than khóc kể lể một cách rất thảm thiết, một mực van ông cứu cho, bà nói: "Con tôi đại đột, nó quá nghe anh em mới đến nổi

này, chứ nó không đáng tội. Tôi xin ngài, tôi van ngài cứu cho con tôi, nó chưa chết đâu." Ông thầy thuốc bấy giờ trong lòng cảm thương bi đát vô cùng, vẫn biết rằng kẻ phạm tội với xã hội, thời xã hội có quyền trừng trị, ấy là lẽ công bằng, nhưng mà trị kẻ có tội mà để thương, để xót, để đau, để khổ cho người không tội, há phải là lẽ công bằng sao? Song cái công lý của người đời chỉ biết thô lược như thế thôi; người ta ăn ở với nhau lấy một công lý mà xử chưa đủ, phải có lòng từ bi bác ái mới được, vì trông thấy cái cảnh đau khổ của bà già này, ai là người cầm lòng cho đang?... - Diễn khéo quá, tài quá, đáng bộ cảnh bày hiện nhiên như thực, khiến người xem rùng mình sởn tóc, lay chuyển cả quả tim, cảm kích đến phải chảy nước mắt ra. Có bà đầm ngồi bên nức nở khóc đến mười lăm phút đồng hồ. Người ta nói có khi có người cảm kích quá ngất người ngã ra. Trong bài kịch, lời nói không có mấy, mà những lúc không nói lại là chỗ hay nhất.

Xét ra văn diễn kịch phải là văn cứng cáp lắm mới được; văn quốc ngữ ta bây giờ còn non nớt, dùng vào diễn kịch không khỏi khuyết điểm. Vậy nếu bây giờ có một lối kịch như lối kịch bằng cảnh đó, lấy cảnh mà giúp sức cho lời văn, thời hợp với trình độ của ta lắm. Và lại lối này là đoản kịch, chỉ một vài hồi mà thôi, và diễn không đầy một giờ đồng hồ, tưởng bắt chước cũng không khó.

Trong lời quảng cáo của rạp *Grand Guignol* này có nói: "Rạp *Grand Guignol* ngày nay cả thế giới đều biết tiếng là nơi kịch trường ở Paris diễn được lắm bài ly kỳ, có khi kết cấu cũng bạo, nhưng bao giờ cũng có đặc sắc văn chương. Rạp này đã có một lối riêng, thiên hạ đến xem đặt tên cho là *genre Grand Guignol*, bất cứ hí kịch hay bi kịch, bao giờ cũng có một cái vẻ đặc biệt, có khi cảm kích vô cùng. Những bài bi kịch thời hành động mau, và giống hệt như sự thực, vì lối diễn kịch này không có dung được những cảnh giả dối. Phàm diễn ra là đều diễn cái chân tướng của sự đời, nồng nàn, mãnh liệt, khốc hại, hung tàn, cốt lấy thực, mà trong sự thực có cái vẻ đẹp thâm trầm ở đó. Hí kịch thì bao giờ cũng có văn chương, cũng có trí tuệ, khi thời sự xảy đột ngột, khi thời đối đáp đỉnh ngộ ^[13], làm cho tức cười không nhìn được, v.v...".

*

Thứ năm, 22 tháng 6

Ngày thứ năm, ở *Théâtre Française* (tức là *Comédia Française*)

thường có diễn kịch ban ngày, và diễn những kịch cổ điển cho học trò các trường xem. Nhân xem nhật báo thấy hôm nay diễn bài *Le Bourgeois gentilhomme* của Molière (tức ông Vĩnh dịch là "Trưởng giả học làm sang"), anh em rủ nhau đi xem. Bắt đầu diễn từ 1 giờ 30 trưa, đến 5 giờ mới xong.

Bài này Hội Khai Trí đã diễn năm trước, chắc là không bao giờ bằng người ta được, nên có ý nhận kỹ xem họ hơn mình cái gì. Phường hát ở đây là những tay nghề có tiếng trong nước, mà bài này lại là một bài cổ kịch, họ diễn đi diễn lại không biết đến mấy trăm mấy nghìn lượt rồi, chắc là phải thạo lắm, phải hay lắm. Thế mà cứ bình tình mà xét, cũng không lấy gì làm tài cho lắm, sánh với bọn tài tử của mình diễn năm nọ cũng là một tám một mười mà thôi, chứ không đến nỗi cách xa nhau một trời một vực, như mình vẫn tưởng thế. Nhưng có ý nhận ra không phải là họ không có thể làm hơn nữa đâu, nhưng vì là bài cổ kịch nên họ cũng diễn chiếu lệ đó mà thôi, không có ý cẩn thận, không có ý trau chuốt, nên còn có chỗ sơ suất, còn có chỗ khuyết điểm.

Độ này ở nghị viện đương thảo luận về vấn đề cải cách trung học, nên theo hẳn về đường tân học hay là nên giữ lấy phần cổ học La Mã Hy Lạp. Có hai đảng phản đối nhau: đảng tiến bộ thì theo về tân học, đảng bảo thủ thì muốn giữ cổ học. Mà chính phủ

có ý khuynh hướng về đảng bảo thủ, muốn đổi lại chương trình trung học, đặt thêm phần cổ văn Hi - La xen vào với các môn học mới khác. Không những ở nghị viện các đảng cãi nhau phân vân, mà trong dân gian cũng chỗ này diễn thuyết, chỗ kia hội họp, kẻ bàn ra, người bàn vào, kẻ tán thành, người phản đối, bên nào cũng có một phần lẽ phải cả. Tối hôm nay có một cuộc diễn thuyết của hội *Université nouvelle* (nhất danh là *Les Compagnons*), thuộc về đảng tiến bộ, tổ chức tại *Hôtel des Sociétés savantes*, đường *Danton*, để cùng bàn về vấn đề ấy.

Nhật báo đăng có mấy ông giáo trưởng Đại học *Sorbonne* diễn thuyết. Vậy cơm tối rồi, thủng thẳng đến nghe xem nghị luận thế nào. Người dự cuộc cũng đông lắm, mình đến thì đã thấy bắt đầu rồi. Có hai ông giáo Guignebert và Mornet diễn thuyết, đại khái nói rằng cổ văn tuy hay thật, nhưng không thích hợp với thời nay, không nên cưỡng bách con trẻ phải học, sợ chậm mất thì giờ của chúng nó và hại đến các môn khác còn cần hơn. Sự giáo dục cần phải ban bố cho khắp trong dân gian: ấy là nghĩa vụ cốt yếu của một nước dân chủ. Vậy phải mở rộng các trường trung học cho trẻ con bình dân vào không đặt chương trình khó khăn để hạn chế. Trong bình dân thiếu chi những con trẻ thông minh tuần tú: phận sự của quốc gia là phải ra công đề bạt cho những trẻ ấy được hưởng sự giáo dục hoàn toàn, và sau này có cách trở tài xuất chúng. Vậy quốc gia phải cấp lương học cho những trẻ có

tư cách ở các trường tiểu học để cho chúng nó vào trung học được. Bậc trung học phải mở rộng cho cả quốc dân, chứ không thể để riêng cho một bọn có tư bản được. - Hai ông giáo này nói thạo lắm: ôn tồn dễ nghe mà lại có cái vẻ hoạt bát hùng hồn. Nghe biết là những người đã quen giảng học, và cũng quen nói với công chúng.

Ở một nước tự do có khác, bất cứ chuyện gì cũng có thể đem ra công chúng mà nghị luận được. Kẻ nói đi người nói lại, quốc dân đứng giữa mà phán đoán. Chính phủ ở trên mà chiết trung, tưởng còn hơn là cái chính sách "bịt bùng", rút lại chẳng có lợi cho ai hết. Song cho được đủ tư cách nghị luận hay là phán đoán, cái trình độ văn minh cũng phải kha khá mới được, nếu còn thấp kém lắm thì dầu được quyền bàn cũng chẳng biết bàn gì, được quyền nói cũng chẳng biết nói sao, nói lắm bàn lắm càng lại nát chuyện nhiều, huống lại còn biết phán đoán sự hay sự không, lẽ phải lẽ trái là gì nữa! Nhưng muốn nâng cao trình độ dân thì có cách gì? Duy có sự học mà thôi...

^[1]Đường chui dưới lòng đất.

[2] Công cụ.

[3] Giả dối lòe loẹt bề ngoài.

[4] *Minh*: tôi, *mạc*: yên lặng.

[5] Ngày nay hay nói *trầm tịch* với nghĩa vắng vẻ sâu kín.

[6] *Sở*: điều mà, cái mà, *cô sở biết* tức điều mà cô biết.

[7] Kẻ thượng lưu trí thức.

[8] Người con rể bà.

[9] Phân nhánh.

[10] Vở (kịch).

[11] Diễn xuất.

[12] Các bộ tiểu thuyết.

[13] Thông minh.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 9

XVIII. ^[1]

Thứ sáu, 23 tháng 6 1922

Buổi sớm đến thăm quan cai trị C. Ở Kinh tế cục, đưa bản thảo bài diễn thuyết ở trường Thuộc địa để đem in. Nguyên sau hôm diễn thuyết có nhiều quý quan khuyên nên in bài diễn thuyết, cho công bố được rộng hơn. Nhưng in sách ở bên này đắt lắm, lấy tiền đâu mà làm được. Vả lại không phải là thứ sách bán được; có in ra chẳng qua cũng để tặng các nhà văn sĩ, hay nhà chính trị có đề ý về việc thuộc địa để mong cho người ta biết đến nước Nam mình một chút, thế mà thôi. Cũng có một vài cái báo muốn xin để đăng, nhưng đăng trong báo thì lẫn lộn với các bài khác, tất không ai chú ý đến. Bên này người ta còn nhiều những việc tày đình, việc thuộc địa, việc nước Nam mình có ai cho vào đâu.

Thật có đi ra ngoài mới biết thế giới là rộng. Các báo lớn bên này, thường mỗi tuần lễ hay nửa tháng mới có một mục nói về việc thuộc địa, mà đặt vào trang thứ tư hay thứ năm, chứ có được vào trang nhất hay trang nhì bao giờ. Như mình chuyến này cũng là may lắm, được mấy cái báo như *La Dépêche coloniale*, *L'éclair*, *l'Echo de Paris*, *Comoedia*, chú ý đến, nói về sự diễn thuyết và lại trích mấy đoạn diễn thuyết nữa. Song bài nhật báo thời cũng không ai để ý xem cho kỹ làm gì. Nhân nói chuyện với quan cai trị C., ngài nói rằng đề sẽ bàn với Kinh tế cục xuất tiền ra in cho, không ngại gì, vì Kinh tế cục vẫn có một bộ tùng thư in những bài khảo cứu về Đông Pháp. Bởi thế nên hôm nay đem bản thảo đến cho ngài, ngài hứa sẽ bảo in riêng ra mấy trăm quyển để gửi về nhà, còn ở Pháp này muốn biếu hay tặng những ai, cứ kê tên ra sẵn, khi nào in xong sẽ gửi thẳng cho những người ấy. Thế thật là tiện cho mình đủ đường.

Chiều hôm nay được quan đại tướng P. cho phiếu vào xem ở Thượng nghị viện. May lại gặp giữa buổi một ông nghị (nghe đâu thuộc về đảng xã hội, không rõ tên là gì) đương chất vấn chính phủ về việc trong khi chiến tranh quan binh có kết án lầm mấy người lính đem xử tử vì tội tháo lui trước quân giặc, sau xét ra mới biết rằng án ấy oan và mấy người lính kia vô tội, tức gọi là cái án *Vingré*. Ở Thượng viện tuy thường vẫn êm ái hơn ở Hạ

viện, nhưng cũng có khi nghị luận kịch liệt; hôm nay kể cũng là một buổi kịch liệt. Ông nghị chất vấn chính phủ này hết sức công kích bọn quan binh vì võ đoán mà đã làm chết oan mấy mạng người, công kích chính phủ đã dung túng những cách võ đoán như thế. Ông nói rất là hùng hồn cảm động: có một lúc ông đập tay xuống bàn mà nói to lên rằng: "ừ, nào có phải thiệt oan mấy mạng người mà thôi đâu, còn để cái khổ cái nhục cho người sống nữa! Các ngài có nghĩ đến tình cảnh những cha mẹ, những vợ con mấy người chết oan ấy không? Các ngài có nghĩ đến cái đau đớn, cái tủi nhục vô cùng của lũ trẻ con kia, trong khi các trẻ con khác trong làng có cha anh đi trận về, nào là mền đay, nào là bội tinh, nghênh ngang vang vẻ trong làng xóm, mà mình hể thò mặt ra đầu ngõ thời người ta vạch mặt gọi tên nói rằng: "Thằng này là con thằng phản quốc đây. Cha nó ngày trước đã bị xử tử". Các ngài có nghĩ đến những nông nổi đắng cay chua xót ấy trong lòng một kẻ hài nhi không? Kẻ hài nhi ấy sau này là dân nước đấy, là lính nước đấy! v.v." - Quan Binh bộ là ông Maginot, người cao lớn, giọng đồng dục, rõ ra cái thái độ một quan Thượng thư Binh, lên diễn đàn đáp lại, đại khái nói rằng: "Chính phủ cũng biết án đó là lầm, tội đó là oan. Nhưng mà đương buổi chiến tranh bối rối, những sự oan uổng ấy làm sao mà tránh cho khỏi được? Vả lại, dù thế nào nữa, việc đã dĩ nhiên rồi, bây giờ nói sao cũng không thể khôi phục được mệnh người nữa. Như

vậy thì dở dối ra làm chi cho thêm nỗi đau lòng. Thôi thôi bây giờ chính phủ đã nhận lỗi, sẽ ra sức giúp đỡ cho cha mẹ vợ con những người ấy, ban tiền dưỡng lão, tiền tuất cô ^[2], tiền tuất quả ^[3] cho người ta được yên thân. Và trong buổi bình hoả dị kỳ, những người chết oan chết khổ biết là bao nhiêu, biết mấy mươi nghìn vạn mà kể: tổng chi cũng là chết cho nước cả! v.v." - Quan Binh bộ hết sức biện bạch, mấy ông nghị về đảng phản đối nhất định không nghe, xin phải tra cho ra lỗi tự ai và làm tội những viên tướng tá đã kết cái án oan ấy. Hai người nói cùng giỏi cả, nói xong đảng nào vỗ tay cho người đảng ấy, biểu đồng tình. Duy người xem thì không có phép vỗ tay, phải giữ thái độ khách bàng quan, nghe nói hay, nghe nói dở, cũng phải cứ nghiêm lặng như không; ấy là lệ trong nghị viện như thế!

Sáng sớm mai Hoàng thượng đến Paris. Minh tuy không dự sự gì, nhưng cũng là người An Nam, tưởng nên cùng anh em ra đón ở ga cho phải phép. Song tự mình đã không đóng vai gì mà đánh cái áo gấm xúng xính, thời chỉ tỏ cho thiên hạ chỉ trở vô ích, thà rằng làm hoàn toàn một anh khách quan còn hơn. Bởi thế nên mấy bữa nay phải đi cắt một bộ *jaquette* mấy trăm quan, lối này là một lối lễ phục không trọng thể mà cũng không tầm thường, trung bình, mặc vào dịp nào cũng được. Minh mặc *jaquette*, đầu đội mũ "quả dưa" (*melon*), coi cũng "ra phết" một thầy "thư ký

toà sứ” (toà sứ đây không phải như toà sứ bên mình). Vào hiệu ảnh chụp cái ảnh gửi về nhà, người thợ ảnh cho là một viên quan lại ở toà sứ Nhật Bản, nhưng lại nói rằng: "Ông là người Nhật thì khí cao quá". Mình nghĩ bụng rằng nếu quả được là người Nhật, - dẫu là một người Nhật "quá khổ" nữa mặc lòng, - thì còn gì bằng!...

*

Thứ bảy, 24 tháng 6

10 giờ sáng, Hoàng thượng đến Paris, đi chuyến xe lửa riêng ở Lyon lên; đỗ ở ga *Bois de Boulogne* là nhà ga để riêng đón các bậc vua chúa. Hoàng thượng đi cùng với quan Thượng thư Thuộc địa Sarraut; quan Giám quốc và quan Thủ tướng có phái đại biểu ra đón. Kèn, trống, cờ, quốc ca, lính bông súng, lính kỵ mã, nghi vệ cũng như nghi vệ thường, tưởng không có gì là đặc biệt. Có lẽ chỉ có lạ mắt cho người Paris là các sắc gấm sặc sỡ của các quan hộ giá. Mình không được biết thành Paris xưa nay đón các bậc đế vương các nước thế nào, nên không thể so sánh

được lần này với các lần kia khác nhau thế nào. Nhưng nhận ra người đứng xem ít lắm. Nghe khách qua đường thấy đám lạ dừng lại xem, chỉ thấy nói: "Ồ! họ ăn mặc hay nhỉ! kỳ nhỉ!"; có người lại hỏi lẫn nhau: "Người nước nào vậy?".

Anh em cất mũ cúi chào, thế là hết phận sự thần dân ở nơi khách địa, rồi vua quan trở về dinh quan Thuộc địa, bọn mình cũng nhân mũ cao áo dài thuê xe hơi dạo quanh một vòng phường phố, mặc dầu cho thiên hạ cho là người Tàu hay người Nhật, cũng chẳng hề phải biện bạch là giống An Nam.

Cơm trưa rồi, đi chơi cửa hàng Bon marché ở đường *de Sèvres*. Hàng này vào hạng các "cửa hàng lớn" (*grands magasins*) như *Le Louvre*, *Le Printemps*, *Galeries La fayette*, v.v..., bán đủ các đồ hàng, thứ nhất là đồ ăn mặc. Hàng này rộng bằng mấy dãy phố thông luôn, tầng trên, tầng dưới, tầng hầm, ngõ ngang, ngõ dọc, thang cuốn, thang máy, kẻ lên người xuống, người ra kẻ vào, lúc nào cũng tấp nập như ngày hội, đi vào đây không khỏi lạc đường, vào phố này mà ra tận đầu phố kia. Nhân vào khu bán các đồ chơi trẻ con, mua mấy thằng phệnh, con thú và cái xe, để gửi về lũ trẻ ở nhà cho vừa kịp tết tháng tám. Nhà hàng nhận gói gửi cẩn thận, chỉ phải chịu thêm tiền bưu phí mà thôi. Lũ trẻ nhận được mấy gói này chắc là mừng lắm. Nghĩ đến chúng nó lại

càng thêm nhớ; nhưng mình nhớ nhà có lẽ nhà lại nhớ mình hơn, vì người đi còn có dịp khuây khoả, chứ kẻ ở thường hay chuyên lòng tơ tưởng; đó cũng là cái thường tình của người ta, dầu người anh hùng còn không khỏi, huống nữa là kẻ tầm thường. Nhưng có người nặng tình thâm tử quá, chưa bước chân ra khỏi cửa đã thương nhớ sứt sùi, lúc nào cũng như đeo cái mặt sầu kẻ tha hương, như thế thì cũng quá. Người nước mình phải cái nỗi gia đình bần tiện, lắm khi cũng ngăn trở cho người có chí.

Ở hàng Bon Marché ra, cạnh ngay đây là đường *du Bac*. Sự nhớ đây chính là nơi nội sở của hội Truyền giáo Viễn Đông (*Séminaire des Missions étrangères*) cổ R. cùng đi tàu với chúng mình mấy tháng trước có hẹn khi nào lên Paris vào đây thăm, mà bấy lâu chưa có dịp nào. Anh em bèn rủ nhau vào thăm cố. Đây chính là nơi nhà giòng chính để luyện tập các cố đi sang truyền giáo ở bên ta. Trong phòng khách thấy có treo mấy cái hình Đức cha Bách Đa Lộc. Cố được gặp mặt anh em lấy làm vui vẻ lắm, hỏi han về sự cảm giác ở Paris thế nào. Sự cảm giác của chúng mình thì chắc là tốt cả, chỉ hiềm không có thể ở nơi đây lâu được mà thôi. Về phần cố thời nói rằng vì bận công việc nhiều, có lẽ đến cuối năm hay đầu sang năm mới trở lại á Đông được.

*

Chủ nhật, 25 tháng 6

Còn nhớ Maurice Barrès có câu nói rằng: "Nhìn bức tranh đẹp mà cảm, không phải là cảm cái nét bút nó vẽ khéo, không phải là cảm cái màu sắc nó tốt tươi, chính là cảm cái tâm tình của người hoạ giữa lúc cầm bút vẽ vậy" ^[4]. Vậy thời muốn hiểu một bức hoạ phải hiểu cái tâm tình của người hoạ. Như xem bức tranh Tàu, vẽ một cái lều gianh với một khóm trúc ở giữa đám núi đá gồ ghề, tưởng ngay đến cái cuộc đời thanh tĩnh của một người đạo sĩ ẩn mình ở chốn sơn lâm; hay là vẽ chiếc thuyền con đứng đỉnh trên mặt nước thời nghĩ ngay đến cái tư cách an nhàn phóng dật của một tay thi ông mặc khách nào lấy gió mát trăng thanh làm bạn, câu thần chú rượu làm duyên mà vui qua ngày tháng trong chốn sơn thủy hữu tình. Chỉ u ^[5] trông bức tranh mẫu đơn tức nghĩ đến cái vẻ đẹp của người mỹ nhân; trông bức tranh tùng bách, tức tưởng đến cái tiết tháo của người cao sĩ. Bởi thế nên mắt nhìn mà lòng cảm, vì tựa hồ như người xem trông qua bức hoạ mà thấu được tới tâm tình của người hoạ vậy. Nay đối với

các bức danh hoạ của Tây, mình không hề có cái cảm như thế bao giờ. Một người thuần cựu học mà xem tranh Tây không có cảm gì thì còn có lẽ, chứ mình cũng sở đắc ở Tây học ít nhiều mà không biết thưởng thức cái hay cái đẹp của mỹ thuật Tây phương, thì cũng lạ thật. Có lẽ bởi cái óc tối tăm mà chưa khai quang được ra chăng? Hay là bởi con mắt thịt thiếu cái tia sáng về mỹ thuật? Chẳng hay bởi có gì, nhưng trông những bức vẽ đàn bà trần truồng thốn thẹn, thịt bắp vai u, thật không hiểu cái ý tứ của hoạ giả thế nào. Nghe người ta cắt nghĩa thì cũng biết vậy; đọc thấy trong sách thì cũng hiểu vậy; thấy người khen thì cũng khen theo cho khỏi mang tiếng dốt, chứ cứ thực thì chẳng có cảm một chút nào. Có lúc nghĩ lẫn thân những bức hoạ họ cho là tuyệt bút kia, giá đáng kể hàng muôn hàng triệu, tưởng giá có người cho để treo nhà cũng không lấy làm thích, vì không hiểu nó là cái gì. Nhiều khi vẫn lấy cái đó làm một điều khuyết điểm trong sự giáo dục của mình, mà tự lấy làm băn khoăn một mình. Vì những cái công trình mỹ thuật kia, cả một phần thế giới có tiếng là văn minh đều công nhận là tuyệt phẩm tuyệt tác, mà mình tuyệt nhiên không biết cảm phục, thời chẳng là ngu và dốt lắm dư? Cũng biết thế, nhưng không thể làm sao được, thời thà thú thật rằng ngu và dốt còn hơn miễn cưỡng mà a dua. Song xét cho cùng ra thì có lẽ là bởi cái tinh thần của Đông Tây khác nhau, thuộc về đường học vấn, đường nghĩa lý thời sự mâu thuẫn ấy

còn có thể giải quyết điều hoà được, chứ thuộc về đường mỹ thuật, đường cảm giác thời sự mâu thuẫn ấy lại càng biểu lộ ra rõ rệt vậy. Bởi thế nên sách tây, nghĩa lý tây, ta có thể hiểu được, mà đàn tây, hát tây, tranh tây, ta không bao giờ hiểu được bằng người Tây. Có khi tưởng rằng hiểu, mà xét kỹ ra thật chưa hiểu, vì không có cảm. Lại có khi miễn cưỡng muốn cảm cho được, nhưng cái cảm đó không cho là thành thực được. Cho nên mỗi lần thấy có người nhìn bức tranh tây khen là đẹp, nghe bài đàn tây khen là hay, mình vẫn tự hỏi không biết lời khen ấy có quả là thành thực không? Đông Tây tuy vậy vẫn còn xa cách nhau lắm.

Nhân hôm nay đi xem bảo tàng *Le Louvre* một lần nữa, nên về mới nghĩ ngợi lan man và nghị luận lông bông như thế. Trong mấy giờ đồng hồ, mắt nhìn không biết mấy nghìn bức tranh, mấy trăm pho tượng, thật là bao nhiêu cái tinh xảo của văn minh mỹ thuật Thái Tây trong mấy trăm năm tích tụ cả lại đây, nhiều cái cũng biết là đẹp, cũng phục là khéo, nhưng thật chưa được hiểu rõ cái tinh thần nó thế nào.

Khi xem xong ra về, mua mấy pho sách về nghề hoạ và nghề chạm^[6] của nước Pháp (sách bán ngay trong nhà bảo tàng) và một hộp *cartes postales* chụp ảnh những tranh và tượng đẹp nhất trong viện này. Bao giờ về nhà rảnh thì giờ thử nghiên cứu xem

có hiểu được cái tinh thần của mỹ thuật Thái Tây không. Nếu thật không thể cảm được thời có lẽ phải chịu cho cái câu của văn sĩ nước Anh Rudyard Kipling: "Đông là Đông, Tây là Tây, không bao giờ gặp nhau được" là phải vậy.

Ông V. giỏi thật. Ít người có cái tài tháo vát như ông. Nghĩ bọn mình đi chơi ở Paris, nếu cứ cuốc bộ thì không đi được mấy tí, mà mỗi bước một lên xe thì hại tiền quá; nhân đọc báo thấy có người có cái ô tô muốn bán, ông liền mua ngay, rồi làm đơn xin sở tuần cảnh cho giấy phép cầm máy lấy. Muốn được phép phải cầm máy thử trong mấy nghìn thước, ở nơi đường phố đông đảo, mà đường phố bên này nguy hiểm hơn bên ta biết bao nhiêu. Thế mà ông "thi" được, chẳng kém gì các trạng "sô - phơ" bên này. Ông nói rằng mua cái xe như thế, tự mình cầm máy được, thì chỉ phải mất tiền dầu mà đi chơi tiện biết bao nhiêu, nếu xem ra xe tốt dùng được thời khi về sẽ đem về, nếu không tốt lắm thời sau này bán lại cũng không thiệt gì. Cái xe sơn vàng, hiệu *Berliet*, trông cũng ra dáng. Hôm nay mới lau dầu xong, anh em lên xe, dạo chơi phường phố, ngẫm nhiên ra một bọn phong lưu công tử. Ông chủ cầm máy, một người ngồi bên cạnh trông bản đồ xướng lên từng phố. Lắm lúc đi đường nọ ra đường kia, vì có ai thuộc đường đâu. Nhưng đi đã không có mục đích thời đi đâu thì đi, đâu cũng là đi chơi cả. Bọn mình ở nhà ai cũng có công này

việc nọ, bước chân ra cửa là có việc phải đi, có nơi phải đến, nay mới biết cái thú đi chơi lông bông.

Hôm nay đem cả M.B. học trò trường Thuộc địa, - sắp quan cai trị chúng mình nay mai đây, - cùng đi chơi. Đi băng quơ một hồi, rồi sau định lên thẳng xóm Mông Mạc, nhưng không phải là chủ ý thăm các "chị em", vì "chị em" đây - cũng như chị em bên ta, - không có "làm việc" ban ngày, và xóm này giữa thanh thiên bạch nhật thường vắng ngắt buồn tênh, chỉ bắt đầu từ 8, 9 giờ đêm trở đi mới thấy đèn như sao sa, người như kiến cỏ, tiếng đàn ánh ỏi, khói thuốc mịt mù. Xóm Mông Mạc không phải chỉ là một xóm thuyền thợ nữa. Trừ mấy phố lớn toàn những hàng ăn, hàng rượu, rạp múa, rạp hát, còn thì những đường dốc quanh co, nhà ở cũ kỹ, vì đây chính như một nơi cao nguyên ở giữa thành Paris, cho nên lên chơi đây gọi là "lên dốc" hay lên "lên đồng" (*monter vers la Butte*). Ở chỗ cao nhất có dựng một toà nhà thờ tên là *Basilique du Sacré-Coeur* (nhà thờ Quả tim thánh), kiểu *romano-byzantin*, trông rất là vĩ đại, xây ngoài bằng cương thạch, trong bằng cẩm thạch, lại lồng những kính vẽ rất lộng lẫy, dài 100 thước, rộng 50 thước, trên có cái mái tròn cao 60 thước và cái gác chuông cao hơn 90 thước. Nhà thờ này bắt đầu làm từ năm 1875 bằng tiền của thập phương cúng, mãi đến năm 1921 mới xong. Trèo lên trên gác chuông thời gồm được toàn cảnh

thành Paris, trông vùng ra bốn bề được tới 50 cây-lô-mét. Quả chuông đây có tiếng là to nhất nhì trong thế giới, đúc năm 1895, nặng tới 1 vạn 7 nghìn 7 trăm 35 kí-lô. Trước mình vẫn tưởng rằng các nhà thờ lớn là lối kiến trúc đời xưa, nhất là đời Trung cổ, thiên hạ có lòng sùng đạo hơn bây giờ, không ngờ ngày nay lối ấy cũng còn thịnh hành mà giữa thế kỷ thứ 19 người Tây phương còn có đủ lòng tín ngưỡng mà dùng tới năm mươi năm trời, mấy trăm triệu bạc để dựng nên một nơi giáo đường vĩ đại như thế này. - Hôm nay là ngày chủ nhật, thập phương đến lễ đông lắm; bước chân vào trong nhà thờ thấy người đứng chật ních cả, phần nhiều là những hạng bình dân, người lao động, tiếng đọc kinh, tiếng cầu nguyện, tiếng chuông đánh, om om như trong một cái đồng lớn, mà ở giữa bàn thờ hàng nghìn cây bạch lạp lấp lánh trong xa xa. Coi cũng có cái vẻ uy nghiêm thật. Ở nhà thờ ra trong bụng vợ vẫn, nghĩ rằng người ta ở đời có sống là có khổ, cho nên tôn giáo nào cũng bày phương cứu khổ cho loài người. Xem như những bọn làm ăn lam lũ này, đầu tắt mặt tối cả ngày, chiều đến vào cầu ở nhà thờ cũng quên được nỗi lao khổ đi ít nhiều, và mong rằng đời này khổ đời sau có lẽ được sướng hơn. Lòng tín ngưỡng là cái của quý của loài người, người nào đã mất lòng tín ngưỡng thời cũng nên tự tiếc cho mình mà trông thấy kẻ khác có tín ngưỡng, dầu sự tín ngưỡng ấy biểu lộ ra ngoài một cách thật thà nữa mặc lòng, cũng không nên đem lời

gièm pha báng bổ. Nhân sực nhớ đến chiều ngày 30 tết năm nọ, hàng phố đã đóng cửa, các nhà đã lên đèn, pháo đã bắt đầu nổ lác đác ở vài nơi, chợt đi qua trước một cái miếu nhỏ ở phố kia, thấy một người đàn bà quần nâu áo vải đương cầm mấy nén hương lum khum vừa khấn vừa vái, khấn một cách thiết tha và nói to như người kêu trước cửa quan: "Tấu lậy đức Thánh mẫu, thân con cực khổ trăm đường, nay là tới ba mươi rồi, chạy chợ cả ngày không được mấy hào bạc mà chồng ở nhà chỉ cò bạc rượu chè, tôi về không có tiền cho nó thì nó đánh nó chửi. Tấu lậy Thánh mẫu, xin Thánh mẫu phù hộ cho chốc nữa về nó đừng hành hạ, để cho ông vải con được yên trong ba ngày tết..." - Tự đó thấy những sự lễ bái trong dân gian, không dám làm mặt kẻ cả cao thượng mà bĩu miệng chê bai nữa, biết rằng sự tín ngưỡng là cái thuốc giải phiền cho người đời...

Chung quanh nhà thờ rặt những đường phố ngúc ngoắc, chỉ những lên dốc xuống dốc hoài, mà nhà cửa coi ra đáng cổ lắm, xe ô tô phải gửi một lão chủ quán ở tận dưới phố xa kia, vì không thể nào trèo lên được, dốc hơn là dốc Tam Đảo.

Cạnh nhà thờ có một bức tượng đồng, hình một người võ sĩ phải chịu tội, đến gần xem thì thấy đề rằng: "tượng võ sĩ De La Larre, năm 1766 bị Giáo hội làm tội ở thành *Abbeville* vì đi trước một

đám rước đạo không ngả mũ chào." Hỏi ý cái tượng ấy làm ra là bởi thế nào thì ông B. nói rằng tượng này do một phái dân sở tại đây không tin sự lễ bái, muốn tỏ ý phản đối việc lập nhà thờ, bèn cũng quyền tiền dựng ngay cạnh đây, cho thiên hạ biết cái thói chuyên chế độc ác của giáo hội xưa nay vẫn hay bách hại những người không tin đạo mình. Ở nước tự do có khác, tư tưởng gì cũng có cách biểu lộ ra được.

Khi quay xe về có rẽ vào một nơi đề là "nhà thị sảnh" (*mairie*) mà trông ra đáng tội tày, không phải như các nhà thị sảnh khác. Sau mới biết nhà thị sảnh đây không phải là nhà thị sảnh chính thực, chính là một nhà thị sảnh "hoạt kê". Người Mông Mạc đây có tính hiếu tự do và thích khôi hài, cho nên hay làm nhiều chuyện kỳ khôi, không phải là phản đối với quan quyền, nhưng có ý nhạo báng quan quyền. Cho cách cai trị của nhà nước là phiền, một bọn hiếu sự bèn rủ nhau tuyên bố xóm Mông Mạc độc lập, đặt làm một "chợ tự do" (*commune libre*), cũng bầu thị trưởng, cũng đặt thị sảnh, cũng có hội đồng, cũng có phần việc, nhưng nhất thiết làm trái nhà nước cả, để làm một chuyện chơi đùa. Nhà "thị sảnh" đây tức là nơi họp tập của bọn hoạt kê hiếu sự đó. Gần đến nơi chỉ nghe thấy những tiếng kèn nói, tiếng người say rượu hò hét và đập bàn đập ghế om sòm. Thấy vậy, bọn mình đều lùi ra cả. Nghe nói trong nhà có cuộc đấu xảo, bày

những tranh vẽ của các tay tài tử "nghèo đói" ở trong xóm để bán lấy tiền lập một kho trữ kim cứu giúp cho họ, nhưng thấy các tài tử to tiếng quá không dám vào. Định bữa nào vào chơi đây phải đánh cái "cát két" lệch, đeo cái "cà vạt" nghiêng, và tập lấy cái giọng lè nhè be bét như anh em, thời mới thật là hợp cách. Biết đâu? Nếu có thì giờ ở lâu bên này, có lẽ cũng có ngày thí nghiệm một phen như thế; cũng là một cách khảo cứu phong tục vậy. Gần bảy giờ tối mới đánh xe về trọ.

XIX.

Thứ hai, 26 tháng 6 1922

Hôm nay Hoàng thượng cùng quan Sarraut đến thăm nghĩa sĩ từ ở *Nogent sur Marne*. Sẵn có ô tô, anh em cũng đánh bộ "gia két", đội mũ "mơ lông" chạy xe về *Nogent* xem lễ. Quan nguyên học chính Gourdon làm hội trưởng hội "Đông Pháp Kỷ niệm" (*Le Souvenir Indochinois*), diễn thuyết chúc mừng, Hoàng thượng đáp lại mấy câu, chắc là những lời hùng biện cả, nhưng đứng xa chẳng nghe thấy chi hết. Xong rồi Hoàng thượng vào thắp hương trong đền, ra đặt vòng hoa sắt ở cái đài Kỷ niệm những chiến sĩ theo đạo Thiên Chúa ở ngoài vườn, dạo quanh vườn một lượt, rồi

lên xe, vua quan trở về Paris hết.

Còn chúng mình ở lại rẽ vào *Joinville le Pont* tìm mà một người học sinh An Nam ở nghĩa địa làng. Người ấy có cha mẹ ở Nam kỳ viết giấy nhờ ông V. có qua đây thì vào thăm. Ai ngờ chôn nhà quê xa xôi ở nước Pháp này mà cũng có nắm xương của con em Nam Việt. Cậu này sang học đây năm trước, chẳng may bị bệnh chết. Hội *Aliance française* tổng táng hân hoi, rồi sau đem di hài vào đây chôn cùng với mấy anh em học sinh người Bắc nữa. Mả xây kiên cố lắm, trên có tảng đá trắng khắc đủ tên tuổi rõ ràng. Các cậu là những bậc thanh niên tuần tú của nước nhà, vì ham tân học mà bỏ cửa bỏ nhà, lìa cha lìa mẹ, sang du học tận đây, mong rằng chóng được tốt nghiệp về nước đem tài học mà thi thố cho ích quốc lợi dân, chẳng may nắm xương đất khách, ngọn cỏ rầu rầu, khiến cho kẻ đồng bào lạc bước đến đây, luống những ngậm ngùi. Nhưng các cậu dù thác mà vẫn có công với nước: các cậu là kẻ hy sinh cho sự học mới vậy. Hồn có thiêng xin phù hộ cho các anh em du học sau này học hành được tấn tới.

Trưa hôm nay được tiếp một thầy mật thám đến hỏi giấy thông hành. Chùng là nhân Hoàng thượng ở Paris nên sở cảnh sát cho dò xét những người An Nam ở bên này để phòng sự bất kỳ. Đó cũng là việc thường và là bổn phận của cảnh sát mỗi khi có các

vua chúa qua lại, không lấy gì làm lạ.

Tối quan Giám quốc có đặt tiệc mừng Hoàng thượng ở cung *Elysée*. Tiệc xong có cuộc tiếp kiến ở trong cung, mời đông người lắm. Các phái viên An Nam cũng được có giấy mời. Vậy cơm tối xong, quá chín giờ anh em cùng đi, chẳng dám mong được yết kiến bề trên cùng quan Quốc trưởng Đại Pháp, nhưng sẵn có giấy cũng là một dịp được xem qua trong cung thế nào. Vào cửa đường *Faubourg Saint Honoré*, ngoài có lính "đầu rồng" canh, coi cũng oai vệ. Thoạt vào thì có một đội những viên "thừa phái" (*huissier*), mặc áo dậu, đeo dây xuân thu bằng bạc loảng xoảng bên mình, kẻ đón mũ, người cất áo, rồi đưa vào một viên chùng là đầu thừa phái, mình phải xưng tên chức cho người ấy biết, rồi người ấy dẫn vào trong sa lông, quan Giám quốc cùng phu nhân đứng ngay đây để tiếp khách, người ấy xưng tên lên, quan Giám quốc bắt tay chào, mời vào trong. Đi vào hết sa lông nọ đến sa lông kia, rồi đến một nơi cực rộng, chùng là chỗ nhảy đầm, hết thấy đèn trái thảm bằng nhung đỏ và bốn bề những kính đứng cả. Coi thì thật là rực rỡ, song cũng không thể xem kỹ được mọi nơi. Dạo qua một lượt, nói chuyện với mấy ông Tây quen, rồi chừng 11 giờ anh em ra về. Thế cũng đủ đến khi về nước nhà "loè" với bà con rằng ta đã được bắt tay quan Giám quốc!...

*

Thứ ba, 27 tháng 6 1922

Sáng hôm nay cùng quan sáu L. đến thăm Hội Thương nghiệp Địa dư (*Société de Géographie commerciale*) ở đường *Tournon*. Hội này có đã mấy chục năm nay, chuyên nghiên cứu về địa dư quan hệ với thương nghiệp; có cái thư viện cũng khá nhiều sách về địa dư học. Cứ ngày mồng 10 mỗi tháng, Hội có đặt một tiệc tháng buổi trưa (*déjeuner mensuel*) ở "nhà cao lâu các Hội Bác học" (*Restaurant des Sociétés savantes*), họp các hội viên ăn cơm và nghe diễn thuyết. Lại ba tháng xuất bản một tạp chí in những bài lai cáo của hội viên về các vấn đề địa dư và kinh tế. Nơi hội sở cũng nhỏ, có mấy phòng để sách chật cả. Hiện nay hội trưởng là ông thượng nghị viên Morel, và tổng thư ký là ông hạ nghị viên Lorin, ông này cũng là một tay bác học, kiêm giáo học ở trường Đại học *Bordeaux*. Quan sáu L. đưa xem mọi nơi rồi giới thiệu mình cho ông Lorin. Ông người hoạt bát linh lợi lắm, tiếp một cách rất nhã nhặn. Ông thay mặt Hội mời nếu ngày

mồng 10 tháng sau còn ở Paris thời lại dự tiệc tháng ở Hội và làm một bài diễn thuyết cho đồng nhân ^[7] nghe. Mình nhận lời. Chuyện vẫn ít lâu rồi từ biệt ông Lorin và quan sáu L., về trọ nghỉ. Quan sáu có gấn bó rằng rồi ngài sẽ giới thiệu cho vào chân hội viên.

Buổi chiều nằm hầm đọc sách, không đi chơi đâu.

Tối buồn, anh em họp nhau lại pha chè uống, ăn bánh ngọt, rồi đem truyện Kiều ra ngâm, càng ngâm càng thấy hay, tự đắc rằng văn chương An Nam quán thế giới! ^[8]

*

Thứ tư, 28 tháng 6. 1922

Quan sáu P. muốn giới thiệu cho mình làm quen với các tay chính trị có quan hệ với thuộc địa, đã viết thư cho ông Diagne là nghị viên Sénégal hẹn sớm hôm nay mình đến thăm tại nhà. Ông ở đường *Avenue Alphonse XIII*, thuộc về khu thứ 16, đường dốc

lại khuất khúc, tìm nhà khó quá. Ông này là người da đen, thỏ trước ^[9] đất *Sénégal*, nhưng học tây giỏi lắm, nghiêm nhiên như một người Pháp vậy. Và ở *Sénégal* vốn có sáu hạt người dân đã nhập Pháp tịch, có đủ quyền lợi công dân Pháp, nên được bầu nghị viên ở Hạ viện Pháp. Ông chính là nghị viên thay mặt sáu hạt đó. Ở nghị viện ông cũng là một tay có thể lực trong phái thuộc địa, có tài ăn nói, thường can thiệp vào các việc nghị luận, chứ không ngồi yên như các ông nghị thuộc địa khác. Ông ít biết việc bên ta, nhưng có ý muốn hỏi han dò xét, nói rằng tuy là nghị viên *Sénégal* nhưng phạm việc các thuộc địa khác có việc gì nên vận động ở nghị viện ông cũng sẵn lòng. Xem chừng ra tay hoạt bát "láu lỉnh" lắm. Người da đen đất *Senegal* mà âu hoá được như ông, tấn tới được đến thế, tưởng cũng ít có vậy. Người một giống mà hoá hẳn được theo một giống khác, thời tính tình tư cách thế nào, đó cũng là một vấn đề nên nghiên cứu, giá được quen biết ông này lâu thì có lẽ cũng xét được kỹ càng. Nhưng mới nhất kiến thế này, không thể nào biết được nhân cách người ta thế nào. Xét bề ngoài và cách giao thiệp thì uyển nhiên ^[10] là một ông Tây đặc... chỉ khác có sắc da và dáng mặt mà thôi. Nghe nói phu nhân là người Pháp mà có nhan sắc lắm: ái tình thật không phân biệt gì giống loài.

Buổi chiều đến thăm ông D. Ở *Institut Colonial français*, ông nói

chuyện ý muốn cổ động lập một chi Hội ấy ở bên ta.

*

Thứ năm, 29 tháng 6 1922

Ngày hôm nay thật là đi chơi "lu bù" (nói giọng các công tử bột bên ta), chạy ô tô từ 10 giờ sáng cho đến 12 giờ đêm, xem cũng được nhiều nơi mà lại được một sự gặp gỡ bất kỳ.

Buổi sáng đi xem nghĩa địa *Père Lachaise*. Nói đến nghĩa địa đừng tưởng là một nơi tha ma mộ địa bỏ hoang nào đâu; đây chính là một cái thành của người chết, mà ở trong đường đi lối lại khang trang, thạch thất ^[11] lâu đài nhan nhản, danh hoa dị thảo cũng nhiều. Cái thành của người chết mà cũng là chỗ đi chơi cho người sống, vì cảnh tượng đây không có cái gì là vẻ điều hiu buồn bã cả. Người ta nói mỗi năm, vào ngày lễ *Toussaint* và lễ mộ (mùng 1, mùng 2 tháng 11), có tới 10 vạn người đến thăm mộ và vãng cảnh ở đây, thật là:

Dập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

Nơi này là nơi nghĩa địa lớn nhất đẹp nhất thành Paris, và có lẽ cả Âu châu nữa; một là phần nhiều những bậc danh nhân nước Pháp đời xưa đời nay an táng tại đây, hai là những nhà nào giàu có sang trọng mới vào chôn đây được, cho nên ngôi mộ nào cũng có kiểu riêng, mà kiểu nào cũng có đặc sắc cả.

Tự cửa đi vào có một con đường rộng như đường thông cù, chạy thẳng băng vào một cái thạch đài, tức là đài kỷ niệm (*Monument du Souvenir*). Đài này là một cái tường đá lớn chạm các hình người tả ra những cái trạng thái sầu thảm của sự chết. Phàm nỗi sinh tử biệt ly làm cho người ta đau đớn, diễn ra nét mặt đáng người thế nào, đều như in vào tấm đá, hiện ra trước mặt, khiến cho khách tang hải ^[12] bước chân vào đến đây cũng phải tâm niệm trong mấy phút mà tỉnh ngộ giấc mộng trần hoàn. Đài kỷ niệm là công trình của nhà điêu khắc *Bartholomé*.

Ở trong thời chia ra từng khu, cả thảy có 97 khu, rộng tới 44 mẫu tây (chừng 130 mẫu ta). Khu nào cũng có những mộ đẹp, hoặc đẹp vì cách kiến trúc, hoặc đẹp vì chất đá đủ các sắc, hoặc đẹp vì những hình tượng chạm khắc vào đấy, nhiều cái mộ thật là những đại công trình về mỹ thuật, không thể nào xem cho khắp

hết được.

Còn những danh nhân chôn ở đây cũng không biết bao nhiêu mà kể. Như ở khu thứ 4, có mả của họ Rochefoucauld; mả của nhà lý học Arago; nhà bác học Barthélemy Saint Hilaire; nhà triết học Cousin; nhà chính trị Ledru Rollin; quan giám quốc Félix Faure; thi nhân Alfred de Musset, có cái tượng bán thân bằng cẩm thạch, lại có cây liễu rủ che, coi rất có vẻ thơ; văn sĩ Arsène Houssage; - khu thứ 7, có mả của tay đại danh kỹ ^[13] Rachel, đã từng "nổi danh tài sắc một thì", vào khoảng tiền bán thế kỷ 19; mả Héloïse và Abélard, là một đôi tình nhân có tiếng về đời Trung cổ, đã diễn ra một đoạn tình sử rất ly kỳ, trên mả xây như hình một cái long đình, có tượng hai người nằm song song; - khu thứ 8 có mả của thi nhân Chénier; - khu thứ 9, mả nhà triết học Royer Collard; - khu thứ 11, mả văn sĩ Bernardin De Saint Pierre; - khu thứ 12, mả tay kép có tiếng Talma; - khu thứ 17, mả nhà đại triết học Auguste Comte; - khu thứ 25, mả hai thi hào La Fontaine và Molière, là hai người chôn ở nghĩa địa này trước nhất; - khu thứ 26, mả văn sĩ Alfonse Daudet; - khu thứ 44, có cái mả nhà thần linh học Allan Kardec, làm bằng mấy tấm đá nguyên chồng lên như kiểu những cỗ mộ đất *Bretagne*, trông cũng kỳ; ông này sinh thời nổi tiếng về khoa thần linh học, nay còn có người mê tín đến lễ bái, nghe đâu có linh ứng nên thấy

những đồ lễ tạ bày la liệt cả; - khu thứ 48, mả văn hào Balzac; - khu thứ 52, mả nhà đại sử học Michelet và văn sĩ Buloz sáng lập ra tạp chí *Revue des Deux Mondes*; - khu thứ 64, có đài kỷ niệm những quốc sĩ tử trận năm 1870-1871; - khu thứ 87, có xây một cái lò thiêu xương để dùng những khi hoả táng, và một cái đài có chia ra từng ô để đựng tro những người hoả táng (tên tây gọi cái đài ấy là *Colombarium*).

Xem nghĩa địa xong, chạy xe về *Vincennes* ăn cơm trưa ở một nhà hàng trông ra thành *Vincennes*. Ăn đã muộn, anh em định ngồi nghỉ đây một chút rồi lại đi chơi.

Hai giờ đi xem Vườn Bách thú (*Jardin des Plantes*). Bác vật viện ^[14] (*Muséum d'Histoire naturelle*) tức là ở đây. Dạo qua trong vườn xem các khu nuôi những giống chim muông thú dữ, rồi vào xem trong các sảnh, như sảnh Động vật học, sảnh Khoáng vật học và Địa chất học, sảnh Thực vật học chia ra hai trường lớn lắm. Ngay cửa vào có một cái nhà cổ mới chữa lại, gọi là "nhà ông Buffon" (*maison de Buffon*), ông là một nhà bác vật kiêm văn học có tiếng, khi xưa ở đây từ năm 1773 đến năm 1788, nay cái nhà ông ở vẫn giữ để làm kỷ niệm. Ở trong vườn, về phía tả, là nơi đại diễn đàn, để những khi diễn thuyết hay là hội họp đông. Bên cạnh sảnh Địa chất học, có một cái đại thư

viện đựng 25 vạn quyển in, 2 nghìn quyển sách viết và vô số những địa đồ. Nghe nói có một bộ sách bác vật của Tàu viết bằng tay, có tranh vẽ, tám quyển, quý lắm, nhưng không được xem. - Sau cùng vào xem trong Bác vật viện, ngay cửa vào thấy một cái tượng bằng đá trắng hình một con đười ươi đánh nhau với một người ấn Độ, nét chạm coi đã hùng lắm. Trong viện vô số những bộ xương các giống cổ động vật, có bộ xương con voi thượng cổ dài 25 thước; còn những xương và sọ các giống người đời xưa đời nay không biết bao nhiêu mà kể, người An Nam mình cũng có. Lại có những tranh vẽ về phong tục các giống người; có một bộ vẽ các hạng người An Nam vào khoảng năm 1860, coi y phục của các cụ đời bấy giờ cũng hơi khác bây giờ. - Còn trong vườn, trong sảnh, trong viện, đâu đâu cũng bày la liệt những tượng đá tượng đồng, hoặc để hình dung các vật trạng, hoặc để kỷ niệm các danh nhân. Cây kỳ, cỏ lạ, hoa đẹp, sắc tươi, rải rác khắp mọi nơi; không những là một chốn khảo cứu cho nhà bác học, lại là một cảnh ngoạn mục cho khách lịch du.

Năm giờ chiều mới ở vườn Bách thú ra, trước khi lên xe mua một mớ *cartes postales* các giống thú lạ để gửi về cho các trẻ nhỏ ở nhà. Nào là sư tử, nào là hổ báo, nào là hươu nai, nào là vượn khỉ, mỗi cô mỗi cậu được mấy con giống, xem mà tranh nhau ôm tôi! Còn cái con nai cao cổ kia, chắc anh chị nào cũng

thích, ta phải mua đến nửa tá mới đủ...

Trời còn sớm, định đánh xe vào "rừng" chơi. Dạo được vài vòng, xe đi từ từ, ai ngờ tình cờ gặp gỡ, thấy hai mỹ nhân thấp thoáng dưới bóng cây. Anh em bàn nhau: "Theo phép lịch sự của Thái Tây, thấy mỹ nhân đi đất, mình phải đón lên xe đưa đến đầu rừng mới phải, anh nào dám xuống mời hai cô lên?" Anh nọ giục anh kia, rồi đỗ xe ở một góc rừng, giả đồ xuống ngồi ghé để nghỉ chân. Chợt mỹ nhân đi đến nơi, con mắt tùm tùm cười, anh em đứng lên chào: "Hai tiểu thư xem chừng đi đã nhọc, chúng tôi đã sẵn xe, về đâu chúng tôi xin đưa". Hai cô cảm ơn, rồi nhận ngay, chỉ nhà cho đưa về, nhưng chúng mình giả đồ không biết đường, cứ chạy xe quanh co trong rừng, mãi tối mới đưa đến nơi. Hai cô xem chừng cũng không phiền hà gì mà trò chuyện rất vui vẻ.

Cơm tối rồi, lại chạy xe dong trong thành phố đến 12 giờ đêm mới về trọ. Cái cảnh tượng Paris ban đêm, chúng mình thật đã như in trong rèm mắt. Hôm nay chạy xe suốt ngày, dùng cũng hại dầu, nhưng chơi cũng thoả chí.

*

Thứ sáu, 30 tháng 6.

Người An Nam ta, hoặc sang du học, hoặc sang làm việc ở Paris được một năm nay đã thành lập một hội ái hữu, đặt là *Association Mutuelle des Indochinois*, hiện ông kỹ sư Cao Văn Sến (người Lục tỉnh, lấy vợ đầm) làm hội trưởng. Hội này được Bộ Thuộc địa và Kinh tế cục Đông Pháp (tức là Phủ Toàn quyền bên ta) tán trợ. Gần đây mới thuê được cái nhà ở đường *Du Sommerard* để làm hội sở, sắp khánh thành nay mai. Nhân có Hoàng thượng sang, quan Thuộc địa Sarraut muốn tổ chức một cuộc ca nhạc để quyên tiền và cổ động cho Hội. Cuộc ca nhạc ấy nhờ được một bà tài tử – *Mme Marthe Rennesson* – đứng chủ trương, định vào chiều hôm nay từ 2 giờ đến 6 giờ, tại rạp hát *Edouard VII*. Anh em phái viên đều có giấy mời cả, nhưng ai cũng mua vé để giúp vào Hội. Đúng giờ, Hoàng thượng và quan Thượng thư đến để chủ tọa. Trong chương trình có đủ lối ca xướng, như hát, ngâm, đọc văn, diễn kịch, khiêu vũ, v.v., và đào kép toàn là những tay có tiếng ở các rạp hát lớn Paris đến giúp, như *Comédie française*, *Opéra Comique*, *Opéra*, *Odéon*, *Tranon Lyrique*, mỗi người chỉ mười mười lăm phút thay đổi nhau luân, thật là vui tai sướng mắt, không mấy khi có dịp cùng một lúc mà

được nghe nhiều những tay danh ca điệu kỹ như thế. Nhất là nghe ngâm thơ và đọc văn thì hay tuyệt. Mình học chữ tây trong bao lâu thật chưa từng được nghe có người đọc câu thơ câu văn tây thanh tao minh bạch, như rót vào tai như thế. Một bài văn hay mà không có người đọc hay thì tựa hồ như nó kém hay đi; được người đọc hay thì cái hay như tăng lên bội phần vậy. Như nghe cô Madeleine Roch, rạp *Comédie Française*, đọc thơ Victor Hugo; cô Nizan cũng rạp *Comédie Française* ngâm bài *La vieille maison* (Cái nhà cổ) của André Rivoire; cô Paule Andrai rạp *Odéon* ngâm bài *La tristesse des Bêtes* (Cái buồn của giống vật) của Jean Richepon và bài *L'Innocence* (Tấm lòng băng tuyết) của bà bá tước De Noailles, thật sướng quá, bấy giờ mới biết thưởng hết cái thú văn chương. Không những có giọng mà lại có bộ ^[15], không những có bộ mà lại có tình, có tứ nữa, chỗ nào vui ra vui, chỗ nào buồn ra buồn, có ngâm ngùi than thở, có chỗ dí dỏm tươi cười, tựa hồ như đọc đến câu nào thì để cả tâm hồn tình tính vào câu ấy, có vẻ linh hoạt dễ cảm người. Tưởng người không hiểu văn Tây, cứ nghe giọng xem bộ cũng lĩnh được cái tình ý nghĩa lý trong bài văn vậy. À đào ta ví biết được cách ngâm thơ đọc văn như thế thì nghề xướng ca tưởng cũng không phải không có giá trị. Tiếc thay toàn là những kẻ vô học, lại tuyệt nhiên không có cái cảm tưởng gì cao thượng về nghề mình cả, khi cất tiếng lên hát thì hát một tràng người một nẻo, tựa hồ

không quan hệ gì với nhau, và chẳng khác cái ống lưu thanh vắn máy. Văn chương mình không phải không có bài hay và nghề hát mình không phải tất nhiên là đê tiện; làm cho đê tiện đi là ở tự người theo nghề không biết tự tôn và tự trọng. Cô đào nào đọc được bài Tì bà cho réo rắt, tả được hết cái tâm sự của khách Tầm Dương, trong khi đọc như tưởng mình là người thương phụ đem nỗi lòng mà tỏ cáo với kẻ tri âm, hay là ngâm được bài *Thu hứng* cho ra cái cảnh hiu hắt lạnh lùng, đem cái giọng tiêu tao, cái bộ não nuột mà tăng giá cho cái văn chương bi thu tiêu sái ^[16] của cổ nhân, há chẳng phải là một bậc tài tình mà tài đáng trọng, mà tình đáng thương dư? Ngạn ngữ Tây có câu: "Không có nghề dở, chỉ có người hư mà thôi", thật thế. Nhưng người hư đây tưởng không một là con nhà nghề, mà có lẽ cả khách làng chơi vậy...

^[1]talawas: Trong tác phẩm đã in, chúng tôi không thấy có phần XVII tiếp sau phần XVI (tại talawas, nó kết thúc ở kỳ 8/13), chưa rõ là do đây là phần không được sử dụng đến trong bản in lần này hay do có sự nhầm lẫn hoặc sơ suất nào đó.

^[2](Tiền trả/ bồi thường cho) con bị mất cha.

- [3](Tiền trả/ bồi thường cho) vợ bị mất chồng.
- [4]Lược bỏ câu nguyên văn tiếng Pháp.
- [5]Đến như.
- [6]Điều khắc.
- [7]Bạn đồng nghiệp.
- [8]Đứng đầu cả.
- [9]Người sống lâu ở một vùng, người bản địa.
- [10]Rõ ra.
- [11]Nhà xây bằng đá.
- [12]Khác đã từng trải việc đời.
- [13]Diễn viên nổi tiếng.
- [14]Ngày nay thường gọi là *Bảo tàng lịch sử tự nhiên*.
- [15]Điều bộ, diễn xuất.
- [16]Khí tiết thanh cao, không dính trần tục.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 10

XX.

Thứ bảy, mồng 1 tháng 7

Hôm nay đi chơi *Saint Cloud*, cách Paris chừng 15 cây-lô-mét. Tỉnh này nhỏ, nhưng địa thế đẹp, nhà cửa xây thành từng lớp ở sườn các cao nguyên, bên tả ngạn sông *Seine*, cảnh rừng, núi, sông, rất ngoạn mục. Ở *Saint Cloud* trước có một cái cung vua chúa ở, nhưng hồi trận năm 1870 cung bị cháy. Ngày nay chỉ còn có cái vườn ngự uyển là chỗ khách du lịch thường đến xem. Vườn ngự uyển rộng ngót 400 mẫu tây, cây cối rậm rạp như cái rừng ở trên cao nguyên. Trong vườn có những đình, những tạ, những bể cạn, những rồng phun nước. Có một cái cầu cao như hình cái tháp, gọi là "*Lalanterne de Diogène*", xây ở đỉnh núi, đi lên do một con đường dốc xây lan can, quanh co khuất khúc, đến

mỗi chỗ góc lại nhìn ra một cảnh khác, lên đến nơi thì thu được cả toàn cảnh thành Paris, chỉ thấy những cây xanh rì như rừng rậm, lác đác có một vài cái mái nhà cao.

Các vùng chung quanh thành Paris này thật là sơn thanh thủy tú, cũng núi non, cũng rừng nước, nhưng mà nhỏ nhỏ xinh xinh, tươi tươi đẹp đẹp, như một cái vòng hoa bao bọc chốn kinh đô vậy. Người Pháp không tin phong thủy; giá cho thầy địa lý ta xem cái thế đất này, thì chắc ai cũng phải cho là kiêu đất đẹp, gồm được cả cái tú khí của giang sơn, thu được cả cái vượng mạch của địa đạo, thật đáng làm chốn trung tâm của văn hoá một phương cầu.

*

Thứ ba, mùng 4 tháng 7 1922

Tôi mai đây đã phải diễn thuyết ở Hội Đông Pháp ái hữu. Mấy hôm nay nằm hằm ở nhà để soạn bài, không đi chơi đâu cả.

*

Thứ tư, mùng 5 tháng 7 1922

Ông A.V. biên tập ở tạp chí *Le Monde nouveau*, có chân Hội Đông phương nghe thấy mình sắp diễn thuyết, có viết thư lại tỏ muốn mời đến nhà chơi. ông ở đường *Saint Germain*. Hẹn 11 giờ, nhưng đến nhà thì ông ở toà soạn chưa về, có cụ thân sinh ra tiếp. Cụ trông đạo mạo lắm, ra dáng một bậc túc nho, tuổi đã cao. Nhà này xem chừng một nhà nền nếp, coi cái phong thể trong nhà thì đủ biết. Nói chuyện với cụ chừng nửa giờ thì ông con về. Ông nói ông có quen biết người Đông phương nhiều, như người Ấn Độ, người Nhật, người Tàu, nhưng chưa từng được biết người An Nam, nay nghe tin mình sang diễn thuyết bên này muốn làm quen đề trước là hỏi về bài diễn thuyết hôm nay để nói trong tạp chí của ông, sau là hỏi về chuyện nước Nam. Nói chuyện đến trưa mới về. Tuy mới quen biết nhau lần đầu mà đã ý hợp tâm đầu có tình thân mật vậy.

8 giờ diễn thuyết ở Kinh tế cục cho các hội viên hội Đông

phương ái hữu nghe. Nói về "Thi ca Việt Nam" (*La Poésie annamite*). Trước khi diễn ông Maitre (nguyên đốc trường Bác Cổ Hà Nội trước) nói mấy lời giới thiệu cho người nghe. Diễn thuyết chừng một giờ đồng hồ. Được lắm. Nói xong nhiều người đưa thiệp danh đến bắt tay mừng. Có một vị phu nhân coi người lịch sự lắm, mời đến mai lại nhà uống nước chè.

*

Thứ năm, mùng 6 tháng 7

4 giờ chiều đến chơi nhà bà F. Ở *boulevard Maillot*, trông ra rừng *Boulogne*. Bà này quen mình chiều hôm qua, ở cuộc diễn thuyết. Người có chân hội Đông phương ái hữu. Nhà lịch sự lắm. Trong sa-lông bày những thảm cùng đệm, có vẻ đầm ấm. Vào đến nơi thì đã thấy đông người, vì ngày hôm nay là ngày bà tiếp khách, có năm sáu vị phu nhân, ba bốn ông quý khách, chừng là những tay văn nhân tài tử cả. Trong bọn có một người Ba Tư, nghe đâu làm quan ở toà sứ Ba Tư, nói tiếng Pháp thạo lắm, và cách giao tế rất thiệp. Bà chủ người tuyệt nhã; tuổi còn thanh

xuân, hình dung yếu điệu, dáng dấp dịu dàng, mà câu chuyện phong phú biết bao nhiêu! Thật là một bà chủ sa-lông theo như lịch sử phong nhã của nước Pháp. Bao giờ cho xã hội An Nam ta cũng có những bậc đàn bà nhã thú như thế?

Bà mời ngồi chơi, rồi hỏi chuyện về bên ta, nói về đạo Khổng, đạo Phật, về văn hoá Đông phương Tây phương. Trong bài diễn thuyết hôm qua bà lấy làm thích nhất là chỗ nói về cái tục nam nữ giao ca ^[1] ở nước ta, bà muốn biết rõ cái cách hát thi ở nhà quê ta thế nào; mình cắt nghĩa cho nghe về cách hát trống quân, hát quan họ, những buổi ngày xuân nhàn hạ, hay những đêm trăng sáng mát mẻ, con trai con gái các làng thường họp nhau trước cửa đình để thi nhau mà ngâm vịnh, dùng những lời thật thà mà tả tấm lòng tưởng vọng, các quan viên làng ngồi nghe, người nào đối đáp khéo, giọng điệu hay mà có ý tứ thời được thưởng; bà cho cái tục đó là tuyệt thú mà nức nở khen. Các khách cũng xúm lại nghe chuyện, tựa hồ như cho nước ta là một chốn Bồng lai tiên cảnh, mà dân ta như một bọn mục tử đất *Arcadie* vậy. Có bà có cái tư tưởng lãng mạn đến ngờ rằng dưới bán đảo Ấn Độ Chi na ta có lẽ có một cõi đất ngầm, trước kia đã có hội văn minh rực rỡ như đất *Atlantide* ở sa mạc Phi châu, mà sau bị sóng Thái Bình Dương tràn ngập. Lại có bà mơ tưởng rằng các rừng hoang cùng tịch ở nước ta đầy những lâu đài cung

điện như *Angkor* hết cả. Cho hay cái tên Đông phương đối với những nhà lãng mạn Tây phương vẫn còn có một cái thanh hưởng réo rất ly kỳ. Nhưng những nhà lãng mạn này không phải số nhiều, còn đối với những tay doanh lợi thì Đông phương chẳng qua là một thị trường để tiêu thụ đồ hàng của Tây phương mà thôi, cái tư tưởng này thật khác cái tư tưởng lãng mạn nhiều... - Phu nhân mời khách ăn kẹo để trong một cái tráp tròn đỏ của ta. Phu nhân nói có người bà con ở bên An Nam về biểu cái tráp này, nhưng không biết vốn dùng để làm gì. Mình cắt nghĩa cho nghe là tráp để đựng trầu và cái tục ăn trầu ở nước ta thế nào, "miếng trầu là đầu câu chuyện", là môi giới cho sự vãng lai trong xã hội, sự ái tình của người ta, cử tọa lấy làm thích lắm, cũng cho là một cái tục rất nhã, nói rằng người Âu châu gần đây, - nhất là người nước Anh, - muốn bắt chước Đông phương, khi tiếp chuyện nhau cũng nhai một thứ quế cho thơm miệng, nhưng tưởng cái tục ăn trầu của An Nam còn thú hơn nhiều, vì cách tằm trầu, xếp trầu, mời trầu, thật là một cái lễ trang trọng trong cuộc giao tế, chứ không phải là chỉ nhai cho bận mồm thơm miệng mà thôi. Thế mới biết những tục rất tầm thường của mình, có khi cho là những sự phiền, không nghĩa lý, đối với con mắt lạ, cái cảm tình của người nước khác, lại thành ra có ý nghĩa, có phong thú vô cùng. Cho nên thuộc về phong tục tập quán của nước nhà, ta cũng chớ nên nhẹ dạ vội đem lòng rẻ rúng.

Khi sắp đứng ra về, mới nhận thấy trên bàn có cái lọ cắm mấy cái hoa giống như thứ hoa sen nhỏ, mà không phải là hoa sen; phu nhân nhìn thấy tủm tỉm cười mà rằng: "Hôm qua nghe ông diễn thuyết thấy nói hoa sen là biểu hiệu người quân tử, nay ông đến chơi, tôi cũng muốn kiếm mấy cái hoa sen để cắm mừng, nhưng tiếc đây không có, chỉ có thứ dã hoa ^[2] này trông cũng phẳng phất, nhưng không có hương có sắc như sen bên quý quốc". Nghe phu nhân nói mới biết cái thịnh tình nhã ý của phu nhân, trong lòng lấy làm cảm phục vô cùng, lúc tiễn về phu nhân còn ân cần nói rằng: "Tôi ước ao khi về bên An Nam ông còn giữ được cái kỷ niệm êm ái về nước Pháp chúng tôi." Nghĩ bụng rằng nếu nước Pháp được những người nhã nhặn như phu nhân cả, và nếu người Pháp ở bên ta cũng được như phu nhân hết, thì ta không thể không đem lòng yêu mến vậy.

*

Thứ sáu, mồng 7 tháng 7.

Hôm qua ở nhà bà F., có gặp bà nam tước d'E. mời hôm nay đến nói chuyện ở Hội "*La Bienvenue française*" đường *Faubourg Saint Honoré*. Hội này là do các bậc quý phái và các nhà danh giá nước Pháp lập lên để đón tiếp và chỉ dẫn cho các khách ngoại quốc sang chơi bên Pháp, quan Thống chế Foch làm hội trưởng, bà bá tước Boas De Jouvenel làm tổng thư ký. Hội sở chính là nhà "Đồng minh câu lạc bộ" (*Cercle interallié*) lập từ hồi chiến tranh để tiếp các bạn đồng minh nước Pháp. Nhà lịch sự lắm, trong chia ra vô số những sa-lông rộng rãi và trang hoàng thật đẹp. Sau lại có một cái vườn rộng, cây cối um tùm, có vẻ u nhã. Bà nam tước đón vào sa-lông ngồi nói chuyện một lát, rồi mời ra vườn uống nước chè. Trong vườn bày la liệt những bàn cùng ghế, bàn nào cũng đông người ngồi, phần nhiều là khách ngoại quốc. Nam tước giới thiệu mình cho bà bá tước tổng thư ký, bà này coi người vừa có nhan sắc vừa có vẻ lạnh lợi thông minh. Hai bà cắt nghĩa cho nghe về mục đích của Hội là trước nhất cổ động cho người các nước có lòng yêu mến nước Pháp mà sang chơi bên Pháp, sau là khách sang đến Pháp thời Hội chỉ dẫn cho những chỗ nên đi xem, giới thiệu cho những người nên quen biết. Hiện ở hội sở có đặt một sảnh thư ký để sưu tập những điều có ích lợi về các loại, phòng cống hiến cho các khách muốn hỏi han việc gì, xếp thành mục để tiện tra cứu, khác nào như một bộ từ điển vậy. Thí dụ như có người khách đến Paris muốn nghiên

cứu về hoạ học ở nước Pháp, sẽ mở mục "hoạ học" trong tập ra, đây có biên rõ ra từng mảnh giấy những tên sở các bảo tàng có tranh đẹp, ngày nào giờ nào xem được, những nhà riêng có tranh đẹp, những tay danh hoạ sẵn lòng tiếp khách đến xem nhà hay sẵn lòng chỉ dẫn cho hoặc giúp cho trong sự nghiên cứu, vân vân. - Về các loại khác cũng thế, mỗi loại có một tay chuyên môn hay một bậc danh giá đứng chủ trương, như mục "Hoạ học" thì ông Besnard có chân Hội "Mỹ thuật bác sĩ"; mục "Báo quán" thì ông bá tước De Nalèche, chủ báo *Les Débats*; mục "Các thư viện và các hội học" thì ông Pereire, tổng thư ký Hội các quan viên tòng sự các thư viện nước Pháp; mục "Nông nghiệp" thì ông Ricard, nguyên Nông bộ tổng trưởng; mục "Thuộc địa" thì ông Gourdon, nguyên Học chính Giám đốc ở bên ta, v.v.. Các mục xếp theo thứ tự A B, mỗi khoản biên ra một cái "phích" (*fiche*) riêng, "phích" đặt vào tủ có ngăn có ô, như mục lục tên sách trong các thư viện, tra tìm dễ lắm. Ai muốn nghiên cứu về việc gì, vào tra trong mục lục sẽ biết hết những nơi có thể đến xem xét, những người có thể hỏi han, bây giờ muốn đi xem đâu hay muốn đến thăm ai Hội sẽ cho giấy giới thiệu. Không những giới thiệu cho những khách nghiên cứu, mà lại giới thiệu cho những khách du lịch các nơi nữa. Hội có đặt các chi ở các tỉnh, khách định đi xem tỉnh nào thì Hội viết thư cho đại biểu ở chi tỉnh ấy để chỉ dẫn cho. Những người đại biểu của Hội thường thường lại

là những nhà quý phái, những bậc sang trọng ở địa phương, nếu gặp khách sang thời có khi đặt tiệc và đón tiếp ở nhà. Hội mới lập vào khoảng giữa năm 1921, đến cuối năm tiếp được mười bốn khách các nước sang chơi Pháp: như tiếp học sinh trường Đại học *Harvard* nước Mỹ, tiếp các học sinh về môn kiến trúc học nước Mỹ, tiếp các ông giáo Pháp vẫn ở Mỹ, tiếp các giáo viên *Canada* và *Néo Zélande*, tiếp các giáo viên *Roumanie*, tiếp các giáo viên và học sinh *Pologne*, tiếp các thân hào *Ecosse*, tiếp các học sinh nước *Afghanistan*, các học sinh thành *Damas* v.v...

Nói tóm lại thì Hội này tổ chức đã khéo mà mục đích rất cao, muốn liên lạc cái cảm tình người các nước đối với nước Pháp. Khách du lịch đến đây được giao tiếp với những người trong Hội này tức là được biết bậc thượng lưu xã hội nước Pháp vậy. Tiếc thay mình không chủ ý ở lâu, nên không mong đi lại với các ông các bà đây nhiều. Khi ra về, bà nam tước có ân cần dặn rằng còn ở Paris thời hoặc có cần đến việc gì cứ đến đây, Hội sẽ sẵn lòng giúp.

*

Thứ bảy, mùng 8 tháng 7

Sớm đến Kinh tế cục, tiếp chuyện quan Cai trị C.

Chiều đến nhà Bảo tàng *Guimet* thăm ông B. và cô K. là thư ký Hội Đông phương ái hữu. Hai người hôm mình diễn thuyết cho Hội mắc bận không thể lại được, đều lấy làm phàn nàn. Chuyện xong, nhân tiện đi xem nhà bảo tàng một lần nữa. Ở giữa nhà, có một cái thư viện rất nhiều sách về Đông phương.

Ở nhà bảo tàng ra, thì luôn đến sở xuất bản *Ernest Leroux* ở đường *Bonaparte*, để thăm ông G., chủ bút tạp chí "Đông phương và Tây phương" (*Orient et Occident*). Nhân ông có viết thư xin bài diễn thuyết về Thi ca Nam Việt để đăng vào tạp chí, nên đến chơi để nói chuyện với ông. – Năm xưa làm việc ở trường Bác Cổ vẫn đã biết tiếng hiệu *Ernest Leroux* là nhà xuất bản về các sách về Đông phương nhiều lắm, vẫn tưởng là một cửa hàng to, nay đến thì thấy một cái nhà cũ ở một đường phố nhỏ, ngoài cửa không có đề gì cả, đến nơi rồi còn ngợ chữa dám vào, sau nhận đích số nhà mới được vào thì phải trèo lên một tầng gác mới thấy ngoài cửa có cái biển đồng con đề tên *Ernest Leroux*. Gõ cửa vào thì thấy ở trong có dăm người làm đương

soạn sách, buổi giấy ông chủ bút tạp chí "Đông phương" thì lại ở vào bên trong nữa. Còn nhớ bữa trước đi tìm hiệu *Hachette* và hiệu *Armand Colin* cũng thế; ai không biết tiếng hai hiệu sách đó, mình vẫn tưởng rằng cửa hàng to lớn, đi ngoài đường tất trông thấy tên hiệu rục rịch, còn phải dò số nhà làm chi nữa, nên không nhớ số, thành ra đi suốt từ đầu phố đến cuối phố không tìm thấy, sau phải về tra số nhà mới tìm được, thì ra bề ngoài cũng giống các nhà ở khác, không có bày sách vở, không có treo biển hiệu gì cả. Bây giờ mới biết cửa hàng sách và sở xuất bản khác nhau, hàng sách thì mới bày sách bán, còn sở xuất bản thời chỉ nhận in sách, rồi bán buôn cho các cửa hàng, nên không cần phải bày biện gì. Những sở xuất bản sách phổ thông và sách giáo khoa như nhà *Hachette* và nhà *Armand Colin* còn khó tìm như thế, huống một sở xuất bản sách chuyên môn về Đông phương như nhà *Ernest Leroux* này, khách mua hàng chỉ có một số ít người, không cần phải mở cửa hàng ra phố. Tiếp chuyện ông G. xong, nhân tiện ra mua ít sách khảo cứu về Tàu.

Tối ăn cơm ở nhà ông bà V. Từ bữa nhân đến chơi với ông con là André được biết hai cụ, thì hai cụ cũng có lòng yêu mến, cố hện làm thế nào tối hôm nay cũng đến ăn cơm để nói chuyện. Hai cụ lại hện đến trước giờ ăn cơm để nói chuyện được lâu. Cơm nước xong mãi đến 11 giờ khuya mới về trọ. Nhà này thật

là một nhà nền nếp, mà hai cụ thật là người phúc đức quá. Cụ ông rõ là một bậc túc nho, thừa trể đã từng làm báo, thường viết trong báo *Les Débats*, lại có xuất bản sách về Tây Ban Nha, nghe muốn ứng cử vào Hội hàn lâm (ban Luân lý Chính trị học); cụ bà thời người hiền hậu và học thức cũng rộng, lại có ý muốn kê cứu về nghĩa lý Đông phương. Hai cụ sinh được hai người con: người con trai là ông André, hiện làm tổng thư ký bộ biên tập một tạp chí lớn, với một cô con gái chừng ngoài hai mươi tuổi. Hai cụ nói khi ông con trai còn nhỏ chính hai cụ dạy học lấy ở nhà, không cho học trường công, sợ nhiễm lấy những thói xấu, xem thế thì biết hai cụ chăm chút về sự giáo dục biết dường nào. Hai cụ hỏi han về phong tục, luân lý, cách ăn ở trong gia đình xã hội nước Nam thế nào. Minh cũng nói rõ về cái chế độ cũ nước nhà có vẻ thuần túy, có tình liên lạc, có nền nếp, có phong thể, mà bây giờ có ý kém sút hơn xưa. Cụ lấy làm phải và đối với cái tình trạng xã hội nước Pháp ngày nay cũng có cái cảm như thế. Cụ khuyên cứ nên giữ lấy những nền nếp cũ, không nên theo thói thường hay ham mới chán cũ, vì một xã hội không thể một buổi gây dựng nên được, và cái mới chưa chắc đã hơn gì cái cũ. Câu chuyện càng lâu càng có ý vị thâm trầm thâm mật. Sau dần dà cụ hỏi đến lịch sử riêng của mình. Minh cũng lấy lòng thành thực đáp lại, kể những nông nổi linh đình cô khổ lúc thiếu thời, nhờ bà già nuôi cho đi học, may mà giữ được nghiệp nhà, thật cũng

là tổ tiên có phúc; từ khi khôn lớn biết nghĩ đến giờ, chỉ nuôi một cái chí ở trong lòng, là đối với nhà làm thế nào nổi được nghiệp của ông cha, đắp được cái nền "sĩ phong" cho xứng đáng để chống đối với những phong trào mới đời nay, đối với nước làm thế nào giúp cho quốc hồn được tỉnh táo để mong cho quốc vận được sáng sửa; cũng biết rằng tài có khi không kịp chí, nhưng khu khu ^[3] một tấm lòng thành, chỉ sở nguyện có thể mà thôi, còn sự phong lưu phú quý là cái thêm ra ngoài, có thì cũng hay mà không thì cũng chịu, không dám đem cái chí nguyện mà hi sinh cho sự giàu sang. Cụ thấy lời nói thành thực thiết tha, cũng lấy làm cảm động, lại quá yêu khen rằng người ít tuổi mà biết nghĩ xa. Cụ nói: "Cái chí của ông, thật đáng khen mà đáng phục. Thờ nhà, thờ nước, đó là hai cái nghĩa vụ cốt yếu ở đời, mà cả cái nghĩa đời người rút lại dễ cũng chỉ có thể mà thôi. Tôi chúc cho cái gia đình quý báu của ông được hưởng mọi sự phúc lành, cho bổ sự tân cần ^[4] lúc thừa nhỏ. Tôi chắc rằng vong linh hai cụ thân sinh ra ông ở dưới suối vàng cũng mừng rằng để được trên đời một người con lành có thể nổi nghiệp tổ tiên. Tôi lại rất thành tâm mà chúc cho nước Nam được hưởng một cái vận mệnh rõ ràng tốt đẹp hơn bây giờ, cho thoả lòng những bậc chí sĩ như các ông, và cho xứng đáng cái lịch sử vẻ vang của quý quốc đã mấy nghìn năm." Những lời vàng ngọc đó làm cho mình thôn thức trong lòng, bồi hồi trong dạ, nửa tủi nửa mừng, cảm cái

bụng trượng phu đã quá yêu mà kỳ vọng cho như thế, lại thương cái tài hèn, chẳng biết có làm nên chuyện gì không. - Cụ bà thời ân cần hỏi đến lũ trẻ ở nhà, nói rằng: "Thôi, tôi đàn bà, chỉ khuyên ông chăm nuôi dạy lấy bọn nhỏ đó cho thành người, ấy là cái nghĩa vụ thứ nhất. Nhiều con cũng là cái phúc, nhưng thực là gánh nặng. Tôi đã từng nuôi con tôi biết. Các ông đàn ông lo việc quốc gia, lo việc xã hội thế nào mặc lòng, nhưng cốt nhất lo cho gia đình được ấm no, lo cho con cái có giáo dục, thế là có công với nước với đời đó." Lời nói thật cũng chí tình vậy.

Người ở cực Đông, người ở cực Tây, tình cờ một buổi gặp nhau, mà nói được những lời chí tình như thế, thật cũng là một sự lạ. Cho hay đạo làm người đâu cũng là một, mà điều nghĩa lý thật là điều chung. Nếu bỏ được những sự thiên kiến bề ngoài, mà tới được chỗ nhân tình cốt thiết, thì dù Đông dù Tây, cũng nhân tâm ấy, há thiên lý nào. Mình may được biết một nhà có đạo đức, có phong thể như thế này, thật là một sự đáng kỷ niệm trong cuộc Âu du này vậy.

Hai cụ hẹn đến thứ ba này lại đến ăn cơm trưa nữa.

*

Chủ nhật, mùng 9 tháng 7.

Hôm nay đi chơi *Neuilly*, có đường xe điện đến tận nơi. *Neuilly* là một nơi phố xá đẹp nhất ở ngoại châu thành Paris, về mặt cửa ô *Maillot*. Người ở phần nhiều là những nhà tư bản, nhà văn sĩ, mỹ thuật, nên nhà cửa đường phố có cái vẻ bình tĩnh êm đềm, phong lưu mà không náo nhiệt. Ở đây đẹp nhất có cái cầu đá cũ, gọi là "cầu *Neuilly*" của ông kiến trúc sư Perronet dựng ra từ năm 1766 đến 1772; cầu bắc qua sông *Seine*, có năm cái cuốn, dài cả thảy là 240 thước, coi có vẻ trang nghiêm mà kiên cố.

Nhân ông Madrolle có hẹn đến chơi, nên đi dạo qua các phố rồi tìm lại nhà ông ở đường *Avenue du Roule*. Ông này là một nhà du lịch có tiếng, đã làm những sách "du lịch chỉ nam" về các nước Đông á (Tàu, Nhật, Đông Pháp ta). Những *Guides Madrolle* đã nổi tiếng, ai cũng biết. Ông lại là một tay bác học nữa, thường nghiên cứu về dân tộc học, đã có bài khảo về các thổ dân ở đảo Hải Nam. Hiện ông đang soạn một cái địa đồ về các dân tộc ở Đông Pháp (*Carte ethnographique de l'Indochine*), còn dự thảo chưa xong, muốn mời mình đến chơi để đưa xem.

Lại đương sửa soạn in tái bản quyển "chỉ nam" về Bắc kỳ của ông, nên muốn hỏi han mấy điều về ngữ ngôn, văn tự, phong tục, xã hội xứ Bắc ta. Ông ở tầng thứ nhì một cái nhà lớn sang trọng lắm. Ông mời vào trong thư viện của ông ngồi nói chuyện. Sách rất nhiều, mà nhiều bộ quý lắm, phần nhiều đóng da bìa cổ, thép chữ vàng cả. Cái thư viện này cũng là một cái của to. Ông có cho xem mấy bộ du ký của các nhà du lịch, các tay thám hiểm đời xưa, những địa đồ, tranh vẽ cổ quý lắm. Ông này cũng là một nhà hiếu cổ, xem cái cách sưu tập và bảo tồn những cổ thư hoạ thì đủ biết. Nói chuyện giờ lâu về sách vở, rồi ông dẫn đi chơi phố, sau mời vào ăn cơm trưa ở cao lầu. Ăn cơm xong lại mời về nhà chơi, uống nước nói chuyện, cho đến bốn giờ chiều. Phu nhân mới đi vắng về, cũng ra tiếp chuyện. Người lịch sự và nhã nhặn. Ông M. đã sang chơi bên ta nhiều lần, nhưng cách mười năm nay ông chưa trở lại, muốn biết những sự thay đổi trong bấy lâu thế nào. Minh cũng nói rằng ở các nơi thành thị thì xem ra có ý khởi sắc hơn xưa, phố xá cũng thấy đã mở mang, buôn bán cũng có ý phát đạt, những thói xa hoa đã thấy thịnh hành, cứ bề ngoài mà xét thì có tiến bộ thật, cứ nội dung thì nhân tâm nhân trí hãy còn dở dang lắm, sự giàu có phần nhiều là cái giàu có xốc nổi chưa lấy gì làm chắc bằng, sự khôn ngoan phần nhiều là cái khôn ngoan mảnh khoe, chưa lấy gì làm lọc lõi; đến như chỗ dân thôn thì tuy cũng ơn nhờ Bảo hộ được yên ổn hơn xưa, nhưng

những lại tẻ ^[5] dân tình vẫn còn nhiều nỗi khó chịu, mà cái vấn đề giáo dục lại là gian nan lắm, bất luận nho học với tây học hơn kém nhau thế nào, có một điều hiển nhiên là xưa kia các con em nhà quê còn có giáo dục, đi đến nơi ngõ hẻm hang cùng còn nghe thấy tiếng bình văn đọc sách, ngày nay tuy trường sơ học cũng thấy lác đác một vài nơi, mà sự phổ thông giáo dục chốn dân thôn hầu như tuyệt nhiên không có vậy. Ông cũng hiểu rằng cái tình thế như thế cũng có điều bối rối, nhưng mong rằng buổi giao thời này rồi sẽ qua được trót lọt vậy.

XXI.

Thứ hai, 10 tháng 7.

Hôm nay là ngày tiệc tháng Hội Địa dư. Hội có mời đến dự tiệc. Tiệc đúng 12 giờ trưa; người dự tiệc tới bảy tám mươi người, toàn là hội viên Hội Địa dư cả. Hội có mời quan Toàn quyền Tây Phi châu Merlin ^[6] làm chủ toạ. Nhưng đợi đến quá trưa không thấy lại, sau mới có thư đến kiếu, nói rằng hiện còn đương dở hội thương với quan Thượng thư ở Bộ Thuộc địa không thể lại được. Bây giờ các hội viên mới vào bàn ăn tiệc, ông phó chủ Hội Địa dư là quan sáu De Trentinian, làm chủ toạ thay quan Toàn quyền

Merlin. Lúc ngồi đầu vào đấy rồi, một ông phân việc trong Hội đứng lên xưng tên cả các người dự tiệc, đó cũng là một cách giới thiệu lẫn cho nhau biết. Tiệc vui vẻ lắm, mình ngồi cạnh quan sáu De Trentinian và quan sáu Leturc, hai ông đã từng tòng quân ở bên ta, còn nhớ nhiều việc về An Nam. Suốt bữa tiệc chỉ nói chuyện về bên ta. Lệ Hội hề mỗi khi mời người khách nào dự tiệc, thời người ấy phải đứng lên diễn thuyết chừng mười lăm phút, muốn chọn đề gì cũng được. Tiệc gần tan, sắp đến mình phải nói đây. Mình đã dự bị sẵn, định nói về Hội Khai Trí ở Hà Nội. Khi dọn đồ tráng miệng thì ông chủ tiệc đứng lên nói mấy lời chúc mừng. Rồi đến ông Tổng thư ký Hội là ông Henri Lorin, đứng lên giới thiệu mình cho cử tọa. Ông này vừa là chân nghị viên, lại vừa làm giáo thụ trường Đại học thành *Bordeaux*, cũng là một tay học thức và một tay ăn nói, không phải người vừa. Ông tặng cho mình những lời khen quá đáng, song cũng là một cách lễ phép đó mà thôi. Chỉ trách ông một điều, là ông làm đến nỗi giới thiệu mình cho đồng nhân là một "vị quan to xứ Bắc kỳ!" Chết nỗi! Cái này giá các ngài trong quan trường bên ta biết thì không khỏi buộc cho cái tội "lạm xưng quan tước", có lẽ cũng nặng bằng tội "lạm đeo huy chương" vậy. Nhưng nghĩ lại nếu trong luật có cái tội như thế, thì ở nước mình bây giờ biết bao nhiêu người mắc phải, mà còn đáng tội hơn mình biết bao nhiêu! Ông nghị đây chẳng qua là xét lắm, trông thấy mình ăn mặc sùng

sính, - vì những hôm đi như thế này vẫn giữ quốc phục, không dám đổi Âu trang, - tặng cho cái tên "quan", cho nó trang trọng, cũng như cái tên "caid", đối với người Ả rập hay người Ma Lặc Kha ^[7], - nghĩa là vào hạng tù trưởng dân thuộc địa, - tưởng thế là danh giá cho mình lắm, có biết đâu!... Vả lại cái tiếng "quan" ông nói đây nó có một cái nghĩa khác tiếng "quan" như người mình hiểu. Thôi thì ông đã hiểu sai mà tặng không cho cái danh hiệu hảo huyền đó, cũng tạm nhận vậy, không hại gì; và lúc này cũng không phải lúc nên "cải chính". - Đoạn rồi đến lượt mình đứng lên đọc một bài ngắn ngắn nói về Hội Khai Trí, cử tọa cũng có ý lắng lắng nghe xem "cái quan An Nam" nói những chuyện gì, nghe xong chắc mới hiểu rằng "cái quan" đây chẳng có quyền cao chức trọng chi cả, chỉ là anh thư ký Hội Khai Trí mà thôi! Nhưng các ông có lẽ cho Hội Khai Trí là có địa vị, có thể lực to tát lắm đấy. Nhất là đoạn mình nói về Hội Khai Trí diễn kịch Molière, có câu rằng; "Người đóng vai toàn là những tài tử An Nam cả, và ăn mặc theo kiểu y phục của quý quốc về thế kỷ thứ 17 (*des amateurs annamites habillés à la mode du grand siècle*), vân vân"... , xem chừng các ông thích chí lắm, tùm tùm cười mà vỗ tay ầm lên. Ý giả cho cái giống người ăn mặc lượt lượt như thế này mà bắt chước đóng tuồng Molière được thì cũng lạ thật. - Tiệc xong chuyện vẫn ít lâu, làm quen với nhiều người, rồi về trọ, đã ngót ba giờ chiều.

Nơi đặt tiệc vừa rồi gọi là "Khách sạn các hội học" (*Hôtel des Sociétés savantes*), ở đường *Danton*, tức là một nhà công quán để các hội học đến hội đồng, học tập, đặt tiệc, diễn thuyết, thường ngày ngày tới tới có đông người luôn, có khi hai ba hội họp nhau ở mỗi khu mỗi tầng. Ở *Marseille* thì có "nhà diễn thuyết của thành phố", ở Paris thì có nhà này; đại khái tỉnh thành nào cũng có những nơi công đồng để tiện cho các cuộc họp hành về đường văn hoá như thế. Ở Hà Nội ta có hội quán Hội Trí Tri và Hội Khai Trí cũng hơi có cái tính cách ấy, nhưng phải chỉnh đốn cho hơn nữa mới được, và hiện nay chỉ hiếm hĩ còn ít những cuộc học tập có ích, bất quá thỉnh thoảng có mấy hội "ái hữu" mượn đề họp bầu mấy ông trị sự hay bàn mấy vấn đề sông, cũng có lúc nói năng to tiếng, cãi cọ rậm lời, nhưng chưa khỏi cái lối "việc làng", nghĩa là ồn ào lộn xộn mà chẳng nên câu chuyện gì.

*

Thứ ba 11 tháng 7.

Trưa hôm nay ăn cơm ở nhà cụ ông cụ bà V.. Bữa nay chỉ có một mình, không có khách nào lạ cả. Chuyện trò rất vui vẻ và thân mật. Hai cụ thật có bụng quá yêu mà mình đối với hai cụ cũng một lòng kính mến.

Buổi chiều ở trường Đại học *Sorbonne* có lễ kỷ niệm ông Champollion. Có người quen cho giấy vào xem. Ông Champollion là nhà bác học nước Pháp đã tìm ra trước nhất phép học lối chữ tượng hình cổ của Ai Cập. Năm 1822 là năm ông làm được sự phát minh đó, lại vừa chính là năm ở Paris mới lập ra Hội "Đông phương nghiên cứu Hội" (*Société asiatique*). Nên lễ kỷ niệm hôm nay vừa là kỷ niệm sự phát minh của ông Champollion, lại vừa là kỷ niệm sự sáng lập ra Hội Đông phương. Chính quan Giám quốc Millerand chủ tọa. Lại các chính phủ, các hội bác học, viện nghiên cứu các nước cũng phái đại biểu đến dự lễ. Trông trên đàn cao về hàng thứ nhất, ở hai bên tả hữu quan Giám quốc, toàn là đại biểu các ngoại quốc cả: người Anh, người Mỹ, người Ý, người Nhật Bản, người Ai Cập, vân vân. Còn khắp trong nhà đại diễn đường *Sorbonne*, rộng mênh mông như thế, mà ngồi chật cả tầng trên tầng dưới, có tới ba bốn nghìn người. Lễ này xem ra trọng thể lắm. – Lúc cử tọa ngồi đầu vào đấy rồi, ông Senart là hội trưởng Hội Đông phương đứng lên

đọc một bài diễn văn thuật về lịch sử Hội, và tán dương cái công nghiệp lớn lao của ông Champollion đối với môn khảo cổ học Ai Cập. Ông Senart là một nhà bác học có tiếng, chuyên trị về Ấn Độ học, đã từng làm sách về đạo Phật, thứ nhất là một quyển về "Truyện huyền của ông Phật" (*La légende du Bouddha*), nói rằng chữ Phật là một tên chung không phải tên riêng, và kỳ thực không có ông Phật, sách này hồi mới xuất bản thiên hạ nghị luận nhiều lắm. Ông có chân viện "Khảo cổ bác sĩ" (*Académie des Inscriptions et Belles Lettres*), năm nay tuổi đã cao lắm. Tiếng ông nói nhỏ, giọng già yếu, nên ngồi xa không nghe được mấy câu rõ. Nói ở một nơi to rộng như thế này, phải người có tiếng mạnh, và nhiều dư âm thời mới ba cập^[8] ra khắp trong diễn đường được. Đoạn đến ông Học bộ tổng trưởng Léon Bérard đứng lên diễn thuyết, thay mặt chính phủ ngợi khen cái công học vấn của Hội Đông phương và ông Champollion. Ông Học bộ này thì nói giỏi lắm, đã có tiếng ở nghị viện là một tay biện thuyết có trí tuệ và có văn chương. Chính ông hiện đương chủ trương về sự khôi phục cổ học Hy Lạp La Mã ở các trường trung học, xem chừng dư luận trong quốc dân có ý hoan nghênh. Người ta cho ông là thuộc về phái "nhà nho" chuộng cổ học. Coi người ông cũng có cái vẻ nho nhã lắm. Nhân nghĩ "nhà nho" Tây họ cũng có khác "nhà nho" mình: họ lanh lợi, hoạt bát, sắc sảo, khôn ngoan, biết đem cái cổ học mà điểm vào cuộc đời nay cho có

phong vị nghĩa lý, chứ không phải làm nô lệ cổ nhân; họ là "thông nho", không phải là "tục nho", "hủ nho". Nước ta bây giờ đương phải cần có những nhà nho như thế... Ông Thượng thư nói rồi, đến đại biểu các ngoại quốc. Người Anh và người Mỹ toàn nói bằng tiếng Anh cả, mình chẳng hiểu một câu cú gì, và tưởng nhiều người ngồi đây cũng như mình mà thôi. Đến đại biểu nước Ý thời nói bằng tiếng Pháp, nói cũng dễ nghe, và không có giọng gì là giọng ngoại quốc cả. Thường người Ý Đại Lợi, người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, học tiếng Pháp dễ hơn người các nước khác, và khi học đã thông thì nói không khác gì người Pháp mấy, vì mấy nước ấy cùng với Pháp là thuộc về dòng "La tinh" cả, cho nên về đường ngôn ngữ, tính tình, phong tục, xã hội, đều có hơi họ hàng với nhau hết. Nhưng dòng "La tinh" mà đối với dòng "Nhật Nhĩ Man" và dòng "Anh Cát Lợi" thì thật là cách biệt nhau, cứ một cái mô dạng bề ngoài cũng đã khác lắm rồi, không nói đến tính tình ngôn ngữ nữa. Tuy vậy mà về đường chính trị, dẫu cùng dòng cùng giống nhưng vị tất đã cùng lợi cùng quyền, nên họ hàng mà nhiều khi cũng xô xát nhau hơn người ngoài vậy. Hiện nay sự giao thiệp Pháp với Ý cũng chưa lấy gì làm tốt cho lắm. - Người Ý nói tiếng Pháp đã giỏi mà người Ai Cập nói lại giỏi nữa. Mới biết không cứ giống dòng, hễ học đến nơi thì tất phải giỏi. Người Ai cập vốn mến chuộng tiếng Pháp, phàm người thượng lưu học thức trong nước, ai cũng thông tiếng Pháp

cả. Khi ông đại biểu Ai Cập, đầu đội cái "mũ ống" đỏ (*fez*), như mũ người ấn Độ ở bên ta, đứng lên diễn thuyết, ai nấy đều có ý để mắt nhìn, để tai nghe. Ông nói tiếng Pháp y như người Pháp vậy, mà lại có phần rõ ràng dễ nghe hơn nhiều người Pháp. Đại khái nói rằng ngày nay là ngày kỷ niệm ông Champollion, đối với người Ai Cập không khác gì như ngày giỗ một ông tiên sư, nên cái nghĩa vụ của chính phủ, của quốc dân Ai Cập là phải phái người đến dự lễ để tỏ lòng thờ kính một bậc bác học đã có công phát minh ra cái lịch sử vẻ vang của nước Ai Cập, và nhân thể tỏ lòng mến yêu nước Pháp xưa nay vẫn giàu cái lòng hào hiệp giúp đỡ cho các dân tộc nhỏ yếu. Nói đến đây, cử tọa đều vỗ tay. Ông Ai Cập này nói không những rõ ràng dễ nghe, mà lại có văn chương, có ý tứ, có cảm động, có "ngoại giao". Nghe đâu là một người trong chính giới, chứ không phải trong học giới, chính phủ Ai Cập đặc phái sang để dự lễ kỷ niệm này. - Đại biểu các nước nói xong rồi, thời thấy lẳng lặng cả như sắp xảy ra một sự gì quan trọng, ai ai cũng chú mục nhìn lên trên đàn cao chỗ các quan khách ngồi. Bấy giờ thấy quan Giám quốc đứng dậy, cử tọa cũng đều rầm rập đứng dậy theo cả. Quan Giám quốc diễn thuyết, ai nấy đều cứ đứng như thế mà nghe, cho đến khi nói xong mới ngồi xuống. Quan Giám quốc nói thông thả, mạnh mẽ, trịnh trọng, uy nghi như nện xuống từng chữ, uồn rõ từng vắn, rõ ra cách người quyền quý. Đại khái cũng là biểu dương cái công

của các nhà học vấn thường cặm cùi trong chốn thư phòng, nơi học viện mà sưu tầm khảo cứu, người đời nông nổi không biết đến, nhưng thực là nhờ có những người ấy mới hiểu cái lẽ cao thượng ở đời, mới biết đời người sở dĩ làm sao mà không những đáng sống, lại đáng quý đáng chuộng nữa; như thế thì nhân loại đáng biết ơn những bậc ấy lắm mới phải. Những người ấy sinh thời nhiều khi không được hưởng phú quý như kẻ khác, nhưng tử hậu đáng làm bia kỷ niệm muôn đời. Trong lịch sử học thuật nước Pháp thật đã có nhiều những người như thế: ông Champollion đây tức là vào hạng đó, và hội "Đông phương nghiên cứu" lại chính là một nơi lâm tẩu ^[9] những bậc học vấn yêm bác ^[10] đã làm vẻ vang cho nước Pháp, cho cả loài người như vậy. - Quan Giám quốc nói xong thời phùng kèn của đội "Dân quốc Vệ binh" (*Garde républicaine*) thổi mấy khúc, thế là lễ xong.

*

Thứ tư, 12 tháng 7 1922

Cả ngày hôm nay, đi chơi các phố, xem các cửa hàng, sắm ít đồ vật. Xét ra đồ hàng bên này, nhiều thứ cũng chẳng rẻ gì hơn bên ta. Là bởi các cửa hàng đây, một khoản "tổng phí" (*frais généraux*) nặng lắm. Như một cửa hàng vừa vừa, hàng giầy, hàng mũ, hàng quần áo, v.v..., mỗi năm phí về việc quảng cáo cũng kể hàng chục vạn. Lại có hàng dùng cách quảng cáo bằng điện, yết chữ bằng điện ở giữa phố, xoay đi tứ phía được, và cứ khi loè, khi tắt như đèn tháp bể, như thế thời phí tốn biết bao nhiêu. Ấy một mục quảng cáo như thế còn nhiều khoản phí khác nữa. Bấy nhiêu thứ phí rút lại cũng là đổ vào một người mua phải chịu cả, thành ra phải mua đắt. Nay các nhà buôn bên ta, - dù của người Pháp, dù của người Nam mặc lòng, - trực tiếp mua được các hàng hoá ở ngay chỗ chế tạo, đâu có phải cái phí vận tải tự Tây sang đây, nhưng không phải cái khoản "tổng phí" nặng quá như ở Paris, có thể bán giá không đắt hơn gì bên Tây mấy tí, và có khi lại bán được rẻ hơn cũng có. Tôi nghiệm ra có mấy thứ đồ mua bên này đắt hơn bên ta, lấy làm lạ lắm, xét ra mới biết chỉ vì một cái khoản "tổng phí" đó mà thôi. - Cứ thế mà suy ra thì cửa hàng bên ta đối với cửa hàng Tây ở bên ta cũng như thế. Nói riêng về những cửa hàng của người An Nam buôn các hoá hạng tây, muốn cho địch được với các hàng Tây, chỉ mong ở cái "tổng phí" của mình ít mà thôi. Người An Nam mở một ngôi hàng, thường không phí tốn lắm bằng người Tây, cách trang

hoàng bày biện không cần phải sang trọng cho lắm, tiền quảng cáo, công người làm cũng không mất nhiều gì lắm; lại khách mua hàng hầu hết là người đồng bang, mình đã thuộc tính tình, cách giao thiệp cũng dễ. Chỉ phải một điều là mình ít vốn buôn không bằng người, - nhưng vốn ít thì buôn nhỏ, đây không nói sự to nhỏ, chỉ nói sự thua được thôi, - còn thời có nhiều cách tiện lợi hơn người trong việc buôn bán. Thế mà không mấy nhà buôn được phát đạt là có sao? Chỉ thấy nay nhà này vỡ nợ, mai nhà kia đảo trưởng ^[11] là nghĩa thế nào? Xét ra là người mình không biết chỗ ưu điểm của mình, mà lại theo vào chỗ khuyết điểm của người. Mình tranh buôn với người chỉ sở cậy ở cái "tổng phí" của mình ít, thế mà ví có người nào nho nhoe mở ngôi hàng thì có độ hai nghìn bạc vốn đã mất nghìn rưỡi vào tiền trang hoàng cái cửa hàng, làm cho "choáng" như cửa hàng tây, còn có năm trăm bạc buôn, thì buôn làm sao được. Nay đã thành thân ngôi hàng rồi, nếu cứ trần lực chịu khó mà làm như người Tàu, nghĩa là ông chủ cũng mó tay vào làm, đừng lên mặt "ông chủ" vội, bớt những cái phí thuê mượn đi; lại khéo chiều khách, bất cứ kẻ sang người hèn, vào đến hàng mình cũng là chào hỏi tử tế, đừng lên mặt "văn minh" mà khinh người "nhà quê"; lại đừng làm ra cách buôn bán có giờ như các hàng Tây, từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm, lúc nào cửa hàng cũng mở như các hiệu khách vậy; lại trông thấy hàng đắt khách, có cơ phát đạt thời đừng có tự mãn tự

túc vội, cố làm cho đạt được cái thuật trí phú ^[12] ; như thế thì buôn bán gì mà không thành. Nhưng khốn người mình nhiều khi lưng vốn không bằng người Tây, mà lại muốn học đòi cái lối buôn bán "văn minh" như người ta, - "văn minh" đây chỉ là cái "văn minh" tồn tiền mà thôi, cách buôn "văn minh" chỉ là cái cách buôn nặng tiền "tổng phí" mà thôi, - thì địch lại làm sao được. Thiết tưởng cái nghề buôn ta phải bắt chước người Tàu trước đã, vì phép buôn Âu tây chưa chắc đã là diệu, mà lại chưa hợp với tánh tình người mình...

^[1]Tức là đối đáp.

^[2]Hoa đại.

^[3]Đau đầu.

^[4]Cặm cụi siêng năng.

^[5]Điều hư thói xấu.

^[6]Tức quan toàn quyền Đông Pháp bấy giờ.

^[7]Ma rốc.

^[8]*Ba cập*: tràn đến, chuyển đến.

^[9]*Hán Việt từ điển* Đào Duy Anh dịch ra là *nơi ẩn náu*.

^[10]Học rộng.

^[11]Phá sản.

^[12]Làm giàu (*trí* ở đây là làm đến cùng một việc gì đó).

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 11

XXII.

Thứ năm, 13 tháng 7 1922

Cụ V. hôm nay đưa đến chơi ông De Nalèche, chủ nhà báo *Journal des Débats*, ở đường *Saint Germain l'auxerrois*. Nhà báo này là một nhà báo cũ nhất ở Paris, lập ra tới hơn một trăm năm nay. Báo này chủ nghĩa ôn hoà, hơi có ý thủ cựu một tí, nên những bọn tân tiến không ưa, nhưng các phái lão thành lại thích lắm. Báo này tức là cái báo của các nhà quan lại to, các ông giáo đại học, các văn sĩ đã thành danh, các nhà tư bản có nền nếp, v.v., nghĩa là những người yên ổn, đứng đắn cả. Ai đọc báo này tất là những người không có cái tư tưởng "cách mệnh" được. *Les Débats*, hồi xưa có tiếng lắm, khi mới lập ra, những tay trợ bút toàn là những bậc danh sĩ nhất thời, như Chateaubriand, như

Sainte Beuve. Bây giờ tuy vẫn giữ được cái giá trị văn chương - báo vẫn có tiếng là một tờ báo viết kỹ, có văn hơn cả, - nhưng cái thế lực về đường ngôn luận có kém trước, vì đời này là đời cấp tiến, một cái báo lấy chủ nghĩa duy trì, bảo thủ, chắc là hơi có ý trái lại với những phong trào đương thịnh hành ngày nay, thiên hạ không đậm lắm. - Ông De Nalèche là chủ báo này, lại vừa là hội trưởng Hội "Liên hiệp các báo quán thành Paris" (*Syndicat de la Press parisienne*), cũng là một nhân vật có thế lực ở kinh đô. Cụ V. muốn giới thiệu cho mình được biết một ông "đồng nghiệp" có danh giá ở Paris thế nào. Nhân ông chủ còn có khách, cụ đưa đi xem khắp trong toà soạn, đến một cái phòng lớn có một bức hoạ treo khắp cả tường, vẽ cái cảnh tượng toà soạn báo *Débats*, vào khoảng năm 1830-1840 gì đó. Cụ chỉ cho các người vẽ ở trong tranh đó, thì phần nhiều là những bậc đại danh trong văn chương nước Pháp cả. Báo quán đây là một cái nhà cổ, có ý chật hẹp lúc xức, không được nguy nga rực rỡ như các nhà báo *Le Journal* hay *Le Matin*, nhưng trong nhà chỗ nào cũng có cái kỷ niệm về cổ thời. Cụ V. trong ba bốn mươi năm vẫn có chân biên tập ở báo này, nay đã già nghỉ việc làm báo, vào đến đây trông thấy chỗ ăn làm cũ, xem ra có ý cảm động. Mỗi lần nói đến nhà báo này thời cụ nói: "*Cette chère maison des Débats*" (cái nhà báo quý báu kia). Cụ cũng biết rằng báo giữ cái chủ nghĩa bảo thủ là không được hợp thời lắm,

nhưng cụ nói nhà nào có kỷ cương ấy, một nhà báo có đã hơn trăm năm tất đã thành nền nếp bất dịch, khó lòng mà miễn cưỡng thay đổi được, vả dĩ kỳ a dua theo thời thà rằng giữ lấy bản sắc còn hơn. Mình nghĩ bụng cũng cho lời nói ấy là phải. Ông chủ vẫn chưa tiếp khách xong, Cụ lại đưa vào chơi ông thư ký riêng của ông chủ báo. Nói đến tiếng "thư ký riêng", mình tưởng là một bậc thanh niên nhanh nhẩu nào. Vào đến nơi thì ra một ông lão nho, mà một ông lão nho trước thuật đã có tiếng: tức là ông Antoine Albalat. Ai học tiếng Pháp chắc đã từng biết tên và biết tiếng ông Albalat, làm những sách về phép làm văn, phép đọc sách rất có giá trị (*L'art d'écrire; Comment lire les vieux auteurs*, v.v...), mỗi quyển trùng bản ^[1] tới mấy chục lần. Người lễ độ và khiêm tốn lắm, nghe mình nói rằng sách của ông đến bên An Nam cũng có người đọc, có ý lấy làm lạ. - Ông chủ báo thời ra dáng một tay giao thiệp. Tiếp chuyện đến hai mươi phút đồng hồ, ông có ý hỏi han về tình hình kinh tế chính trị bên ta. - Đến gần trưa mới ra về. Ra đến ngoài trông lại thì nhà báo này thật là một cái nhà cổ cũ kỹ, mà xóm này cũng là một xóm cũ kỹ ở thành Paris. Cái hoàn cảnh bề ngoài cũ kỹ như thế, không trách cái tôn chỉ ở trong cũng là cái tôn chỉ duy trì bảo thủ. Nhưng duy trì những cái nên duy trì, bảo thủ những cái nên bảo thủ, thì duy trì bảo thủ cũng không phải là không hay. Vả lại thành Paris này như một cái thế giới: Về đường hình thức thời vừa có những kiểu

nhà mới lạ, những đường phố rất khang trang, lại vừa có những ngõ hẻm đường cong, tường rêu đá mốc, đi tự bên hữu ngạn sông *Seine* sang bên tả ngạn thấy hai cái cảnh mới cũ rất là khác nhau, mà nhiều khi cảnh mới chưa ắt đã là đẹp, cảnh cũ không phải không hứng thú; về đường tinh thần thời biết bao nhiêu những phong trào tư tưởng cũ mới giao tập nhau, xung đột nhau, có khi điều hoà nhau mà cũng nhiều khi công kích nhau, như nói riêng về một mặt ngôn luận, một khoản báo quán thì còn gì trái nhau, ngược nhau bằng báo *Humanité* là cơ quan của đảng cộng sản với báo *Action française* là cơ quan của đảng quân chủ chuyên chế nữa không? Vậy mà các báo ấy vẫn đồng sinh cộng tồn ở dưới cái cảnh trời xanh nước biếc chốn danh đô cả, khác nào như các phương diện khác nhau của một cái văn minh phồn tạp, phương diện nào có lẽ cũng là cần cả; vì hợp cả lại mới gây ra cái văn minh kia, và bấy nhiêu phương diện đều là chế lại lẫn nhau, rút lại cũng không hại gì đến cái thế quân bình của toàn thể. Người nào quan sát không tới nơi, chỉ xem một cái phương diện thời xét đoán tất sai lầm. Duy cái văn minh của Tây phương nó phồn tạp quá, các "phương diện" nhiều quá, muốn bao quát cho được hết mà thu gồm lấy các toàn thể, toàn bức, thật là khó. Phải có một cái sức học, một cái trí khôn, một con mắt sáng khác thường, mới có thể xét không sai mà đoán không lầm được. Cho nên còn lâu năm nữa, cái văn minh Tây phương vẫn còn ngộ

hoặc ^[2] người đòi nhiều lắm. Hiện nay thời nó làm vạ cho người đòi cũng đã nhiều; vẫn biết rằng không phải lỗi tại nó, lỗi tại người đòi hiểu lầm mà thôi, nhưng có chi nó can thiệp đến người đòi làm chi, mà làm cho lời thôi đa sự như thế, khiến cho khách thể giới muốn phẩm bình cho đích đáng, thật không biết luận công luận tội ra thế nào. Âu cũng là cái trò chơi oan nghiệt của ông Hoá công bày ra để ghẹo cột loài người, mà ghẹo cột ngay người Tây phương trước nhất, - vì chính họ sản ra cái báu ma quái ấy mà tự họ xem ra cũng chẳng sung sướng gì, - rồi mới lan dần ra các phương cầu khác. Ta nay là đương giữa lúc làm cái trò đùa cho ông Hoá công đây, cho nên đảo điên điên đảo như cái quay búng giữa trên đời vậy. Nhưng ông đùa lắm rồi ông cũng chán, ta đã là một giống "già sóc", nay ta cứ "gan lì", cũng không đến vỡ đầu sút tai đâu mà sợ...

Chiều hôm nay ăn cơm An Nam với mấy ông đồng bang ở bên này. Mấy ông này là tay chí sĩ, vào hạng bị hiềm nghi, nên bọn mình đến chơi, không khỏi có trình tử dò thám. Lúc ăn cơm trong nhà, chắc lũ đó đứng ngoài như rươi; nhưng họ cứ việc họ, mình cứ việc mình, có hề chi! Đã lâu nay không được ăn cơm ta ăn ngon quá. Ăn cơm ta, nói tiếng ta, bàn chuyện ta, thật là vui vẻ thoả thích. Ăn no uống say, cười cười nói nói, không ngờ bỗng bên cạnh có người đương hấp hối chết, đến lúc xuống

thang mở cửa ra đi chơi mới thấy lão quản gia nói, các ông có ý trách sao lão không báo trước để cho bọn mình khi ngồi bàn ăn biết mà tĩnh túc hơn một chút; lão giơ hai tay lên, tựa hồ như cho việc đó là không quan hệ gì. Trong một nơi đô hội ba bốn triệu con người này, một người chết đi có lẽ cũng không quan hệ gì thật. Nhưng mà cái lòng trắc ẩn, cái bụng bất nhân của người ta, biết rằng giữa đương khi mình vui vẻ thích chí, ở ngay cạnh mình có kẻ đương quần quai sắp chết, thật cũng áy náy không yên một chút nào. Tuy vậy mà cứ như cách sinh hoạt đời nay, còn có dung được cái lòng trắc ẩn, cái bụng bất nhân nữa không? Tưởng cũng khó lắm. Trong cuộc sinh tồn cạnh tranh rất kịch liệt như bây giờ, mỗi người chỉ khu khu biết một thân mình, trì trệ [3] mưu lấy sự sống cho mình, còn rảnh đâu nghĩ đến cái khổ của người mà sẵn lòng thương thay cho người. Ở thành Paris này, trong một ngày biết bao nhiêu đám như đám chúng mình lúc nãy: ở bên buồng này thì kẻ ăn uống say sưa, cười đùa vui vẻ, ở bên kia thì người đương ngắc ngoải, đánh nhau với cái chết một trận sau cùng sắp phải thua, mà chẳng ai biết đến ai, một vách tường cách nhau bằng mấy nghìn dặm!...

Mai là ngày hội kỷ niệm Dân quốc, chiều hôm nay phố phường đã thấy tấp nập kẻ đi người lại. Nhất là ở xóm *Gobelins* này, là nơi kẻ bình dân làm lụng ở nhiều, trông lại càng vui vẻ lắm. Cái

vui ngày hội trong dân gian, dễ ở đâu cũng vậy. Chiều hôm nay, ở Hà Nội ta, đương lũ lượt trẻ con người lớn, kẻ chợ nhà quê, kéo nhau đi quanh Bờ Hồ xem rước đèn đây. Chỗ này *bập bung*, chỗ kia *cập kè*, tiếng hát, tiếng thương ^[4] om xòm; mấy chị nhà quê yếm đỏ, mấy chú khố đỏ nón nghiêng, lả lơi cười nói. Đây tuy không có cái cảnh ấy, nhưng lại có cái cảnh khác cũng tương tự. Cảnh này là cảnh nhẩy đầm giữa đường phố. Ở các đầu phố, hay trước cửa nhà cà phê, thường chăng đèn điện lên trên cây, đặt một cái bục bằng gỗ, trên để một bộ dương cầm, có ghế cho người ngồi đánh, khi nào công chúng đã thấy đông đông thời vặn đèn sáng lên, dạo mấy khúc đàn, các anh các chị khoác tay nhau vào, nhẩy như chơi chơi, coi ra khoái lạc lắm. Những người vui chơi như thế này, phần nhiều là kẻ bình dân, ti tiện, thằng quýt, con nhài, cậu bồi, chú bếp, nhân được ngày nghỉ, phỉ chí đua chơi, nhưng cũng có người thuộc vào bậc cao hơn như bà chủ hàng bánh, ông chủ thợ cạo, v.v., coi nhau bình đẳng, không phân biệt gì cả.

Anh em đi dạo chơi một lượt các phố đông cho biết cái cảnh ngày hội ở Paris thế nào. Những đường phố sang trọng xem ra lại không vui bằng những xóm bình dân thuyền thợ. Hội này thật là hội của bình dân, mà phạm cuộc vui của bình dân, người thượng lưu vẫn không muốn dự; cho mới biết dấu ở nước dân

chủ bình đẳng, các giai cấp vẫn có ý muốn đặc biệt nhau, và sự bình đẳng hoàn toàn, có lẽ không bao giờ có được.

*

Thứ sáu, 14 tháng 7 1922

Sáng sớm đi xem điểm binh ở trường thi ngựa *Longchamp*. Hôm nay có Hoàng thượng ta cùng với quan Giám quốc đến dự cuộc. Giá mình đánh cái áo gấm thì được vào ngồi trên nhà sàn, chỗ các quan khách. Nhưng các ngài áo gấm hôm nay xem ra cũng nhiều, đủ đại biểu cho nước Nam ở trước công chúng rồi, ta là bình dân, ta đứng dưới bãi cỏ cũng được. Đứng dưới bãi cỏ, thế mà thú: nghiệm xét được cái tính tình của kẻ bình dân ở thành Paris này. Người dân ở đây kẻ cũng không khác gì người dân bên mình, mà có lẽ người dân ở đâu đại suất ^[5] cũng thế, cũng thích hội hè đình đám. Như điểm binh hôm nay, từ tờ mờ sáng, vợ chồng con cái đã kéo nhau đến chật cả chung quanh trường thi ngựa này rồi, có người đứng chờ mỗi chân nằm dài ra ở trên bãi cỏ, ăn bánh uống sữa cả ở đây; mà vòng trong vòng ngoài,

nhieu khi có trông thấy gì đâu, chẳng qua người lại xem người mà thôi, thế mà vẫn hăm hở háo hức, lắm khi đứng mãi cũng chán, giở chuyện khôi hài cho vui. Có bác ra mặt sành sỏi tỏ tường, chỉ chỉ trỏ trỏ: "Kìa ông đại tướng nọ, nọ ông nguyên soái kia! Ông tướng này trẻ nhỉ! Ông tướng kia chứng phạm ^[6] !" Thế mà có lẽ lắm người nọ ra người kia cũng có! Lại len lỏi trong đám đông cũng có các trạng ăn cắp, chực lần lưng móc túi. Thật dưới gầm trời, người ta đâu cũng như đâu. Kẻ bình dân vẫn có tính háo hức mà bọn láu cá thì khéo lợi dụng; trò đời chỉ có thế mà thôi.

Điểm binh xong, vua quan trở về, đi đến gần cửa Khải Hoàn, có một người Tây chừng về đẳng cách mệnh chạy xô ra, chìa súng định bắn vào xe quan Giám quốc, nhưng lại chạy lầm vào xe quan Chánh Cảnh sát đi trước. Cảnh binh đi xe đạp ở tứ phía chạy xô lại, bắt ngay được đem đi. Ở bên này những chuyện mưu sát như thế là chuyện cơm bữa hằng ngày, không lấy gì làm lạ.

Chiều tối đi dạo đường *Saint Michel*. Cái cảnh vui đây lại ra một cảnh khác. Vui đây không phải là cái vui của kẻ bình dân, chính là cái vui của bọn học trò. Nhưng cũng là biểu lộ ra cuộc khiêu vũ cả, duy nhảy ở trong nhà, không phải nhảy ở giữa đường. Các hàng cà phê, hàng nào hàng nấy đông chật những người, bàn nào

cũng bên thì mấy ả mày ngài, bên thì mấy chàng thanh niên, khuya khuya đều khoác tay nhau nhảy lên như chơi chơi cả. Hai bên bờ hè thì những hàng tạp hoá và những hàng bán bánh bán kẹo bày ra la liệt. Kiểu hàng này như hình những cái nhà con bằng gỗ, đem đi đem lại được, khác nào như những hàng tạp hoá và hàng đồ ăn của Chêc ^[7] ở trên bờ hè mấy đường phố Sài Gòn vậy. Nhưng chỉ những ngày hội hè mới được bày ra, xong rồi lại phải triệt đi.

*

Thứ bảy, 15 tháng 7 1922

Hôm nay hẹn với cụ V. đến thăm ông bác sĩ Lyon - Caen là viên thư ký Hội Hàn lâm, ban Chính trị Luân lý học, tại nhà riêng ông đường *Soufflot*, trước cửa đền *Panthéon*.

Mấy lần nói chuyện với cụ V., cụ vẫn khuyên nên vào diễn thuyết ở Hội Hàn lâm. Nhưng làm thế nào vào nói được ở một chốn tôn nghiêm như thế? Cụ nói rằng cụ có quen biết nhiều ở

Viện Hàn lâm, để cụ sẽ giới thiệu cho ông vĩnh viễn thư ký là người chủ trương các việc đó. Bởi thế nên hôm nay cùng nhau đến thăm ông Lyon Caen. Ông dạy pháp luật ở trường Đại học Paris, tuổi đã cao, thật ra thái độ một nhà bác học thâm nho. Tiếp ân cần tử tế lắm; nói chuyện hồi lâu, rồi cụ V. mới ngỏ ý muốn có dịp cho mình được vào diễn thuyết ở Hội Hàn lâm, để trước là các ngài Hàn lâm biết được một người Việt Nam có học thức, sau là cho mình được bày tỏ ý kiến tư tưởng của người Nam ở một nơi cao nghiêm danh giá. Bác sĩ cũng hiểu các lẽ đó, nhưng có ý ngần ngại nói rằng: "Hội Hàn lâm còn có một kỳ hội đồng cuối tuần lễ này nữa thời giải tán để nghỉ hè, mà kỳ hội đồng này nhiều việc quá. Vả trừ các thông tín hội viên (*membres correspondants*) của Hội ở các nơi, còn người ngoài vào đây nói cũng ít. Người Đông phương thời năm trước có một ông bác sĩ Ấn Độ cũng vào diễn thuyết ở Hàn lâm, nhưng ông thuộc tiếng Anh hơn tiếng Pháp, nên nói khó nghe lắm. Tôi xem ông đây nói tiếng Pháp được, song xin để tôi liệu thu xếp xem có đủ thì giờ để ông nói ngay kỳ hội đồng sau này không." - Bác sĩ hỏi định diễn thuyết về vấn đề gì; mình cũng đột ngột chưa định gì cả, nói sẽ chọn một đề về giáo dục hay văn hoá. Bác sĩ hẹn vài ba hôm sẽ trả lời cho cụ V. biết.

Vào diễn thuyết ở Hàn lâm, thật mình không bao giờ dám mơ

tưởng đến sự đó. Việc này mà khởi ra thật là tại cụ V.; việc này mà thành được cũng nhờ cụ V.

*

Chủ nhật, 16 tháng 7 1922

Hôm nay không đi chơi đâu, ngồi hăm trong buồng, viết mấy cái thư về nhà.

Trưa, mấy ông chí sĩ cùng ăn cơm bữa trước lại chơi ở trọ, nói chuyện giờ lâu. Nghe nói các ông đi đâu cũng có bọn trinh tử theo sau, chắc bọn đó đứng đâu ngoài cửa cả. Người đồng bang ở nơi khách địa không thể không gặp nhau, gặp nhau không thể không nói chuyện nước nhà, lòng người ai chẳng thế, tưởng cũng chẳng phải là sự phi phạm gì. Vả chính phủ Pháp vẫn có tiếng là khoan dung đại độ, xem như mấy ông ở đây bấy lâu vẫn được yên ổn ở dưới quyền bảo hộ của pháp luật, vẫn được tự do như người Pháp, thì đủ biết. Còn sự trinh sát là phận sự của các Chính phủ, dầu nước nào cũng vậy, chẳng lấy gì làm lạ.

*

Thứ hai, 17 tháng 7.

Sáng sớm tiền ông huyện V. xuống Marseille. Ông định về chuyển tàu sau này, nên xuống Marseille trước để nghe xem đích tàu chạy vào bao giờ và lấy giấy má sẵn. Mình cũng phân vân chưa định về ở thế nào. Cứ kể ở bên này thì ở mãi cũng được. Cảnh Paris là một cái cảnh rất mến người. Ai đã đến đây không nỡ dứt tình mà đi cho được. Vả mình đến đây đã được quen thân một vài nơi, giao tiếp với nhiều người, càng ở thời lại càng thêm biết rộng ra, có ích lợi cho sự kiến văn nhiều lắm. Tưởng học nhà mấy năm, không bằng qua ở đây một tháng. Cái không khí Paris là cái không khí rất bổ cho tinh thần trí não. Ở đây tựa hồ như thấy trong óc thêm sáng suốt, trong lòng thêm rộng rãi ra. Thật thế, không phải nói ngoa. Tưởng giá mình được ở đây vài ba năm thì tính tình tư tưởng nở nang ra hơn bây giờ nhiều. Không phải một mình mình, bao nhiêu người ở qua Paris, đều có cái cảm giác như thế cả, mà cái cảm giác ấy không bao lâu biến

thành ra một cái cảm tình rất đậm thắm. Có nhà làm sách đã nói: "Các nơi đô thành khác, có người sùng thượng, có người cảm phục. Duy thành Paris mới có người ham mê như ham mê kẻ tình nhân." (G.Le Nôtre). Xét những người ham mê thành Paris xưa nay biết bao nhiêu mà kể, mà phần nhiều là những bậc danh nhân đại trí trong thiên hạ cả. Không nói người các nước, nói ngay nước Đức là nước xưa nay ít có cảm tình với Pháp: văn sĩ Đức Henri Heine mê Paris đến nỗi ở đây suốt năm không trở về nước mình nữa; ông thường nói rằng: "Nước Pháp là một cái vườn hoa lớn trồng đủ các thứ danh hoa dị thảo để kết thành một bó hoa tuyệt phẩm: bó hoa ấy tức là thành Paris vậy." Bác sĩ Humboldt cũng nói rằng: "Tôi đến Paris mới thật là thấy sinh hoạt được thành thơ". Lại bá tước Rostopchin là người công nhiên coi nước Pháp như cừu thù, khi chưa đến Paris thì gọi kinh đô nước Pháp là cái "nhà chứa người điên", thế mà sau khi đến ở được ít lâu rồi, thì phải chịu lỗi là xét lầm, nói rằng: "Tôi xét ra chốn kinh đô này thật là chứa tể cả toàn Âu: bao giờ người lịch sự trong thiên hạ còn nói tiếng Pháp, đàn bà còn thích "mốt" đẹp, người ta còn lấy ăn ngon là một cái thú ở đời, thời thành Paris còn ảnh hưởng đến các xứ khác mãi. Chắc là không có tỉnh thành nào trong thế giới gồm được nhiều người giỏi giang, thông minh, nho nhã phong lưu bằng ở đây." - Nhưng mà cực tả được hết cái văn vẻ thanh tú, phát biểu được hết cái giá trị thâm trầm của

Paris thì tưởng không ai bằng ông Goethe, là nhà đại văn hào, đại tư tưởng nước Đức về thế kỷ trước, ông nói rằng: "Muốn biết Paris là gì, phải tưởng tượng ra một cái đô thành kia, bao nhiêu những kẻ giỏi người tài trong một nước lớn học tập cả đấy, hằng ngày giao tiếp với nhau, đua tranh với nhau mà càng ngày lại thêm tài thêm giỏi hơn lên; bao nhiêu những của báu vật lạ của Tạo hoá, những kỳ công kiệt tác của mỹ thuật, sưu la thu thập ở khắp các xứ trên mặt đất, đều tụ họp cả đấy để làm tư liệu cho nhà khảo cứu; mỗi một bước đường, mỗi một nhịp cầu là có kỷ niệm một việc to về đời trước; mỗi một toà nhà, mỗi một góc phố là có di tích một đoạn lịch sử đã xảy qua; lại tưởng tượng ở đấy, trong một khoảng trăm năm xuất hiện những người như bọn ông Molière, ông Voltaire, ông Diderot, v.v., mỗi người một tay phát minh ra biết bao nhiêu là những tư tưởng lạ, lý thuyết mới, suốt hoàn cầu không có đâu gồm được đủ như thế... Ấy Paris là thế đó." [8]

Nay ba anh em cùng lên đây, một người đi trước, mình ở lại cũng phân vân chưa biết lâu chóng thế nào, ngồi nghĩ mới biết rằng mình đã ăn phải bùa mê thành Paris rồi. Cả ngày ngẩn ngơ ngẩn, chưa đi mà đã tiếc, chưa dứt mà đã đau, băng khuâng như người sắp mất lạng vàng. Không muốn đi xem đi chơi đâu nữa. Ra hiệu sách ở đầu phố, mua mấy quyển sách về Paris, nằm

hầm đọc suốt từ đầu chí cuối, càng đọc lại càng thấy rõ những cái vẻ kín duyên thầm của Paris, càng thêm yêu mến Paris bội phần. Mà trông ra ngoài đường phố, cái cảnh Paris hôm nay lại sáng sủa tốt đẹp hơn mọi ngày, dường như muốn đem phô bày những vẻ mỹ miều khả ái cho khách hữu tình càng xiêu lòng đắm đuối. Trời 6 giờ chiều mà còn như giữa ngày; mặt trời chiếu dọi vào mái đền *Panthéon*, như rắc vàng trên tường đá. Một mình lủi thủi đi trước cửa đền, gót giày nện xuống đường đá, tiếng vang như động đến trong đền. Trông quanh mình như người quen cảnh cũ cả: kia nhà sách *Sainte Geneviève*, nọ nhà thờ *Saint Etienne*, kia là nhà thị sảnh khu thứ 5, nọ là trường học Luật, lại tượng này là tượng ông Rousseau, tượng kia là tượng ông Corneille; ngày khác đi qua thì chỉ thấy những đồng đá lù lù, mà làm sao ngày nay như đá có sinh hoạt, đá đều biết nói, đá bảo mình rằng: "Ớ, anh con trai Nam Việt kia! Anh chớ có tự phụ mang cái quốc gia chủ nghĩa của anh mà mong tránh khỏi cái cám dỗ của chốn danh đô này. Những tay khôn ngoan tài giỏi hơn anh nhiều cũng còn không tránh được nổi, huống nữa là anh. Anh chớ nên đem bụng hẹp hòi. Anh thương yêu nước anh là phải, nhưng anh yêu mến chốn này cũng nên. Cái quả tim thế giới, cái khối óc văn minh là đây. Người Pháp tuy có công gây dựng ra chốn này, nhưng ngày nay là của chung thiên hạ rồi, khách Đông phương, khách Tây phương, ai ai đến đây cũng phải

cảm. Dầu Đông Kinh, Yên Kinh, Kim Lăng, Thuận Hoá của á Đông anh, cũng không đâu thu gồm được lắm cái vẻ tinh hoa của văn hoá bằng ở đây. Anh không phải giữ gìn, anh không phải e lệ, anh không phải ngượng ngập, anh không phải thẹn thùng; anh cứ để cho cái tinh thần lãng mạn của anh nó bay bổng, anh cứ để cho cái thiên tính hiếu kỳ của anh nó tiêu dao, anh không sợ cái phóng tâm của anh không thu về được, vì dầu anh có thả rộng nó ở trong cái vườn hoa thế giới này, nó lại càng được ngửi nhiều hoa thơm cỏ lạ, càng được thêm nở nang khoát đạt ra, có ngại gì..." - Đến trước cửa hàng cơm đường *Soufflot*, tuy trời hãy còn sớm, cũng vào ăn cho xong việc. Nhưng hôm nay trong dạ bâng khuâng, ăn không thấy ngon. Qua quýt rồi đứng lên, đi vào vườn *Luxembourg*. Vào đến giữa vườn, trông cái cảnh mới đẹp sao! Như một bức tranh trước sắc ^[9], mà màu sơn nét bút tươi sáng biết dường nào! Lầu cao, tượng đá, bể nước, bụi cây, cho chí cánh hoa xanh đỏ, rào sắt vàng đen, rõ mồn một, như tay thợ vẽ mới tô. Nhưng đẹp nhất là cái cảnh trời về mặt Tây, bóng dương đã xế, mây vàng vắn vờ, thật là: Trời tây bâng lảng bóng vàng.

Không gì đẹp bằng góc trời đó, mà cũng không gì buồn bằng đám mây đó. Vì trông mây sực nhớ đến nhà: Lòng quê gửi đám mây Hàng xa xa.

Mến cảnh mà nhớ nhà, nhớ nhà mà mến cảnh, trong lòng lại càng ngổn ngang thêm nữa. Trời vừa sập tối, lính canh vườn đã nổi trống để giục khách tháo lui. Lúi thủi bước ra, đi thẳng về trọ, qua đền *Panthéon*, cũng gót giày nện xuống đường đá, tiếng vang động tới trong đền, nhưng đá tựa im hơi, không nói gì nữa; hay là vẫn nói mà lòng đã bị đám mây lúc nãy mang đi xa rồi, không để tai nghe nữa.

Về trọ nghỉ, mãi canh khuya vẫn trần trọc chưa ngủ được. Từ ngày sang đây đến giờ, đêm hôm nay mới thấy buồn là một, thật là: Lạnh lùng thay giấc cô miên!...

*

Thứ ba, 18 tháng 7 1922

Hôm nay nhận được thư của ông Vĩnh Viễn thư ký Hội Hàn lâm bảo cho biết rằng Hội Hàn lâm sẽ vui lòng nghe mình diễn thuyết kỳ hội đồng ngày thứ bảy 22 tháng 7 này, xin đúng 2 giờ ngày ấy tựu ^[10] tại Hội sở. - Thế là cái mơ tưởng hoang mang nay sắp

thành sự thực đây. Nửa mừng mà nửa sợ, mừng là thật là một cái hạnh ngộ ít có, một sự vẻ vang không gì bằng; sợ là không biết nói làm sao cho nghe được, để khỏi phụ lòng các ngài có bụng chiều cố đến, khỏi gây ra cái cảm giác xấu về người An Nam. Các ngài trong Hội Hàn lâm chắc là chưa từng biết người An Nam bao giờ; nếu mình nói năng không ra gì thì các ngài sẽ xét người nước mình ra thế nào? Bây giờ mới biết rằng kẻ sát phu cũng có trách ^[11] với nước là thế. Mình chẳng có danh vị gì mà cũng phải lo đến quốc thể đây: Chà! chà! ghê quá! Không biết các ngài quyền cao chức trọng, đại biểu cho cả quốc gia, thì lo đến đâu; có lẽ đến không ăn không ngủ được chắc?!

Ông S. nguyên làm thầy kiện ở Nam kỳ, nay có tư bản về ở Paris, mời đến ăn cơm tối ở nhà riêng ông, *Rue de l'Université*. Ông là người thích chơi sách cổ, sưu tập được nhiều sách lạ. Bà vợ có nhan sắc và người nhã nhặn lắm. Nhà coi ra cách sang trọng lịch sự. Khách ăn cơm có một nhà làm báo, một nhà kiến trúc (nghe đâu đã vẽ kiểu nhà đầu xảo của thuộc địa Tây Phi châu ở Marseille), quan Thanh tra thuộc địa hưu trí Salles là người đã có công lập ra nhiều Hội Trí Tri và Hội khuyến học ở bên ta, và mấy ông nữa không nhớ tên. Tiệc xong, phần nhiều nói chuyện về bên ta. Khi ra về cùng đi với ông làm báo, – tức là một "bạn đồng nghiệp" đó, – nói chuyện về cách làm sách làm

báo ở bên này. Ông giữ mục "Phê bình văn học" ở một tờ báo lớn, nên ông tường về các phong trào văn học ngày nay lắm. Đi đến đường *Saint Michel* hãy còn dắt nhau vào nhà cà phê nói chuyện, mãi đến khuya mới về.

XXIII.

Tháng tư, 19 tháng 7.

Hôm nay ở nhà soạn diễn thuyết.

Nghĩ trong các vấn đề thiết yếu cho người mình không gì bằng vấn đề giáo dục. Bèn khởi thảo một bài tỏ rõ cái tình trạng sự giáo dục ở nước ta, phân trần những điều lợi hại, những sự khó khăn, và hỏi ý toà Hàn lâm nên giải quyết thế nào cho hợp lẽ. Đại khái nói rằng nước Việt Nam là một nước cổ, vốn đã có một cái văn hoá cũ, nhưng cái văn hoá cũ ấy ngày nay không thích hợp với thời thế nữa, cần phải có cái văn hoá mới đời nay thì mới có thể sinh tồn được trong thế giới bây giờ. Hồi đầu quý chính phủ dạy người An Nam chẳng qua là dạy lấy ít tiếng tây để sai khiến các công việc cho dễ, chưa phải là truyền bá văn minh học thuật gì. Gần đây mới gọi là bắt đầu ban bố một cái học cao

hơn trước một chút. Nhưng trong sự truyền bá cái học mới ấy, có nhiều nông nổi khó khăn, quý chính phủ vẫn chưa giải quyết được ổn thoả. Nếu dân Việt Nam là một dân mới có, chưa có nền nếp, chưa có lịch sử gì, thì quý quốc cứ việc hoá theo tây cả, dạy cho học chữ tây hết cả, đồng hoá được đến đâu hay đến đó.

Nhưng ngặt thay, dân Việt Nam không phải là một tờ trắng muốn vẽ gì vào cũng được; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi. Nếu bây giờ viết đè thêm một chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất. Cho nên bây giờ dạy khắp chữ tây cho người An Nam từ tuổi nhỏ đến tuổi lớn, như ở các trường Pháp Việt ngày nay, kết quả chỉ đủ làm cho người An Nam mất tính cách An Nam mà chưa chắc đã hoá được theo tây hẳn, thành ra một giống lửng lơ thật là nguy hiểm. Muốn tránh sự nguy hiểm ấy, chỉ có một cách: là dạy cho trẻ con An Nam bằng tiếng An Nam cho hết bậc tiểu học, lấy cái phổ thông giáo dục bằng quốc văn làm gốc, như thế vừa tiện và vừa mau, vì không mất thì giờ học một thứ tiếng ngoại quốc dở dang không đến nơi và không dùng được việc gì. Học trò đã được bằng tiểu học tốt nghiệp bằng tiếng An Nam rồi, bây giờ mới kén chọn người nào có sức được học lên các bậc trên nữa, như trung học, đại học, thời cho vào một trường dự bị chỉ chuyên học tiếng Pháp, nhưng học theo cách tấn tốc, như người Pháp học tiếng Anh tiếng Đức, nghĩa là học như học tiếng ngoại quốc vậy. Học

thế chỉ vài ba năm có thể thông chữ Pháp đủ theo được các lớp trung học như bây giờ. Như thế mới khỏi được cái nguy hiểm thành một hạng người dở dang, tốt nghiệp ở trường tiểu học ra, chữ tây không đủ dùng được việc gì mà cái phổ thông thường thức học bằng chữ tây cũng còn mập mờ chưa lĩnh hội được hết, còn tiếng của nước nhà thì hầu như quên cả, v.v... - ấy bài diễn thuyết định đại cương như thế, nhưng còn phải phô diễn thế nào cho nghe được.

*

Thứ năm, 20 tháng 7.

Chiều hôm nay lại ăn cơm ở nhà cụ ông cụ bà V. Hai cụ vẫn định một buổi mời ông nghị viên Marcel Sembat và phu nhân để giới thiệu cho mình nói chuyện. Nguyên bà nghị viên là chị em thân thích với bà cụ V., nên hai nhà thường đi lại với nhau thân lắm. Ông Sembat thì ai hơi thuộc lịch sử chính trị nước Pháp ngày nay, chắc cũng đã biết tên và biết tiếng cả. Ông là một tay lãnh tụ trong đảng xã hội, trong khi chiến tranh đã từng làm Công chính

bộ Tổng trưởng (1914-1915). Học thức rộng rãi, có tài làm văn, tài diễn thuyết; lại có tiếng là người dĩnh ngộ khoáng hoạt^[12]. Bà vợ cũng là người tài tình, sở trường về nghề hội hoạ. Nghe đâu hai vợ chồng tương tri tương đắc và cảm phục nhau lắm, thật là kiêm được cả tình cảm sắt lẫn nghĩa cảm kỳ. Hai cụ mỗi khi nói chuyện đến vẫn thường khen ngợi. Hôm nay nhân ông nghị bà nghị sắp đi nghỉ hè ở núi *Alpes*, hai cụ mời đến ăn cơm tối, để thừa dịp giới thiệu cho mình được biết. Hai ông bà thật là người linh lợi và nói chuyện vui vẻ lắm. Cả nhà chỉ ngồi mà nghe chuyện, không phải nói nữa. Sau bàn đến vấn đề giáo dục ở bên ta. Đề này chính là cái đề mình định diễn ở Hội Hàn lâm nay mai; lại là cái đề vẫn thường thảo luận với cụ V., cụ rất đồng ý với mình: phạm tiểu học cần phải dạy bằng quốc ngữ, không thể dạy bằng ngoại ngữ được, đó là một lẽ tất nhiên. Một đứa con trẻ tiếng nước mình không thuộc thì học tiếng nước nào rồi cũng khó; trước hết phải dùng quốc ngữ để vỡ vạc trí khôn của con trẻ đã, nhiên hậu học tiếng ngoại quốc mới mau hiểu. Ông Sembat thời lại xét cái vấn đề ra một phương diện khác, ra phương diện chính trị. Ông là một nhà chính trị, lại là một nhà chính trị ý kiến rất rộng rãi, vì thuộc về đảng xã hội. Đối với ông thì việc khai thuộc địa là cái sự nghiệp của bọn tư bản, ông không ưa gì bọn tư bản và sẵn lòng đề huề với kẻ lao động, tức là dân thuộc địa. Vậy trong vấn đề này là ông vị dân thuộc địa, - tức là vị người

An Nam mình, - mà nói. Vẫn biết rằng trân trọng quốc âm, bảo tồn quốc ngữ là một sự thiết tha cho lòng người, ai cũng nghĩ thế. Nhưng xét việc đời không thể nhất thiết lấy tình, lấy nghĩa mà xét được, cũng có khi phải lấy lợi, nhất là khi cái lợi ấy là lợi chung cho cả đoàn thể. Người An Nam muốn cho có ngày được khai phóng, tất phải vận động với người Pháp, hoặc là vận động ở các nơi hội nghị, nghị viện, hoặc là vận động ở trước chỗ công chúng dư luận, muốn vận động tất phải dùng tiếng Pháp, vì không thể bắt người Pháp học tiếng Nam được. Như thế thời há chẳng nên học tiếng Pháp cho nhiều, dân càng nhiều người biết tiếng Pháp thì đối với người Pháp lại càng dễ, cái vấn đề chính trị có ngày mong giải quyết được như lòng dân sở nguyện. - Lẽ đó mình cũng phải chịu là phải. Người An Nam ở dưới quyền chính trị nước Pháp, muốn vận động về đường chính trị tất phải biết tiếng Pháp, đó là một điều cố nhiên rồi. Nhưng có phải là nhất ban ^[13] quốc dân An Nam đều có thể vận động về chính trị được không? Chẳng qua chỉ là một bộ phận gồm những người tai mắt, kẻ thức giả trong nước, mới có tư cách vận động mà thôi; bọn đó thời phải biết tiếng Pháp cho thật thông, dầu tốn công phu đến đâu cũng phải học cho kỳ được. Còn phần nhiều người thì cần nhất bây giờ là học lấy cho mau biết những điều thường thức cần cho người ta ở đời này. Những điều ấy dạy bằng cách nào mau hơn, dạy bằng tiếng Pháp hay dạy bằng tiếng Nam?

Nếu dạy bằng tiếng Pháp mà dễ hiểu, mà mau biết, thì cả dân An Nam chỉ nên học tiếng Pháp mà thôi. Nhưng ngặt thay, chữ Pháp là một thứ văn tự rất hay mà cũng rất khó, muốn cho tiềm tiệp thông cũng phải đến mười năm học tập, người An Nam không phải ai cũng có tài có sức mà theo đuổi được như thế. Nay lại đem cái văn tự khó ấy mà dạy những điều thường thức cần dùng thì chẳng phải là uổng công vô ích mà "xôi hỏng bỏng không" ư? Vì là kết quả tất đến rằng những điều thường thức ấy không học cho đến nơi đến chốn được, vì có học mà không có hiểu, mà tiếng Pháp tiếng Nam đều cũng dở dang không sõi cả. Người mà không biết sõi một thứ tiếng nào, kể ngay từ tiếng tổ quốc mình, thì người ấy không bao giờ có nhân cách hoàn toàn được. Nay hoặc nói rằng học tiếng ngoại quốc bao giờ cũng khó, nhưng nếu học ngay từ thuở nhỏ mà thường tập nói luôn thì cũng chóng nhập diệu được. Vẫn biết thế, nhưng một đứa con trẻ An Nam học tiếng Tây, ngoài giờ học, khi ở gia đình, khi ra xã hội, giao tiếp với người nhà người nước đều dùng tiếng Nam cả, không thể sao lấy tiếng Pháp mà thay vào tiếng nước nhà được, trừ đem sang ở biệt bên Pháp thì không kể. Muốn học một thứ tiếng ngoại quốc cho có thể thể vào tiếng mẫu quốc mình, phải có một cái "hoàn cảnh" riêng, mà cái "hoàn cảnh" ấy trừ phi đi ở ngoại quốc, còn ở nước nhà không bao giờ có được. Cho nên dù thế nào mặc lòng, số người An Nam học được tiếng Pháp vẫn là số

ít, còn phần nhiều phải học bằng tiếng nước nhà mới mau biết những điều thường thức. Số ít người trên là số thông minh lọc lõi, về đường chính trị phải thay quốc dân mà vận động với nước cầm quyền, về đường giáo dục phải vì quốc dân mà truyền bá học thức mới. Cái quan niệm ấy có lẽ không được bình đẳng cho lắm, nhưng mà sự thế như thế, không thể sao được. Nếu có phép tiên gì mà dạy cho cả dân An Nam biết tiếng Pháp cho có thể thể vào tiếng nước mình được, thì người An Nam cũng cam tâm tự nguyện theo tiếng Pháp hết. Nhưng phép tiên ấy không có, thời dữ kỳ dở dang mập mờ, Tây không thông, Nam không sôi, thà rằng trước hết hăng học lấy những điều thường thức bằng tiếng An Nam cho mau hiểu đã, nhiên hậu có thì giờ sẽ học đến tiếng ngoài. - Ông nghị viên cũng cho lẽ đó là phải và nói rằng ý ông chỉ xét về cái phương tiện chính trị cho người An Nam cũng như người các thuộc địa khác, còn đối với tình thế riêng bên An Nam có điều không tiện thì ông không biết. Ông ở nghị viện Pháp là một tay tai mắt trong đảng xã hội, mà chủ nghĩa của đảng xã hội là muốn mau khai phóng cho các thuộc địa, nên ông mới chủ trương sự học tiếng Pháp là một cách khai phóng cho dân An Nam. Cái tư tưởng ấy dầu không thể thi hành được, nhưng thật là một cái tư tưởng rộng rãi, cao thượng, không giống với cái tư tưởng những kẻ phản đối tiếng An Nam vậy.

Cơm xong, chuyện mãi đến khuya mới tan. Sáng sớm mai, ông nghị bà nghị cùng với cô con gái cụ V. sẽ đi *Chamontix* để nghỉ mát mùa hè này ^[14].

*

Thứ sáu, 21 tháng 7.

Hôm nay đã thảo xong bài diễn thuyết ở Hội Hàn lâm. Mai đã phải dùng đến rồi, không kịp mượn người đánh máy. Thôi cứ thế này đem đọc cũng được.

Nhưng trước khi ra đọc ở Hội Hàn lâm, phải nên diễn tập trước một lần. Không gì bằng đem đọc thử cho hai cụ nghe, được chẳng thế nào hai cụ sẽ bảo. Vả cụ ông đã cho biết rằng có lẽ mai cũng không ra nghe ở Hội Hàn lâm được, vì cụ hiện đương có giấy ứng cử vào chân Hội, không muốn đi lại vội. Như thế thời đọc trước cho cụ nghe, tưởng cũng là một cái nhã ý đối với cụ. Vậy ngâm nga riêng một mình rồi, liền đem cả bản thảo lại đường *Saint Germain*. May hai cụ đều có nhà cả. Tổ ý đọc trước

để hai cụ nghe, hoặc có chỗ nào sai suyển hay sơ suất xin hai cụ chỉ giáo cho, hai cụ lấy làm cảm động lắm. Để đồng hồ bên cạnh, đọc thông thả rõ ràng, vừa đúng hai mươi phút, thế là hợp với cái thời hạn đã định. Còn nội dung thế nào, lời lẽ có nghe được không, hay là rườm tai khó hiểu? Xin cụ cứ thực tình dạy cho. Hai cụ chỉ chữa cho vài cái "phốt" chữ tây vô ý không biết, còn thời nhất định quyết rằng nghe được, không những nghe được mà lại có cái giọng nhiệt thành bạo dạn, chắc sẽ có ảnh hưởng, không đến nỗi là những lời không ngon ^[15]. Hai cụ đã phán đoán như thế, dù là bởi bụng khoan dung muốn khuyên lệ cho kẻ tuổi trẻ lòng thành, hay là vì cách lễ nhượng ^[16] không muốn kích thích cái thói "tự đắc của con nhà văn" mà chỉ trích cho hết những chỗ khuyết điểm, dù thế nào mặc lòng, mình cũng tạm yên tâm, để ngày mai có thể vững vàng mà ra đối diện với các quan Hàn lâm Đại Pháp. - Hai cụ cũng mừng cho và nói rằng nghe bài diễn thuyết mới biết cái vấn đề giáo dục ở nước Nam phiền phức là dường nào, và lòng nguyện vọng của người Nam cũng chánh đáng là dường nào.

*

Thứ bảy, 22 tháng 7.

Sáng nay không đi chơi đâu, chỉ bữa ăn đi một lát, rồi về nghỉ ngơi để sửa soạn ra Hội Hàn lâm. Phân vân không biết mặc tây phục hay mặc quốc phục. Đã có bộ *jaquette*, nếu mặc tây thì cũng từng tiệm được. Nhưng nghĩ lại, gặp những cơ hội như lúc này mà nỡ bỏ quốc phục đeo tây phục, thì cũng tủi cái áo cái khăn anh đồ quá; thôi thì cứ mặc An Nam, chỉ dẫn đi ngoài phố thiên hạ chỉ trở nữa cũng chẳng hề gì. Trước hãy đến đón cụ V. để cụ hướng đạo và giới thiệu cho các ông phần việc, kéo lạ lòng không biết đường nào mà dò. Nhà Hội Hàn lâm này cũng là một cái lâu đài cổ ở thành Paris, mặt tiền trông ra sông *Seine*, trước có cái cầu gọi là "Cầu Văn nghệ" (*Pont des Arts*). Phong cảnh có vẻ cổ thời. Ngoài đường vắng vẻ, vào trong tịch mịch, như có cái khí vị lặng lẽ trang nghiêm. Chỗ này thật là cái "điện Tinh thần" của nước Pháp, bước vào phía bên tả, có cái sân rộng hình bát giác, mỗi bên có một cái cửa lớn: cửa bên hữu bước lên nhà đại diễn đường, trên có cái mái tròn lớn, là nơi cả năm ban bác sĩ họp đại hội đồng hằng năm và ban Văn học (*Académie française*) nghênh tiếp các ông hàn lâm mới ở đây; nhà văn nước Pháp, người nào đã hơi nổi danh giá, không ai là không mong được vào Hàn lâm, được diễn thuyết ở dưới mái tròn

(*parles sous la Coupole*), cho sự đó làm cái tuyệt phẩm vinh hoa ở đời; những ngày thường thì nhà đại diện đường này vẫn đóng cửa luôn, các ban họp hội đồng thường đã có những phòng riêng ở bên trong; - cửa bên tả thì vào nhà Thư viện của Hội Hàn lâm, gọi là *Bibliothèque Mazarine* (có 25 vạn quyển sách). Lại vào một lượt sân trong rộng hơn nữa, và cũng lặng lẽ nghiêm trang như thế, tiếng giầy nện xuống sân đá, nghe rõ mồn một, như vào cái chùa cổ am xưa nào. Rẽ vào cái cửa thứ nhất ở bên tả, đi qua một dải hành lang, rồi lên từng gác, có phòng thư ký ở đây. Vào hỏi ở phòng thư ký, rồi có người đưa đến phòng hội đồng. Ban Luân lý Chính trị thường họp hội đồng cùng một phòng với ban Văn học duy khác ngày mà thôi: phòng này gọi là phòng Tự điển, vì ban Văn học thường họp để làm Tự điển ở đây. Phòng rộng rãi, hai bên tường đều có tượng đá các danh nhân; ở trong cùng có tượng toàn thân của đại tư giáo Richelieu là tể tướng vua Louis XIV đã có công sáng lập ra Hội Hàn lâm (ban Văn học) từ năm 1635, rồi đến tượng Guizot, Cousin, Delavigne, Lamartine, Thiers, Mignet, v.v. - Đến nơi đã thấy vài ba nhà biên tập báo và bốn năm cụ Hàn. Ông vĩnh viễn thư ký Lyon Caen giới thiệu mình cho ông trưởng ban Lacour Gayet là một nhà sử học có tiếng chuyên trị về lịch sử vua Nã Phá Luân. Mình vẫn tưởng rằng hôm nay chẳng được đông lắm, nhưng cũng được vài ba chục ngài (toàn ban chỉ có bốn chục ngài cả thầy). Không ngờ

lác đác chỉ có vài ba cụ nữa đến, thế mà thôi, cả thầy được mười mười hai người, kể cả các nhà báo. Lúc bấy giờ cũng hơi lấy làm thất vọng. Cái thói con nhà văn vẫn hay tự đắc: có lẽ nào các cụ Hàn được tin ông P. Q. diễn thuyết mà lại không hăm hở kéo nhau đến nghe cho thật đông! Đáng lẽ cả bốn chục ngài phải có mặt ở đấy, không thiếu một ngài nào mới phải! Sau hỏi ra mới biết rằng những khi hội đồng thường chỉ có thế thôi, không mấy khi được đến mười lăm ngài có mặt. Và lại nay đã đến đầu hè, phần nhiều các ngài đi ra bể lên núi nghỉ mát cả, đến được thế này đã là đông rồi đó. Khi đã ngồi đầu vào đấy, thấy một ông cụ đầu râu bạc phơ, lưng khom khom chống cái ô đi vào; các cụ đều đứng lên chào một cách kính trọng lắm. Cụ mới vào đó chính là cụ Alexandre Ribot, nguyên thủ tướng Đại Pháp, hiện có chân ban Chính trị và ban Văn học Hội Hàn lâm. Năm nay tuổi đã cao lắm, - nghe đâu ngoài 80, - thường đau yếu, ít khi đến họp hội đồng được, hôm nay thấy đến, cử ban đều lấy làm mừng rỡ lắm. Cụ ngồi vào ghế, rồi ngài ban trưởng khai hội đồng. Chương trình kỳ hội đồng hôm nay có hai bài "thông cáo" (*communications*), tức là bài diễn thuyết cho các cụ Hàn nghe, rồi xét có nên thì sẽ đăng vào sách "Biên tập" của Hội Hàn lâm: một bài của ông giáo trưởng Đại học thành Rennes có chân thông tin của Hội, một bài của mình; rồi đến các công việc Hội, kỳ này có nhiều, vì là kỳ cuối cùng, rồi đến nghỉ hè. Ông ban

trưởng khai hội đồng, liền mời ông giáo Đại học diễn thuyết trước. Ông này người đã có tuổi, nhưng đọc cũng rõ ràng mạnh bạo lắm. Bài "thông cáo" của ông là nói về cái văn hoá Pháp ở Gia Nã Đại (*Canada*), xứ này trước là đất thực dân của Pháp, sau thành thuộc địa của Anh, nhưng người dân vẫn còn nói tiếng Pháp, giữ phong tục Pháp, bảo tồn được cái văn hoá thuần túy của Pháp, có khi sản xuất ra văn chương đặc biệt. Ông bàn về cách làm thế nào mà bồi thực ^[17], phát triển cho cái văn hoá ấy ngày một thêm thịnh lên, khiến cho đất Gia Nã Đại tuy đã lìa với Pháp về đường chính trị mà còn liền với Pháp về đường tinh thần. Bài của ông đọc cũng chừng mười lăm hai mươi phút. Khi đọc xong thì ông ban trưởng cảm ơn ông giáo đã cho đồng nhân nghe một bài diễn thuyết có giá trị. Đoạn rồi đến lượt mình; ai đọc cứ ngồi chỗ nấy, không phải đứng dậy. Mình cố đọc cho to tát đồng dặc để các cụ nghe cho dễ; xem dáng các cụ cũng chú ý nghe. Đọc hết bài dừng lại thì thấy các cụ đều vỗ tay một hồi. Có ý nhận lúc ông giáo Đại học đọc lúc nãy thì không có vỗ tay. Sau về nhà nói chuyện với cụ V. mới biết rằng lệ thường ở Hội Hàn lâm nghe đọc những bài "thông cáo" không có vỗ tay bao giờ, hôm nay các cụ đặc cách vỗ như thế là có ý biệt đãi vậy. Trong bài "thông cáo" của mình có kể rõ về cái vấn đề giáo dục ở nước ta khó khăn là đường nào và hỏi ý các ngài Hàn lâm nên giải quyết thế nào; lại có trích dẫn mấy câu trong một bài đăng ở tạp

chí *Revue de Paris* nói về cái phong trào tự do độc lập ở các dân tộc Đông phương, bài không đề tên tác giả, nhưng chính là của ông giáo Đại học Lévy Bruhl, cũng có chân ban Chính trị Hội Hàn lâm này, viết từ sau khi ông đi du lịch á Đông về (ông có qua cả bên ta nữa). Ông ban trưởng bèn hỏi rằng những lời dẫn đó là của ai, mình trả lời như trên, ông nói rằng ông giáo Lévy - Bruhl chính là người trong ban Hàn lâm này, tiếc hôm nay mắc bận không lại dự hội đồng để nghe diễn thuyết đó. Ông lại nói trong bài diễn thuyết sở dĩ dẫn chứng lời của một vị Hàn lâm như thế thật là đủ tỏ rằng ý kiến của Hàn lâm cũng không khác gì ý kiến của diễn giả. Diễn giả sợ cách giáo dục của chính phủ Pháp ở nước Nam không phải đường, kết quả đến làm mất hết cái cốt cách tinh thần của dân tộc An Nam, làm "mất giống" An Nam đi. Cái hiểm tượng đó cũng đáng lo thật; diễn giả muốn hỏi toà Hàn lâm nên làm thế nào cho tránh khỏi. Vấn đề phiền phức, không thể trong một buổi thảo luận mà giải quyết ngay. Nhưng toà Hàn lâm xin chú ý; vấn đề đã trình bày ra như thế, hoặc có ngài nào trong ban muốn nghiên cứu, sẽ có thư từ bàn bạc với diễn giả, và thử nghĩ xem có cách nào giải quyết được ổn thoả cả mọi đường; nếu quyết định được một cái chương trình thoả đáng, mà cả ban thuận nhận thời lâm thời Hội Hàn lâm sẽ sẵn lòng vận động với chính phủ Đại Pháp cho có thể thi hành được. Hiện nay hăng xin cảm ơn diễn giả đã có lòng tin cậy toà Hàn lâm mà đem

một vấn đề quan trọng như thế trình bày cho biết một cách rõ ràng mà thâm thiết như vậy. - Nghe diễn thuyết xong thì các người ngoài lùi về và hội đồng vào họp trong buồng trong, để bàn việc kín.

ở Hội Hàn lâm ra, về thẳng đường *Saint Germain* để nói chuyện cho hai cụ biết. Hai cụ lấy làm mừng lắm. Lại nghe nói khi đọc xong cử tọa có vỗ tay, hai cụ lấy làm lạ, nói xưa nay ít khi như thế, lần này thế là các cụ Hàn có ý biệt đãi khách phương xa lắm đó. Hai cụ lại nói rằng các ngài Hàn lâm thường không hay đến hội đồng đông bao giờ, ngay như ở ban Văn học phải làm Tự điển mà mỗi lần cũng chỉ mười lăm vị là cùng. Song các bài “thông cáo” đều có đăng vào sách “Biên tập”, tức cũng như quyển tạp chí của Hội, như thế thì người không đến nghe rồi cũng được đọc, tất có ảnh hưởng to. Cụ ông hứa rằng nếu không ở Paris được lâu thì khi nào in bài vào sách “Biên tập” của Hàn lâm, cụ sẽ thương thuyết với nhà in lấy riêng ra mấy trăm bản, rồi gửi sang An Nam cho.

Về trọ nghỉ một lát, thay áo ta mặc áo tây, rồi ra nhà Hội *Association Mutuelle des Indochinois* (Đông Pháp Hỗ trợ Hội), ở đường *Sommerard*. Hội này là của học sinh An Nam ta ở bên này lập ra đã mấy năm nay, bây giờ mới thuê được nhà, làm chỗ

học tập cho người đồng bang, hôm nay khánh thành hội sở mới, có mời Hoàng thượng và quan Thượng thư Sarraut đến chủ lễ. Hội sở còn chật hẹp lắm, được có một phòng lớn và vài ba cái buồng nhỏ, tân khách đứng chật cả. Chủ Hội là ông Cao Văn Sen, người Lục tỉnh, sang bên này đã lâu, hiện làm kỹ sư và đã lấy vợ đầm ở đây. Khi vua quan đã đến đông đủ cả, ông Cao đọc một bài diễn văn chúc mừng, Hoàng thượng nói mấy câu trả lời, nhưng nhỏ quá, không nghe thấy tiếng gì cả, rồi ông ngự tiền thông sự dịch ra tiếng Pháp. Đoạn tân chủ ^[18] chuyện vãn ít lâu, rồi ông chủ Hội đem quyển “Kim thư” ^[19] của Hội ra xin chữ ký Hoàng thượng và các quan khách. Lệ thường các ngài danh giá ký vào sách “Kim thư” của các Hội hay phê mấy câu, hoặc để khen lao, hoặc để khuyến miễn ^[20], và cũng để lưu chút tự tích trong sách kỷ niệm của hội. Khi dâng Hoàng thượng ta ngự phê thì thấy ngài cầm quill bút ra dáng nghĩ ngợi, các quan Tây có ý chờ đợi ngóng trông, bọn mình thì tưởng rằng chắc ngài nghĩ một bài thơ nôm hay thơ chữ Đường luật hay tứ tuyệt gì, nên mới lâu như thế. Lúc bấy giờ cử hội im phăng phắc, ai cũng để mắt vào nhìn, có cái vẻ oai nghiêm vô cùng. Tưởng chừng đức Chí tôn ta, đương khi mấy trăm con mắt ném ánh sáng vào bàn tay ngọc đó, - ngọc thật, vì ngài thường đeo nhẫn kim cương quý giá lắm, - thời:

*Tay tiên gió tấp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu*

ngay tức thì. Nhưng mà không! Cứ thấy cái quản bút quẩn quại trên tay, mà không thấy viết chữ gì. Năm phút, mười phút, mười lăm phút, người đứng chung quanh đã thấy thì thảo động đậy, kẻ nói nhỏ, người đưa mắt, anh em đồng bang mình thì vừa nóng ruột, vừa động lòng. Sau mới thấy ngòi bút chuyển động; ai nấy thở dài! Hỏi ra thì không phải thơ ngũ ngôn tứ tuyệt gì, chỉ có một câu chữ Hán rằng: năm ấy, tháng ấy, đức Hoàng đế Việt Nam đến ngự nhà Hội, thế mà thôi - ấy đức Chí tôn ngài viết một chữ một câu cũng thận trọng như thế...

^[1]In đi in lại.

^[2]Lừa dối.

^[3]Có lẽ ở đây phải ghi là *trì tục*: tiếp tục không ngừng, liên tục
(?!)

^[4]Khen hay.

^[5]Đại khái.

^[6]Chưa tra cứu được.

^[7]Chỉ người Tàu.

^[8]Lược bỏ câu nguyên văn tiếng Pháp. (Trong đoạn này, những lời được Phạm Quỳnh trích dẫn đều có chú thích như vậy của Vương Trí Nhàn - talawas.)

^[9]Được vẽ ra.

^[10]Đến.

^[11]Phần việc phải làm.

^[12]Thông minh vui vẻ.

^[13]Tất cả.

^[14]Khi ở Pháp về đến Sài Gòn, xem điện báo mới biết tin rằng ông Sembat đã bị nạn chết ở *Chamonix*, mà bà cũng tuần tử theo. Các báo đều cảm phục cái cách vợ chồng yêu thương nhau đến cùng nhau sống chết như thế, thật là có cái khí vị tiết liệt như cổ phong, đời nay ít thấy. Về đến Hà Nội, liền viết giấy chia buồn với hai cụ V. Ông Sembat chết là nước Pháp thiệt mất một tay chính trị lỗi lạc.

^[15]Lời lẽ vu vơ.

^[16]Lịch thiệp.

^[17]Chăm sóc.

^[18]Chủ và khách.

^[19]Sổ vàng.

^[20] Khen công lao vất vả và khuyến khích cố gắng hơn.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 12

XXIV.

Thứ bảy, 22 (tiếp theo)

Thôi, kể ở Paris thế này cũng gọi là tiềm tiệm đủ rồi, và xem chừng túi cũng đã nhẹ, nên nghĩ đến quy kế ^[1] thôi. Trong hai tháng trời, tưởng cũng đã xem xét được khá, và cũng làm được một vài việc không đến nỗi tủi mặt con trai Nam Việt. Chẳng dám đâu gọi là một cuộc tráng du, nhưng mắt thấy, tai nghe, óc suy, bụng cảm, nó cũng nở nang mày mặt, mát mẻ tinh thần ra được một chút. Song giấc mộng phải có lúc tàn, cuộc chơi cũng có giờ hết. Nào có đâu của vạn của nghìn như ai mà dám triền miên nơi lạc cảnh ^[2]. Trâu được thả rông bãi cỏ tốt, nhưng gọi là nghỉ xác được ít lâu mà thôi; ruộng nhà còn bê bộn, phải mau mau về mà kéo cày trả nợ cho rồi. Nợ nam nhi nghĩ cũng nặng

thay, thân yếu ớt gánh sao cho nổi? Thôi thì đã sinh ra kiếp người An Nam, dù sương, dù khổ, dù sang, dù hèn, cũng tu cái kiếp ấy cho trọn vẹn. Đất nước người đẹp thật, nhưng vẫn là của người; phong cảnh ta dầu tre gai đất bùn, nhưng vẫn là của ta:

*Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn!*

Hôm nọ theo cái tư tưởng lãng mạn lông bông, cũng muốn nâng lòng uồn trí mà miễn cưỡng cho cảm được cái thú của người.
Nhưng mà:

*Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai?*

Nói cũng đáng tội, mình mến khách, khách cũng có mến mình. Cứ lấy cái cảm tình cá nhân, không phải là không có vẻ đầm thắm. Nhưng mà đối với nghĩa cả nước nhà, thì có sá chi cái tình riêng tri kỷ một vài người đó! Vả lại trong cái bụng mến nhau, có lẽ cũng có một chút hiếu kỳ. Khi lòng hiếu kỳ ấy nhạt đi, và cái tình thể hai nước rõ ra, thì lẽ chủng tộc bao giờ cũng mạnh hơn cảm tình riêng. Ôi! Chủng tộc! Chủng tộc! Trong cái thể

giới ồn ào rộn rịp này, biết bao nhiêu là tiếng kêu tiếng gọi om sòm, khiến cho lòng người phân vân không biết ngả theo đường nào, có tiếng gọi của chủng tộc, của tổ tiên là đối với người hữu tâm vẫn có cái giọng thiết tha mà gióng giả hơn cả. Anh em ta phải nên lắng tai mà nghe, cho biết đường mà tới, kéo nữa do dự trù trù, mơ màng phảng phất, để cho cái phóng tâm^[3] nó lạc đi rồi khó mà thu về cho được. Lắm lúc trông thấy những thú vui cảnh lạ của người ta, cũng muốn cho cái phóng tâm nó được tiêu dao cho thoải thích; nhưng nghĩ lại sức người có hạn, nếu để cho tán mạn đi mà không biết thu thập lại, thời thành ra bông lông không có chủ đích gì, lâm thời không biết hành động ra đường nào. Thôi thì bất nhược^[4] cứ thuận cái lẽ chung của nòi giống mà đừng sai cái tiếng gọi của tổ tiên, dù đi hóng mát nơi nao cũng chớ quên chốn cũ ao nhà, thế là phải đạo làm người hơn cả.

- Song cũng có kẻ hoặc vì cái lợi tâm, hoặc vì sự đăng trí, hoặc vì hiểu lầm sự lợi hại, hoặc vì mua chuộc cái hư danh, đến tai sáng mà làm ra tai điếc, không để mà nghe tiếng gọi đàn, thậm chí lìa đàn mình để theo với đàn người, bỏ làng, bỏ nước, bỏ giống, bỏ nòi, bỏ quốc tịch, để theo ngoại tịch, thì thật không hiểu bụng họ nghĩ ra làm sao. Cho dầu vì nước mà bỏ nước cũng không đang, huống lại nhiều khi vì những cơ nhỏ nhen không thể nói...

Viết thư xuống Marseille, hỏi cho đích hôm nào có chuyến tàu và xin giữ chỗ sẵn. Dù thế nào từ nay đến cuối tháng về Marseille để chực tàu. Nhưng trước khi từ giã Paris, còn chỗ nào chưa xem nên xem nốt.

*

Chủ nhật, 23 tháng 7.

Nay đã quyết chí sắp về, còn ở đây mấy ngày nữa, ta nên lợi dụng hết cái thời giờ ấy mà đi xem lấy ít nơi danh thắng ở Paris, vì bấy lâu tuy đi cũng đã nhiều, nhưng còn lắm nơi vẫn chưa biết.

Sẵn có ô tô của ông V., hai anh em định suốt tuần lễ này đi xem cho thật nhiều, không những trong châu thành Paris, mà đi cả các nơi phụ cận ở ngoài nữa.

Hôm nay đi *Maisons Laffitte*, ở về tây bắc thành Paris, cách độ 17 cây-lô-mét. Đây là một cái ấp chừng một vạn người ở về tả ngạn sông *Seine*, cạnh rừng *Saint Germain*, thiên hạ đến du lãm

cũng nhiều, vì có một cái lầu thành cổ và một cái công viên lớn. Lầu thành là một cái kỳ công có tiếng, làm tự thế kỷ thứ 17, theo kiểu của tay kiến trúc kỹ sư Mansart (1642-1651). Thành lầu ở giữa, hào rãnh chung quanh, coi ra trang nghiêm mà vững vàng lắm. Bây giờ là của nhà nước, dùng làm viện bảo tàng, bày những đồ cổ về các vua Louis thứ 13, 14, 15, 16 và Nã Phá Luân. Đi lên tầng gác, có một cái thang đá cuốn coi rất vĩ đại lực lưỡng, áp trần bốn bên có bốn bức chạm cũng tinh xảo, mỗi bức hình ba đứa trẻ con đeo cánh tiên, một bức hình “Khoa học” (*Science*), một bức hình “Canh nông” (*Agriculture*), một bức hình “sự Đọc sách và sự Chiến tranh” (*La Lecture et la Guerre*), coi hình thể đáng đáp những đứa bé xinh sảo, mũm mĩm, ngộ nghĩnh, dí dỏm vô cùng. Đi xem khắp các phòng: nào là phòng hội tiệc, nào là phòng ăn, phòng ngủ, phòng đánh bài của các bậc công hầu vua chúa đời xưa, đầy những cổ hoạ, cổ tượng, cổ khí, cổ đồng ^[5]. Nhưng mà đẹp nhất và quý nhất ở đây là những bức tranh thảm kiểu *Gobelins* hình những cảnh điền viên, cảnh săn bắn, cảnh trận mạc. Nghề dệt thảm này cũng như nghề dệt gấm ở bên ta, mà thành từng bức tranh rộng từng gian nhà một, thật khéo quá. - Xem nhà bảo tàng xong ra xem công viên gần đây; vườn “kiểu Pháp” (*jardin français*), nghĩa là bằng phẳng thẳng thắn, bụi cây bãi cỏ, đường dọc lối ngang, như căng bằng dây, vạch bằng thước cả, tuy không có cái vẽ tịch mịch u nhã như

vườn “kiểu Anh” (*jardin anglais*) nhưng có cái vẻ oai vệ trang nghiêm. Trong vườn có cái tượng đứng vua Nã Phá Luân. Hôm nay tuy ngày chủ nhật, nhưng khách du thường cũng ít, và phần nhiều là người ngoại quốc.

Về Paris ăn cơm trưa, nghỉ ngơi một chút, rồi lại lên xe đi về phía Bắc châu thành, không chủ định đến đâu cả, cứ chạy liêu, chắc rằng thế nào cũng có chỗ đáng xem. Cách Paris 7 cây-lô-mét có thành phố *Saint Denis*, coi ra đông đảo sầm uất lắm, nhưng định đến chiều trở về sẽ dừng lại xem, nay hẵng đi quá lên trên một ít nữa xem đến đâu. Đi chừng năm cây nữa thì đến một nơi hồ núi mát mẻ, lầu các nguy nga, bóng cây lồng bóng nước, chiếc thuyền bơi giữa hồ, phong cảnh thanh nhàn đẹp đẽ quá, đành đỗ xe vào quán nghỉ chơi. Hỏi ra thì đây chính là hồ Enghien, là nơi hóng mát cho những khách sang trọng miền này, và lại là nơi có ôn tuyền ^[6] để cho khách dưỡng bệnh đến đây tắm và uống nước. Trên bờ hồ san sát những nhà lầu, nào là khách sạn, nào là ca lâu, nào là đồ trường ^[7], nào là kịch quán, thật là chốn ăn chơi phong thú. Hồ rộng bằng hồ Tây của Hà Nội ta, nhưng vẻ đẹp thiên nhiên mà lại có thêm tay người tô điểm, coi cũng ra một cái “hồ văn minh” lắm. Có chỗ nhà ở ngay liền hồ, có bậc đá bước xuống; lại có chỗ đặt bao lơn để cho du khách đứng hóng mát; chỗ này thì để hảnh từng dãy thuyền bơi,

chỗ kia thì đồ dăm mười chiếc tàu máy, ấy là chục có khách nào muốn “hồ thượng phẩm châu” hay là “tùy ba đài kỷ”^[8] thì đã sẵn sàng hết cả. Chắc đã có những hội buôn kinh lý, những công ty lĩnh trung cả rồi. Trời hôm nay lại hơi nóng, đứng đây hóng mát, kẻ cũng khoái thay! Vụt thấy người chạy xôn xao, kẻ kêu người gọi; hỏi ra thì nghe đâu có người nào chết đuối ở ngoài xa kia, bọn thủy thủ đổ nhau ra cứu, nhưng ở tận tít mù đàng kia, không biết có cứu được không. Hay là đôi uyên ương nào ngòì hú hí với nhau trong “ca nô” chưa thoả, lại muốn cùng nhau xuống tắm dưới hồ chẳng? Nghe đâu những cái “lạc cảnh trung chi bi kịch” đó, ở đây xảy ra là sự thường. Có khi thời anh chị quá vui, đưa nhau ra những nơi hẻo lánh, rồi đêm khuya chèo về, lạc lối đâm vào bụi rậm. Có khi thời ra đến giữa dòng, buông chèo mặc gió, phỉ chí vầy vùng, chợt thuyền nghiêng, đâm nhào cả xuống nước...

Khi trở về đồ ở *Saint Denis*, vào xem nhà thờ. Nhà thờ đây kiểu “gô tích”, làm từ thế kỷ 12 và 13, là một nơi giáo đường cổ nhất ở nước Pháp. Phần nhiều những lăng tẩm các bậc vua chúa nước Pháp từ đời Trung cổ đến giờ đều họp ở đây cả, từ vua Dagobert cho đến vua Louis XVI. Nhà tẩm ở trên, còn nhà mồ ở từng hầm dưới, đựng quan quách các vua chúa. Những lăng đẹp nhất là lăng vua Francois I, kiểu đời “Phục hưng”, cột cao, cửa cuốn, bệ

vuông, mái bằng, trên bệ ở bên trong thời có tượng vua và bà phi nằm song song, trên mái lại có tượng vua, bà phi, một vị công chúa, hai người thị thần quỳ chấp tay cầu nguyện, toàn bằng cẩm thạch cả; lăng vua Henri II và bà phi Catherine De Medicis, cũng có tượng nằm và tượng quỳ bằng đá như kể trên, mà bốn góc lại có bốn bức tượng đồng lực lưỡng hình các công đức của nhà vua; lăng vua Louis XII và bà Anne De Bretegne, hình chữ nhật như cái nhà táng lớn, bốn bề tượng đá la liệt; lăng vua Dagobert như hình cái khám đá chạm trổ rất tinh vi. Nhà thờ này thật là một nơi bảo tàng về nghệ chạm khắc nhà mô ở nước Pháp. Xem xong trên, xuống dưới hầm là chỗ để quan quách các vua chúa. Hầm xây cuốn, chia ra từng hàng từng dãy, cũng có cái mô kiến trúc đẹp, nhưng phần nhiều là chỗ để xác thôi, không có quy mô tráng lệ như các nhà tẩm ở trên.

Xem nhà thờ này mới biết cái lịch sử rực rỡ lâu dài của nước Pháp, và biết cái công nghiệp của các bậc đế vương Pháp đối với lịch sử ấy thế nào. Nước Pháp ngày nay là một nước dân chủ, nhưng cái công đề tạo thật là ở mấy mươi đời quân chủ cho đến giờ. Coi những tượng đá các vua chúa nằm la liệt ở trong nhà giáo đường này, thật như toát yếu được cả mấy thiên quốc sử về vang của Pháp vậy. - Xem người lại ngẫm đến ta: ở nước ta ngày nay, trừ mấy nơi lăng tẩm ở Huế là thuộc riêng nhà Nguyễn, còn

có nơi nào là gồm được cả quốc sử Việt Nam như nhà thờ *Saint Denis* này đối với lịch sử nước Pháp? Nhà vua nào phát tích ở đâu thì có đền thờ riêng ở làng mình, như nhà Đinh ở Hoa Lư, nhà Lý ở Đình Bảng, nhưng kiến trúc sơ sài, nhiều khi cũng tương truyền là nơi cố chỉ ^[9] ở đó, chứ vị tất đã biết đích là mồ mả ở đâu. Lại còn có cái thói khả ố là nhà nào nổi lên cũng muốn diệt hết dấu vết của người trước mình đi, nói là để “tuyệt dân vọng” ^[10]. Thành ra những cổ tích quan hệ đến quốc sử ngày nay không còn gì nữa. Ngay ở Hà Nội là nơi Thăng Long cổ đô, mà bây giờ cung vua Lê, phủ chúa Trịnh, dấu vết của vua Tây Sơn mất đâu cả? Ấy cũng là một điều khổ tâm cho kẻ hữu tâm với nước nhà vậy.

Nhà thờ *Saint Denis* cũng từng qua có hồi lầm than, như hồi Đại Cách mệnh, đảng cách mệnh cho chỗ này là chỗ kỷ niệm mấy mươi đời quân chủ chuyên chế, đến tàn phá, khai quật lăng tẩm lên, vứt bỏ hài cốt đi cũng nhiều, và dùng nhà thờ làm chỗ để lúa. Nhưng qua một hồi cuồng nhiệt như thế, rồi đảng dân quốc lại lấy làm hối, và từ sau đời đời tu bổ để vừa làm một nhà bảo tàng về mỹ thuật bản quốc, vừa làm một nơi công miếu để kỷ niệm công đức những đế vương các tiền triều. Ngày nay khách du quan vào đến đây, không thể không cảm phục cái lịch sử xán lạn của nước Pháp.

Nhưng trời sâm sẩm tối mà một mình đứng giữa đám người đã nằm sóng sượt cả ra như thế này, nghĩ cũng rùng mình rợn tóc. Lại nhà thờ to rộng, tiếng người om om, dưới hầm thăm thăm, hơi đá lạnh lùng, tưởng như hồn người chết còn lẩn khuất ở cả đâu chốn này, và đêm khuya thanh vắng, những tượng đá kia sẽ dựng dọc dãy mà cùng nhau ngồi thì thầm những chuyện thiên cổ. Phải để cho Liêu Trai chủ nhân vào ở đêm trong hầm này để làm truyện mới thú...

Lúc trở về đi quanh ra qua trường tàu bay *Le Bourget*, nhưng đã chiều tối, không dừng lại xem.

*

Thứ hai, 24 tháng 7.

Hôm nay định đi chơi nhưng trời mưa cả ngày, nhân ở trọ viết thư từ biệt các chỗ bạn bè quen thuộc ở đây để cuối tháng xuống Marseille, quyết chuyển tàu sau là về. Lại nhân thể soạn những sách vở mua trong hai tháng nay, chất đầy cả trên lò sưởi và

trong tủ áo. Gặp sách gì cũng mua, để ùn lên đầy, không nghĩ đến lúc đem về thế nào. Có mấy cái rương đựng quần áo, cố xếp vào không tài nào đủ. Phải gọi thợ mộc đóng một cái lớn nữa để mới vừa, hôm nay nhặt nhanh xếp cả vào, cân nặng tới hai trăm cân. Những *cartes postales* cũng đã chập một cái va li nhỏ rồi; đến nơi nào, xem chỗ nào cũng mua, anh em đã phải cho là dở người!

*

Thứ ba, 25 tháng 7.

Sớm thăm các quý quan ở Kinh tế cục để từ giã và dặn về việc in bài diễn thuyết ở trường Thuộc địa. Ý muốn khi in xong thì gửi tặng ít nhiều người mình quen biết ở đây, có kê ra một cái sổ để lại.

Buổi chiều vào chơi trong công viên *Tuileries*. Đây là một nơi vườn hoa đẹp nhất ở thành Paris, ở vào sau cung *Le Louvre*. Trước đây là cung *Tuileries*, vua Louis XVI ở đây, sau bị phá, bây giờ làm thành nơi công viên, trong có bụi cây, bể nước,

tượng đá, tượng đồng, xem đến mấy giờ đồng hồ không hết. Nhất là tượng ở trong này thì không biết bao nhiêu mà kể, có tới mấy trăm pho, không phải toàn là kỷ niệm danh nhân, phần nhiều là những tượng tả thực, như tượng một con hổ với con cá sấu cắn nhau, con sư tử với con công, nét chạm mạnh mẽ, và rõ rệt như thực, tượng những nhân vật trong truyện thần tiên Hy Lạp, tượng biểu hiện về cảnh tứ thời, cảnh triều dương, tịch dương, v.v., toàn là hình đàn bà cả. Vườn này tức cũng là một nơi bảo tàng lộ thiên về nghệ điêu khắc nước Pháp. - Vườn dài tới một nghìn thước, rộng ba bốn trăm thước, chung quanh rào sắt cả, một mặt trông ra sông Seine. Kiểu vườn là kiểu của *Le Nôtre*, là nhà công trình sư có tiếng về đời vua Louis thứ XIV, vì trong vườn có hai phần, một phần cũ là vườn ngự uyển khi xưa, một phần mới là sau khi cung bị phá làm rộng thêm ra cũng theo một quy mô như trước.

Nhân vì cái quy mô đây đẹp lắm, tiêu biểu được tuyệt phẩm cái kiểu vườn gọi là “vườn Pháp” (*jardin français*), và trong có nhiều những tượng đẹp của các nhà điêu khắc đại danh xưa nay, nên khách du lãm các nước đến đông lắm, không phải như một nơi vườn hoa thường vậy. Mười giờ tối thì đóng cửa, không cho ai vào xem nữa.

Ở Paris có những nơi công viên như chốn này, thật là những trường học mỹ thuật tự nhiên cho người ta, đến đây là con mắt được thoả thích ngắm những hình thể đẹp của con người gây dựng ra để tô điểm thêm cho cái cảnh phong quang một chốn danh đô.

Ở Đông phương ta chắc cũng có nhiều nơi hoa viên đẹp. Nghe nói Bắc kinh có Di Hoà Viên, Đông Kinh ^[11] có vườn Thượng Dã. Nhưng lối vườn Đông phương với lối vườn Tây phương có khác nhau nhiều; đừng gì ngay một khoản tượng hình người thì chắc là những công viên bên Đông ta ít có. Vì cái tinh thần của hai mỹ thuật khác nhau: mỹ thuật Đông phương trọng về thiên nhiên, mỹ thuật Tây phương trọng về nhân tạo. Muốn quan sát cho khỏi lầm thì bao giờ cũng phải nhớ điều đó. Cho nên vườn ở bên ta có cái vẻ u tịch, có nhân công kiến trúc thời là những đình, những tạ, những núi giả, những lan can, ẩn ước ở trong bụi tùng khóm trúc, vẫn có cái khí vị thiên nhiên. Vườn của Tây và thứ nhất là của Pháp thời ngang bằng sổ ngay, như kẻ như vạch, cây xén cho bằng nhau, cỏ cắt cho đều đặn, rồi những tượng đá, tượng đồng bày ra la liệt, đường ngang lối dọc đối nhau rậm rạp, phần nhân công át hẳn vẻ thiên tạo. Ấy hai cái tinh thần khác nhau như thế, mà không những một về mỹ thuật, về các phương diện khác nhận kỹ ra cũng thấy như thế.

*

Thứ tư, 26 tháng 7.

Buổi sáng đi *Vincennes* vào thăm ông De Casanova, trước làm quan cai trị ở bên ta, nay về hưu trí ở đây. Ông này là người hiền hậu đạo đức, khi còn làm quan, đến đâu cũng để tiếng tốt trong dân gian. Lại là người thông thạo về pháp luật, đã từng biên tập những luật lệ hiện hành ở Đông Pháp thành mấy pho sách dày, các nhà hành chính thường tra khảo đến luôn. Ông ở đây với phu nhân, có trông nom cho mấy người học sinh An Nam sang học bên này, xem ra ân cần chăm chút như con cái nhà vậy. Nói chuyện bên An Nam, ông lấy làm vui vẻ và có ý nhớ tiếc.

Hôm qua xem vườn *Tuileries* vừa mới phiếm luận về mỹ thuật Đông Tây, nói rằng mỹ thuật Tây phương trọng phần nhân tạo hơn vẻ thiên nhiên. Nay đi xem vườn *Buttes Chaumont*, ở về phía Đông Bắc Paris, có núi non gò đống, có cây cối rậm rạp, có đường đi khuất khúc, có hồ, có thác, có đồng, có cầu, có đường xuyên sơn, có lối men nước, quanh co ẩn ước, thật là một cảnh

lâm toàn ^[12] ở giữa nơi thành thị, như thế thời mỹ thuật Tây phương không phải là không biết trọng về vẻ thiên nhiên vậy. Song có ý nhận kỹ, đâu có đá, có nước, có vẻ thanh u, nhưng cái công trình của người ta vẫn còn lộ ra lắm, như cái cầu sắt treo kia, thì thật là cái công nhà kỹ sư muốn nối liền hai quả núi, dây tam cổ buộc chằng bên nọ sang bên kia, như trói buộc cả nham thạch vậy. Đá mà cũng bị trói, ấy là tiêu biểu cái văn minh hùng cường của Thái Tây thắng đoạt cả Tạo vật vậy. Nhưng sức người mạnh quá, không khỏi giảm mất cái phong thú của trời đất. Đâu đứng trong vườn này, là nơi cảnh trí u sầm nhất ở Paris, mà cũng chưa được cảm sâu cái phong thú đó, thì đủ biết vậy.

Xét ra vườn này là một đám gò đồng cao, trước làm mỏ đá vôi, mà đá thì trơ trụi cả, không có cây cỏ gì hết (cho nên gọi là *Chaumont = Monts Chauves*, nghĩa là núi hói). Năm 1866-1867, ông Haussmann làm quận trưởng quận *Seine*, - ông này có công sửa sang cho thành phố Paris nhiều lắm, - định mở mang xóm chỗ này là xóm thuyền thợ ở (tức là xóm *Villette*), bèn lợi dụng đám gò đồng đó mà làm một nơi công viên. Sẵn giữa có một cái hồ, đắp đá làm một ngọn núi ở giữa cao 50 thước, trên đặt một cái vọng đài kiểu Hy Lạp, đứng đấy thu quát được toàn cảnh cả vùng đó. Rồi xẻ núi làm đồng, chắn nước làm thác, trồng cây các khe đá, bắc cầu ngang qua hồ, đặt những đường vòng quanh

khuất khúc, chỗ thấp chỗ cao, chỗ chon von trên sườn núi, chỗ len lỏi dưới bờ hồ, khéo lợi dụng một cái mỏ đá bỏ hoang mà làm nên một chôn du lãm thanh nhàn ở giữa nơi phồn hoa náo nhiệt. Nhân công mà sửa sang được như thế, cũng đáng cảm phục thay!

Xóm này ở gần cửa ô, những bình dân thợ thuyền ở đông. Trong vườn thấy vô số những đàn bà bông bé con đến chơi mát, chắc là vợ những thợ thuyền, chồng đi làm ở nhà trông con vậy.

Vườn này là cái vườn có vẻ lâm toàn hơn nhất, vậy mà tượng đồng, tượng đá cũng còn thấy đến mười mười lăm chiếc rải rắc mọi nơi: có tượng “Cứu người chết đuối”, tượng “Bị chó sói cắn”, tượng “Lội sông”, tượng “Giặc bể”, tượng “Săn chim diều”, v.v., toàn là những trạng thái sinh hoạt ở các miền núi sông rừng bể cả, cũng có cái vẻ tự nhiên.

Trong vườn có hàng quán, ăn cơm, uống nước, nghỉ mát, sẵn sàng cả.

Đến chiều lại lên xe đi ngoài thành phố chơi. Tối vừa đến *Suresnes*, cách thành phố mười cây-lô-mét, ăn cơm ở hàng cao lâu “*à la belle Cycliste*”. Cảnh trí chỗ này cũng đẹp lắm, ở sườn

núi về tả ngạn sông Seine, đối ngạn ngay với rừng *Boulogne* ở bên kia, hai bên chỉ sắc cây xanh ngắt một màu, tối đến đèn thấp lên lác đác trong bụi cây, coi rất là ngoạn mục. Cả vùng chung quanh thành Paris này thật là cảnh sơn thanh thủy tú. Giá có công việc ở bên này lâu, thì nên kiếm nhà ở ngoại châu thành, như nơi *Suresnes* này, sáng sáng ra Paris làm việc, chiều chiều lại về đây ở, cũng thú.

*

Thứ năm, 27 tháng 7.

Hôm nay đi xem suốt cả ngày, cố xem cho được nhiều nơi, kéo còn mấy hôm nữa phải từ biệt Paris, không biết bao giờ lại trở lại được.

Nhà thờ *Notre Dame* thì đã vào mấy lượt, nhưng chưa lần nào xem được kỹ. Sáng hôm nay định vào xem cả trong kho tàng cho được tường tận. Nhà thờ *Notre Dame* thì đã có tiếng là một nơi giáo đường đẹp nhất trong thế giới; có nơi khác to lớn hơn nhiều, hoặc có một vài phần tuyệt đẹp, nhưng không đâu cái quy mô thể

thể chung được xứng hợp bằng ở đây. Kiểu “gô tích”, khởi công tự thế kỷ thứ 13, sửa sang thay đổi mãi, đến thế kỷ thứ 14 mới hoàn thành, nhà chuyên môn cho gồm được cả cái tinh hoa nghệ kiến trúc về đời trung cổ. Ngày nay làm nhà thờ chính thành Paris, cho nên ở trong trang hoàng lộng lẫy lắm. Đi xem một lượt trong nhà thờ, rồi vào nhà “nạp thất” (*sacristie*) ở bên hữu, là chỗ để kho tàng các vật quý của nhà thờ. Có mấy ông cổ phần việc ở đây, khách du lịch muốn vào xem thì phải đợi vào từng chuyến 15, 20 người một, cố đưa vào các buồng, chỉ từng đồ vật mà cắt nghĩa cho nghe. Nhận ra những người vào xem đây, người Pháp ít mà người các nước đông lắm. Đồ để trong kho toàn là đồ vàng ngọc, gấm vóc, mà cổ đã mấy trăm năm cả, mỗi cái đồ là có quan hệ trong lịch sử, hoặc lịch sử của Giáo hội, hoặc lịch sử của nước Pháp. Như có cái áo long cốn của vua Nã Phá Luân mặc khi chịu lễ gia miện ở nhà thờ; một cái câu rút bằng vàng của vua tặng nhà thờ; một hình đức chúa Giê su bằng ngà; những đồ thờ đồ tế như tế tước (*calice*), thánh thể khí (*ciboire*), quan thị đài (*ostensoir*), bằng vàng bạc châu báu, chạm khảm công phu lắm; còn những áo xiêm tế của các chức trong nhà thờ thuộc về các đời trước, xếp đầy từng tủ, không biết bao nhiêu mà kể, mà trông cái nào cũng đầy những vàng ngọc rực rỡ cả.

Xem xong nhà thờ chính, rồi ra xem Toà án (*Palais de Justice*),

vào trong đó phòng nọ viện kia, như mê li, không biết đường nào mà bước. Kể cũng không có gì mà xem, và chủ ý chỉ muốn xem nhà thờ *Sainte Chapelle* ở cạnh đấy, phải đi qua Toà án mới sang được. *Sainte Chapelle* là một cái nhà thờ nhỏ của các đời vua dựng lên về thế kỷ thứ 13 ở trong cung để làm chỗ chiêm lễ riêng của nhà vua, có một tầng dưới và một tầng gác, tầng dưới thì để cho các thị thần, tầng trên thì để cho các vua chúa và các công hầu ngồi châu lễ. Nhà nhỏ, thấp, nhưng mà chạm trổ tinh tế, trong làm toàn bằng gỗ “sên”, sơn son thếp vàng cả, các cửa sổ lồng kính vẽ cổ lăm. Sánh với các nhà thờ khác thì nhà thờ này ví như một cái khám nho nhỏ xinh xinh mà tinh xảo công tế ^[13] vô cùng. Cũng thuộc về kiểu “gô tích”. Ngày nay không dùng làm nhà thờ nữa, giữ làm nơi cổ tích mà thôi.

Thế là buổi sáng xem cũng đã được nhiều.

Buổi chiều xem nhà bảo tàng *Cernuschi*, ở cạnh vườn *Monceau*, rồi xem nhà Thị sảnh Paris. Viện bảo tàng Cernuschi nguyên của một nhà hiếu cổ ^[14] tên là ông Cernuschi sưu tập được nhiều những đồ cổ của Tàu và của Nhật, đã có tiếng trong thế giới, năm 1905 ông mất đi tặng lại cho thành Paris làm nhà bảo tàng chung. Trong đó những đồ đồng, đồ sứ, tượng Phật, tượng thần, tranh cổ, chữ cổ, quý giá vô cùng. Có một cái tượng Phật bằng

đồng ngòai toà sen, của Nhật Bản, cao đến 10 thước, coi rất vĩ đại. Lại có một cái bình hương hình con rồng uốn, cũng ly kỳ lắm. Thôi những đồ quý và đồ lạ ở đây thì không biết bao nhiêu mà kể. Ông chủ nhân này cũng là một tay chơi hào ^[15], đã phí mất bao nhiêu tiền bạc, bao nhiêu công phu mới mua được bấy nhiêu thứ, mà đến khi chết để lại cho công chúng cùng hưởng chung.

Ở đây rồi ra xem nhà Thị sảnh, tức là toà Đốc lý thành Paris. Nhà này mới làm, rộng tới hai ba phố. Có người dẫn đi xem các phòng tiếp khách và phòng hội đồng, thôi thì thực là trang nghiêm tráng lệ, xứng đáng với nơi danh đô đệ nhất trong thiên hạ, không bút nào tả cho hết được.

XXV.

Thứ sáu, 28 tháng 7

Định đến mùng 1 tháng 8 xuống Marseille, còn có vài ba ngày nữa, những chỗ danh thắng nào ở kinh đô chưa kịp xem muốn đi xem cho hết. Thật là cố xem lấy được. Một ngày hôm nay đi không biết bao nhiêu chỗ, từ sáng đến chiều, không nghỉ chân một lúc nào.

Buổi sáng xem đèn kỷ niệm vua Louis thứ 16 (gọi là *Chapelle expiatoire*, nhà thờ giải oan), ở đường *Hausmann* trước ngay cửa nhà “Đông Pháp ngân hàng”. Vua Louis thứ 16 cùng bà phi Marie Antoinette nước Pháp, bị chính phủ Cách mệnh xử tử năm 1793, trước chôn ở đây, năm 1815 mới cải táng đem về nhà thờ *Saint Denis*. Chỗ này nguyên là một cái mộ địa chôn có tới ba nghìn người bị chết về đời Cách mệnh: *Mme* Roland, Charlotte Corday, Danton, Camille Desmoulins, Lavoisier, v.v., cũng chôn ở đây cả. Lại chôn xác ngót một nghìn người lính thị vệ Thụy Sĩ bị giết ở cung *Tuileries* ngày mùng 10 tháng 8 năm 1792. Vậy thời nơi này thật là một cái trường hy sinh của đời Cách mệnh nước Pháp. Cuộc Cách mệnh năm 1789, người đời vẫn gọi là Đại Cách mệnh, vì trước nhất xướng ra cái chủ nghĩa Nhân quyền, Dân quyền, đối với cái chủ nghĩa Thần quyền, Quân chủ, và tự đấy về sau cái phong trào tự do bình đẳng mới tràn khắp trong thiên hạ. Các nước dân chủ và lập hiến ngày nay phần nhiều là chịu ảnh hưởng cuộc Đại Cách mệnh ấy cả. Nay cách ta hơn trăm năm, coi xa tưởng như một cuộc lý tưởng vận động, rất là khoan hồng, rất là cao thượng, như phảng phất có cái gió mát Tự do, có cái hương thơm Bác ái, xa đưa truyền lại đến tận ta. Nhưng đọc sử mới biết rằng cổ lai dễ không có cuộc sát lục^[16] nào gớm ghê bằng hồi bấy giờ, - vì lý tưởng mà giết hại nhau,

mới lại càng ghê nữa, - và gió mát kia chính là cái gió sâu thẳm, hương thơm kia chính là cái mùi tanh hôi của mấy nghìn vạn con người chết oan ở dưới lưỡi dao đoạn đầu đài, đồng xương vô định chất lên tường bằng mấy mươi đầu người vậy. Cho nên người đời không thể tiến bộ mà không phải đổ máu, và giọt máu đào của kẻ sinh linh, ấy là cái đại giá cho cái báu tự do độc lập ở đời vậy. Đã biết cái bài học khốc hại của lịch sử đó, mà bước chân vào văn cảnh chốn này, trong lòng thật là ngậm ngùi ngao ngán.

Sau khi đem di hài vua Louis thứ 16 và bà phi Marie Antoinette về nhà thờ *Saint Denis* rồi, thời năm 1815 vua Louis thứ 18 hạ lệnh xây đền kỷ niệm này. Ngoài sân là mộ những nhân dân và binh lính bị hại, cả thảy ba bốn nghìn người, nhiều quá không thể đếm được hết, nay bình trị ^[17] làm vườn hoa cỏ; chỉ trừ hai bên làm như hai dãy hành lang dài có xây mố bằng đá tử tế, đây là để hài cốt một nghìn lính thị vệ bị giết ở cung *Tuileries*. Trong đền có hai bức tượng vua và bà phi bằng đá, tượng vua thời hình vua quy xuống gối hai tay ra, một vị thiên thần có cánh một tay đỡ lấy, một tay chỉ lên thiên đàng, dưới bệ có khắc lời di chúc của vua; tượng bà phi thì hình bà ngồi, tóc rũ rượi, sỗ tay ra ôm lấy một người đàn bà tay cầm cái “câu rút”, mặt nghiêm nghị và rầu rầu, người đàn bà này là biểu hiện Tôn giáo an ủi kẻ đau khổ,

dưới bệ cũng khắc lời bức thư cuối cùng của bà viết cho bà công chúa em. Đền không có gì lạ, kể về đường mỹ thuật thì cũng tầm thường mà thôi, nhưng đã biết chuyện những cái thảm trạng kỷ niệm ở đây, nên vào xem không khỏi động mỗi thương tâm, và khi bước chân ra về trong lòng luống những bụi ngùi. - Nhân mua một tập tranh để ghi nhớ, trong có ảnh cả bản chúc thư thủ tự của vua và bà phi. Lời di chúc của vua có câu rằng: “Tôi là Louis thứ 16, vua nước Pháp, hiện nay đương cùng với vợ con bị giam ở ngục *Temple* tại Paris, mà kẻ làm tội tôi chính là kẻ thần tử tôi ^[18]. Tự ngày 11 tháng này, tôi không được thông tin với ai, với vợ con tôi cũng không được. Lại phải can vào một cái án không biết sống chết thế nào, vì nhân tình trắc trở, nhân tâm hiểm độc; mà gây ra cái án ấy, thật không bằng cứ ở luật pháp nào; thôi thì chỉ biết cầu Thiên chúa chứng giám cho tấm lòng tôi mà thôi. - Vậy trước mặt Thiên chúa, tôi xin biên ra mấy lời di chúc như sau này. Còn linh hồn tôi, thì tôi xin ký thác ở nơi bề trên, là đấng sáng tạo ra muôn loài, xin bề trên khoan dung tha nạ, đừng thẩm phán theo công tội của tôi mà thẩm phán theo công đức của Đức chúa Giê su chúng tôi đã xả thân chuộc tội cho loài người... Tôi sẵn lòng thành thực tha thứ cho những kẻ cừ thù tôi, thật tôi không hề làm chi nên nổi. Tôi lại cầu Thiên chúa tha thứ cho họ, cùng cả những kẻ vì trung thành với tôi không phải đường mà làm hại cho tôi thật nhiều quá... Con trai

tôi, chẳng may mà lại phải làm vua, thì tôi dặn nên đem hết lòng hết sức mưu đường hạnh phúc cho sinh dân; bao nhiêu những điều oán nổi thù, nên bỏ quên đi hết cả, nhất là những sự khổ hại tôi đương phải chịu bây giờ; phải biết rằng muốn mưu hạnh phúc cho dân thì phải trị dân theo phép luật, nhưng cũng phải biết rằng muốn làm ông vua cho xứng đáng và thi hành được cái bụng tốt đối với kẻ thần dân, thời phải có đủ quyền lực mới được, nếu không thời phạm hành động phải bó buộc, không có oai quyền đủ khiến sợ, lại thành ra hại hơn là lợi cho dân...” - Xét cái khẩu khí đó, không phải là ông vua độc ác chi. Trong sử cũng chép rằng vua Louis thứ 16 vốn người nhân từ, có bụng thương dân. Nhưng vua là tiêu biểu cái chính chuyên chế, mà chính chuyên chế ở nước Pháp thời tích lệ ^[19] đã lâu đời rồi, bây giờ là đến kỳ giải quyết một cách bạo động, không sao tránh khỏi được. Cái phong trào cách mệnh đã nổi lên bời bời, dẫu làm người nhân hậu mà gặp vào hồi ấy cũng không bảo toàn được; âu cũng là cái công lệ thiên nhiên của lịch sử vậy. Tuy vậy mà nghĩ cũng ái ngại thay!

Ở đây ra, đi xem nhà Bảo tàng các nghệ trang sức (*Musée des arts décoratifs*), đặt ở điện *Marsan*, thuộc về cung *Le Louvre* bây giờ, tức là phần cung *Tuileries* trước. Nhà bảo tàng này là của một hội tổ chức ra: Mỹ nghệ trung ương Tổng hội (*Union*

centrale des arts décoratifs), từ năm 1905, họp được đến 2 vạn các đồ mỹ nghệ cũ mới, bày chật bốn tầng điện; lại có một cái thư viện hơn một vạn quyển sách và 60 vạn các thứ tranh ảnh về các mỹ nghệ, cho thiên hạ vào xem. Mỹ nghệ có khác với mỹ thuật, người Âu tây phân biệt rõ lắm. Mỹ nghệ tức là các nghề trang sức, nghĩa là đem các tài khéo mà chế tác ra các đồ đẹp để ứng dụng cho người ta, để tô điểm cho nơi ăn chỗ ngồi được vui vẻ rục rờ. Những đồ bày trong nhà, đồ dùng vào người, đồ gỗ, đồ sứ, đồ dệt, đồ đồng, đồ thuê, đồ khảm, đồ vàng bạc, v.v., toàn là đồ mỹ nghệ, vì là đồ để trang sức. Đến như mỹ thuật thời lại cao hơn một tầng: mỹ thuật thời chỉ chủ sáng tạo ra sự đẹp, không cần gì ứng dụng ra việc đời: vẽ một bức tranh, chạm một pho tượng, cốt thế nào cho tài khéo thần tình, diễn được hết cái ngụ ý thâm trầm của tác giả chứ không quản là pho tượng bức tranh ấy dùng được việc gì. Nếu được việc, như đặt vào nơi nào, bày vào chỗ nào xứng đáng thì càng hay, nhưng không chủ như thế. Nhà mỹ nghệ khéo, chỉ là một tay thầy nghề; nhà mỹ thuật khéo, mới là một tay tài tử. Cổ lai ở Âu châu có ba mỹ thuật danh giá nhất: nghề hội họa, nghề điêu khắc và nghề kiến trúc. Cho nên các viện bảo tàng chỉ nhiều nhất là tranh với tượng, như viện *Le Louvre* về mỹ thuật cổ, viện *Luxembourg* về mỹ thuật kim, v.v.. Đến như nhà bảo tàng mỹ nghệ xem hôm nay thì thật đủ các thứ đồ kiêu, từ thế kỷ thứ 13, 14 cho mãi đến ngày nay: bàn, ghế,

giường, tủ, bát, đĩa, lọ, cốc, tượng đồng, tượng đá, đồ sứ, đồ sành, đồ đồng, đồ khảm, đồ nữ trang, quần áo, khăn thảm, không thiếu thứ gì, bày theo từng kiểu và từng thời đại; xem kỹ có thể biết được các nghề trang sức của nước Pháp từ xưa đến nay thay đổi và tấn tới thế nào. Đồ sứ *Sèvres* và đồ dệt *Gobelins*, xưa nay vẫn có tiếng, kẻ cũng tinh xảo thật.

Xét ra ở nước Nam ta mới có các mỹ nghệ là thịnh, phẩm nghệ khéo toàn là những nghề trang sức cả, còn mỹ thuật thời chưa có gì sánh được với các nước; nhưng ngay trong mỹ nghệ cũng chưa có kỷ luật, chưa có thể thống gì, chưa phân rõ các kiểu cách, các thời đại, các lẽ lối, các phương pháp; thợ thuyền, phần nhiều là người vô học, phi quen tay phóng lại lối cũ, thời bắt chước chép của người ngoài, thành ra tay có khéo mà trí không khôn, không biết biến báo mà vẫn giữ được tinh thần cốt cách cũ, tồn cổ mà khéo ứng dụng về đường sinh hoạt mới, nói tóm lại là không có cái trí sáng khởi khôn ngoan gây ra được trong mỗi nghề một cái “thể thức” (*un style*) trang nghiêm mà đặc biệt. Cho nên các nhà nghề ta, không thể bằng cả ở cái tay khéo được, cũng phải tập cho có cái trí khôn nữa. Nay muốn gây lấy cái trí khôn ngoan trong mỹ nghệ, khiến cho có tinh thần, có “thể thức” thời không gì bằng lập ra một nhà bảo tàng mỹ nghệ, sưu tập lấy những đồ đẹp trong nước, chia ra từng thời đại, bày cho có thống

hệ, để cho những nhà nghề đến đây mà xem, mà học, cho biết nghề mình duyên cách thế nào, thế cách làm sao, rồi hoặc trông đây mà giữ lấy cái cốt cách tinh thần cũ, hoặc nhân đây mà châm chước biến đổi dần, ấy cũng là cách chấn hưng mà bảo tồn cho mỹ nghệ trong nước vậy. Hiện nay ở Bắc kỳ có nhà bảo tàng của trường Viễn Đông Bác Cổ, ở Trung kỳ có nhà bảo tàng của hội Đô thành Hiếu cổ, tuy cũng có gián tiếp giúp cho các nhà nghề trong việc bảo tồn các kiểu cũ, nhưng cốt là chủ về cái mục đích khảo cổ, không phải chủ về cái mục đích mỹ nghệ, không giống như sở bảo tàng ở điện *Marsan* ở Paris này.

Xem được hai nơi trên đó, hết cả buổi sáng. Buổi chiều lại cứ chiều chương trình đã định đi xem các nhà bảo tàng và nhà thờ.

Sở bảo tàng *Cluny* sưu tập các đồ về mỹ nghệ và lịch sử nước Pháp, như đồ chạm bằng đá, bằng gỗ, bằng ngà, đồ phá lang, đồ nung, đồ đồng, đồ gỗ, đồ sứ, đồ dệt, đồ vàng bạc, các bức họa, đồ thảm, tranh kính, v.v., cũng chia ra thời đại và trần liệt có thứ tự lắm. Xem đây thì biết mỹ thuật nước Pháp chịu ảnh hưởng của tôn giáo nhiều lắm. Những bức họa, bức chạm, phần nhiều là hình Đức chúa Bà, Đức Gia Tô, các nam thần, nữ thần hay là các tích trong truyện đạo.

Sau sở bảo tàng lại có di tích một cái sở tắm bằng đá của người La Mã ngày xưa, xây như kiểu cung điện, về thế kỷ thứ 3 thứ 4, hồi nước Pháp hãy còn là đất *Gaule* mà thuộc quyền La Mã cai trị. Tức tên Tây gọi là *Palais des Thermes*.

Ba nhà thờ *Saint Etienne du Mont*, *Saint Séverin* và *Saint Sulpice*, xem chiều hôm nay, mỗi cái đẹp ra một kiểu, mà kiểu nào cũng là ly kỳ tráng lệ, tỏ ra nghề kiến trúc ở nước Pháp đã đến bậc hoàn toàn biết đường nào.

Nhà thờ *Saint Etienne du Mont* ở sau đền *Panthéon*, kiểu đời Phục Hưng (thế kỷ thứ 16), mặt trước có một cái gác chuông đứng một bên ở trên chót vót như một cái vọng đài ^[20] kiểu Hy Lạp, trông lệch lạc mà lạ lùng, như thể một cái nhà hãy còn làm dở chưa xong, thế mà đẹp. Trong nhà thờ có một cái kỳ công vừa về nghề kiến trúc, vừa về nghề chạm khắc, là cái đại diện đài đặt ở giữa nhà thờ (*jubé*), hai bên thang cuốn, giữa như cái bao lon bắc ngang, chạm soi chạm lòng hết cả; trông xa như những mảnh “đăng ten” bằng đá vậy. Hồi xưa cho đến thế kỷ thứ 17, các nhà thờ thường có kiểu đại diện đài đặt ngay ở giữa như thế này, để các nhà giáo sư làm lễ lên đày mà tuyên đọc lời kinh Phúc âm. Nhưng sau kiểu này bỏ đi, và đặt lối diễn đài nhỏ ở bên cạnh, đủ một người đứng, trên có mái đủ thu tiếng nói xuống, tức như lối

chaire bây giờ. Ngay ở nhà thờ *Saint Etienne* này cũng có một cái chaire kiểu gô tích, còn nơi đại diễn đài thì bây giờ không dùng để diễn giảng, trên đặt một cái tượng “câu rút” lớn. Ở đây lại có lăng và điện bà thánh *Genevière*, là vị thần ủng hộ cho thành Paris, kiểu như cái khám, chạm trổ tinh tế lắm, và thiên hạ thường đến cầu nguyện lễ bái đông.

Nhà thờ Saint Séverin ở vào một cái đường phố khuất nẻo, bề ngoài không có vẻ lộng lẫy như các nhà thờ khác, nhưng kẻ thức giả cho là “một cái báu của thành Paris” (*un des joyaux de Paris*). Kiểu gô tích, làm đi sửa lại từ thế kỷ thứ 13 đến thế kỷ thứ 17, cách kiến trúc rất là tinh vi, những cửa cuốn, những “cột vặn” (*colonnes torses*), những đường gân, đường soi đục bằng đá mà nhẵn nhụi, phẳng phiu, đều đặn, chơn chuốt như nặn bằng sáp hay bằng bột vậy. Mặt ngoài cũng chỉ có một gác chuông đặt một bên. Nhà thờ này không phải là chỗ đàn điểm cho khách sang trọng đến lễ bái, nhưng có cái vẻ âm thầm lặng lẽ dễ quyến luyến những người có tính nhã đạm thanh cao, và những kẻ sùng mi thuật lại có ý chuộng riêng lắm nữa. Cho nên có người nói nhà thờ *Saint Séverin* này cũng có bạn tri kỷ, muốn giữ cho xa chốn phồn hoa náo nhiệt, như cái hoa lan nở nơi u cốc ^[21] để cho người quân tử thưởng riêng. Một người bạn tri kỷ ấy, bình phẩm về cái thú đặc biệt ở chốn này, đã nói rằng: “Có người có cái trí

thăm mỹ thanh cao cho nơi *Saint Séverin* này là nơi giáo đường đẹp nhất chốn Kinh đô. Ví bằng tiếng nói thì tất khiêm tốn mà trả lời rằng không đâu dám sánh với nhà Đại giáo đường *Notre Dame* lớn lao to tát ở ngay cạnh đây. Đứng cạnh *Notre Dame* thì sở này ví như một hòn ngọc bội để bên một pho tượng đồng, hay như cái miệng cười chúm chím của một cô con gái thanh tân sánh với cái vẻ rục rờ nghiêm trang của một bà mạng phụ. Nhưng mà chốn này có một cái khí vị đặc biệt với *Notre Dame*: chốn này là chốn tịch mịch, chốn cầu nguyện để cho linh hồn dễ cảm thông với Thượng đế.” (Lời ông J. Paquier giáo thụ trường Gia Tô Đại học viện Paris) – Mình là người khách qua đường, không có cái cảm tưởng thâm thiết về tôn giáo, về mỹ thuật như người Tây, mà vào thăm chốn này, trong lòng cũng cảm thấy mát mẻ bình tĩnh, lâng lâng sạch hết bụi trần, như bước chân vào một nơi chùa cổ am xưa nào ở bên nước nhà vậy. Tưởng giá phải ở bên này lâu thì thường đến đây để nghỉ ngơi tinh thần và tâm niệm những điều nghĩa lý làm cho đời người có một cái giá trị thanh cao. Nghĩ các nhà tôn giáo Tây phương họ cũng khôn ngoan thật, biết khéo đặt ra những nơi giáo đường, chốn cầu nguyện như chỗ này, có cái vẻ thâm trầm lặng lẽ làm nơi di dưỡng phần hồn cho người đời, khiến cho khỏi đắm hẳn vào cái bề vật chất ở chung quanh.

Nhà thờ *Saint Sulpice* thời lại ra một thể cách khác, rõ là một nơi giáo đường rực rỡ lộng lẫy, quy mô vĩ đại, hai cái gác chuông cao ngất trời. Kiểu Hy Lạp. Nhà này như thể một cái lâu đài hùng vĩ, chứ không phải là một nơi cầu nguyện âm thầm. Ở trong rộng rãi, sáng sủa, tưởng giả làm một nơi hội đồng, hội nghị thời đẹp lắm. Nghe đâu đời Cách mệnh, nhà thờ này đã dùng làm “điện Chiến thắng” (*Temple de la victoire*) và ngày 5 tháng 11 năm 1799, vua Nã Phá Luân bấy giờ còn là tướng Bonaparte thắng trận trở về, dân mở tiệc mừng ở đây. Cách trang hoàng ở trong thời cực kỳ tráng lệ, hai bên rất những tượng đá cùng tranh sơn về các tích đạo. Kể rực rỡ thì thật là rực rỡ quá, nhưng không có cái khí vị thâm trầm thanh thú như nơi *Saint Séverin* trên kia. Lạ thay! Bấy nhiêu cái nhà thờ cùng là chỗ để phụng thờ Thiên chúa, cùng có cái mục đích về tôn giáo, cùng do những tay thầy thợ khéo vẽ kiểu ra, xây dựng lên, cùng là những kỳ công kiệt tác trong nền mỹ thuật một nước cả, vậy mà xét ra mỗi nơi như có hẳn một cái tâm lý, một cái “hồn” riêng, vào mỗi nơi có một cái cảm giác đặc biệt, không giống nhau một chút nào.

*

Thứ bảy, 29 tháng 7.

Hôm nay lại đi xem nhà thờ *Saint Germain des Prés*. Nhà thờ này ở giữa nơi phồn hoa đông đúc mà có cái vẻ cổ lỗ mộc mạc. Xét ra thì là nơi nhà thờ cổ nhất ở Paris, kiểu “lô man” là trước kiểu “gô tích”, thuộc về thế kỷ thứ 12, 13. Kể thời cũng là một cái di tích quý báu cho nhà khảo cổ, nhưng đối với khách phàm như mình thì xem chẳng có hứng thú gì.

Trưa hôm nay cụ V. lại cho ăn cơm. Mình sắp xuống Marseille, hai cụ cũng sắp về quê nghỉ mát, nên muốn họp mặt một lần cuối cùng để chuyện trò cho vui vẻ. Hôm nay hai cụ mời cả ông V. cũng đến ăn cơm.

Buổi chiều xem nhà bảo tàng *Petit Palais* và thăm ông G. chủ bút tạp chí “Đông phương và Tây phương” (*Orient et Occident*) để nói chuyện với ông về việc bài diễn thuyết “Thi ca Việt Nam” của mình in vào tạp chí ấy. Ý ông lại muốn mượn cả bài diễn thuyết ở Hội Hàn lâm để trích mấy đoạn đăng báo nữa; hôm nay vừa mượn người đánh máy xong, cầm đến cho ông.

Petit Palais là nhà bảo tàng mỹ thuật của thành Paris. Nguyên là

nhà đấu xảo Vạn quốc năm 1900, sau mới sửa làm viện bảo tàng. Những tranh và tượng sưu tập ở đây, toàn là thuộc về mỹ thuật kim thời. Có nhiều pho, nhiều bức tuyệt đẹp. Đại khái thì mỹ thuật cổ có cái vẻ trang nghiêm, mỹ thuật mới có cái vẻ linh hoạt. Đứng ở một gian để tượng ở đây, hình như ở giữa một cái hang Khổng lồ, những người bằng đá, đàn ông đàn bà múa may nhẩy nhót cả quanh mình. Nhiều bức tranh vẽ cũng có vẻ hoạt động như thế. Mỹ thuật này thật là lột được sự thực, in như sự sống, không còn có cái phần lẽ lối kiểu cách gì cả.

*

Chủ nhật, 30 tháng 7.

Chỉ còn một ngày nữa là đi rồi, không có thì giờ đâu mà biên chép cho kỹ, bàn phiếm viển vông nữa. Phải sửa soạn hòm níp, phải lấy vé xe lửa, phải trang trải tiền trọ, phải thu xếp một trăm thứ vật vãnh, công đâu mà ngồi cặm cụi viết dưới bóng đèn.

Hôm nay chủ nhật, buổi sáng đi xem lễ ở nhà thờ chính *Notre Dame*, xong rồi trèo lên tháp và lên gác chuông chơi, đến hơn

trăm bạc, nghe chân cũng đã chồn.

Trưa về nghỉ ngơi dọn dẹp đồ đạc. Rồi đi xem nhà bảo tàng *Jacquemard André*, ở đường *Hausmann*. Viện bảo tàng này vốn của tư gia, ông bà *Jacquemard André* là người giàu có, lại sành nghề mỹ thuật, một đời sưu tập những đồ quý đồ đẹp, đến khi chết tặng lại Nhà nước, làm sở bảo tàng chung, giao cho Hội Hàn lâm Đại Pháp quản lý. Đồ đây vừa là đồ mỹ thuật, vừa là đồ mỹ nghệ, nhiều cái quý giá vô cùng. Như là kiểu nhà ở riêng mà như nơi cung điện vua chúa vậy. Cách bày biện vẫn giữ y như lúc sinh thời của người chủ. Hiện nay còn một buồng trước là phòng giấy bà *Jacquemard*, nay vẫn để y nguyên.

Xem nhà bảo tàng xong, đi ô tô ra *Malmaison*, cách Paris 11 cây-lô-mét. Đây là cung của bà Joséphine là vợ trước của vua Nã Phá Luân, tự tay bà làm ra, khi vua bỏ thì về, rồi chết ở đây. Nay cũng làm một sở bảo tàng về thời đại Nã Phá Luân, hôm nay chính là ngày có hội triển lãm các di tích về vua, thiên hạ đến xem đông lắm. Ngoài cung có cái vườn ngự uyển, rộng rãi đẹp đẽ. - Khi về đi qua *Rueil*, vào nhà thờ xem mộ bà Joséphine; qua *Marly*, đây có một khu rừng để riêng cho quan Giám quốc đến săn bắn; rồi rẽ ra *Saint Germain en Laye*, là một nơi cảnh trí rất đẹp, ở trên sườn một cái đồi trông xuống sông Seine, những cây

cao bóng mát, cỏ lạ hoa thơm, có cái vẻ u nhã vô cùng, cả tỉnh thành như một cái hoa viên lớn vậy. Sau lên mãi *Poissy* (cách Paris 27 cây) rồi mới quay về.

*

Thứ hai, 31 tháng 7, 1922

Sáng đi lấy vé xe lửa sẵn để mai đi sớm. Có sở phát vé trước ở đường *Rennes*, phải lấy trước, không mai có khi hết chỗ. Và lại lấy trước tiện là được tùy ý chọn chỗ ngồi.

Hôm nay cũng còn đi xem rôn được một cái nhà thờ nữa, là nhà thờ *Saint Germain l'Auxerrois*. Cổ nhưng không có gì lạ.

Chiều đi chơi *Saint Cloud*, cũng là một nơi cảnh trí đẹp ở ngoài châu thành Paris. Vào nghỉ mát trong công viên, rồi ra đặt một tiệc nhỏ ở nhà cao lâu giữa gần đây (*Pavillon bleu*), hai anh em cùng nhau đánh chén lần này là sau cùng. Sắp biệt nhau, và mình sắp dời Paris, trong lòng cũng thấy buồn ngủi. Nhưng buồn ngủi là tiếc sắp bỏ chốn danh đô mà thôi, chứ được cái tâm sự vẫn giữ

được thanh thoi, không bận bịu nỗi gì, vì tấm lòng không hề chia sẻ cho ai, nên cũng chẳng thương tiếc nỗi gì.

[1] Ké quay về nước.

[2] Cảnh tượng vui vẻ.

[3] Cái lòng phóng đãng, không chuyên chú vào việc gì.

[4] Chi bằng.

[5] Tranh cổ, tượng đồng, đồ dùng cổ, vật cổ.

[6] Suối nước nóng.

[7] Sông bạc.

[8] Đi lang thang trên hồ hay lướt sóng bạc. có mang the kỷ nữ.

[9] Cái nền cũ.

[10] Làm cho dứt hẳn cái sự trông ngóng của người dân.

[11] Tokyo.

[12] *Tức lâm tuyến*: rừng và suối.

[13] Kỹ càng tỉ mỉ.

[14] Ưa thích đồ cổ.

[15] *Hào*: tài trí hơn người.

[16] Giết chóc.

[17] San bằng.

^[18]Kẻ bề tôi.

^[19]*Tích*: dồn lại, *lệ*: buộc lại.

^[20]Đài quan sát.

^[21]Hang tối.

Phạm Quỳnh

Pháp du hành trình nhật ký

Nhật ký đi Pháp từ tháng 3 đến tháng 9, 1922

Phần 13

XXVI.

Thứ ba, mùng 1 tháng 8, 1922

Sáng hôm nay ở Paris đi chuyển xe lửa 8 giờ rưỡi xuống Marseille, 10 giờ rưỡi đêm mới tới nơi. Đi suốt một ngày và một phần đêm như thế, ngồi luôn trên xe kể cũng mệt. Trên xe lửa có buồng ăn cơm, có hàng cơm sẵn, hai bữa đều ăn cả trên xe, thật là tiện lắm. Đến Lyon đỗ có một khắc đồng hồ, không kịp xuống chơi thành phố. Tới ga Marseille thì đã thấy mấy ông ra đón cùng đưa về trọ nghỉ. Lần này lại trọ ở nhà khách sạn *Saint Louis*, mấy anh em cũng đều ở đấy cả.

Đương ở Paris mà xuống Marseille, thấy cái khí vị nó khác ngay. Paris cũng chán nơi phố phường ồn ào rộn rịp, nhưng trong sự

náo động vẫn có cái trang nghiêm. Ở Marseille thời náo động mà lại có ý sỗ sàng hỗn độn. Có vui mà không được nên. Người đi thời tôi bởi tất tả; xe chạy thời rồi rít om sòm. Tiếng còi ô tô bóp liên thanh, dường như không có cái kỷ luật gì cả. Ở trong nhà nghe như tiếng ãnh ương kêu, ánh ỏi đến thâu đêm không tắt. Cả ngày đã nhọc, muốn ngủ cho yên giấc, mà nằm mãi không nhắm mắt được.

*

Thứ ba, mùng 8 tháng 8, 1922

Cả tuần chủ nhật, dạo xem lại các phố phường Marseille, nhưng đã thấy chán, không lấy gì làm thú nữa. Trong bụng đã sắp về thời bao nhiêu nhân vật nơi khách địa đối với mình, thành ra vô tình hết cả. Tấm lòng hăm hở lúc mới đầu nay đã có cái vẻ chán chường rồi. Paris còn có cái phong vị cao thượng, có nơi cổ tích đáng đi xem, có chôn học viện để khảo cứu, ở ngày nào còn có ích ngày ấy. Ở đây thời là một cái bến, người tứ xứ lại đợi tàu, ăn tạm ở thì, không ai có chí ở lâu xem xét gì, vả cũng không có gì mà xem. Chỉ ngày ngày đi chơi phố sắm đồ – mà sắm đồ thời

bọn nhà buôn ở đây chệt bà con dữ quá, – chiều chiều đi dạo xe bờ bể (vòng đường *Comiche*, đi xe điện hay xe hơi cũng được), tối tối đi xem trò ở “Thủy tinh cung” (*Palais de Cristal*). Thủy tinh cung đây không phải là cái lâu các ở Bồng lai Tiên đảo nào đâu, chính là một nơi hí trường, đêm nào cũng có trò đàn địch, ca xướng, múa rối, leo dây đủ thứ, mà các vị tiên nữ ở đây thời toàn là một hạng má phấn môi son, nhơn nhơ đợi khách, trong đám khói thuốc nồng nàn, dầu thơm sực nức; cũng là cái cảnh yên hoa ^[1] đấy, mà là yên hoa đầy những trầu cau ^[2]. Khách làng chơi bước chân vào đây phải cho cẩn thận lắm mới được.

Mấy hôm nay cũng đi xem lại Đấu xảo hai ba lần. Lại đi hỏi ngày giờ tàu chạy và lấy giấy đi tàu. Được đích tin rằng hiệu tàu sắp chạy là hiệu *Angers* và chạy vào ngày 11 tháng 8, chưa rõ giờ nào. Hôm ở Paris sắp đi đã nghe mang máng rằng Hoàng thượng cũng sắp về, nhưng chưa lấy gì làm đích. Về đến đây mới rõ rằng ngài không phục thủy thổ, bị se mình, quan thầy thuốc khuyên phải về ngay, nên nay mai sẽ xuống Marseille để cùng đáp chuyến tàu *Angers* về nước. Được tin này ai cũng lấy làm lạ, vì trước vẫn định rằng Hoàng thượng đi Tây chuyến này là ở năm sáu tháng, du lịch khắp mọi nơi rồi mới về, không ngờ chưa được vài tháng đã về ngay, và về gấp như thế.

Thế là bọn mình về chuyến này sẽ tình cờ được đi với Hoàng đế một chuyến tàu: vinh hạnh thay!

*

Thứ tư, mùng 9 tháng 8, 1922

3 giờ chiều hôm nay, Hoàng thượng đến Marseille, ở Lyon xuống. Chắc tự Paris đi làm hai chặng, có nghỉ ở Lyon một vài ngày. Đón vào dinh quan quận trưởng (*préfecture*) ở.

9 giờ sáng mai thì Hoàng thượng vào xem Đấu xảo. Sở Đông Pháp ở Đấu xảo có giấy đặt mời cả các phái viên Trung Nam Bắc sớm mai tựu tại khu Đông Pháp để đón.

Tối hôm nay nghe đâu có ông P.C.T. đặt một cuộc diễn thuyết bằng tiếng ta cho người An Nam làm việc ở Đấu xảo đến nghe, nói về quân chủ và sự chính trị bên Đông Pháp; tiếc được tin muộn quá, không kịp đi. Nhưng sau có người thuật rằng cuộc diễn thuyết không thành, vì cảnh sát cấm và những người trong

Đấu xảo cũng không được ra nghe.

*

Thứ năm, mùng 10 tháng 8

Hôm nay vào Đấu xảo đón vua.

Các phái viên đều mặc quốc phục hết cả, mình cũng đánh cái áo sa tron.

Hoàng thượng cùng với ông Toàn quyền Long đi xem khắp trong khu Đông Pháp. Các phái viên thời đứng chực sẵn ở trong đình “phố An Nam” (*la rue annamite*). Khi đi xem xong cả mọi nơi, Hoàng thượng vào đình để cho các phái viên yết chào. Ông Tây phân việc ở Đấu xảo xưng tên giới thiệu từng người, ra đứng trước mặt cúi đầu vái một cái.

Lễ xong, ra chơi bên ngoài, gặp ông Tây quen vỗ vai hỏi: “Thế nào, tôi tưởng ông là đảng dân chủ, sao cũng lạy vua lúc nãy

thế?” - Minh trả lời: “Đảng gì thì đảng, chứ ở nơi đất khách cũng phải tỏ lòng cung kính ông quốc trưởng; cách lễ phép phải như thế.” Rồi cùng cười.

Chiều đánh dây thép ^[3] về cho nhà biết mai xuống tàu; rồi ở trọ thu xếp các hành lý, đóng chặt các hòm xởng, để mai thuê người đem xuống tàu sớm.

Được tin đích 4 giờ chiều mai thì tàu *Angers* chạy ở bến *Joliette*.

*

Thứ sáu, 11 tháng 8, 1922

Thôi, thế là dời đất Pháp từ hôm nay.

Tàu *Angers* này rộng đẹp hơn tàu *Arnand Béhic* nhiều.

2 giờ 30, anh em đã xuống tàu cả. Cùng về chuyến này có quan tuần Vi Văn Định, quan huyện Trần Lưu Vị, ông Trần Lê Chất,

và ba ông phái viên Nam kỳ Võ Văn Chiêu, Trương Vinh Quý, Cao Triều Phát; không kể vua quan ngoài. Mình ở buồng số 231, cùng với ông huyện Vị và ông Trần Lê Chất.

Gần bốn giờ thì Hoàng thượng xuống tàu, kèn trống thổi mừng, quân quan đứng tiễn. - Ngài đi Tây chuyến này sắm được vô số đồ, chở xuống tàu từ 2 giờ đến 4 giờ, hết kiện ấy đến kiện khác, cái cần máy trực cứ giơ lên hạ xuống hoài mà không dứt.

Tàu vừa ra khỏi bến, sóng chưa có mấy tí, bữa cơm tối hôm nay, mấy anh em Nam Việt ngồi ăn cùng một bàn, chuyện trò vui vẻ quá. Đắt khách quê người, dẫu quyền luyến đến đâu, khi bỏ ra về, cũng không ngậm ngùi nhớ tiếc bằng khi tự nhà ra đi. Từ ngày nay thời qua mỗi ngày là gần nhà một ngày, lòng những mong mỗi đợi chờ. Chỉ mong sao cho bể yên gió lặng, cho khỏi nổi say sóng như lần trước. Có lẽ lần này đã quen sẽ bớt được đi nhiều chẳng, nhưng mà cũng vị tất.

*

Thứ ba, 15 tháng 8, 1922

Thứ bảy, chủ nhật, bề tốt.

Thứ hai, bữa cơm chiều đã thấy hơi lão đảo một chút.

Ngày hôm nay thời suốt ngày được khá cả, vì tàu đã đi gần vào bờ, nghe đâu ngày mai thời rẽ vào Beyrouth, ở bờ bể *Syrie*, để Hoàng thượng tiếp ông nguyên soái Gouraud làm Tổng đốc đây. Cái hành trình này có khác thường một chút, vì lệ thường tàu chạy á Đông không đáp vào *Syrie* bao giờ.

*

Thứ tư, 16 tháng 8, 1922

2 giờ trưa, tàu đến *Beyrouth*, nhưng đứng tạt ngoài xa không vào áp bờ.

Beyrouth là thủ phủ đất *Syrie* ở Tiểu á Tể á, là một xứ trước

thuộc Thổ Nhĩ Kỳ đế quốc, sau khi chiến tranh Hội Vạn quốc ủy nhiệm cho nước Pháp bảo hộ. Nước Pháp có đặt quan cai trị, và đầu hết thời có nguyên soái Gouraud làm chức cao đẳng ủy nhiệm sứ (*haut commissaire*). Nguyên soái là một vị thượng tướng có công to hồi chiến tranh, lại bị trọng thương gãy một cánh tay.

Tàu đến trước *Beyrouth* rúc còi báo hiệu, trong nổi sùng mừng. Nguyên soái Gouraud cùng với tham mưu bộ đi sà lúp ra, lên tàu yết kiến Hoàng thượng, chừng nửa giờ rồi về. Được một lát thời Hoàng thượng cùng quan Khâm sứ và các quan hộ giá cũng đi sà lúp vào thành đáp lễ lại nguyên soái.

Nguyên ở *Syrie* này có mấy đội lính tập An Nam ta đóng đây, có toán đã mãn hạn được về nước, tàu đáp đây có lẽ là chủ đề đón bọn đó. Cả thấy chừng vài ba trăm người.

6 giờ chiều thời tàu cất neo chạy về *Port Said*.

*

Thứ năm, 17 tháng 8, 1922

11 giờ trưa đến Port Said.

Anh em đều xuống phố đi chơi.

Hoàng thượng cũng xuống phố, mời Lãnh sự Pháp thời ^[4] cơm ở khách sạn. Đoạn rồi ngài đi dạo các cửa hàng sắm đồ. Có thấy ngài mua một cái mũ tây. Ngài bận thường phục cũng thường đội mũ.

7 giờ tối tàu chạy về *Suez*. Cả đêm đi trong vận hà ^[5], đi từ từ, nhưng tối trời chẳng trông thấy gì.

*

Thứ sáu, 18 tháng 8, 1922

Sáng hôm nay, tàu hãy còn chưa ra khỏi vận hà. Phong cảnh hai

bên bờ, thời tiết mù những sa mạc, thỉnh thoảng có đàn lạc đà với mấy chú da đen. Trong sông thời cách từng chặng lại có chỗ vùng ra để cho tàu đi lại tránh nhau. Hôm nay tàu nhiều thường phải tránh nhau luôn, cho nên đi rất chậm.

11 giờ đến *Suez*. Chỗ này lèo tèo chẳng có gì, chỉ có những xưởng thợ, và nhà giấy của công ty vận hà. Đủ có một giờ, đến 12 giờ trưa thì đi vào Hồng Hải.

*

Thứ hai, 21 tháng 8, 1922

Ba ngày hôm nay đi qua Hồng Hải, nóng quá, như thiêu như đốt, thật là “bể lửa”, chứ không sai. Trong tàu ai nấy cũng nhể nhại lừ đừ, đêm cũng không mát được mấy tí.

*

Thứ ba, 22 tháng 8, 1922

10 giờ đến *Djibouti*. Đỗ đây lâu.

Cảnh đây là cảnh đốt cháy, người cháy. Xuống dạo chơi phố một tí, nhưng nóng quá, lại phải trở về tàu ngay. Cũng muốn ăn cơm dưới phố cho đổi bữa, nhưng có cái khách sạn lèo tèo, coi không hứng thú gì, nên anh em đều về tàu ăn cơm cả. Hoàng thượng cũng mời ông Thống đốc Pháp ở *Djibouti* thời cơm trưa ở tàu.

Đây là thuộc địa của Pháp nên tàu đậu lâu quá, chán chê mãi đến nửa đêm mới chạy.

Hôm nay lại được xem những thằng “người nhái” lội qua gầm tàu.

Đêm trời có mát một chút, ngủ được.

Từ đây trở đi là ra đến ấn Độ Dương, chưa biết nông nổi say sóng thế nào đây.

*

Thứ tư, 23 tháng 8, 1922

Hôm nay bắt đầu say sóng, người hơi lão đảo, thấy khó chịu rồi.

*

Thứ hai, 28 tháng 8, 1922

Khổ quá. Bốn năm hôm nay khổ quá. Nhất là ngày thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật, nằm liệt vị trong buồng, bữa cơm cũng không ra bàn ăn được.

Hôm nay mới hơi kha khá một chút, dám thò đầu ra ngoài.

Nghĩ đi bề mà cứ như thế này cực quá.

*

Thứ ba, 29 tháng 8, 1922

9 giờ sáng hôm nay đến Colombo.

Đêm hôm qua dễ chịu, vì đến gần đất thì sóng yên.

Cơm sáng trên tàu xong mới xuống bộ chơi. Tàu đỗ bên ngoài, phải đáp thuyền vào bến. Các chú lái Chà lần này không những nhăng như lần trước, nhưng coi cái dáng bộ nhăn nhở vẫn khả ố.

Cửa *Colombo* này thật là một cửa bể to lớn, tàu bè các nước đậu san sát, thuyền thời ngổn ngang như lá tre.

Cùng anh em đi chơi phố, vào các cửa hàng bán ngọc thạch, xem được nhiều thứ ngọc xanh, biếc, đỏ, vàng, màu sắc rất đẹp mà giá tiền cũng rẻ. - Hoàng thượng cũng xuống bộ, thời cơm với Lãnh sự Pháp, nghe đâu ngài sắm được nhiều đồ chơi và ngọc

thạch.

2 giờ đêm tàu mới chạy.

*

Thứ tư, 30 tháng 8.

Hôm nay lại thấy say sóng, nhưng còn dễ chịu hơn mấy bữa trước.

Khí hậu cũng mát dễ chịu.

*

Thứ sáu, mùng 1 tháng 9, 1922

Hai hôm nay, vẫn lão đảo, nhưng cũng không đến nỗi khô lắm.

*

Thứ bảy, mùng 2 tháng 9, 1922

Cả ngày hôm nay đã dễ chịu, vì tàu gần đến đất.

6 giờ chiều tới Penang, trời đã tối không xuống chơi phố.

12 giờ đêm chạy về Singapore.

Đi được một lát, trời đổ trận mưa to, mưa như trút nước. Lần này mới biết mưa bễ là một. Nước đổ vào tàu như thác, tưởng chúi dụi cả cái tàu đi. Tàu không dám đi mau nữa, cứ phải rúc còi liên thanh như gặp sự nguy hiểm gì, để phòng có cái khác đi gần đây khỏi đụng vào, vì trời mù mịt cả, hiệu lửa không trông thấy. Nghe tiếng còi rền mà lăm lúc rùng mình lên.

*

Chủ nhật, mùng 3 tháng 9.

Cả ngày hôm nay, tàu đi trong eo biển Malacca, sóng gió bình tĩnh, mát trời dễ chịu, bù lại với mấy bữa say sóng trước.

*

Thứ hai, mùng 4 tháng 9.

7 giờ sáng đến Singapore.

Tàu tới bến, trông thấy người đàn bà An Nam lên đón người quen, bóng hồng thấp thoáng, lên xuống bậc thang, bất giác trong lòng cảm động xôn xao, như thấy cái hình ảnh đất nước quê nhà, cảm tình chan chứa. Thật có đi xa mới biết yêu người đồng quận.

Ông Võ Văn Chiêu có người bạn làm việc sở buôn ở đây, nhờ

mướn xe ô tô đi dạo chơi các phố. Xe người Mã Lai cầm máy, đi bạo quá không biết chừng tay nữa, đến một đầu phố đánh ngã một người phu Khách ^[6] lăn ngửa ra giữa đường, thế mà xe cứ chạy bừa không thềm dừng lại. Đi đến một thôi rồi ngoảnh lại vẫn thấy tên Khách nằm sóng sượt, không biết bị thương thể nào, hay là chết ngất đi cũng có.

Ăn cơm tàu ở hiệu Hương Giang khách sạn.

Hoàng thượng cũng xuống chơi phố, nghe đâu có vào thăm ông Tổng đốc Anh ở Singapore, nhưng không được gặp.

1 giờ trưa tàu về Sài Gòn. Đây đã gần đến hải phận nước nhà, anh em ra chiều vui vẻ hơn hờ cả.

Thứ ba, mồng 5 tháng 9.

Hôm nay tàu chạy trong vịnh Xiêm La. Trời nóng nực hơn mọi ngày. Hai giờ chiều đổ một trận mưa to.

*

Thứ tư, mùng 6 tháng 9.

8 giờ sáng đến Vũng Tàu (*Cap Saint Jacques*), thế là đã vào đất nước nhà rồi, vui mừng khôn xiết kể, nhất là các ông bạn Nam kỳ, vì nội nhật hôm nay các ông đã về nhà.

Tàu đỗ ở *Cap* mãi đến 12 giờ trưa mới vào sông Sài Gòn.

4 giờ chiều đến Sài Gòn. Quan quân ra đón Hoàng thượng về ở phủ Toàn quyền, vì tàu còn đậu ở Sài Gòn hai đêm hai ngày nữa.

Anh em cũng tiễn biệt các bạn Nam kỳ, ăn cơm tối ở cao lâu khách, đi chơi phố, rồi khuya về tàu ngủ.

*

Thứ năm, mùng 7 tháng 9.

9 giờ sáng vào thăm quan Thống đốc Nam kỳ, D. Cognacq.

Đoạn rồi đi thăm các bạn làm báo ở đây. Trưa ăn cơm với ông Trần Lê Chất ở hội sở công ty Liên Thành, ở Khánh Hội. Nhân trời mưa to sấm sét, nghỉ ở đây cho mãi đến 6 giờ chiều, rồi thuê hai cái xe ô tô đi chơi Chợ Lớn. Ăn cơm tối ở hiệu cao lầu Đức Lợi.

Khuya về ngủ trên tàu, vì đồ đạc để cả đây.

*

Thứ sáu, mùng 8 tháng 9.

Buổi sáng đi chơi phố, mua một ít đồ tư lự về làm quà. Lại đánh dây thép cho nhà biết nội nhật ngày 12 sẽ tới Hải Phòng.

Đi thăm nốt mấy ông bạn đồng nghiệp, rồi trưa ăn cơm ở nhà quan huyện Cửa chủ báo Lục tỉnh Tân văn và chủ nhà in *Union*.

3 giờ chiều tàu rời Sài Gòn, chạy về *Tourane*.

*

Thứ bảy, mùng 9 tháng 9, 1922

Suốt ngày hôm nay tàu chạy men bờ bể Trung kỳ, trông thấy đường núi và bãi cát ở đằng xa.

*

Chủ nhật, mùng 10 tháng 9, 1922

11 giờ trưa đến *Tourane*. Tàu đỗ tận ngoài xa. Có sà lúp ở trong ra đón vua quan vào bến. Đậu đủ thì giờ cất hết các đồ của Hoàng thượng xuống thuyền, rồi đúng 2 giờ thì chạy ra Bắc. - Còn có một ngày nữa sẽ đến nhà rồi, trong bụng đã thấy nôn nao phấp phồng. Ai nấy soạn lại hành lý, cho đem sẵn các hòm xường ở dưới kho lên. Lại chi tiền thưởng cho các bồi tàu. Có một tên bồi người *Martinique*, da đen, hầu hạ tận tâm, những bữa say sòng đem đồ ăn đồ uống vào tận buồng cho, sai bảo gì cũng

dễ lắm.

*

Thứ hai, 11 tháng 9, 1922

Tàu ở Tourane ra đi rất mau, 12 giờ rưỡi đến Hải Phòng.

Vào gần bến vừa trông thấy mẹ con Giao ở Hà Nội xuống đón. Tàu còn từ từ vào, mỗi phút tưởng lâu bằng mấy giờ. Cầu vừa bắc xong, kẻ trên chạy xuống, người dưới bước lên, nửa mừng nửa cảm, khôn nói nên lời. Bà già mạnh khỏe, con trẻ bình yên, cửa nhà vô sự, thế là yên lòng. Thấm thoát sáu tháng, tưởng như mới đây.

Đem hành lý vào khách sạn, rồi ông Nguyễn Hữu Thu cho ô tô đưa đi chơi.

Tối ăn tiệc với ông Bạch Thái Bưởi và ông Nguyễn Hữu Thu ở hàng cơm Tây; rồi chuyển xe lửa 8 giờ 15 lên Hà Nội.

Đến ga đã thấy các bạn quen và các ông đại biểu Hội Khai Trí đứng đón.

Thế là xong cuộc Pháp du vừa tròn 6 tháng trời, và cũng chung tất ^[7] quyển *Hành trình nhật ký* biên chép đây.

^[1]Khói và hoa, chỉ nơi có người kỹ nữ.

^[2]Bụi bặm và cái ghét.

^[3]Điện tín.

^[4]Ăn, xoi (tiếng dùng trong hoàng tộc).

^[5]Sông đào.

^[6]Người Hoa.

^[7]Trọn hết cả.

HẾT